

TRUNG LUẬN

PHẬT LỊCH 2556

TRUNG LUẬN

(MÙLAMADHYAMA-KÀRIKA)

Tạo luận: LONG THỌ (Nagarjuna)

Thích luận: THANH MỤC (Pingalanetra)

Hán dịch: CƯU MA LA THẬP (Kumarajèva)

Việt dịch: THÍCH THIÊN HẠNH

PHẬT HỌC VIỆN KIM QUANG - HUẾ
muahanamquytyhaingankhongtrammuoiba

TRUNG LUẬN
(4 cuốn - 27 Phẩm - 446 bài kệ)
MỤC LỤC

CUỐN 1 (6 Phẩm)

LỜI NGƯỜI DỊCH	7
TỰA : Thiên sư TĂNG TRIỆU (? - ?) (Đời Hậu Tần).....	9
PHẨM 1 : Quán về Nhân duyên (16 bài kệ)	11
PHẨM 2 : Quán về Đi lại (25 bài kệ).....	23
PHẨM 3 : Quán về Sáu tình (8 bài kệ).....	32
PHẨM 4 : Quán về Năm uẩn (9 bài kệ).....	34
PHẨM 5 : Quán về Sáu chủng (8 bài kệ).....	38
PHẨM 6 : Quán về Ô nhiễm và người ô nhiễm (10 bài kệ).....	43

CUỐN 2 (8 Phẩm)

PHẨM 7 : Quán về Ba tướng (35 bài kệ).....	48
PHẨM 8 : Quán về Tác, Tác giả (12 bài kệ).....	53
PHẨM 9 : Quán về Bốn trụ (12 bài kệ).....	71
PHẨM 10 : Quán về Sự đốt cháy, Người bị đốt cháy (16 bài kệ) ...	77
PHẨM 11 : Quán về Bốn tế (8 bài kệ).....	93
PHẨM 12 : Quán về Khổ (10 bài kệ).....	97
PHẨM 13 : Quán về Hành (9 bài kệ).....	102
PHẨM 14 : Quán về Hiệp (8 bài kệ)	100

CUỐN 3 (7 Phẩm)

PHẨM 15 : Quán về Có, Không (11 bài kệ).....	115
PHẨM 16 : Quán về Trời và Mờ (10 bài kệ)	120
PHẨM 17 : Quán về Nghiệp (33 bài kệ).....	125
PHẨM 18 : Quán về Pháp (12 bài kệ)	139
PHẨM 19 : Quán về Thời (6 bài kệ)	148
PHẨM 20 : Quán về Nhân quả (24 bài kệ)	135
PHẨM 21 : Quán về Thành hoại (20 bài kệ)	161

CUỐN 4 (6 Phẩm)

PHẨM 22 : Quán về Như Lai (16 bài kệ)	171
PHẨM 23 : Quán về Diên đảo (24 bài kệ)	179
PHẨM 24 : Quán về Tứ đế (40 bài kệ)	188
PHẨM 25 : Quán về Niết bàn (24 bài kệ)	203
PHẨM 26 : Quán về 12 Nhân duyên (9 bài kệ)	214
PHẨM 27 : Quán về Tà kiến (31 bài kệ)	217-231

(TRỌN BỘ)

LỜI NGƯỜI DỊCH

Trung Quán Luận là một trong bốn Đại luận thuộc hệ tư tưởng Đại thừa Phật giáo. Bách luận đối ngoại, để chế chỉ tà kiến, Trung luận đối nội, để tận trừ mê chấp, Đại Trí độ luận uyên bác, Thập Nhị môn luận tinh thâm, rực sáng.

Đối với bốn Đại luận, tôi thấy các bậc đi trước đã khổ công, ngày tháng ôm ắp hoài bão Chánh pháp, nau nấu bên lòng không dám lãng xao.

Phận tôi, tài mọn trí cạn, đem Trung Quán luận ra tập tành nghiên cứu nội dung để hướng dẫn cho một số Tăng sinh học chúng, biên chép thành tập “Trung Quán Luận” Việt dịch này.

Chắc chắn còn nhiều thiếu sót, văn cú thô lậu, ý tứ khuy khuyết sai thù chưa tận thiện.

Kính mong được sự hoan hỷ góp ý.

Mùa An cư, Phật lịch 2556,
Tỷ kheo THÍCH THIÊN HẠNH

TỰA

Thiền sư TĂNG TRIỆU (? - ?) (Đời Hậu Tần)

Trung Luận là bộ luận có đến năm trăm bài kệ tụng, do Bồ tát Long Thọ (Nàgàrjuna) trước tác. Lấy “Trung” làm cái tên (giả danh) của các pháp hữu vi, vô vi để làm sáng tỏ cái thật (thật tánh) của các pháp. Lấy “Luận” làm phương tiện luận bàn bày tỏ, nêu lên, làm cho ngôn ngữ nói phô được rõ ràng tận cùng.

Cái chân thật mà không có tên gọi thì không lãnh hội được. Cho nên phải tựa vào cái giả danh (trung) để nói phô, tuyên thuyết.

Lại nữa, nói năng mà không được giải thích rõ ràng thấu đáo, rõ ràng, là một thiếu sót. Cho nên phải nhờ vào giả luận, làm phương tiện để thuyết minh chân lý.

Mỗi khi, cái thật tánh chân như của các pháp đã được sáng tỏ, các phương tiện nói năng đã được trình bày minh bạch thông suốt.

Công hạnh của Bồ tát Long Thọ đối với đạo tràng thánh chúng đã được soi sáng và nêu cao kiến giải lấy lừng mầu nhiệm, trong tiến trình mưu tìm thật tướng các pháp.

Con người ta ở đời, sở dĩ đi theo con đường mê hoặc thì tà kiến điên đảo phát sanh, phải trầm溺 trong ba cõi, sáu đường. Còn hễ theo lối đi tỉnh ngộ trong sáng, thì trí tuệ bừng khai, chán nhàm uế trược, giữ gìn tiết tháo, không đến nỗi dẫn mình đến lỗi lầm sai quấy.

Cho nên, trí tuệ của bậc Đại giác thì chiếu tỏa khắp nơi, thênh thang không bờ mé. Trái lại kẻ phàm phu thế tục thì trôi buộc trong khung lồng chật chội nhỏ hẹp.

Cái chiếu mà không rộng thông thì không đủ để phá bỏ chấp có, chấp không trong lòng kẻ đạo người tục.

Cái thấy biết mà không cùng khắp, thì chưa có thể bước qua đoạn đường phá sạch cái mê chấp nhị biên của thánh chúng người tục, kẻ chân.

Sanh chúng chưa phá sạch nhị biên, thì đây là mối bận tâm ưu tư của Bồ tát vậy.

Tóm lại, Long Thọ Đại sĩ, đã bằng phương pháp luận, Trung đạo, phân tích thật tướng các pháp, làm sáng tỏ mối mê hoặc huyền vọng nơi học nhân, như đám mây mù khuất che thật tánh các pháp, một phen vỡ tung tan biến mà ngộ nhập yếu chỉ mầu nhiệm chánh chân.

TRUNG LUẬN 10

Có thể chân thật mà nói rằng,

Bồ tát Long Thọ, đã xóa sạch con đường mê chấp nhỏ hẹp. Ngăn lối vào màu nhiệm chốn tịch không. Cho không gian rộng thoáng thênh thang. Làn gió tuệ, thổi tung rừng câu bản. Suối cam lồ tưới mát chốn trầm luân vậy.

Phàm vật gì được làm nên bởi nhiều thứ vật liệu tranh tre cỏ rác, thì chúng thô lậu, tầm thường của thế giới chấp thủ. Nếu đem chúng ra so sánh với tinh thần thâm sâu, phóng khoáng ưu việt của Trung luận, thì thấy ở đây thiên về chứng ngộ thật tướng bội phần hơn.

May mắn thay! Trung luận là bộ luận được kê hàng đầu trong nhiều đại luận. Chợt nghĩ, giá được cung nghinh núi Linh Thứu về đây (Trung Quốc) trấn giữ! Để dân tình chốn biên trấn trở hiểm nghèo và cô quạnh, mới mong kế thừa dư huệ, giữ linh thiêng ánh sáng soi đường nhân thế ngày nay và mai hậu. Có như vậy, các bậc hiền nhân, thức giả, có cơ hội cùng nhau đàm đạo, luận bàn chân lý.

Thưa rằng các bậc học giả các nước Thiên Trúc, không ai mà không quen thưởng ngoạn, hương vị của luận thuyết Trung quán; bày tỏ mỗi cảm hoài sâu sắc, để cùng các nhà học Phật Thích tử, chắc cũng không phải ít vậy.

Bản chú thích luận được nêu ra đây, là do Phạm Chí có tên Phạn là Pingalanetra. Hán âm là Tân Già La, Hán dịch Thanh Mục, biên soạn.

Vị Pháp sư này tín tâm thâm hậu, kiến giải Phật học uyên thâm, thông suốt. Tuy vậy, từ chương còn thiếu tính tao nhã, vướng lỗi lầm, khiếm khuyết. Đối với kinh điển, nghĩa ý thông suốt cùng tận, nhưng văn cú phải, quấy còn chưa tận thiện.

Bách luận đối ngoại, để chế chỉ tà kiến. Trung luận đối nội, để tận trừ mê chấp. Đại trí độ luận uyên bác; Thập nhị môn luận tinh thâm.

Đối bốn đại luận này, người trước đã khổ công ngày tháng ôm cảm hoài bão chánh pháp, không dám lãng xao.

Bởi thế tôi nghĩ, ai có dịp thưởng ngoạn hương vị xuất thế gian pháp, các đại luận, mà lại vụng về lãng quên tài năng các nhà thích luận, quả là một thiếu sót. Nay xin bày tỏ mỗi cảm hoài sâu sắc, gửi gắm tâm tình vào Lời tựa mở đầu này.

&

PHẨM 1**QUÁN VỀ NHÂN DUYÊN**

(16 bài kệ)

1. Bất sanh diệt bất diệt
 Bất thường diệt bất đoạn
 Bất nhất diệt bất nhị
 Bất lai diệt bất xuất

 (Chẳng sanh cũng chẳng diệt
 Chẳng thường cũng chẳng đoạn
 Chẳng một cũng chẳng khác
 Chẳng đến cũng chẳng đi)

 Năng thuyết thị nhân duyên
 Thiện diệt chư hý luận
 Ngã khả thủ lễ Phật
 Chư thuyết trung đệ nhất

 (Đây là pháp nhân duyên
 Diệt trừ các hý luận
 Cúi đầu lễ chư Phật
 Thuyết nhân duyên cao nhất)

HỎI: Vì sao phải tạo luận này?

ĐÁP: Vì có người cho rằng, vạn vật từ Đại Tự tại thiên sanh. Lại cũng có người cho rằng, từ cõi trời Vĩ Nữu sanh; có người cho rằng từ sự hòa hợp mà sanh; có người cho rằng từ Thời sanh, có người cho rằng từ Thể tánh sanh; có người cho rằng, từ sự biến hóa mà sanh; cũng có người cho rằng, từ tự nhiên sanh, có người cho rằng từ vi trần sanh...

Đã có nhiều sai lầm như vậy, cho nên sa vào các thuyết mê chấp, đoạn, thường, không nhân, tà nhân, ngã và ngã sở hữu, mà không hay, không biết đến chánh pháp.

Sở dĩ vì vậy mà đức Phật muốn dẫn dắt con người thoát ra khỏi màn lưới mê chấp, tà kiến ấy, mà nương vào ánh sáng Phật pháp, để giải thoát.

Trước hết, đối với hàng Thanh văn, đức Phật nói pháp về 12 nhân duyên, và sau đó đối với những người phát đại tâm tu tập và có khả năng lãnh hội giáo pháp thâm hậu; đức Phật lại đem pháp Đại thừa để nói đến

TRUNG LUẬN 12

thật tướng nhân duyên pháp. Đó là tất cả các pháp không sanh, không diệt, không một, không khác...rất ráo đều không, không có cái gì là của chính nó hết. Như trong kinh Bát nhã Ba la mật, đức Phật dạy Tu Bồ Đề rằng "Khi Bồ tát ngồi tại đạo tràng quán chiếu 12 nhân duyên, như hư không, không thể cùng tận..."

Sau Phật diệt độ, khoảng 500 năm, trong thời Tượng pháp, con người căn tánh trở nên ám độn, mê chấp các pháp, rong ruổi mưu tìm cái tướng đích thực của các pháp 12 nhân duyên, 5 âm, 12 nhập, 18 giới...mà không hiểu thâm ý của chư Phật, mà chỉ chấp vào danh tự, rồi nghe kinh văn Đại thừa nói tất cả đều không, rất ráo là không, mà không hiểu vì nhân duyên gì mà nói không. Cho nên mới sanh ra cái thấy nghi ngờ. Nếu rất ráo là không, thì tại sao lại phân biệt có tội phước báo ứng?...Như vậy, thì sẽ không có thể đế, và đệ nhất nghĩa đế? Vì mê chấp vào tướng không ấy, mà khởi sanh tham đắm mê chấp. Và, trong cái lẽ rất ráo đều không mà phát sanh vô vàn quá thất.

Bồ tát Long Thọ vì những lẽ ấy, mà tạo ra Trung Luận, trong đó hai bài kệ mở đầu là:

1. Bất sanh diệt bất diệt
Bất thường diệt bất đoạn
Bất nhất diệt bất nhị
Bất lai diệt bất xuất

(Chẳng sanh cũng chẳng diệt
Chẳng thường cũng chẳng đoạn
Chẳng một cũng chẳng khác
Chẳng đến cũng chẳng đi)
2. Năng thuyết thị nhân duyên
Thiện diệt chư hý luận
Ngã khê thủ lễ Phật
Chư thuyết trung đệ nhất

(Đây là pháp nhân duyên
Diệt trừ các hý luận
Cúi đầu lễ chư Phật
Thuyết nhân duyên cao nhất)

Với hai bài kệ này, xưng tụng chư Phật đã lược nói pháp đệ nhất nghĩa thù thắng.

HỎI: Các pháp thì nhiều vô số. Tại sao chỉ nói nêu lên tám sự việc, bát sanh, bất diệt...để phá?

ĐÁP: Các pháp tuy nhiều vô lượng, nhưng tóm lược chỉ nêu lên tám phạm trù này, cũng đủ để phá tất cả các pháp.

Chẳng sanh: các Luận sư, nêu lên nhiều thuyết về tướng sanh khác nhau. Có người nói nhân và quả là một; hoặc nói nhân và quả khác nhau; có người nói trong nhân, trước đó có quả; có người nói trong nhân, trước đó không có quả; hoặc nói quả từ tự thể sanh; hoặc nói, từ cái khác sanh; hoặc tự và tha cộng sanh; hoặc cho hữu sanh, hoặc cho vô sanh...

Tất cả các thuyết về tướng sanh của các pháp được nêu ra đều không đúng. Việc này sẽ được bàn rộng sau. Vì tướng sanh của các pháp quyết định không thể có được, nên nói chẳng sanh.

Chẳng diệt: Nếu đã không sanh, thì làm sao có cái diệt được. Vì không sanh không diệt thì sau việc còn lại cũng không có vậy.

HỎI: Không sanh không diệt, đã là phá tổng quát hết các pháp rồi. Sao lại còn nói đến sáu việc nữa?

ĐÁP: Vì muốn thành tựu nghĩa chẳng sanh chẳng diệt, có người không nhận chẳng sanh chẳng diệt, mà chỉ tin vào nghĩa chẳng thường chẳng đoạn, nên đã lún sâu vào sự tìm cầu nghĩa chẳng thường, chẳng đoạn, thì chẳng khác gì nghĩa chẳng sanh chẳng diệt, là vì sao vậy? Nếu các pháp thật có, thì không nên nói không. Trước có nay không tức là đoạn; nếu trước có tánh có, tức là thường. Bởi vậy, cho nên nói chẳng thường chẳng đoạn. Như vậy cũng đồng nghĩa với chẳng sanh chẳng diệt.

Có người tuy nghe nói bốn chủng loại phá chấp tướng các pháp, nhưng vẫn còn chấp vào bốn loại còn lại là một (nhất), khác (dị), đến (khứ), đi (lại) để thành lập các pháp, cũng không đúng. Bởi lẽ, nếu một thì thiếu duyên (mất liên lạc), nếu khác, thì không có yếu tố tương tục (thiếu yếu tố liên tục từ nhân đến quả). Sau đây sẽ bàn đến các cách phá chấp các pháp. Thế cho nên lại tiếp tục nói về chẳng một chẳng khác.

Có người tuy nghe sáu loại triệt phá các pháp. Nhưng lại còn nêu hai pháp đến và đi ra để thành lập các pháp.

Đến, là cho rằng, các pháp đến từ Tự tại thiên, hoặc thể tánh, hoặc vi trần...

Đi ra, là đi ra trở về lại chốn cũ. Thứ nữa, vạn vật không sanh, là vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian hiện thấy kiếp ban sơ của lúa không sanh. Vì sao? Vì lia ngoài lúa trong kiếp ban sơ, thì lúa hiện nay không thể có được. Nếu lia lúa trong kiếp ban sơ, mà có lúa hiện nay, thì mới gọi có sanh ra. Nhưng thật sự thì không như vậy. Cho nên gọi là chẳng sanh.

HỎI: Nếu chẳng sanh, thì nên gọi diệt chứ?

ĐÁP: Chẳng diệt. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian hiện thấy trước mắt trong kiếp ban sơ của lúa chẳng diệt. Nếu diệt thì nay không thể có lúa, mà thật sự là có lúa. Vì thế cho nên chẳng diệt.

HỎI: Nếu chẳng diệt thì có thể là thường?

ĐÁP: Chẳng thường. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian hiện thấy bằng mắt, vạn vật chẳng thường. Như mầm lúa khi gieo xuống đất thì nó biến hoại, cho nên chẳng thường.

HỎI: Nếu chẳng thường thì đoạn chăng?

ĐÁP: Chẳng đoạn. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật chẳng đoạn. Như từ trong hạt lúa có mầm, lên cây cho nên không đoạn. Nếu đoạn thì mất tương tục.

HỎI: Nếu như vậy thì vạn vật là một?

ĐÁP: Không phải một. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy, vạn vật chẳng một, như lúa không lên mầm, không có mầm, không làm nên hạt lúa. Nếu hạt lúa nảy mầm, mầm làm hạt lúa, mới gọi là một. Nhưng thật sự thì không như vậy, cho nên chẳng một.

HỎI: Nếu chẳng một, thì có thể là khác chăng?

ĐÁP: Chẳng khác. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật chẳng khác. Nếu khác thì vì có gì mà phân biệt, đây là mầm lúa, cành lúa, lá lúa, mà không nói đây là cây mầm, cây cành, cây lá. Vậy nên nói chẳng khác.

HỎI: Nếu không khác thì có thể có đến (lai) chăng?

ĐÁP: Chẳng đến. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy vạn vật chẳng đến, vì mầm lúa trong hạt lúa, không từ đâu đến cả. Nếu đến thì mầm lúa từ chỗ khác đến trong hạt lúa, như loài chim đi đến đậu trên cây. Nhưng thật sự thì không như vậy, cho nên chẳng đến.

HỎI: Nếu chẳng đến, thì có thể có đi ra (xuất) chăng?

ĐÁP: Chẳng đi ra. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy như vậy. Thế gian hiện mắt thấy vạn vật chẳng đi ra. Nếu có đi ra thời thấy mầm lúa từ trong hạt lúa đi ra, như rắn từ trong hang đi ra. Nhưng sự thật không như vậy, nên chẳng đi ra.

HỎI: Người tuy đã giải thích ý nghĩa chẳng sanh, chẳng diệt v.v...nay tôi muốn được nghe chủ thuyết của người tạo luận?

ĐÁP:

3. Chư pháp bất tự sanh
Diệt bất tùng tha sanh
Bất cộng bất vô nhân
Thị cố tri vô sanh

(Các pháp không tự sanh
Cũng không từ tha sanh
Không tự tha cộng sanh,
không do nhân duyên sanh.
Thế nên biết các pháp vốn vô sanh)

Không tự sanh: Vạn vật không một pháp nào từ tự thể sanh ra, mà phải nhờ vào các nhân khác mới sanh khởi.

Lại nữa, nếu từ tự thể sanh, thì một pháp có hai cá thể. Sở sanh và năng sanh. Nếu ngoài các nhân mà chính từ thể nó mà sanh ra, thời không có nhân duyên và sanh ra lại có sanh ra, sanh ra và sanh ra mãi vô cùng tận.

Tự đã không có, cho nên tha cũng không. Vì sao? Vì có tự mới có tha. Nếu không sanh ra từ chính tự nó, thời cũng không sanh ra từ cái khác, nên không tha sanh. Tự tha cộng sanh thì mắc vào hai lỗi, lỗi tự sanh và lỗi tha sanh như trên.

Nếu không có nguyên nhân mà có vạn vật sanh ra là thường. Điều đó không đúng vậy. Không có nhân thì không có quả. Nếu không có nhân mà có quả thì làm việc bố thí, trì giới lại bị đọa địa ngục, làm mười điều ác, tạo năm tội nghịch, lại được sanh thiên, vì không có nhân vậy.

Lại nữa,

4. Như chư pháp tự tánh
Bất tại ư duyên trung
Dĩ vô tự tánh cố
Tha tánh diệt phục vô

(Như tự tánh các pháp
Không ở trong các duyên
Vì không có tự tánh
Nên tha tánh cũng không)

Tự tánh của các pháp, không ở trong các duyên, chỉ do các duyên hòa hợp, nên có các tên gọi này kia. Tự tánh là chính tự thể nó. Trong các duyên không có tự tánh. Tự tánh, không có nên không thể tự sanh. Tự tánh không có nên tha tánh cũng không. Vì sao vậy? Vì nhân nơi tự tánh mà có tha tánh.

Tha tánh đối với cái khác, nó cũng có tự tánh. Nếu phá tự tánh thì tha tánh cũng phá luôn. Cho nên vạn vật không thể từ tha tánh mà sanh khởi được. Nếu phá được tự tánh sanh, tha tánh sanh, thì cũng phá luôn được nghĩa tự tha cộng sanh.

Còn nói vô nguyên do sanh là một lỗi lớn. Có nguyên do sanh còn phá thay, huống hồ là vô nguyên do sanh.

Đối với bốn trường hợp, tự sanh, tha sanh, cộng sanh, vô nhân sanh nêu trên, đi tìm tướng sanh của các pháp thì bất khả đắc. Cho nên nói vô sanh.

HỎI: Học nhân A-Tỳ-đàm nói: Các pháp từ bốn duyên sanh, vì sao lại nói không sanh?

Bốn duyên là những gì?

5. Nhân duyên, Thứ đệ duyên
Duyên duyên, Tăng thượng duyên
Tứ duyên sanh chư pháp
Cánh vô đệ ngũ duyên

(Nhân duyên và Thứ đệ duyên
Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên
Bốn duyên sanh các pháp
Không có duyên thứ năm)

Tất cả các duyên, đều bao gồm trong bốn duyên. Từ bốn duyên này, vạn vật được sanh khởi.

Nhân duyên, là chỉ tất cả các pháp hữu vi.

Thứ đệ duyên, là chỉ tâm, tâm số pháp mà vị A La hán đã đoạn trừ được trong quá khứ và hiện tại. Còn lại một số tâm, tâm số pháp của quá khứ và hiện tại.

Duyên duyên và Tăng thượng duyên là chỉ tất cả các pháp.

ĐÁP:

6. Quả vi tùng duyên sanh
Vi tùng phi duyên sanh
Thị duyên vi hữu quả
Thị duyên vi vô quả

(Quả là từ duyên sanh
Hay từ phi duyên sanh
Trong các duyên sẵn quả
Vốn không quả trong các duyên)

Nếu bảo có quả, quả ấy từ duyên sanh, hay từ phi duyên sanh. Nếu bảo từ duyên sanh, thì trong duyên có sẵn quả hay không sẵn có quả. Cả hai trường hợp đều không đúng. Vì sao?

7. Nhân thị pháp sanh quả
Thị pháp danh vi duyên
Nhược thị quả vị sanh
Hà bất danh phi duyên

(Nhân là pháp sanh quả
Pháp ấy gọi là duyên
Nếu quả ấy chưa sanh
Sao không gọi phi duyên)

Các duyên không có tánh quyết định, vì sao? Vì quả nếu chưa sanh. Lúc ấy không gọi là duyên. Chỉ là do con mắt thấy sắc, vì từ nơi sắc duyên mà sanh ra quả để trông thấy (thức) nên gọi là sắc duyên. Duyên thành tựu được là từ nơi quả, bởi vì quả có sau mà duyên có trước. Khi chưa có quả thì sao gọi là duyên được.

Như chiếc bình do đất và nước hòa hợp mà cái bình được sanh ra. Thấy cái bình thì biết đất và nước...là duyên của cái bình. Nếu khi cái bình chưa sanh ra, thì sao không gọi đất, nước...là phi duyên. Thế nên, quả không từ duyên mà sanh, duyên còn không sanh, huống là phi duyên.

Lại nữa,

8. Quả tiên ư duyên trung
Hữu vô câu bất khả
Tiên vô vi thù duyên
Tiên hữu hà dụng duyên

(Quả trước có sẵn trong duyên
Hay không có sẵn trong duyên
Cả hai trường hợp đều không thể.
Vì, nếu quả trước không có sẵn,
thì duyên ấy, làm duyên cho cái gì.
Nếu quả trước đã có sẵn,
thì đâu cần đến duyên)

Trong duyên trước chẳng phải có quả, chẳng phải không có quả. Nếu trước có quả thì không gọi là duyên, vì có trước rồi. Nếu trước không có quả, cũng không gọi là duyên, vì nó không sanh ra vật gì khác.

HỎI: Trên đây đã phá tổng quát tất cả vấn đề nhân duyên. Nay muốn nghe phá mỗi mỗi các duyên. Có được không?

ĐÁP:

9. Nhược quả phi hữu sanh
Diệc phục phi vô sanh
Diệc phi hữu vô sanh
Hà đắc ngôn hữu duyên

(Nếu quả chẳng phải hữu sanh
Lại cũng chẳng phải vô sanh
Cũng chẳng hữu chẳng vô sanh
Thì đâu được nói có nhân duyên)

Nếu duyên có khả năng sanh ra quả, thì có ba trường hợp: Hoặc có quả hoặc không có quả, hoặc có và không có quả. Như trong bài kệ trước đây nói rằng: Trong duyên, nếu trước đã sẵn có quả, thì không thể nói sanh, vì trước đây có rồi. Trong duyên nếu trước không sẵn có quả, thì không thể nói sanh, vì trước không có.

Như vậy duyên và phi duyên giống nhau.

Vấn đề, trước đã có và không có, quả vẫn cũng không sanh, vì có và không (hữu vô) gọi là nửa có nửa không, cả hai đều có lỗi. Lại nữa, có cùng với không có trái chống nhau (tương vi). Không có cùng với có trái chống nhau. Đâu được trong một pháp mà có hai tướng có và không có. Như vậy, trong ba trường hợp đi tìm câu tướng sanh của pháp, rõ bất khả đắc. Thế thì vì sao nói có nhân duyên?

Thứ Đệ duyên là:

10. Quả nhược vị sanh thời
 Tác bất ưng hữu diệt
 Diệt pháp hà năng duyên
 Có vô thứ đệ duyên

(Quả nếu khi chưa sanh
 Thời không thể hoại diệt
 Pháp diệt rồi đâu thể làm duyên
 Thế nên không thứ đệ duyên)

Các tâm, tâm số pháp lần lượt sanh khởi qua ba đời. Tâm, tâm số pháp hiện tại diệt, nó làm duyên thứ đệ cho các tâm, tâm số pháp vị lai sanh khởi. Trường hợp tâm, tâm số pháp vị lai chưa sanh, thì nó làm duyên thứ đệ cho pháp nào? Cái gì?

Nếu tâm, tâm số pháp vị lai đã có, thì sanh khởi lập tức, đâu cần gì đến thứ đệ duyên.

Nếu tâm, tâm số pháp hiện tại không có mặt, không có mặt thì làm sao có thể làm duyên thứ đệ. Còn nếu có mặt thì chẳng phải là pháp hữu vi. Vì sao? Vì tất cả các pháp hữu vi, thường có tướng hoại diệt. Nếu diệt rồi thời không thể làm duyên thứ đệ. Nếu bảo rằng, pháp diệt rồi mà vẫn có, tức là thường. Nếu thường thì không tội phước... Nếu bảo rằng, khi pháp diệt rồi, thì có thể làm duyên thứ đệ. Khi hoại diệt, thì một nửa diệt, một nửa chưa hoại diệt, làm sao làm duyên thứ đệ, không có pháp thứ ba, gọi là khi diệt.

Lại nữa, đức Phật dạy, tất cả các pháp hữu vi, mỗi niệm mỗi niệm diệt, không một phút giây ngừng nghỉ. Vì sao lại nói, pháp hiện tại, có pháp sắp diệt, có pháp chưa sắp diệt. Ông nói trong một niệm có pháp sắp diệt, có pháp chưa sắp diệt. Nói như vậy là tự phá hại chính giáo pháp của mình.

Luận A-Tỳ-đàm của các ông nói, có pháp diệt, có pháp không diệt; có pháp sắp diệt, có pháp chưa sắp diệt. Pháp sắp diệt là pháp hiện tại, sẽ muôn diệt. Pháp chưa sắp diệt, là chỉ cho tất cả các pháp hiện tại khác, và pháp quá khứ, pháp vị lai và pháp vô vi, trừ các pháp hiện tại sắp diệt. Đó gọi là pháp chưa sắp diệt. Cho nên không có Duyên thứ đệ.

Sở Duyên duyên là:

11. Như chư Phật sở thuyết
 Chân thật vi diệu pháp

Ư thử vô duyên pháp
Vân hà hữu duyên duyên

(Nhu Thế Tôn đã dạy
Pháp chân thật vi diệu
Vô tướng cũng không duyên
Sao lại có Sở duyên duyên)

Thế Tôn dạy, các pháp Đại thừa, hoặc có sắc vô sắc, có hình vô hình, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi... Các pháp tướng khi đã thâm nhập vào pháp tánh, thì tất cả đều không, không tướng, không nhân duyên; như nước trăm sông đều chảy về biển cả, hòa đồng thành một vị. Đó là thật pháp đáng tin, còn những pháp Thế Tôn nói ra, để thích nghi căn cơ, chớ nên xem là thật, Thế nên không có Sở duyên duyên.

Tăng Thượng duyên là:

12. Chư pháp vô tự tánh
Cố vô hữu tự tướng
Thuyết hữu thị sự cố
Thị sự hữu bất nhiên

(Các pháp không tự tánh
Nên không tướng, thật có
Nói có thời có ấy
Là cái có không đúng)

Trong kinh nói về 12 nhân duyên rằng, vì cái này có nên cái kia có. Nói như vậy là không đúng. Vì sao? Vì các pháp từ nhiều nhân duyên sanh ra, cho nên tự nó không có tánh nhất định. Tự nó không có tánh nhất định, cho nên chúng không có tướng thật có. Tướng thật có không có thì làm sao nói, vì việc này có nên việc kia có. Thế nên không có Tăng thượng duyên.

Đức Phật vì theo hàng phàm phu phân biệt có không, nên nói các duyên để phá trừ vậy.

Lại nữa,

13. Lược quảng nhân duyên trung
Cầu quả bất khả đắc
Nhân duyên trung nhược vô
Vân hà tòng duyên xuất

(Tìm đâu ra được quả
Từ các nghĩa nhân duyên rộng, hẹp)

Trong các duyên không quả
Làm sao nói quả từ duyên sanh)

Lược, là thu hẹp, ở trong nhân duyên hòa hợp, không có quả. Quảng, là mở rộng, ở trong mỗi một duyên, cũng không có quả. Nếu trong nghĩa hẹp hay nghĩa rộng của nhân duyên đều không có quả, thì làm sao nói quả từ duyên sanh?

Lại nữa,

14. Nhược vị duyên vô quả
Nhi tùng duyên trung xuất
Thị quả hà bất tùng
Phi duyên trung nhi xuất

(Nói trong duyên không quả
Nhưng quả từ duyên sanh
Thì quả ấy vì sao
Không từ phi duyên sanh?)

Nếu trong nhân duyên, tìm quả không thể có được, nhưng quả ấy từ nhân duyên sanh. Thì vì có gì, quả ấy không từ phi duyên sanh ra.

Cũng như trong đất (điều kiện ắt có) không có bình, vẫn sanh ra bình. Thì vì có gì, bình ấy không sanh ra từ trong sữa (phi điều kiện-phi duyên) không có bình, vẫn sanh ra bình.

Lại nữa,

15. Nhược quả tùng duyên sanh
Thị duyên vô tự tánh
Tùng vô tự tánh sanh
Hà đắc tùng duyên sanh

(Nếu quả từ duyên sanh
Duyên ấy không tự tánh
Từ vô tự tánh sanh
Thì duyên sanh đâu được)

16. Quả bất tùng duyên sanh
Bất tùng phi duyên sanh
Dĩ quả vô hữu cố
Duyên phi duyên diệt vô

(Quả không từ duyên sanh
Không từ phi duyên sanh
Vì quả không thật có
Duyên phi duyên cũng không)

Quả từ các duyên sanh, các duyên ấy không có tự tánh. Nếu không có tự tánh thì không có thật pháp. Không thật pháp thì đâu có thể sanh được. Thế nên quả không từ duyên sanh.

Nói không từ phi duyên sanh, là cốt để phá duyên nên nói phi duyên. Thật ra thì không có pháp phi duyên. Cho nên không nói từ phi duyên sanh. Nếu không từ duyên sanh và phi duyên sanh thì không có quả. Không có quả thì duyên và phi duyên cũng không có vậy.

(Hết Phẩm 1)

PHẨM 2**QUÁN VỀ ĐI LẠI**

(25 bài kệ)

HỎI: Trong thế gian chính mắt trông thấy, có ba thời gian, có động tác là, lúc đi đi, lúc chưa đi và lúc đang đi. Có phải thế không, thưa ông?

ĐÁP:

1. Dĩ khứ vô hữu khứ
Vị khứ diệt vô khứ
Ly dĩ khứ vị khứ
Khứ thời diệt vô khứ

(Đã đi không có đi
Chưa đi cũng không có đi
Lìa ngoài đã đi, chưa đi
Lúc đang đi cũng không có đi)

Đã đi không có đi, vì đã đi rồi. Nếu bảo, lìa ngoài đi, có động tác đi, là việc không đúng. Chưa đi, cũng không có đi, vì chưa có động tác đi. Khi đang đi, là nửa đi nửa chưa đi, vì chưa rời khỏi đã đi và chưa đi vậy.

- HỎI: 2. Động xứ tắc hữu khứ

Thử trung hữu khứ thời
Phi dĩ khứ vị khứ
Thị cố khứ thời khứ

(Chỗ chuyển động là có đi
Trong đó có đang đi
Chẳng phải đã đi, chưa đi
Thế nên lúc đang đi, có đi)

Tùy theo chỗ có khởi động tạo tác, thời nơi đó có đi. Chính mắt trông thấy trong khi đi có khởi nghiệp tạo tác. Còn trong khi đã đi, thời khởi nghiệp tạo tác đã diệt mất rồi. Khi chưa đi thời chưa có khởi nghiệp. Thế nên biết, lúc đang đi có đi.

ĐÁP:

3. Vân hà ư khứ thời
Nhi đương hữu khứ pháp
Nhuợc ly ư khứ pháp
Khứ thời bất khả đắc

(Thế nào là đang đi
Mà đang có động tác đi
Nếu lia động tác đi
Thì đang đi cũng không thể có)

Trong khi đi có động tác đi, việc đó không đúng. Vì sao? Vì lia động tác đi thời trong khi đi không thể được. Nếu tách ngoài động tác đi mà có khi đi, thời có thể nói, trong khi đi có đi. Như trong khay đựng trái cây vậy.

Lại nữa,

4. Nhược ngôn khứ thời khứ
Thư nhân tác hữu đáp
Ly khứ hữu khứ thời
Khứ thời độc khứ cố

(Nếu nói khi đang đi có đi
Người nói ấy có lỗi
Lìa động tác đi mà có khi đi
Khi đi một mình đi)

Nếu cho rằng, trong đã đi, chưa đi, là không có đi, lúc đang đi mới thật có đi. Người ấy có lỗi. Vì nếu lìa ngoài động tác đi, có thời gian đi, thì có hai trường hợp, là đi và thời gian đi. Thật sự thì không như vậy. Thế nên không thể nói lìa ngoài động tác đi mà có thời gian đi.

Lại nữa,

5. Nhược khứ thời hữu khứ
Tác hữu nhị chủng khứ
Nhất vị vi khứ thời
Nhị vị khứ thời khứ

(Nếu đang đi là có đi
Thời có hai loại đi
Một, là khi đang đi
Hai, đang đi có đi)

Nếu bảo rằng, khi đi là có đi. Nói vậy là có lỗi. Lỗi đó là có hai loại đi. Một, là nhân đi (động tác đi) mà có khi đi (thời gian đi) đi, có đi (động tác đi có trước, thời gian đi có sau). Hai, là trong khi (thời gian đi) đi, có đi. (thời gian đi có trước, động tác đi có sau)

HỎI: Nếu có hai loại đi, thì có lỗi gì?

ĐÁP:

6. Nhược hữu nhị khứ pháp
 Tác hữu nhị khứ giả
 Dĩ ly ư khứ giả
 Khứ pháp bất khả đắc

(Nếu có hai động tác đi
 Thì có hai người đi
 Vì rời xa người đi
 Động tác đi không có)

Nếu có hai động tác đi, thì có hai người đi. Vì sao vậy? Vì nhân là động tác của người đi. Nếu một người đi mà có hai động tác đi là không đúng. Cho nên khi đi cũng không có đi.

HỎI: Có thể lìa ngoài người đi, không có động tác đi, nhưng trong ba thời quyết định có người đi?

ĐÁP:

7. Nhược ly ư khứ giả
 Khứ pháp bất khả đắc
 Dĩ vô khứ pháp cố
 Hà đắc hữu khứ giả

(Nếu lìa ngoài người đi
 Động tác đi không có
 Không có động tác đi
 Làm sao có người đi)

Nếu tách rời người đi, thì động tác đi không thể có. Nếu không có động tác đi thì làm sao có người đi được.

Lại nữa,

8. Khứ giả tác bất khứ
 Bất khứ giả bất khứ
 Ly khứ bất khứ giả
 Vô đệ tam khứ giả

(Người đi, thời không đi
 Người không đi, cũng không đi
 Ngoài người đi, người không đi
 Không có người đi thứ ba)

Không có người đi, vì sao vậy? Vì nếu có người đi, thời có hai hạng, là người đi và người không đi. Nếu ngoài hai hạng này thì không có hạng người đi thứ ba.

HỎI: Nếu có người đi, thì có lỗi gì?

ĐÁP: 9. Nhược ngôn khứ giả khứ
Vân hà hữu thử nghĩa
Nhược ly ư khứ pháp
Khứ giả bất khả đắc

(Nói người đi có đi
Làm sao có nghĩa đó
Nếu rời động tác đi
Người đi không có được)

Nếu bảo nhất định có người đi, dùng động tác đi. Việc đó là không đúng. Vì sao? Vì ngoài động tác đi, người đi không thể có được.

Nếu rời ngoài người đi, nhất định có động tác đi, thời người đi mới có thể dùng động tác đi. Nhưng thực tế thì không phải như vậy.

Lại nữa,

10. Nhược khứ giả hữu khứ
Tắc hữu nhị chủng khứ
Nhất vị khứ giả khứ
Nhị vị khứ pháp khứ

(Nếu người đi có đi
Thời có hai thứ đi
Một, người đi có đi
Hai, động tác đi có đi)

Nếu bảo, người đi dùng động tác đi, thì mắc phải hai lỗi. Trong một người đi mà có hai thứ đi. Một là, do động tác đi mà có người đi; hai là do động tác đi mà có động tác đi. Nghĩa là, người đi có trước, rồi sau mới có dùng động tác đi, là không đúng. Do vậy mà trước đây đã nói trong ba thời gian nhất định có người đi sử dụng động tác đi, là việc không đúng.

Lại nữa,

11. Nhược vị khứ giả khứ
Thị nhân tắc hữu lỗi
Ly khứ hữu khứ giả
Thuyết khứ giả hữu khứ

(Nếu nói, người đi, có đi
 Người nói vậy ắt có lỗi
 Vì ngoài động tác đi có người đi
 Mà nói người đi có động tác đi)

Nếu người nói rằng, người đi, sử dụng động tác đi. Người nói ấy có lỗi, bởi cho rằng ngoài động tác đi, có người đi. Vì sao? Vì người đi sử dụng động tác đi. Như vậy là trước có người đi, sau mới có động tác đi. Việc đó không đúng.

Lại nữa, nếu quyết định có đi, có người đi, thì cũng nên có thời gian khởi phát bắt đầu. Nhưng trong ba thời gian ấy, tìm sự khởi động không thể có được.

Sở dĩ vì sao?

12. Dĩ khứ trung vô phát
 Vị lai trung vô phát
 Khứ thời trung vô phát
 Hà số đương hữu phát

(Trong khi đi, không điểm phát khởi
 Lúc chưa đi, không điểm phát khởi
 Khi đang đi, không điểm phát khởi
 Vậy chỗ nào, có điểm phát khởi)

Tại vì sao trong cả ba thời gian, không có điểm xuất phát ban đầu?

13. Vị phát vô khứ thời
 Diệc vô hữu dĩ khứ
 Thị nhị ưng hữu phát
 Vị khứ hà hữu phát

(Chưa phát khởi, không đang đi
 Cũng không có đã đi
 Hai lúc này, nên có phát khởi
 Chưa đi, đâu có phát khởi)

14. Vô khứ vô vị khứ
 Diệc phục vô khứ thời
 Nhất thiết vô hữu phát
 Hà cố nhi phân biệt

(Không đã đi, chưa đi
Cũng không có đang đi
Tất cả không có khởi đi
Vì có gì phân biệt)

Nếu người chưa phát khởi đi, thì không có đang đi, cũng không có đã đi. Nếu có phát khởi, thì phải phát khởi trong cả hai thời gian là đã đi và đang đi. Nhưng cả hai đều không đúng. Vì sao? Vì khi chưa đi thời chưa có phát khởi. Nên trong khi chưa đi, thì làm sao có phát khởi. Phát khởi chưa có, cho nên không có đi, không có đi cho nên không có người đi, thời làm sao có được đã đi, chưa đi và đang đi.

HỎI: Nếu không có đi, không có người đi, thời phải nên có đứng lại và người đứng lại?

ĐÁP:

15. Khứ giả tắc bất trụ
Bất khứ giả bất trụ
Ly khứ bất khứ giả
Hà hữu đệ tam trụ

(Người đi thì không đứng
Người không đi, không đứng
Ngoài người đi, không đi
Không người thứ ba, đứng)

Nếu có đứng và người đứng, thì phải có người đi đứng lại; hoặc có người không đi, đứng lại; hoặc ngoài hai hạng người này, có người thứ ba đứng. Nhưng cả ba trường hợp ấy đều không đúng. Vì, người đi thì không đứng, vì đi chưa dừng lại. Cho nên trái với đi, gọi là đứng. Người không đi cũng không đứng. Vì sao vậy? Nhân vì động tác đi đã chấm dứt, cho nên mới có đứng. Còn người không có đi thì cũng không có đứng. Là ngoài người đi và người không đi ra, lại không có người thứ ba, đứng.

Nếu có người thứ ba, đứng, tức là ở giữa người đi và người không đi. Vì thế, không thể nói người đi, đứng lại

Lại nữa,

16. Khứ giả nhược đương trụ
Vân hà hữu thử nghĩa
Nhược đương ly ư khứ
Khứ giả bất khả đắc

(Nếu người đi sẽ đứng
Nghĩa này như thế nào?
Nếu rời động tác đi
Người đi không thể có)

Ông nói rằng, người đi, đứng lại. Việc đó không đúng. Vì sao? Vì rời ngoài động tác đi, người đi không thể có được. Vì người đi, lúc đang đi, làm sao có đứng lại được. Vì tướng đi, tướng đứng lại, trái nhau.

Lại nữa,

17. Khứ vị khứ vô trụ
Khứ thời diệt vô trụ
Sở hữu hành chỉ pháp
Giai đồng ư khứ nghĩa

(Đi, chưa đi, không đứng
Đang đi, cũng không đứng
Vì có pháp hành, chỉ
Đều đồng nghĩa với đi)

Nếu bảo người đi, đứng lại, thì người ấy phải đứng lại, trong khi đang đi, đã đi, chưa đi. Cả ba trường hợp này đều không có đứng lại.

Cho nên ông bảo người đi có đứng lại là không đúng. Cũng như phá (bỏ) pháp đi, pháp đứng lại như thế nào thì phá (bỏ) pháp hành và pháp chỉ cũng như thế ấy.

“Hành”, là như từ hạt lúa, tiếp nối đến mầm lúa, chồi lúa, lá lúa...

“Chỉ”, là hạt lúa hoại diệt, tiếp tục hoại diệt cho đến mầm, chồi, lá lúa...hoại diệt.

Tiếp nối, gọi là “Hành”, hoại diệt gọi là “Chỉ”.

Lại cũng như “vô minh” làm duyên cho các “hành”, đến “già”, “chết”, ấy gọi là “hành”. Vô minh diệt, thì các hành diệt, ấy gọi là “Chỉ”.

HỎI: Ông tuy có đưa ra nhiều phương pháp để phá bỏ đi, người đi, đứng, người đứng. Nhưng chính mắt vẫn thấy có đi, có đứng lại là thế nào?

ĐÁP: Cái thấy của con mắt thật thì không thể tin được. Nếu thật sự có đi, có người đi là vì do một pháp tạo thành, hay do hai pháp tạo thành, đều có lỗi cả. Vì sao vậy?

18. Khứ pháp tức khứ già
Thị sự tắc bất nhiên

Khứ pháp dị khứ giả
Thị sự diệc bất nhiên

(Động tác đi, là người đi
Việc ấy là không đúng
Động tác đi khác người đi
Việc ấy cũng không đúng)

Nếu động tác đi và người đi là một. Việc ấy không đúng. Mà động tác đi và người đi là khác nhau, cũng không đúng.

HỎI: Động tác đi và người đi là một hay là khác nhau, có lỗi gì?

ĐÁP:

19. Nhược vị ư khứ pháp
Tức vi thị khứ giả
Tác giả cập tác nghiệp
Thị sự tắc vi nhất

(Nếu bảo động tác đi
Tức chính là người đi
Người tạo tác và nghiệp
Việc ấy chỉ là một)

20. Nhược vị ư khứ pháp
Hữu dị ư khứ giả
Ly khứ giả hữu khứ
Ly khứ hữu khứ giả

(Nếu bảo động tác đi
Có khác với người đi
Ngoài người đi có đi
Ngoài đi có người đi)

Như vậy, cả hai trường hợp nói trên đều có lỗi. Vì sao? Vì, nếu động tác đi, tức là người đi, thì làm rối loạn phương pháp phá lý nhân duyên, là, nhân vì có đi mà có người đi, nhân vì có người đi mà có đi.

Lại nữa, đi là ”pháp” (đi) (đối tượng), người đi, là ”nhân” (chủ thể). “Nhân” là thường, mà ”pháp” (đi) là vô thường (lúc đi lúc không).

Nếu ”nhân” và ”pháp” là một, thời cả hai đều phải thường, nếu ”nhân” và ”pháp” là hai, thời cả hai đều phải vô thường. Nói nhân và pháp là một, thì có bấy nhiêu lỗi như vậy.

Nếu nói nhân và pháp khác nhau, thời chúng trái ngược nhau.

Chưa có pháp đi, đã sẵn có người đi, chưa có người đi, đã sẵn có pháp đi, chúng không cần chờ đợi nhân tố gì nơi nhau. Một pháp diệt thời một pháp còn. Nói ”Nhân” và ”Pháp” khác nhau, cũng có bấy nhiêu lỗi.

Lại nữa,

21. Khứ khứ giả thị nhị
 Nhược nhất dị pháp thành
 Nhị môn câu bất thành
 Vân hà đương hữu thành

(Đi và người đi là hai
 Do một hoặc nhiều pháp khác thành
 Cả hai cách đều không thành
 Làm sao để được thành)

Nếu người đi và động tác đi có thật, hoặc do một pháp mà thành, hoặc do các pháp khác nhau mà tạo thành. Cả hai trường hợp đều không thành. Như trước đây đã nói, không có pháp thứ ba thành. Nếu nói có thành, nên nói thuyết nhân duyên thành, chứ không có đi, không có người đi.

Nay nói lại,

22. Nhân khứ tri khứ giả
 Bất năng dụng thị khứ
 Tiên vô hữu khứ pháp
 Cố vô khứ giả khứ

(Do đi biết người đi
 Không thể dùng đi ấy
 Trước không động tác đi
 Nên không đi, người đi)

Tùy ở động tác đi mà biết người đi. Người đi không thể dùng động tác đi ấy. Vì sao? Vì khi chưa có động tác đi, thì không có người đi, cũng không có đang đi, đã đi, chưa đi. Cũng giống như, trước có con người, có thành ấp, rồi sau mới có được đi đến. Còn động tác đi, người đi thì không như vậy.

Người đi do động tác đi mới thành, động tác đi, nhân nơi người mới thành.

Lại nữa,

23. Nhân khứ tri khứ giả
Bất năng dụng dị khứ
Ư nhất khứ giả trung
Bất đắc nhị khứ cố

(Nhân đi biết người đi
Không thể dùng cách đi khác
Vì nơi một người đi
Không có hai cách đi)

Tùy nơi động tác đi như thế nào mà biết được người đi. Người đi ấy, không thể dùng động tác đi khác. Vì sao? Vì trong một người đi, không thể có hai động tác đi.

Lại nữa,

24. Quyết định hữu khứ giả
Bất năng dụng tam khứ
Bất quyết định khứ giả
Diệc bất dụng tam khứ

(Quyết định thật có người đi
Không thể dùng ba thời đi
Không quyết định có người đi
Cũng không dùng ba thời đi)

25. Khứ pháp định bất định
Khứ giả bất dụng tam
Thị cô khứ khứ giả
Sở khứ xứ giai vô

(Động tác đi, quyết có, không quyết có
Người đi không thể dùng ba thời đi
Bởi vậy, đi, người đi
Và chỗ đi đến, đều không có)

Hai chữ quyết định, có nghĩa vốn thật có. Nó không nhân nơi động tác đi mà sanh ra. Động tác đi, gọi là thân thể chuyển động. Ba loại thời gian đi là chưa đi, đã đi và đang đi.

Nếu quyết định có người đi, ngoài động tác đi ra, nên có người đi, không nên có đứng lại. Cho nên nói quyết định có người đi, người đi không thể dùng ba động tác đi. Nếu người đi không quyết định có. Không quyết định có, nghĩa là vốn thật không có. Bởi vì, nhân nơi động tác đi, mới có tên gọi người đi. Vì không có động tác đi, nên không thể dùng ba động tác đi. Nhân nơi động tác đi, cho nên có người đi. Nếu trước không có động tác đi, thời không có người đi, làm sao nói không quyết định thật có người đi mà có thể dùng ba động tác đi. Giống như người đi, động tác đi cũng như vậy.

Nếu trước, rời ngoài người đi, quyết định có động tác đi, thời không nhân nơi người đi mà có động tác đi. Cho nên, người đi không thể dùng ba động tác đi.

Nếu quyết định không có động tác đi, thì người đi, dùng cái gì để đi?

Tư duy như vậy, quan sát như vậy, thì thấy rằng, động tác đi, người đi, và chỗ đi đến đều là pháp, nhân nhau, đợi nhau mà thành tựu.

Nhân động tác đi mà có người đi, nhân người đi mà có động tác đi. Nhân nơi động tác đi và người đi đó mà có chỗ đi. Không thể nói quyết định là có, không thể nói quyết định là không.

Cho nên, quyết định biết ba pháp ấy là hư dối, là không, là không sở hữu, chỉ có giả danh, như huyễn, như hóa.

Hết Phẩm 2

PHẨM 3
QUÁN VỀ SÁU TÌNH
(8 bài kệ)

HỎI: Trong kinh nói có Sáu tình là:

1. Nhân nhĩ cập tý thiết
Thân ý đẳng lục tình
Thử nhân đẳng lục tình
Hành sắc đẳng lục xứ

(Mắt, tai, mũi và lưỡi
Thân và ý, sáu tình (căn)
Sáu tình này tiếp xúc
Sáu cảnh (xứ) sắc, thanh đẳng)

Trong đây, mắt...là căn (tình) bên trong sắc...là cảnh trần bên ngoài. Mắt có khả năng thấy sắc...cho đến ý là căn bên ngoài. Pháp là cảnh bên ngoài, ý có khả năng nhận biết các pháp.

ĐÁP: Không phải như vậy. Vì sao?

2. Thị nhãn tác bất năng
Tự kiến kỳ kỳ thể
Nhược bất năng tự kiến
Vân hà kiến dư vật

(Vì chính con mắt mình
Không thể thấy mắt mình
Đã không thấy mắt mình
Làm sao thấy vật khác)

Mắt không thể tự thấy chính mình. Vì sao vậy? Như ngọn đèn, có khả năng tự chiếu sáng mình, mà cũng chiếu sáng vật khác. Con mắt nếu là tướng thấy, thì cũng tự thấy và cũng thấy mọi vật khác. Mà thật ra không phải như vậy. Cho nên trong bài kệ nói, nếu mắt không tự thấy được, thì làm sao thấy được mọi vật khác.

HỎI: Mắt tuy không thể tự thấy được, mà có thể thấy được vật khác. Như lửa, có khả năng đốt cháy những vật khác được, mà không thể tự đốt cháy.

ĐÁP:

3. Hòa dụ tắc bất năng
Thành ư nhân kiến pháp
Khứ vị khứ pháp thời
Dĩ tổng đáp thị sự

(Không thể dùng dụ lửa
Chứng minh mắt thấy pháp
Đã giải chung trong đoạn
Đã, chưa và đang đi)

Ông tuy đã dẫn chứng một ví dụ về lửa để chứng minh cho con mắt thấy pháp, nhưng đã không thành. Việc này, đã được giải đáp trong Phẩm Đi lại trước đây. Như trong đã đi không có đi, trong chưa đi không có đi, trong đang đi không có đi, cũng như trong đã đốt cháy, chưa đốt cháy, đang đốt cháy, đều không có đốt cháy, và cũng như trong đã thấy, chưa thấy, đang thấy đều không có tương thấy.

Lại nữa,

4. Kiến nhược vị kiến thời
Tắc bất danh vi kiến
Nhi ngôn kiến năng kiến
Thị sự tắc bất nhiên

(Mắt thấy chưa đối sắc
Không thể gọi là thấy
Nói mắt có thể thấy
Việc đó không thể đúng)

Khi mắt chưa đối sắc, thì không thể thấy. Vậy thì lúc này không thể gọi là thấy. Do khi tiếp xúc với sắc mới gọi là thấy. Vì vậy trong kệ nói, khi chưa thấy, thì không có thấy. Vì sao cho mắt thấy có thể thấy.

Lại nữa, cả hai nơi, đều không có thấy. Vì sao vậy?

5. Kiến bất năng hữu kiến
Phi kiến diệc bất kiến
Nhược dĩ phá ư kiến
Tắc vi phá kiến giả

(Mắt thấy không có thấy
Cái chẳng phải cũng không thấy
Nếu phá được cái thấy
Tất phá luôn người thấy)

Mắt thấy không thể thấy, lời này đã giải thích. Cái chẳng phải thấy cũng không có thấy, vì không có tướng thấy. Nếu không có tướng thấy, làm sao có thể thấy. Thấy các pháp không, nên người thấy cũng không có. Vì sao vậy? Vì, nếu lìa ngoài cái thấy có và người thấy; thì người không có mắt cũng có thể dùng các thứ căn (tinh) khác, như căn tai, căn mũi... để thấy được. Nếu do cái thấy mà thấy, thì trong cái thấy, có tướng trạng của thấy. Người thấy không có tướng thấy. Do đó mà trong kệ nói rằng, nếu đã phá trừ được cái thấy, thì cũng phá luôn người thấy.

Lại nữa,

6. Ly kiến bất ly kiến
Kiến giả bất khả đắc
Dĩ vô kiến giả cố
Hà hữu kiến khả kiến

(Ngoài thấy, không ngoài thấy
Người thấy không có được
Vì không có người thấy
Đâu còn thấy, được thấy)

Nếu có thấy thời người thấy không thành. Nếu không có thấy thời người thấy cũng không thành. Vì người thấy không có. Thế nào là có thấy và cái có thể thấy? Nếu không có người thấy, thì ai có thể dùng phương pháp thấy để phân biệt ngoại sắc. Vì thế trong kệ nói, vì không có người thấy thì làm sao có thấy và cái được thấy.

Lại nữa,

7. Kiến khả kiến vô cố
Thức đẳng tứ pháp vô
Tứ thủ đẳng chư duyên
Vân hà đương đắc đẳng

(Thấy, bị thấy không có
Nên bốn pháp (1) cũng không
Bốn thủ (2) và các duyên
Làm sao mà có được)

1. Bốn pháp: là Thức, Xúc, Thọ, Ái, 4 trong 12 chi của pháp nhân duyên.

2. Bốn thủ: là 4 sự nắm bắt, chấp chặt: 1. Dục thủ: nắm bắt, chấp chặt 5 thứ dục lạc (tài, danh, sắc, thực, thụ). 2. Kiến thủ: Chấp chặt cái thấy biết do tà tâm phân biệt cho là chân thật. 3. Giới cấm thủ: Đối trước những điều phi chánh nhân, phi chánh đạo, chấp chặt cho là chánh nhân, chánh đạo. Tức là chấp chặt lấy giới cấm thủ kiến trong 5 kiến. 5. Ngã ngữ thủ: Chấp thủ ngã qua ngôn ngữ biện minh.

Mắt thấy và cái bị thấy không có. Nên bốn pháp Thức, Xúc, Thọ, Ái cũng không có. Vì không có Thức (sự minh liễu), Xúc (sự tiếp giữa căn và trần), Thọ (sự lãnh nạp vui buồn) và Ái (sự tham ái); và bốn thủ, mười hai chi nhân duyên cũng đều không có.

Lại nữa,

8. Nhĩ tử thiết thân ý
Thanh cập văn giả đẳng
Đương tri như thị nghĩa
Giai đồng ư thượng thuyết

Mắt đã vậy còn tai
Mũi lưỡi thân và ý
Tiếng và người nghe tiếng
Các pháp đồng nghĩa trên)

Như thấy và cái bị thấy đều không có. Chúng thuộc các duyên nên quyết định. Ngoài ra, các pháp khác như tai, mũi, lưỡi, thân và ý, tiếng, mùi, vị, xúc chạm và pháp, nên biết cũng giống như mắt thấy và cái bị thấy...cho nên ở đây không nói riêng nữa.

Hết Phẩm 3

PHẨM 4

QUÁN VỀ NĂM UẨN (9 bài kệ)

HỎI: Kinh nói, có năm âm, việc đó thế nào?

ĐÁP:

1. Nhược ly ư sắc nhân
Sắc tắc bất khả đắc
Nhược đương ly ư sắc
Sắc nhân bất khả đắc

(Nếu lìa ngoài sắc nhân
Sắc quả không có được
Nếu lìa ngoài sắc quả
Sắc nhân cũng không có)

Sắc nhân, cũng như vải là nhân nơi chỉ mà có. Ngoài chỉ ra, không có vải, trừ vải ra không có chỉ. Vải như sắc (quả) chỉ như nhân (sắc nhân).

HỎI: Nếu lìa ngoài sắc (nhân), mà có sắc (quả) thì có lỗi gì?

ĐÁP:

2. Ly sắc nhân hữu sắc
Thị sắc tắc vô nhân
Vô nhân nhi hữu pháp
Thị sự tắc bất nhiên

(Ngoài sắc nhân có sắc (quả)
Thì sắc ấy không nhân
Không nhân mà có pháp
Điều đó là không đúng)

Nếu ngoài chỉ (sợi chỉ) mà có vải, vải đó không có nhân. Không có nhân mà có pháp, thì ở thế gian này chưa từng có.

Hỏi rằng, trong pháp Phật, pháp ngoại đạo, pháp thế gian, đều có các pháp không có nhân. Như trong pháp Phật nói, có ba thứ vô vi. Vô vi là thường, nên không có nhân. Trong pháp ngoại đạo, nói hư không, thời gian, phương chốn, thần, vi trần, Niết bàn...; trong pháp thế gian nói, hư không, thời gian, nơi chốn là ba pháp mà không nơi nào là không có, cho nên nói là thường. Thường cho nên không có nhân. Vậy mà tại vì sao ông nói, pháp thế gian không có pháp nào không có nhân?

Đáp rằng, pháp không có nhân như ông vừa nói, chỉ có trên ngôn thuyết. Còn trên tư duy, phân biệt chín chắn thì đều không có. Nếu có pháp nào từ nhân duyên mà có, thì không nên nói là không nhân. Nếu không nhân duyên thì như tôi đã nói trên đây, là thế gian chưa từng có.

Hỏi rằng, có hai loại nhân, một là tác nhân, hai là ngôn thuyết nhân. Pháp không có nhân là không có tác nhân, nhưng chỉ có ngôn thuyết nhân là để làm cho người ta hiểu biết?

Đáp rằng, tuy có ngôn thuyết nhân, nhưng việc đó cũng không đúng. Vì như hư không, thì trong Phẩm Sáu chủng sau đây sẽ luận phá. Còn các pháp khác đến sau sẽ phá tiếp.

Lại nữa, các pháp hiện trông thấy trước mắt, còn có thể phá được thay, huống nữa vi trần...là pháp không thể thấy. Thế nên nói, pháp không do nhân duyên sanh của thế gian là điều chưa từng có.

HỎI: Nếu lìa ngoài sắc quả mà có sắc nhân, thì có lỗi gì?

ĐÁP:

3. Nhược ly sắc hữu nhân
Tắc thị vô quả nhân
Nhược ngôn vô quả nhân
Tắc vô hữu thị xứ

(Nếu lìa sắc (quả) có nhân
Sắc nhân ấy không quả
Nếu nói quả không nhân
Nghĩa đó không thể có)

Nếu trừ ngoài sắc quả, chỉ có sắc nhân, tức là nhân ấy không có quả.
Hỏi rằng, nếu không có quả mà chỉ có nhân, thì có lỗi gì?

Đáp rằng, nếu không có quả mà có nhân, điều đó trên thế gian chưa từng có. Vì sao vậy? Vì có khả năng sanh quả mới gọi là nhân. Không sanh quả thì làm sao gọi là nhân được.

Lại nữa, nếu trong nhân không có quả, thì vì sao các sự vật không có vật nào từ phi nhân mà sanh ra. Vấn đề này, trong Phẩm Nhân duyên trước đây đã luận phá. Cho nên không có cái nhân nào mà không có quả.

Lại nữa,

4. Nhược dĩ hữu sắc giả
Tắc bất dụng sắc nhân

Nhược vô hữu sắc giả
Diệc bất dụng sắc nhân

(Nếu đã có sắc quả
Thời không dùng sắc nhân
Nếu không có sắc quả
Cũng không cần sắc nhân)

Hai trường hợp có sắc nhân, nên không đúng. Nếu trong sắc nhân, trước đã có sắc, thời không gọi nó là sắc nhân. Nếu trong sắc nhân, trước không có sắc, cũng không gọi nó là sắc nhân.

HỎI: Nếu cả hai trường hợp đều không đúng, chỉ có cái sắc không có nhân, thì có lỗi gì?

ĐÁP:

5. Vô nhân nhi hữu sắc
Thị sự chung bất nhiên
Thị cố hữu trí giả
Bất ưng phân biệt sắc

(Không nhân mà có sắc (quả)
Việc này rất không đúng
Thế nên người có trí
Không nên phân biệt chấp)

Nếu trong nhân có quả, trong nhân không có quả. Việc này còn không được thay, huống là không có sắc nhân mà có sắc quả. Thế nên nói không có sắc nhân mà có sắc quả; thời việc đó hoàn toàn không đúng.

Bởi vậy cho nên người có trí không phân biệt sắc. Phân biệt là do phàm phu vì vô minh, ái nhiễm, tham đắm vào sắc. Rồi về sau, vì tà kiến mà đâm ra phân biệt, hý luận nhằm nhí nói trong nhân có quả, không quả... Nay ở trong cái tà kiến đó, mà tìm cầu cái sắc đích thực, không thể có được.

Bởi vậy cho nên, người có trí, không nên phân biệt.

Lại nữa,

6. Nhược quả tợ ư nhân
Thị sự tắc bất nhiên
Quả nhược bất dĩ nhân
Thị sự diệc bất nhiên

(Nếu quả giống sắc nhân
Là điều thật không đúng
Nếu quả không giống nhân
Việc đó cũng không đúng)

Nếu sắc quả cùng sắc nhân giống nhau, lẽ ấy không đúng. Vì nhân vi tế quả thô phù. Sắc và lực của nhân quả khác nhau. Như vải giống chỉ, thời không gọi là vải. Chỉ thì nhiều, vải chỉ một. Cho nên không được gọi là nhân quả giống nhau.

Nếu nhân và quả không giống nhau, là cũng không đúng. Như chỉ gai không thể dệt thành lụa. Chỉ thô không thể dệt thành vải tinh tế mịn màng. Thế nên không được nói nhân quả không giống nhau. Cả hai nghĩa đều không đúng.

Cho nên không có sắc không có sắc nhân.

7. Thọ ấm cập tướng ấm
Hành ấm thức ấm đẳng
Kỳ dư nhất thiết pháp
Giải đồng như sắc ấm

(Thọ ấm và tướng ấm
Hành ấm và thức ấm
Ngoài ra tất cả pháp
Đều giống như sắc ấm)

Còn bốn ấm là thọ, tướng, hành, thức và tất cả các pháp, cũng nên như vậy mà suy nghĩ để luận phá. Lại nữa, nay người tạo luận muốn ngợi khen cái bất tư nghi của nghĩa không nên lại nói kệ:

8. Nhược nhân hữu vấn giả
Ly không nhi dục đáp
Thị tác bất thành đáp
Câu đồng như bỉ nghi

(Nếu có người nghi hỏi
Ngoài nghĩa”không”trả lời
Trả lời ấy bất thành
Đồng nghĩa với người nghi)

9. Nhược nhân hữu nạn vấn
Ly không thuyết kỳ quá
Thị bất thành nạn vấn
Câu đồng ư bỉ nghi

(Nếu có người hỏi nạn
Mà không nương”nghĩa không”
Vấn nạn ấy bất thành
Lại đồng với người nghi)

Trong cuộc nghị luận, ai cũng có cái sở chấp riêng. Nếu không căn cứ trên nghĩa không để hỏi đáp, thì cuộc hỏi đáp ấy bất thành, lại đồng với người hoài nghi kia.

Như có người nói, cái bình là vô thường. Người kia hỏi lại, vì sao vậy? và được đáp rằng, từ cái nhân vô thường sanh ra...Đáp như vậy không gọi là đáp. Vì sao? Vì trong nhân duyên, cũng còn hoài nghi không biết thường hay vô thường. Như vậy là đồng với cái nghi của người kia.

Nếu người muốn vấn nạn đã không căn cứ trên nghĩa không, mà nói rằng, các pháp là vô thường, thời không thành vấn nạn. Vì sao vậy? Vì, ông nhân lý vô thường để phá cái thường của tôi. Tôi cũng nhân lẽ thường để luận phá cái vô thường của ông.

Nếu thật vô thường thời không có nghiệp báo. Mắt, tai...các pháp mỗi niệm sanh diệt, cũng không phân biệt. Có bấy nhiêu lỗi lầm như vậy, nên đều không thành vấn nạn, mà lại đồng với cái nghi hoặc của người kia.

Nếu căn cứ trên nghĩa không mà luận phá cái thường thì không có lỗi gì. Vì sao vậy? Vì người này không chấp thủ vào cái tướng không vậy. Vì vậy nếu muốn vấn đáp, còn phải căn cứ vào pháp không thay, hướng là muốn thoát ly tướng các khổ, câu tướng tịch diệt.

Hết Phẩm 4

PHẨM 5**QUÁN VỀ SÁU CHỦNG**

(8 bài kệ)

HỎI: Sáu chủng (cũng gọi là 6 giới, tức 6 đại là đất-nước-gió-lửa-không-thức. Là những nguyên tố căn bản, tạo nên vạn hữu. 6 đại này, mỗi thứ đều có giới hạn, nên gọi là giới) mỗi mỗi đều có tướng nhất định. Có tướng nhất định, thời có 6 loại.

ĐÁP:

1. Không tướng vi hữu thời
Tắc vô hư không pháp
Nhược tiên hữu hư không
Tức vi thị vô tướng

(Tướng không khi chưa có
Thời không pháp hư không
Trước có pháp hư không
Pháp ấy không có tướng)

Nếu chưa có tướng hư không, trước đã có pháp hư không, mà hư không thời không có tướng. Vì sao vậy? Vì chỗ không có sắc, gọi là tướng hư không. Sắc là pháp tạo tác vô thường. Nếu sắc chưa sanh, chưa sanh thời không có diệt. Bây giờ không có tướng hư không. Vì nhân sắc diệt nên mới có chỗ không có sắc. Chỗ không có sắc ấy gọi là tướng hư không.

HỎI: Nếu không có tướng hư không, thì có lỗi gì?

ĐÁP:

2. Thị vô tướng chi pháp
Nhất thiết xứ vô hữu
Ư vô tướng pháp trung
Tướng tắc vô sở tướng

(Pháp không tướng là pháp
Không tìm thấy dấu vết
Đối với pháp không tướng
Không chỗ biểu hiện tướng)

Nếu đối với các pháp thường, vô thường, tìm cầu pháp không có tướng, là không thể có được. Như luận giả nói: Tướng hư không là có là

không làm sao biết được. Vì mỗi pháp đều có tướng. Cho nên, hễ pháp nào có tướng sanh, trụ, diệt là pháp hữu vi. Pháp nào không sanh, trụ, diệt là pháp vô vi.

Hư không, nếu không có tướng, thì không có hư không.

Còn nếu nói, hư không trước không có tướng, nhưng về sau lại có các tướng bên ngoài tác động làm cho thành có tướng thì không đúng. Nếu trước đã không có tướng, thì không một pháp nào có thể trở nên có tướng. Vì sao vậy?

3. Hữu tướng vô tướng trung

Tướng tác vô sở trụ

Ly hữu tướng vô tướng

Dư xứ diệt bất trú

(Hư không, hữu, vô tướng

Tướng thời không chỗ trụ (bám)

Lìa hữu và vô tướng

Chỗ khác cũng không trụ)

Nếu như có đầu, có sừng, có đuôi thẳng có lông, dưới cổ có bướu trĩu xuống, đó là tướng con bò. Nếu xa rời các tướng đó, thì gọi không có con bò. Nếu không có con bò thì các tướng đó bám vào chỗ nào? Vì thế nên nói, nơi các pháp không có tướng, thời các tướng không có chỗ ở. Nơi các pháp có tướng, các tướng cũng không có chỗ trú, vì trước đó đã có tướng rồi. Như tướng lửa không có ở trong tướng nước, vì trước đó, nước đã có tướng rồi.

Lại nữa, nếu tướng ở trong chỗ không có tướng, như vậy là tướng không nhân. Không có nhân, là pháp không có, mà có tướng. Tướng có thể được gọi là tướng, thường thường phải nhân nơi sự đối đãi nhau mà có. Lìa ngoài pháp có tướng không tướng, lại không có chỗ thứ ba nào, có thể gọi là tướng.

Bởi thế trong bài kệ nói lìa ngoài có tướng không tướng ra, biểu tướng cũng không ở các chỗ khác.

Lại nữa,

4. Tướng pháp vô hữu cố

Khả tướng pháp diệt vô

Khả tướng pháp vô cố

Tướng pháp diệt phục vô

(Tướng các pháp không có
 Năng tướng pháp cũng không
 Năng tướng pháp không có
 Sở tướng pháp cũng không)

Tướng các pháp không có chỗ an trụ, thời năng tướng pháp (như=ướt, nóng) không có. Tướng năng pháp không có, nên sở tướng pháp (như=nước, lửa) cũng không có. Vì sao vậy? Vì nhân nơi năng tướng mà có sở tướng; nhân nơi sở tướng mà có năng tướng. Hai bên tương quan đối đãi.

5. Thị cô kim vô tướng
 Diệc vô hữu khả tướng
 Ly tướng khả tướng dĩ
 Cánh diệc vô hữu vật

(Nay không pháp năng tướng
 Cũng không sở tướng pháp
 Nếu lìa năng, sở tướng
 Lại cũng không vật khác)

Đối với pháp nhân duyên, truy tìm gốc ngọn về tính quyết định của pháp năng tướng và pháp sở tướng đều không thể được. Vì cả hai loại pháp năng tướng và sở tướng đều không thể có. Cho nên, tất cả các pháp đều không có, tất cả các pháp đều nhiếp thu trong hai pháp, năng tướng và sở tướng. Hoặc năng tướng làm sở tướng, hoặc sở tướng làm năng tướng. Như lửa lây khói làm tướng, khói cũng lại lấy lửa làm tướng.

HỎI: Nếu không có pháp có, thời có nên có pháp không?

ĐÁP:

6. Nhược sử vô hữu hữu
 Vân hà đương hữu vô
 Hữu vô ký dĩ vô
 Tri hữu không giả thù

(Giá không có pháp có
 Làm sao có pháp không
 Có, không, đã không có
 Ai người biết có, không?)

Phàm sự vật tự hoại hoặc bị vật khác làm tiêu hoại, thời gọi là không. Cái không, không tự hoại mà phải nhờ có vật tiêu hoại đi mới có cái không ấy. Thế nên nói, nếu không có pháp có, làm sao có pháp không. Những điều mắt thấy, tai nghe còn không thể được, huống là vật không có, như hư không.

HỎI: Nếu không có pháp có, cho nên pháp không cũng không có. Vậy thì nên chăng, có người biết có, biết không?

ĐÁP: Nếu có người biết thì nên từ pháp có mà biết, hay từ pháp không có mà biết. Nhưng có và không đã bị phá, nên người biết cũng đồng loạt bị phá.

7. Thị cô tri hư không
Phi hữu diệt phi vô
Phi tướng phi khả tướng
Dư ngũ đồng hư không

(Vậy nên biết hư không
Chẳng phải có, chẳng không
Chẳng phải năng, sở tướng
Năm giới kia, đồng nghĩa hư không)

Như sự tìm cầu các chủng loại tướng của hư không đều không thể có được. Thì năm chủng còn lại kia, là đất, là nước, là gió, là lửa và thức cũng lại như vậy.

HỎI: Hư không, không ở tại đầu, không ở tại cuối. Vì sao phải phá trước?

ĐÁP: Vì các chủng: Đất, nước, gió, lửa là do các duyên hòa hợp mà sanh thành, nên dễ phá. Còn thức chủng, là cái nhân của mọi khổ, vui, biết lẽ vô thường biến dị nên cũng dễ phá. Còn tướng của hư không thì không như vậy. Nhưng vì hàng phàm phu hy vọng là nó có thật. Cho nên phải phá trước.

Lại nữa, hư không có khả năng gìn giữ bốn đại. Do bốn đại làm nhân duyên mà có bốn chủng. Như vậy, hư không là căn bản, cho nên phá trước, các chủng khác tự phá.

HỎI: Trên thế gian mọi người đều thấy, các pháp là có, là không. Tại sao chỉ riêng ông trái chống thế gian mà nói, không có cái gì để mà thấy cả?

ĐÁP:

8. Thiển trí kiến chư pháp
 Nhược hữu nhược vô tướng
 Thị tắc bất năng kiến
 Diệt kiến an ổn pháp

(Trí cạn thấy các pháp
 Hoặc có tướng hoặc không
 Như vậy chẳng thấy gì
 Hết chấp thấy Chánh pháp)

Nếu người chưa đạt đạo, thì không thấy chân thật tướng của các pháp. Vì nhân duyên chấp ái, chấp kiến mà nầy sanh hý luận nhằm nhí. Khi thấy pháp sanh khởi, cho là có, chấp thủ cái tướng nơi nó là thật có. Khi thấy các pháp hoại diệt, gọi đó là đoạn, chấp thủ cái tướng nơi nó mà bảo là thật không.

Người có trí, khi thấy các pháp sanh khởi, thì lập tức khởi niệm dứt trừ cái kiến chấp không. Khi thấy các pháp hoại diệt, lập tức khởi niệm dứt trừ cái kiến chấp có. Bởi thế cho nên, đối với tất cả các pháp, tuy đã có chỗ thấy biết, chúng đều như huyễn, như mộng.

Cho đến cái kiến chấp vô lậu đạo cũng còn phải diệt trừ thay, huống là các pháp khác. Bởi vậy, nếu không thấy được pháp tịch tĩnh vắng lặng yên ổn, diệt trừ mọi kiến chấp, thì người ấy chỉ thấy có, thấy không.

Hết Phẩm 5

PHẨM 6

QUÁN VỀ Ô NHIỄM VÀ NGƯỜI Ô NHIỄM (10 bài kệ)

HỎI: Trong khế kinh dạy, tham dục, sân nhuế và ngu si, là căn bản phiền não của thế gian.

Tham dục có nhiều tên gọi: Tên gọi đầu là "Ái", rồi "Đắm trước", rồi "Nhiễm", rồi "Dâm dục". Có bấy nhiêu tên gọi, chúng là những kiết sử nương tựa nơi chúng sanh. Chúng sanh là người nhiễm, tham dục là pháp nhiễm. Có pháp nhiễm, người nhiễm thì có tham dục. Còn hai pháp kia (sân nhuế, ngu si) cũng như vậy.

Có sân thời có người sân, có si thời có người si. Vì ba độc hại này là nhân duyên sanh khởi ba nghiệp. Ba nghiệp khởi sanh ba cõi. Bởi vậy mà có ra tất cả các pháp.

ĐÁP: Khế kinh tuy có nói danh tự ba độc, nhưng tìm cầu thật tánh thì không thể có được. Vì sao?

1. Nhược ly ư nhiễm pháp
Tiên tự có nhiễm giả
Nhân thị nhiễm dục giả
Ứng sanh tự nhiễm pháp

(Nếu ngoài pháp ô nhiễm
Trước tự có người nhiễm
Nhân nơi người nhiễm dục
Mới có pháp ô nhiễm)

2. Nhược vô hữu nhiễm giả
Vân hà đương hữu nhiễm
Nhược hữu nhược vô nhiễm
Nhiễm giả diệc như thị

(Nếu không có pháp nhiễm
Làm sao có nhiễm ô
Có hoặc không nhiễm ô
Thì người nhiễm cũng vậy)

Nếu trước quyết định đã có người nhiễm, thì không còn phải nhiễm, vì người nhiễm, trước đó đã nhiễm. Nếu trước quyết định không có người nhiễm, lại cũng không nên khởi nhiễm. Vì phải có người nhiễm trước, sau mới khởi sanh nhiễm. Nếu trước không có người nhiễm, thì không có người thọ nhiễm. Pháp nhiễm cũng vậy, Nếu trước lìa ngoài người nhiễm quyết định có pháp nhiễm; như vậy pháp nhiễm ấy là pháp không có nhân, thì làm sao khởi sanh nhiễm. Cũng như lửa không có củi. Nếu trước quyết định không có pháp nhiễm, thì không có người nhiễm. Bởi vậy, trong kệ nói: Hoặc có hoặc không có nhiễm, người nhiễm cũng như vậy.

HỎI: Nếu pháp nhiễm, người nhiễm, trước sau chờ đợi nhau sanh khởi, là việc không thể được. Nếu sanh ra trong cùng một lúc thì có lỗi gì?

ĐÁP:

3. Nhiễm giả cập nhiễm pháp
 Câu thành tắc bất nhiên
 Nhiễm giả nhiễm pháp câu
 Tắc vô hữu tương đãi

(Người nhiễm và pháp nhiễm
 Sanh một lúc, không đúng
 Hai việc cùng lúc có
 Thời mất tánh tương đãi)

Nếu pháp nhiễm và người nhiễm ô, cùng thành trong một lúc, thì không có tánh tương quan đối đãi nhau. Người ô nhiễm không có nhân mà có pháp nhiễm, pháp nhiễm ô không có nhân mà có người nhiễm ô. Cả hai việc đó là lẽ bình thường, vì nó không nhân vào đâu mà thành. Nếu thường thì có nhiều lầm lỗi, không có cách nào để giải thoát.

Lại nữa, nay sẽ dùng pháp "Một" và "Khác" để luận phá pháp ô nhiễm và người nhiễm ô. Vì sao vậy?

4. Nhiễm giả nhiễm pháp nhất
 Nhất pháp vân hà hiệp
 Nhiễm giả nhiễm pháp dị
 Dị pháp vân hà hiệp

(Người, pháp nhiễm là một
 Một làm sao hợp nhau
 Người, pháp nhiễm khác nhau
 Khác nhau làm sao hợp)

Pháp nhiệm và người nhiệm, nếu cho là do cùng một pháp hợp lại, hay do khác pháp hợp lại. Nếu một thì không thành vấn đề hợp. Vì sao? Vì đã một pháp thì làm sao tự hợp. Như đầu ngón tay, không thể tự xúc chạm với đầu ngón tay. Nếu cho là do khác pháp hợp lại, thì cũng không thể được. Vì sao vậy? Vì do pháp khác hợp lại mà thành. Nếu do pháp khác đã thành rồi, thì không cần phải hợp lại nữa. Vì sao? Vì tuy có hợp lại mà vẫn là khác.

Lại nữa, “Một” hay ”Khác” cũng đều không thể được. Vì sao vậy?

5. Nhược nhất hữu hợp giả
Ly bạn ưng hữu hợp
Nhược dị hữu hợp giả
Ly bạn diệc ưng hợp

(Nếu một pháp có hợp
Ngoài bạn ra, có hợp
Nếu khác pháp, có hợp
Ngoài bạn cũng có hợp)

Nếu pháp nhiệm và người nhiệm là một, thì gắng gượng mà nói có hợp. Thì, ngoài các nhân duyên khác, vẫn có người nhiệm và pháp nhiệm.

Lại nữa, nếu một pháp, cũng không được có hai tên gọi pháp nhiệm, người nhiệm. Nhiệm là pháp, người nhiệm là nhân. Nếu người và pháp là một thì đại loạn.

Nếu pháp nhiệm và người nhiệm mỗi khác nhau mà có hợp, thì không cần các nhân duyên khác mà vẫn hợp. Nếu pháp khác mà nói có hợp, thời tuy ở xa nhau mà cũng có thể có hợp.

HỎI: Nếu pháp một không thể có hợp, điều đó có thể chấp nhận. Vậy thì, mắt thấy sắc, là hai pháp khác nhau cộng hợp?

ĐÁP:

6. Nhược dị nhi hữu hợp
Nhiễm, nhiễm giả hà sự
Thị nhị tướng tiên dị
Nhiên hậu thuyết hợp tướng

(Pháp khác nhau có hợp
Người, pháp hợp thành gì
Hai tướng trước vốn khác
Sau gượng nói tướng hợp)

Nếu pháp nhiệm và người nhiệm, trước đã quyết định có tướng khác nhau, sau mới có tướng hợp. Vậy là không có tướng hợp. Vì sao vậy? Vì hai tướng ấy, pháp nhiệm và người nhiệm, trước vốn đã khác nhau rồi. Sau mới gượng nói tướng hợp đó thôi.

Lại nữa,

7. Nhược nhiệm cập nhiệm giả
Tiên các thành dị tướng
Ký dĩ thành dị tướng
Vân hà nhi ngôn hợp

(Nếu nhiệm và người nhiệm
Trước đã mỗi khác nhau
Đã thành tướng khác nhau
Làm sao mà nói hợp)

Nếu pháp nhiệm và người nhiệm, trước đó mỗi mỗi đã thành biệt tướng. Ông nay vì sao nói, đó là tướng hợp.

Lại nữa,

8. Dị tướng vô hữu thành
Thị cố nhữ dục hợp
Hợp tướng cánh vô thành
Nhi phục thuyết dị tướng

(Tướng khác nhau không thành
Vì thế ông muốn hợp
Hợp tướng càng không thành
Lại nói tướng khác nhau)

Ông đã nói tướng pháp nhiệm, người nhiệm khác nhau không thành. Cho nên lại nói tướng hợp. Trong tướng hợp có lỗi, pháp nhiệm người nhiệm không thành. Ông vì muốn thành lập tướng hợp, lại nói tướng khác nhau. Như vậy, ông tự cho mình là quyết định mà lại nói ra những điều không quyết định. Vì sao vậy?

9. Dị tướng bất thành cố
Hợp tướng tắc bất thành
Ư hà dị tướng trung
Nhi dục thuyết hợp tướng

(Tướng khác nhau không thành
Nên tướng hợp chẳng thành
Vậy, tướng khác nào nữa
Mà muốn lập tướng hợp)

Vì ở đây, trong tướng khác nhau của pháp nhiệm người nhiệm không thành; nên tướng hợp cũng không thành. Nay ông vì có tướng khác nhau nào nữa, mà muốn lập tướng hợp?

Lại nữa,

10. Như thị nhiệm, nhiệm giả
Phi hợp bất hợp thành
Chư pháp diệt như thị
Phi hợp bất hợp thành

(Như vậy nhiệm, người nhiệm
Chẳng hợp, chẳng không, thành
Các pháp cũng như vậy
Chẳng hợp, chẳng không, thành)

Cũng như tham nhiệm, sân nhuế, si mê cũng như vậy. Cũng như ba độc, tất cả phiền não, tất cả các pháp cũng như vậy. Không phải trước, không phải sau, không phải hợp, không phải tan. Tất cả đều do nhân duyên mà thành tựu.

Hết Phẩm 6
HẾT CUỐN 1

PHẨM 7**QUÁN VỀ BA TƯỚNG**

(35 bài kệ)

HỎI: Khế kinh nói: Các pháp hữu vi có ba tướng: Tướng sanh, tướng trụ và tướng diệt. Vạn vật do có tướng sanh, nên có pháp sanh; do có tướng trụ, nên có pháp trụ; do có tướng diệt, nên có pháp diệt. Do vậy mà có ra các pháp có phải không?

ĐÁP: Không phải như vậy. Vì sao? Vì ba tướng không có tánh quyết định. Ba tướng ấy là tướng của pháp hữu vi; mà có khả năng tạo tác ra pháp hữu vi; hoặc, nó là pháp vô vi mà có khả năng tạo tác ra pháp hữu vi. Cả hai trường hợp đều không hợp lý. Vì sao vậy?

1. Nhược sanh thị hữu vi
Tắc ung hữu tam tướng
Nhược sanh thị vô vi
Hà danh hữu vi tướng

(Nếu sanh là hữu vi
Thời phải có ba tướng
Sanh là vô vi pháp
Sao gọi hữu vi tướng)

Nếu sanh là pháp hữu vi, thời phải có ba tướng, tướng sanh, tướng trụ và tướng diệt. Điều đó không đúng. Vì sao vậy? Vì ba tướng chống trái nhau. Trái nhau là vì, do có tướng sanh, chỉ tương ứng với pháp sanh; tướng trụ chỉ tương ứng với pháp trụ; tướng diệt chỉ tương ứng với pháp diệt.

Nếu khi có pháp sanh, thời không thể tướng trụ, tướng diệt, trái với pháp sanh trong cùng một lúc. Như vậy là không hợp lý. Như ánh sáng và bóng tối không thể cùng có một lúc. Như vậy sanh không phải là pháp hữu vi. Tướng trụ, tướng diệt cũng lại như vậy,

HỎI: Nếu sanh chẳng phải là pháp hữu vi. Nếu là pháp vô vi thì có lỗi gì?

ĐÁP: Nếu sanh là pháp vô vi, thì làm sao có thể làm biểu tướng cho pháp hữu vi. Vì sao vậy? Vì pháp vô vi không tánh. Nhân diệt hữu vi mà có vô vi. Bởi vậy nên nói, không sanh, không diệt là tướng của pháp vô vi.

Lại nữa, vì nó không có tự tướng, nên nó là vô pháp, không thể làm biểu tướng cho pháp gì cả. Cho nên sanh, chẳng phải là pháp vô vi: Tướng trụ, tướng diệt cũng lại như vậy.

Lại nữa,

2. Tam tướng nhược tự tán
Bất năng hữu tự tướng
Vân hà ư nhất xứ
Nhất thời hữu tam tướng

(Ba tướng hoặc tự, tán
Không biểu tướng hữu vi
Làm sao ở một nơi
Một lúc có ba tướng)

Tướng sanh, tướng trụ, tướng diệt, ba tướng ấy, hoặc mỗi một tướng đều có khả năng làm biểu tướng cho các pháp hữu vi. Hoặc có khả năng hòa hợp lại cùng làm biểu tướng cho các pháp hữu vi. Cả hai khả năng này đều không hợp lý.

Vì, hoặc cho mỗi một tướng, ở trong một nơi, hoặc có tướng này không có tướng kia. Như khi sanh, thì có tướng sanh, không có tướng trụ, tướng diệt, khi trụ, thì có tướng trụ, không có tướng sanh, tướng diệt; khi diệt, thì có tướng diệt, không có tướng sanh, tướng trụ.

Hoặc cho hòa hợp ba tướng. Ba tướng ấy trái nhau, làm sao trong cùng một lúc, có đủ ba tướng. Hoặc cho ba tướng, lại cũng có ba tướng, thì cũng không đúng. Vì sao vậy?

3. Nhược vị sanh trụ diệt
Cánh hữu hữu vi tướng
Thị tức vi vô cùng
Vô tức phi hữu vi.

(Nếu cho sanh trụ diệt
Lại có tướng hữu vi
Như vậy là vô cùng
Vô cùng, chẳng hữu vi)

Nếu bảo sanh, trụ, diệt lại có ba tướng hữu vi. Sanh, lại có tướng sanh, tướng trụ, tướng diệt. Như vậy ba tướng lại phải có ba tướng nữa. Nếu như vậy thời sẽ vô cùng tận. Nếu lại ba tướng, không còn ba tướng nữa. Thời ba

tướng ấy, không còn gọi là pháp hữu vi; mà cũng không thể có khả năng làm biểu tướng cho pháp hữu vi.

HỎI: Ông cho ba tướng là vô cùng. Việc ấy không đúng. Sanh, trụ, diệt tuy là pháp hữu vi, nhưng mà chẳng phải là vô cùng. Vì có sao vậy?

4. Sanh sanh chi sở sanh
 Sanh ư bỉ bốn sanh
 Bốn sanh chi sở sanh
 Hoàn sanh ư sanh sanh

(Tướng sanh sanh khởi sanh
 Sanh ra tướng bốn sanh
 Tướng bốn sanh, sanh khởi
 Trở lại sanh, sanh sanh)

Khi pháp sanh, thông cả tự thể bảy pháp cộng sanh.

Bảy pháp là: 1. Pháp 2. Sanh 3. Trụ 4. Diệt 5. Sanh sanh. 6. Trụ trụ 7. Diệt diệt. Trong bảy pháp này, bốn sanh thì trừ tự thể, nó có thể sanh ra sáu pháp là: Sanh sanh, có thể sanh ra bốn sanh. Bốn sanh có thể sanh ra sanh sanh. Bởi vậy ba tướng tuy là pháp hữu vi, mà chẳng phải vô cùng.

ĐÁP:

5. Nhược vị thị sanh sanh
 Năng sanh ư bốn sanh
 Sanh sanh tùng bốn sanh
 Hà năng sanh bốn sanh

(Nếu bảo tướng sanh sanh
 Có thể sanh bốn sanh
 Sanh sanh từ bốn sanh
 Làm sao sanh bốn sanh)

Nếu nói sanh sanh, có thể sanh ra bốn sanh. Thời sanh sanh không thể nói từ bốn sanh mà sanh ra. Vì sao? Vì sanh sanh từ bốn sanh mà sanh khởi, thì làm sao có khả năng sanh ra bốn sanh được.

Lại nữa,

5. Nhược vị thị bốn sanh
 Năng sanh ư sanh sanh
 Bốn sanh tùng bỉ sanh
 Hà năng sanh sanh sanh

(Nếu bảo rằng, bốn sanh
Có thể sanh, sanh sanh
Bốn sanh từ, sanh sanh
Làm sao sanh, sanh sanh)

Nếu nói rằng, bốn sanh có thể sanh ra sanh sanh. Thì bốn sanh không thể nói từ sanh sanh mà sanh ra. Vì sao? Vì bốn sanh là từ sanh sanh mà sanh ra, thì làm sao có thể sanh ra bốn sanh. Bởi vậy, bốn sanh không thể sanh ra sanh sanh.

HỎI: Khi sanh sanh, sanh khởi, chẳng phải trước, chẳng phải sau, mà có thể sanh ra bốn sanh. Thì ngay khi sanh sanh, sanh khởi, là có thể sanh ra bốn sanh.

ĐÁP: Nói vậy là không đúng. Vì sao vậy?

7. Nhược sanh sanh, sanh thời
Năng sanh ư bốn sanh
Sanh sanh thương vị hữu
Hà năng sanh bốn sanh

(Khi sanh sanh, sanh ra
Có thể sanh, bốn sanh
Sanh sanh còn chưa có
Làm sao sanh bốn sanh)

Nếu nói rằng, khi sanh sanh, sanh ra, thì có thể sanh ra bốn sanh. Nói như vậy có thể chấp nhận. Nhưng thật ra, khi ấy sanh sanh chưa có. Cho nên khi sanh sanh, sanh ra, không thể sanh ra bốn sanh.

Lại nữa,

8. Nhược bốn sanh, sanh thời
Năng sanh ư sanh sanh
Bốn sanh thương vị hữu
Hà năng sanh, sanh sanh

(Nếu khi bốn sanh, sanh
Có thể sanh, sanh sanh
Bốn sanh còn chưa có
Làm sao sanh, sanh sanh)

Nếu bảo rằng, ngay khi bản sanh, sanh ra, có thể sanh ra sanh sanh. Nói như vậy có thể được. Nhưng thật sự thì lúc ấy, bản sanh còn chưa có. Cho nên, ngay khi bản sanh, sanh ra, không thể sanh ra sanh sanh.

HỎI: 9. Như đăng năng tự chiếu
 Nhược năng chiếu u bi
 Sanh pháp diệt như thị
 Tự sanh diệt sanh bi

(Như ngọn đèn tự chiếu
 Cũng chiếu sáng vật khác
 Pháp sanh cũng như vậy
 Tự sanh cũng sanh tha)

Như ngọn đèn trong ngôi nhà tối, chiếu sáng mọi vật, cũng tự thấp sáng mình. Pháp sanh cũng vậy. Có khả năng sanh khởi mọi vật, cũng có thể tự sanh cho mình.

ĐÁP: Không phải vậy. Vì sao?

10. Đăng trung tự vô ám
 Trụ xứ diệt vô ám
 Phá ám nãi danh chiếu
 Vô ám tác vô chiếu

(Trong đèn tự không tối
 Chỗ đèn chiếu không tối
 Phá bóng tối, chiếu sáng
 Không bóng tối, không chiếu)

Tự thể của đèn không tối, ánh sáng và chỗ chiếu tối, cũng không tối. Sáng và tối tương phản nhau. Phá tối cho nên gọi là chiếu. Không có bóng tối thì không chiếu sáng. Đâu được nói đèn tự chiếu sáng, cũng chiếu cái khác.

HỎI: Chẳng phải đèn khi chưa đỏ, có chiếu sáng. Cũng chẳng phải đèn đã đỏ rồi, có chiếu sáng. Mà chính khi đèn đang đỏ, có khả năng tự chiếu sáng, cũng chiếu sáng các vật khác?

ĐÁP:

11. Vân hà đăng sanh thời
 Nhi năng phá u ám

Thử đăng sơ sanh thời
Bất năng cập ư ám

(Vi sao đèn mới đốt
Có thể phá bóng tối
Đèn này mới đốt lên
Sáng không đủ chiếu tối)

Đèn ngay khi mới thắp lên, nửa đỏ, nửa chưa đỏ. Vì tự thể của đèn chưa được viên mãn; làm sao có thể phá bóng tối. Lại vì đèn, không bắt kịp bóng tối. Như người bắt được giặc, mới gọi là phá được giặc.

Nếu bảo rằng, đèn tuy không đi tới được vùng bóng tối, nhưng có thể phá được bóng tối. Nói như vậy cũng không đúng lắm. Vì sao vậy?

12. Đăng nhược vị cập ám
Nhi năng phá ám giả
Đăng tại ư thử gian
Tắc phá nhất thiết ám

(Đèn chưa đến bóng tối
Mà phá được bóng tối
Đèn chỉ ở nơi này
Phá được khắp bóng tối)

Nếu đèn có năng lực, không đi đến nơi tối, mà có thể phá được bóng tối. Chỗ này đốt đèn, cũng có thể phá được bóng tối ở mọi nơi khác. Mà đèn không cần đi đến bất cứ nơi đâu.

Lại nữa, đèn không thể tự chiếu sáng mình, và chiếu sáng mọi vật khác. Vì sao vậy?

13. Nhược đăng năng tự chiếu
Diệc năng chiếu ư bỉ
Ám diệc ung tự ám
Diệc năng ám ư bỉ

(Nếu đèn chiếu sáng mình
Cũng chiếu sáng vật khác
Bóng tối, che tối mình
Cũng che tối vật khác)

Nếu đèn sáng và bóng tối, trái nhau. Cho nên có khả năng chiếu sáng mình, cũng chiếu sáng vật khác. Bóng tối và đèn sáng trái nhau, không thể tự che tối mình và che tối vật khác. Đèn sáng và bóng tối trái nhau cũng không thể chiếu sáng mình và chiếu sáng vật khác.

Thế nên, nay ông lấy đèn làm ví dụ (cho ba tướng: Tướng sanh, tướng sanh ra và tướng sanh ra tướng sanh khác) là không đúng. Vì những lý do nêu trên, việc phá bỏ tướng sanh chưa hoàn thiện, nên nay lại nói tiếp.

14. Thử sanh nhược vị sanh

Vân hà năng tự sanh
Nhược sanh dĩ tự sanh
Sanh dĩ hà dụng sanh

(Tướng sanh nếu chưa sanh
Làm sao để tự sanh
Tướng sanh đã tự sanh
Sanh rồi, thôi cần sanh)

Tướng sanh khi tự sanh, là tướng sanh đã sanh mà tự sanh, hay là chưa sanh mà tự sanh. Nếu chưa sanh mà tự sanh, chưa sanh thì không có pháp gì cả. Không có pháp gì cả thì làm sao có thể tự sanh.

Nếu bảo, tướng sanh đã sanh mà tự sanh thời đã sanh và đã thành rồi, không cần phải sanh lại nữa. Cũng như việc gì đã làm rồi, thì không cần phải làm lại nữa. Hoặc đã sanh mà tự sanh, hoặc chưa sanh mà tự sanh, cả hai đều là không sanh. Cho nên các pháp vô sanh. Trước đây khi nói về tướng sanh, ông đã dùng thí dụ đèn, đèn có thể tự chiếu sáng mình, cũng chiếu sáng vật khác. Việc này không đúng. Còn tướng trụ, tướng diệt cũng lại như vậy.

Lại nữa,

15. Sanh phi sanh dĩ sanh

Diệc phi vị sanh sanh
Sanh thời diệc bất sanh
Khứ lai trung dĩ đáp

(Sanh, chẳng sanh, sanh
Chẳng phải chưa sanh, sanh
Khi sanh cũng chẳng sanh
Phẩm Đi, lại đã giải)

Tướng sanh là do nhiều nhân duyên hòa hợp mà có sanh. Trong khi đã sanh, không có tác dụng nên không có sanh. Trong khi chưa sanh không có tác dụng nên cũng không có sanh. Trong khi đang sanh cũng không đúng.

Lìa ngoài pháp sanh, khi sanh cũng không thể có được. Lìa ngoài khi sanh, pháp sanh cũng không có được. Làm sao khi đang sanh có sanh. Việc này trong Phẩm Đi lại đã giải thích. Pháp đã sanh không thể sanh. Vì sao vậy? Vì đã sanh rồi lại sanh. Như vậy cứ triển chuyển mãi cho đến vô cùng. Như việc đã làm rồi, lại làm.

Lại nữa, nếu đã sanh rồi lại sanh nữa, thì lấy pháp sanh gì mà sanh. Nếu tướng sanh ấy chưa sanh mà nói tướng ấy đã sanh, thì trái với lời đã nói. Vì sao vậy? Tướng sanh ấy chưa sanh mà ông nói sanh. Nếu tướng ấy chưa sanh mà nói sanh, thì hoặc pháp ấy có thể sanh rồi mà lại sanh. Hoặc có thể chưa sanh mà sanh. Trước đây ông đã từng nói sanh rồi sanh. Vậy là bất định.

Lại nữa, như đốt cháy rồi, không nên lại đốt nữa; đã đi rồi không nên lại đi. Vì các nhân duyên như vậy, nên biết, sanh rồi, không nên lại sanh. Pháp chưa sanh, cũng chẳng sanh. Vì sao vậy? Vì pháp, nếu chưa sanh ra, thời không hòa hợp với các nhân duyên sanh ra pháp ấy. Nếu không cùng nhân duyên hòa hợp sanh ra pháp ấy, thời không có pháp sanh. Nếu pháp chưa hòa hợp cùng với các nhân duyên sanh ra nó, mà vẫn sanh. Như vậy, không tạo tác, tức là tạo tác; không đi, tức là đi; không ô nhiễm, tức là ô nhiễm; không sân giận, tức là sân giận; không si mê, tức là si mê. Như vậy, thời đều phá bỏ hết thảy thế gian pháp. Thế nên, pháp chưa sanh, chẳng sanh.

Lại nữa, nếu pháp chưa sanh mà sanh, thời thế gian những pháp chưa sanh, đều có thể sanh. Như vậy, tất cả hàng phàm phu, chưa sanh Bồ đề tâm, nay có thể sanh Bồ đề tâm là pháp bất hoại. Bạc A La hán không có phiền não, nay có thể sanh phiền não. Loài thú loài chồn... không có sừng, nay đều có thể mọc sừng... tất cả chỉ là những việc không hợp lý.

Hỏi rằng, pháp chưa sanh, thời chẳng sanh. Vì chưa có đủ nhân duyên, không có tác nghiệp, không có tác giả, không có thời gian, không có phương sở, nên chẳng sanh.

Nếu đủ duyên, có tác nghiệp, có tác giả, có thời gian, có phương sở, hòa hợp. Cho nên pháp chưa sanh có thể sẽ sanh. Bởi thế cho nên, nếu nói tất cả các pháp chưa sanh đều chẳng sanh, việc đó là không đúng.

Đáp rằng, pháp có đủ duyên, có thời gian, có phương sở... hòa hợp thì sanh. Vậy thì, trước đó, pháp đã có sẵn cũng chẳng sanh; trước đây không có sẵn cũng chẳng sanh; hoặc sẵn có, hoặc không sẵn có, cũng chẳng sanh. Cả ba chủng loại này như trước đã phá bỏ. Vậy thì, đã sanh, chẳng sanh; chưa sanh cũng chẳng sanh; đang khi sanh cũng chẳng sanh. Vì sao vậy? Vì một phần nửa đã sanh rồi, nên chẳng sanh; một phần nửa chưa sanh nên cũng chẳng sanh. Như trước đã giải thích.

Lại nữa, nếu lìa ngoài sanh mà có lúc sanh, thời lúc sanh có sanh. Nhưng lìa ngoài sanh, không có lúc sanh. Thế nên, khi sanh cũng chẳng sanh.

Lại nữa, nếu nói lúc đang sanh, có sanh, thời có lỗi là có hai sanh. Một là vì có sanh, nên gọi là sanh; hai là do sanh trong khi sanh. Cả hai đều không đúng. Vì không có hai pháp, làm sao có hai sanh. Thế nên lúc sanh cũng chẳng sanh.

Lại nữa, pháp sanh chưa phát khởi, thời không có lúc sanh. Lúc sanh không có thì sanh nương vào đâu. Cho nên, không được nói lúc sanh có sanh. Như vậy, sự truy tìm để biết pháp đã sanh không sanh; pháp chưa sanh, không sanh; pháp đang sanh không sanh. Không sanh cho nên sanh tướng không thành. Tướng sanh không thành; nên tướng trụ, tướng diệt cũng không thành. Tướng sanh, tướng trụ, tướng diệt không thành nên pháp hữu vi không thành. Do vậy, trong kệ nói: Đã giải thích các vấn đề, đi, chưa đi, đang đi.

HỎI: Tôi không định nói rằng, sanh rồi, sanh; chưa sanh thời sanh; lúc đang sanh, có sanh; mà chỉ nói, do các nhân duyên hòa hợp, cho nên mới có sanh?

ĐÁP: Ông tuy có nói như vậy. Nhưng điều ấy không đúng. Vì sao vậy?

16. Nhược vị sanh thời sanh
Thị sự dĩ bất thành
Vân hà chúng duyên hợp
Nhĩ thời nhi đắc sanh

(Nói khi sanh, có sanh
Việc ấy đã không thành
Sao còn nói duyên hợp
Bấy giờ mới được sanh)

Nói khi đang sanh, có sanh. Điều này đã dùng nhiều nhân duyên để phá bỏ rồi. Nay ông vì có gì lại nói do các nhân duyên hòa hợp lại nên mới có sanh. Do các nhân duyên đầy đủ, và không đầy đủ đều cùng với tướng sanh đồng phá bỏ.

Lại nữa,

17. Nhược pháp chúng duyên sanh
Tức thị tịch diệt tánh
Thị cố sanh sanh thời
Thị nhị câu tịch diệt

(Nếu pháp do duyên sanh
Tức là tánh tịch diệt
Vậy tướng sanh khi sanh
Cả hai đều tịch diệt)

Các pháp do các duyên sanh. Vì không có tự tánh nên gọi là tịch diệt. Tịch diệt gọi là không. Không có tướng này không có tướng kia. Đoạn sạch nói phô, bật dứt hý luận. Các duyên, có nghĩa như, nhân có sợi tơ mà có vải; nhân cây cỏ lác mà có chiếu. Nếu sợi tơ tự có tướng nhất định, thì không thể từ nơi gai mà ra. Nếu vải tự có tướng nhất định, thì không thể từ tơ mà ra. Mà thật sự thì từ tơ mà có vải, từ gai mà có tơ. Bởi vậy cho nên, tơ cũng không có tướng nhất định. Vải cũng không có tướng nhất định. Như bị đốt cháy và khả năng đốt cháy, do nhân duyên hòa hợp mà thành.

Không có tự tánh, khả năng đốt cháy không có, nên bị đốt cháy cũng không có. Bị đốt cháy không có, nên khả năng đốt cháy cũng không có. Hết thấy các pháp cũng như vậy. Bởi thế nên, từ các nhân duyên sanh ra, các pháp không có tự tánh. Không có tự tánh, nên các pháp là “không”. Như ngựa hoang dã, chạy theo sóng nắng không thật. Thế nên, trong kệ nói: Sanh và lúc sanh, cả hai đều tịch diệt. Không nên nói, khi sanh có sanh. Ông tuy có nhiều nhân duyên muốn được thành tựu tướng sanh. Vậy là hý luận, chẳng phải là tướng tịch diệt.

HỎI: Nhất định có ba đời khác biệt. Đời vị lai, pháp có khả năng sanh. Nếu hội đủ nhân duyên là sanh. Vì có gì mà nói pháp vô sanh?

ĐÁP:

18. Nhược hữu vị sanh pháp
Thuyết ngôn hữu sanh giả
Thử pháp tiên dĩ hữu
Cánh phục hà dụng sanh

(Nếu có pháp chưa sanh
Mà nói pháp có sanh
Pháp này trước có rồi
Đâu cần gì sanh nữa)

Nếu trong đời vị lai, có pháp chưa sanh mà sanh, pháp ấy trước đã có rồi, đâu cần phải sanh nữa. Pháp đã có rồi, không cần sanh lại nữa.

HỎI: Vì pháp ở đời vị lai tuy có, chẳng phải như tướng hiện tại. Vì tướng hiện tại nên gọi là sanh?

ĐÁP: Tướng hiện tại không có trong đời vị lai. Nếu không có thì tại sao nói, pháp trong đời vị lai có khả năng sanh, nên sanh. Nếu pháp đã sẵn có thì không thể gọi vị lai, mà phải gọi là hiện tại. Mà hiện tại thì không thể sanh lại nữa. Do đó, pháp đã có sẵn hay không có sẵn, trong đời vị lai, cả hai đều không sanh, cho nên chẳng sanh.

Lại nữa, ông bảo, khi sanh tự sanh và cũng có khả năng sanh vật khác. Nay sẽ lại nói:

19. Nhược ngôn sanh, thời sanh
Thị năng hữu sở sanh
Hà đắc cánh hữu sanh
Nhi năng sanh thị sanh

(Lúc đang sanh có sanh
Tất có cái được sanh
Đâu được có lại sanh
Mà khả năng sanh tướng sanh)

Nếu tướng sanh khi sanh, có thể sanh ra cái khác. Cái sanh ấy lại có thể sanh cái gì?

20. Nhược vị cánh hữu sanh
Sanh sanh tắc vô cùng
Ly sanh sanh hữu sanh
Pháp giai năng tự sanh

(Nếu sanh có tướng riêng
Thời sanh mãi vô cùng
Ngoài sanh sanh, có sanh
Pháp, khả năng tự sanh)

Nếu sanh lại có tướng sanh, thời sanh, sanh mãi vô cùng. Nếu sanh ấy lại không sanh mà tự sanh cái khác. Thì hết thấy các pháp đều có khả năng tự sanh. Mà thật sự thì không phải vậy.

Lại nữa,

21. Hữu pháp bất ung sanh
Vô diệt bất ung sanh
Hữu vô diệt bất sanh
Thử nghĩa tiên dĩ thuyết

(Pháp đã có, không thể sanh
Pháp không có, không thể sanh
Có, không có, không thể sanh
Nghĩa như vậy trước đã nói)

Phàm pháp nào có sanh ra, là đã có pháp mà có sanh, hay không pháp mà có sanh, hay có pháp vừa không có pháp mà có sanh, thấy đều không đúng. Việc này trước đây đã nói. Ngoài ba việc này, lại không có sanh, thế nên không sanh.

Lại nữa,

22. Nhược chư pháp diệt thời
Thị tắc bất ung sanh
Pháp nhược bất diệt giả
Chung vô hữu thị sự

(Nếu các pháp lúc diệt
Vậy thời không thể sanh
Các pháp nếu không diệt
Việc ấy không thể có)

Nếu pháp có tướng diệt, pháp ấy không thể sanh. Vì sao vậy? Vì hai tướng sanh và diệt trái nhau. Một là có tướng diệt, biết pháp ấy diệt; một là có tướng sanh, biết pháp ấy sanh. Pháp có hai tướng trái nhau trong cùng một lúc, thời không đúng. Cho nên, pháp có tướng diệt, pháp ấy không thể sanh.

HỎI: Nếu pháp có tướng diệt, pháp ấy không thể sanh. Nếu pháp không có tướng diệt, pháp ấy có thể sanh?

ĐÁP: Tất cả các pháp hữu vi, niệm niệm diệt, không một pháp nào không diệt. Ngoài pháp hữu vi, quyết định không có pháp vô vi. Pháp vô vi

chỉ có trên danh tự. Cho nên nói, pháp không bị hủy diệt, hoàn toàn không có việc đó.

HỎI: Nếu pháp không “sanh”, có thể “trụ”?

ĐÁP:

23. Bất trụ pháp bất trụ
Trụ pháp diệt bất trụ
Trụ thời diệt bất trụ
Vô sanh vân hà trụ

(Pháp không trụ, không trụ
Có trụ cũng không trụ
Đang trụ cũng không trụ
Vô sanh làm sao trụ)

Pháp không trụ thời không trụ, vì không có tướng trụ. Pháp trụ cũng không trụ. Vì sao? Vì đã có trụ rồi. Nhân khi đi mà có trụ. Nếu pháp trụ đã có trước rồi thì không thể lại có trụ nữa. Khi đang trụ cũng không có trụ. Ngoài trụ và không có trụ ra, lại không có lúc trụ. Thế nên, cũng không có trụ.

Như vậy, tìm cầu tướng trụ khắp nơi, đều không có được. Không có trụ tức vô sanh. Nếu vô sanh, làm sao có trụ.

Lại nữa,

24. Nhược chư pháp diệt thời
Thị tắc bất ưng trụ
Pháp nhược bất diệt giả
Chung vô hữu thị sự

(Nếu các pháp lúc diệt
Vậy thời không thể trụ
Các pháp nếu không diệt
Việc ấy không thể có)

Nếu pháp khi có tướng diệt, pháp ấy không có tướng trụ. Vì sao? Vì trong một pháp mà có hai tướng trái nhau. Một là tướng diệt hai là tướng trụ. Trong một nơi, cùng một lúc mà có hai tướng trái nhau là không đúng. Bởi thế, không được nói, tướng pháp đang khi hủy diệt có tướng trụ.

HỎI: Nếu pháp không hủy diệt, có thể có tướng trụ?

ĐÁP: Không có pháp nào là pháp không hủy diệt. Vì sao vậy?

25. Sở hữu nhất thiết pháp
Giai thị lão tử tướng
Chung bất kiến hữu pháp
Ly lão tử vô trụ

(Bao nhiêu pháp hiện có
Đều là tướng già, chết
Không thấy có pháp nào
Ngoài già chết có trụ)

Tất cả các pháp khi mới sanh ra đã mang theo vô thường. Ruổi theo vô thường có hai pháp mang tên gọi già và chết. Như vậy, hết thấy các pháp luôn có già và chết. Cho nên, không có thời gian trụ. Vô trụ.

Lại nữa,

26. Trụ bất tự tướng trụ
Diệt bất dị tướng trụ
Như sanh bất tự sanh
Diệt bất dị tướng sanh

(Trụ, không tự tướng trụ
Không do tướng khác trụ
Như sanh không tự sanh
Không do tướng khác sanh)

Nếu có pháp trụ là do tự tướng mà trụ, hay do tướng khác mà trụ? Cả hai đều không đúng. Nếu là do tự tướng mà trụ, thế tức là thường. Tất cả các pháp hữu vi, đều do các duyên mà sanh thành. Nếu pháp trụ tự trụ, thì không gọi là pháp hữu vi. Trụ, nếu tự tướng trụ, pháp cũng có thể tự tướng nó trụ. Như mắt không thể tự thấy. Thì tướng trụ cũng như vậy. Nếu do tướng khác mà trụ, thời tướng trụ lại có tướng trụ. Thế thì vô cùng.

Lại nữa, thấy pháp khác sanh tướng khác, không được không nhân pháp khác mà có tướng khác, vì tướng khác bất định. Thế nên, nhân nơi tướng khác mà trụ, là việc không đúng.

HỎI: Nếu không “trụ” có thể có “diệt”?

ĐÁP: Không có. Vì sao vậy?

27. Pháp dĩ diệt bất diệt
Vị diệt diệt bất diệt
Diệt thời diệt bất diệt
Vô sanh hà hữu diệt

(Pháp đã diệt không diệt
 Chưa diệt cũng không diệt
 Lúc đang diệt không diệt
 Vô sanh sao có diệt)

Nếu pháp đã diệt thời không diệt. Vì trước đó đã có diệt rồi. Pháp chưa diệt cũng không diệt. Lìa ngoài tướng diệt, nên lúc diệt cũng không có diệt. Vì tách ngoài đã diệt và chưa diệt, lại cũng không có lúc đang diệt. Như vậy, đi truy tìm pháp diệt là tìm pháp vô sanh. Vô sanh làm sao có diệt.

Lại nữa,

28. Pháp nhược hữu trụ giả
 Thị tắc bất ưng diệt
 Pháp nhược bất trụ giả
 Thị diệc bất ưng diệt

(Nếu pháp có tướng trụ
 Như vậy không thể diệt
 Pháp nếu không tướng trụ
 Vậy cũng không thể diệt)

Nếu pháp nhất định có tướng trụ, thời không thể diệt. Vì sao? Vì do có tướng trụ. Nếu pháp trụ mà có tướng diệt, thời có hai tướng, tướng trụ và tướng diệt. Thế nên không được nói, trong tướng trụ có tướng diệt. Như sanh và tử không được có trong một lúc. Nếu pháp không có tướng trụ, cũng không có tướng diệt. Vì sao vậy? Vì lìa ngoài tướng trụ. Vì lìa ngoài tướng trụ, thì vô pháp. Vô pháp làm sao mà diệt.

Lại nữa,

29. Thị pháp ư thị thời
 Bất ư thị thời diệt
 Thị pháp ư dị thời
 Bất ư dị thời diệt

(Pháp ấy vào lúc ấy
 Không vì lúc ấy diệt
 Pháp ấy vào lúc khác
 Không diệt vì lúc khác)

Nếu pháp có tướng diệt, thì pháp ấy là từ tự tướng diệt, hay là từ tướng khác mà diệt. Cả hai trường hợp đều không đúng. Vì sao vậy? Vì, như sữa, không diệt ngay trong lúc sữa, mà tùy theo lúc có sữa. Tướng sữa được

trụ (tồn tại) trong một thời gian nhất định. Khi chẳng phải sữa, cũng chẳng phải diệt. Nếu chẳng phải sữa, cũng không được nói sữa diệt.

Lại nữa,

30. Như nhất thiết chư pháp
Sanh tướng bất khả đắc
Dĩ vô sanh tướng cố
Tức diệt vô diệt tướng

(Cũng như hết thủy pháp
Tướng sanh đã không có
Vì không có tướng sanh
Nên cũng không tướng diệt)

Trước đây, truy tìm cái tướng sanh của hết thủy các pháp đều không thể có được. Tướng sanh đã không có, vậy thời cũng tức không có tướng diệt. Phá sanh nếu không có sanh. Sanh đã không có thì làm sao có diệt. Nếu ông thấy chưa thỏa mãn, nên nay lại nói thêm về nhân duyên phá tướng diệt.

31. Nhược pháp thị hữu giả
Thị tức vô hữu diệt
Bất ưng ư nhất pháp
Nhi hữu hữu vô tướng

(Nếu các pháp thật có
Thời tức không thể diệt
Không thể trong một pháp
Đủ hai tướng có, không)

Các pháp khi chúng đang hiện hữu, truy tìm tướng diệt của nó đã không thể có được. Vì sao vậy? Vì sao nói trong một pháp mà vừa có tướng, vừa không có tướng? Cũng như ánh sáng và hình ảnh, không cùng một chỗ.

Lại nữa,

32. Nhược pháp thị vô giả
Thị tức vô hữu diệt
Thí như đệ nhị đầu
Vô cố bất khả đoạn

(Các pháp nếu là không
Vậy thời không có diệt)

Như cái đầu thứ hai
Không có làm sao cắt)

Các pháp nếu không có, thời không có tướng diệt. Cũng thí dụ như cái đầu thứ hai, cánh tay thứ ba không có, nên không thể cắt, đoạn.

Lại nữa,

33. Pháp bất tự tướng diệt
Tha tướng diệt bất diệt
Như tự tướng bất sanh
Tha tướng diệt bất sanh

(Pháp không tự tướng diệt
Không do tha tướng diệt
Như tự tướng không sanh
Tha tướng cũng không sanh)

Như trước đây đã nói về tướng sanh; sanh không tự sanh, cũng không từ tha tướng sanh. Nếu vì tự thể sanh thời không đúng. Vì hết thấy các pháp, mọi sự vật đều từ các duyên mà sanh. Như đầu ngón tay, không thể tự chạm vào đầu ngón tay.

Như vậy là sanh không thể tự sanh. Nói từ tha sanh cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì sanh chưa có, nên sanh không thể từ cái khác mà sanh. Sanh ấy không tự thể. Tự thể không có nên tha thể cũng không. Vì vậy, cho nên nói tha sanh cũng không đúng. Pháp diệt cũng như vậy. Không do tự tướng diệt, cũng không do tha tướng diệt.

Lại nữa,

34. Sanh trụ diệt bất thành
Cố vô hữu hữu vi
Hữu vi pháp vô cố
Hà đắc hữu vô vi.

(Sanh, trụ, diệt không thành
Nếu không pháp hữu vi
Pháp hữu vi không có
Làm sao có vô vi)

Trước đây ông đã nói có các tướng sanh, trụ, diệt cho nên có pháp hữu vi. Vì có pháp hữu vi cho nên có pháp vô vi. Nay vì lẽ truy tìm ba tướng không thể có được, thì làm sao có pháp hữu vi được. Như trước đây nói,

không có pháp nào là pháp vô tướng. Pháp hữu vi không có, thì đâu được có pháp vô vi.

Tướng vô vi pháp là chẳng sanh, chẳng trụ, chẳng diệt. Chỉ khi nào định chỉ tướng hữu vi, nên mới có tướng vô vi. Còn vô vi thì không có tướng riêng. Nhân ngăn làm ba tướng hữu vi mà có tướng vô vi.

Như lửa lấy nóng làm tướng, đất lấy cứng làm tướng, nước lấy ướt làm tướng. Còn vô vi thì không như vậy.

HỎI: Nếu sanh, trụ, diệt rốt ráo là không có, thì tại sao trong luận lại nói đến danh tự?

ĐÁP:

35. Như huyễn diệt như mộng
Như Càn Thát bà thành
Sở thuyết sanh trụ diệt
Kỳ tướng diệt như thị

(Như huyễn cũng như mộng
Như thành Càn Thát bà
Nói về sanh, trụ, diệt
Tướng chúng cũng như vậy)

Các tướng sanh, trụ, diệt quyết định không có. Người phàm phu tham trước, nên quyết định có các tướng ấy. Các bậc Hiền thánh vì lòng lân mẫn xót thương, muốn quyết trừ ngay sự kiến chấp điên đảo ấy. Nên trở lại sử dụng các danh tự kiến chấp ấy để phá trừ các kiến chấp làm cho hàng phàm phu thấy rõ. Ngôn ngữ tuy là đồng, nhưng tâm tướng thì khác.

Như vậy, nói về các tướng sanh, trụ, diệt cũng không nên xem đó là nạn vấn, được tạo tác như huyễn hóa. Không nên trách cứ nguyên do. Để rồi từ đó, sanh khởi tâm tướng lo âu, mừng rỡ. Chỉ cần mắt thấy mà thôi. Mắt thấy như những điều trông thấy trong giấc mộng, không nên tìm kiếm sự thật. Như cung thành Càn Thát bà, chỉ xuất hiện khi mặt trời mọc, mà không hề có thật. Chỉ giả có tạm thời trên danh tự, không lâu sẽ biến mất. Các tướng sanh, trụ và diệt cũng lại như vậy.

Hàng phàm phu mê chấp phân biệt, cho các pháp là có. Còn bậc trí khổ công tìm kiếm, cũng không thể có được.

Hết Phẩm 7

PHẨM 8**QUÁN VỀ TÁC, TÁC GIẢ**

(12 bài kệ)

HỎI: Hiện có tác nghiệp (hành động tạo tác), tác giả (người tạo tác), sử dụng pháp tạo tác (ba nghiệp), ba yếu tố căn bản này hòa hợp lại mà thành quả báo. Vậy thì nên chăng có tác giả và tác nghiệp?

ĐÁP: Từ trước đến nay, ở trong nhiều Phẩm đã được trình bày, mục đích chỉ để phá bỏ tất cả các pháp, không chừa pháp nào. Như phá ba tướng đều là không, nên không có hữu vi. Hữu vi không có, nên cũng không có vô vi. Hữu vi, vô vi đều không, cho nên tất cả các pháp đều không tất cả.

Vậy thì, tác nghiệp và tác giả mà ông nêu ra, nếu là thuộc hữu vi, thì trong hữu vi đã phá rồi; nếu là thuộc vô vi, thì trong vô vi cũng đã phá bỏ rồi. Vậy ông nên thôi đi, chớ hỏi nữa. Tâm ông chấp đắm đã quá sâu! Nếu muốn hỏi nữa, thì tôi lại nói tiếp:

1. Quyết định hữu tác giả
 Bất tác quyết định nghiệp
 Quyết định vô tác giả
 Bất tác vô định nghiệp

 (Quyết định có tác giả
 Không làm quyết định nghiệp
 Quyết định không tác giả
 Không làm nghiệp không (quyết) định)

Nếu trước đã quyết định có tác giả, tức là quyết định có tác nghiệp, thời không có tạo tác. Nếu trước đã quyết định không có tác giả, tức đã quyết định không có tác nghiệp, thời cũng không có tạo tác. Vì sao vậy?

2. Quyết định nghiệp vô tác
 Thị nghiệp vô tác giả
 Định tác giả vô tác
 Tác giả diệt vô nghiệp

 (Quyết định nghiệp vô tung
 Nghiệp ấy không tác giả
 Tác giả không tạo tác
 Tác giả cũng không nghiệp)

Nếu trước đã quyết định có tác nghiệp thì không nên lại có tác giả. Lại nữa, lìa ngoài tác giả, vẫn có tác nghiệp. Như vậy là không đúng. Nếu trước quyết định có tác giả, thì không nên lại có tác nghiệp.

Lại nữa, nếu lìa ngoài tác nghiệp, vẫn có tác giả. Vậy thì việc ấy không đúng. Cho nên quyết định tác giả, quyết định tác nghiệp không thể có tạo tác.

Trước không quyết định có tác giả, không quyết định có tác nghiệp, cũng không thể có tạo tác. Vì sao? Vì xưa nay vốn không có. Có tác giả, có tác nghiệp, còn không thể có tạo tác. Huống nữa không có tác giả, không có tác nghiệp.

Lại nữa,

3. Nhược định hữu tác giả
Diệc định hữu tác nghiệp
Tác giả cập tác nghiệp
Tức đọa ư vô nhân

(Quyết định có tác giả
Cũng quyết có tác nghiệp
Tác giả và tác nghiệp
Tức rơi vào vô nhân)

Nếu trước quyết định có tác giả, quyết định có tác nghiệp, ông cho là tác giả có tạo tác, thế là pháp không có nhân duyên. Ngoài tác nghiệp có tác giả. Ngoài tác giả có tác nghiệp, thế là pháp không từ nhân duyên mà có.

HỎI: Nếu pháp không từ nhân duyên mà có tác giả, có tác nghiệp, thì có lỗi gì?

ĐÁP:

4. Nhược đọa ư vô nhân
Tức vô nhân vô quả
Vô tác vô tác giả
Vô sở dụng tác pháp

(Nếu rơi vào vô nhân
Thời không nhân không quả
Không tạo tác, tác giả
Không pháp dùng tạo tác)

5. Nhược vô tác đấng pháp
 Tác vô hữu tội phước
 Tội phước đấng vô cố
 Tội phước báo diệc vô

(Nếu không pháp tạo tác...
 Thời không có tội phước
 Tội phước... đã không có
 Tội phước báo cũng không)

6. Nhược vô tội phước báo
 Diệc vô hữu Niết bàn
 Chư khả hữu sở tác
 Giai không vô hữu quả

(Nếu không tội phước báo
 Cũng không có Niết Bàn
 Có bao nhiêu tạo tác
 Đều không, không có quả)

Nếu rơi vào chôn không có nhân duyên, thì tất cả các pháp không có nhân, không có quả. Pháp năng sanh gọi là nhân, pháp được sanh gọi là quả. Vậy cả hai pháp là không. Hai pháp không cho nên hai pháp không có tạo tác, không có tác giả, cũng không có pháp sử dụng tạo tác. Cũng không có tội phước. Tội phước không có. Tội phước không có cho nên cũng không có tội phước quả báo và con đường Niết bàn. Bởi thế cho nên không được từ không nhân duyên mà sanh.

HỎI: Nếu tác giả, không nhất định có, mà tạo tác bất định nghiệp có, thì có lỗi gì?

ĐÁP: Một sự việc không thật có, còn không thể có khả năng sanh khởi tác nghiệp, huống là hai việc là tác giả và tác nghiệp đều không thật có. Ví dụ như người biến hóa dùng hư không làm nhà ở, chỉ có trên ngôn thuyết mà cũng không có tác giả, tác nghiệp.

HỎI: Nếu không có tác giả, không có tác nghiệp, thì không có khả năng làm được việc gì. Nay có tác giả, có tác nghiệp, thì có thể tạo tác được gì?

ĐÁP:

7. Tác giả định bất định
Bất năng tác nhị nghiệp
Hữu vô tướng vi cố
Nhất xứ tác vô nhị

(Tác giả định (có thật) không định
(không thật)

Không tạo tác hai nghiệp
Hữu, vô tướng trái nhau
Nơi một chỗ (tác giả) không hai
(hữu, vô)

Tác giả định (có thật), không định (không có thật), không thể tạo tác, định và bất định nghiệp. Vì sao vậy? Vì, có và không có trái nhau. Nơi một chỗ (là tác giả), không thể có hai (hữu và vô). Hữu là quyết định, vô là không quyết định. Mỗi người một việc, làm sao có, có và không?

Lại nữa,

8. Hữu bất năng tác vô
Vô bất năng tác hữu
Nhược hữu tác tác giả
Kỳ quá như tiên thuyết.

(Có, không thể làm không
Không, không thể làm có
Nếu có làm và người làm
Lỗi ấy như trước nói)

Nếu có tác giả mà không có tác nghiệp, thì đâu làm được gì. Nếu không có tác giả mà có tác nghiệp, thì cũng không thể làm được gì. Vì sao? Vì như trước đã nói. Có tác giả, nhưng nếu trước đã có tác nghiệp, thì tác giả lại còn làm được gì. Nếu trước không có tác nghiệp, thì làm sao có thể tạo tác được. Như vậy là phá tội phước, nhân duyên quả báo. Cho nên, trong bài kệ nói: Có tác giả, không thể làm được gì. Nếu có tác nghiệp, không có tác giả, không thể làm được gì. Nếu đã có tác nghiệp và tác giả thì lỗi ấy như trước đây đã nói.

Lại nữa,

9. Tác giả bất tác định
Diệc bất tác bất định
Cập định bất định nghiệp
Kỳ quá như tiên thuyết

(Tác giả không tạo định
 Cũng không tạo bất định
 Và định bất định nghiệp
 Lỗi ấy như trước nói)

Định nghiệp đã phá, bất định nghiệp cũng đã phá, định bất định nghiệp cũng đã phá. Nay muốn trong cùng một lúc tổng phá hết, cho nên nói kệ. Thế nên, tác giả không thể làm ba loại nghiệp. Nay ba loại tác giả cũng không thể tạo nghiệp. Vì sao vậy?

10. Tác giả định bất định
 Diệc định diệc bất định
 Bất năng tác ư nghiệp
 Kỳ quá như tiên thuyết.

(Tác giả quyết không quyết
 Cũng định cũng không định
 Không thể tạo tác nghiệp
 Lỗi ấy đã nói trước)

Tác giả quyết định có, không quyết định có. Cũng quyết định, cũng không quyết định có. Cũng không thể tạo tác nghiệp. Vì sao? Vì như trước đây, ba loại lỗi lầm về nhân duyên. Trong đây sẽ nói rộng thêm. Như vậy, trong khắp mọi nơi, đều truy tìm về tác giả, tác nghiệp đều không có được.

HỎI: Nếu nói không có tạo tác, không có tác giả, thời lại rơi vào không nhân duyên?

ĐÁP: Nghiệp ấy từ các nhân duyên mà sanh khởi. Không như lời ông nói. Vì sao?

11. Nhân nghiệp có tác giả
 Nhân tác giả có nghiệp
 Thành nghiệp nghĩa như thị
 Cánh vô hữu ư sự

(Nhân nghiệp có tác giả
 Nhân tác giả có nghiệp
 Thành nghiệp nghĩa như vậy
 Không có việc gì khác)

Nghệp trước không có tánh quyết định, nhân người ta khởi tâm tạo nghiệp, nhân nghiệp mà có tác giả. Tác giả cũng không có tánh quyết định. Nhân có tác nghiệp mà có tác giả. Hai việc này hòa hợp lại mà thành tạo tác và tác giả.

Nếu từ hòa hợp mà sanh, thì không có tự tánh. Không có tự tánh, cho nên “không”. Không thời không sanh, chỉ tùy theo phàm phu ức tưởng phân biệt rồi nói có tác nghiệp, có tác giả.

Trong đệ nhất nghĩa, không có tác giả.

Lại nữa,

12. Như phá tác tác giả
Thọ, thọ giả, diệc nhĩ
Cập nhất thiết chư pháp
Diệc ưng như thị phá

(Phá tác nghiệp tác giả
Thọ, lãnh thọ cũng vậy
Và hết thảy các pháp
Cũng nên như vậy phá)

Giống như tác nghiệp và tác giả, không được cách ly nhau. Không cách ly nên không quyết định. Không quyết định nên không có tự tánh. Lãnh thọ và người lãnh thọ cũng như vậy.

Thọ là thân năm uẩn, người lãnh thọ là người. Như vậy, ly người, không có năm uẩn, ly năm uẩn không có người. Chỉ từ nhân duyên mà sanh. Như lãnh thọ và người lãnh thọ. Còn các pháp khác, cũng nên như vậy để phá bỏ.

Hết Phẩm 8

PHẨM 9**QUÁN VỀ BỔN TRỤ**
(12 bài kệ)

HỎI: Có người nói:

1. Nhãn, nhĩ đẳng chư căn
Khổ, lạc đẳng chư pháp
Thùy hữu như thị sự
Thị tác danh bổn trụ.

(Mắt, tai và các căn
Khổ, vui và các pháp
Do đâu có các việc
Đó gọi là bổn trụ (thần ngã)

2. Nhược vô hữu bổn trụ
Thùy hữu nhãn đẳng pháp
Dĩ thị có đương tri
Tiên dĩ hữu bổn trụ.

(Nếu không có bổn trụ
Cái gì sở hữu căn (tai, mắt...)
Do vậy nên biết rằng
Trước tiên có bổn trụ)

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, là các căn; cho nên trong bài kệ nói “nhãn nhĩ đẳng căn”. Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, tưởng, tư, ức niệm là tâm và tâm số pháp; nên trong kệ nói “khổ lạc đẳng pháp”.

Có vị luận sư nói: Trước khi chưa có nhãn, nhĩ ... các pháp, thì phải có bổn trụ (thần ngã, ngã). Nhân có bổn trụ mà các căn mắt, tai... mới được tăng trưởng. Nếu không có bổn trụ, thì thân, mắt, tai... các căn, nhân đâu mà được tăng trưởng?

ĐÁP:

3. Nhược ly nhãn các căn
Cập khổ lạc đẳng pháp
Tiên hữu bổn trụ giả
Dĩ hà nhi khả tri?

(Nếu rời nhãn ...các căn
Và khổ, lạc... các pháp
Trước đã có bốn trụ (thần ngã)
Lấy gì để hay biết)

Nếu rời các căn, mắt, tai...các pháp khổ, lạc...mà trước đó đã có bốn trụ (thần ngã) rời, thì lấy gì để nói được, lấy gì để biết được. Giống như các pháp bên ngoài như cái bình, y phục...để cho mắt...các căn được thấy biết; các pháp bên trong (nội tâm) như khổ, lạc...được cảm nhận, lãnh thọ thấy biết.

Như trong kinh dạy, hư hoại là tướng của sắc (sắc trần); khả năng cảm thọ là tướng của thọ; khả năng phân biệt là tướng của thức...Nay ông nói, rời ngoài mắt tai, khổ lạc...trước đó đã có bốn trụ, thì lấy cái gì để nói, có cái pháp bốn trụ ấy?

HỎI: Có luận sư nói rằng, mọi động thái, như hơi thở ra vào, nhìn, nghe, thọ mạng, tư duy, khổ, lạc, ghét, yêu, động phát... đó là tướng trạng của thần ngã (bốn trụ). Nếu không có thần ngã, thì làm sao có hơi thở ra vào? Thế nên biết, ngoài mắt, tai... các căn, khổ, vui... các pháp, trước tiên phải có bốn trụ.

ĐÁP: Thần ngã (bốn trụ) ấy, nếu có thật thì ông ở trong thân như cột trụ giữa các bức vách. Nếu ông ở ngoài thân, thì như người bận áo giáp. Nếu ông ở lại trong thân, thì thân không thể bị hoại diệt, vì thần ngã thì luôn thường trụ trong đó. Cho nên nói, thần ở trong thân, chỉ là lời nói hư vọng không thật có.

Nếu thần, ở ngoài thân, để che chắn cho thân như người bận áo giáp, thì thân không còn thấy được gì. Vì thần quá vi tế và bí mật, che chắn, phủ kín thân, không thể hư hoại. Mà sự thật, thấy thân bị hoại diệt. Bởi thế cho nên biết rằng, ngoài khổ, lạc, mắt, tai... trước đó không hề thấy có vật gì khác hết.

Nếu bảo rằng, khi cắt cánh tay, thần ở co rút vào trong, nên không thể bị cắt. Khi cắt cái đầu, thần cũng ở co cụm bên trong, nên cũng không bị chết được, mà thật sự thì đã chết.

Bởi thế nên biết rằng, ngoài khổ, lạc và mắt, tai... trước tiên có thần ngã (bốn trụ). Đó chỉ là lời nói giả dối không thật.

Lại nữa, nếu nói thân lớn, thì thần ngã lớn, thân nhỏ thì thần ngã nhỏ. Cũng như đèn lớn, thì ánh sáng lớn rộng, đèn nhỏ thì ánh sáng nhỏ, hẹp.

Như vậy thì thần ngã là tùy thuộc vào thân vô thường, chứ không phải là thường.

Nếu tùy thuộc vào thân, thì khi thân không có, thì thần ngã cũng không có. Như đèn tắt, thì ánh sáng mất. Nếu thần ngã là vô thường, thì thần ngã cùng với mắt, tai, khổ lạc... vô thường giống nhau.

Bởi vậy nên biết, ngoài mắt tai các căn, khổ lạc các pháp; trước đó, không riêng có bất cứ một thần ngã nào hết.

Lại nữa, như người mang bệnh cuồng phong không được tự do tự tại, việc không nên làm mà cứ làm. Vậy thì, nếu có thần ngã làm chủ ở tại trong thân người ấy, thì vì sao nói người ấy không được tự do tự tại. Nếu người mang bệnh cuồng, không làm phiền não thần ngã, thì có thể ngoài thần ngã, vẫn có những hành động tạo tác riêng. Qua sự truy tìm mỗi việc rõ ràng chín chắn như vậy, thì thấy ngoài mắt, tai các căn, khổ vui các pháp, trước đó không hề có bản trụ (thần ngã).

Nếu quyết định rằng, ngoài mắt tai...các căn, khổ, vui... các pháp, trước đó đã có sẵn bản trụ, thì không đúng. Không thể có việc đó. Vì sao vậy?

4. Nhược ly nhân, nhĩ đẳng
 Nhi hữu bản trụ giả
 Diệc ung ly bản trụ
 Nhi hữu nhân nhĩ đẳng

(Ngoài các căn mắt tai
 Mà có ông bản trụ
 Lại ngoài ông bản trụ
 Có các căn mắt tai)

Nếu ngoài các căn mắt tai...các pháp khổ vui...trước đã sẵn có bản trụ. Nay mắt, tai...các căn, khổ vui... các pháp, cũng có ngoài bản trụ mà có.

HỎI: Căn pháp và bản trụ hai việc đó có thể cách ly nhau. Chỉ cần có bản trụ?

- ĐÁP: 5. Dĩ pháp tri hữu nhân
 Dĩ nhân tri hữu pháp
 Ly pháp hà hữu nhân
 Ly nhân hà hữu pháp

(Nhân pháp biết có người
Nhân người biết có pháp
Lìa pháp đâu có người
Lìa người đâu có pháp)

Pháp là mắt, tai, khổ vui, người là bản trụ (thần ngã). Ông cho rằng, do có pháp nên biết có người, do có người nên biết có pháp. Nay ngoài mắt, tai... các pháp sao có người. Ngoài người đâu có mắt, tai ... các pháp.

Lại nữa,

6. Nhất thiết nhãn đẳng căn
Thật vô hữu bản trụ
Nhãn nhĩ đẳng chư căn
Dị tướng nhi phân biệt

(Hết thấy mắt...các căn
Thật không có bản trụ
Mắt tai thấy các căn
Phân biệt tướng khác nhau)

Mắt, tai...các căn, khổ, vui...các pháp, thật không có bản trụ. Chỉ nhân mắt tiếp xúc sắc trần (sự vật) mà có nhãn thức (mắt thấy). Vì nhân duyên hòa hợp mà biết có mắt, tai...các căn, không phải do bản trụ mà có hay biết. Cho nên, trong lời kệ nói, hết thấy mắt, tai...các căn, thật không có bản trụ. Mắt, tai...các căn, mỗi mỗi tự mình có khả năng phân biệt để thấy biết.

HỎI:

7. Nhược nhãn đẳng chư căn
Vô hữu bản trụ giả
Nhãn đẳng nhất nhất căn
Vân hà năng tri trần.

(Nếu các căn mắt tai
Mà không có bản trụ
Căn mắt và mỗi căn
Làm sao nhận biết trần?)

Nếu tất cả các căn mắt, tai...các pháp khổ, vui không có bản trụ. Vậy thì mỗi một căn làm sao có thể nhận biết trần cảnh? Vì, các căn mắt, tai... không có tư duy, không có sự hiểu biết, mà thật sự là có biết trần cảnh.

Vậy nên biết rằng, ngoài mắt tai...các căn, lại có cái có khả năng nhận thức trần cảnh.

ĐÁP: Nếu vậy thì, trong mỗi một căn, đều có mỗi sự hiểu biết, hay chỉ có một sự hiểu biết trong các căn? Cả hai đều có lỗi. Vì sao vậy?

8. Kiến giả tức văn giả
Văn giả tức thọ giả
Như thị đẳng chư căn
Tác ưng hữu bốn trụ.

(Cái thấy tức cái nghe
Cái nghe là lãnh thọ
Các căn được như vậy
Mới đáng có bốn trụ)

Cái thấy tức là cái nghe, cái nghe tức là sự cảm thọ, thời là một thân ngã. Như vậy, mắt, tai...các căn, trước đó sẵn có bốn trụ. Còn đối với sắc, tiếng, mùi, vị... không có cái nhận thức nhất định. Hoặc có thể dùng mắt để nghe tiếng, dùng tai để nếm vị; như người đứng giữa sáu hướng, thấy, nghe tùy ý. Nếu cái nghe, cái thấy là một, thì đối với mắt tai...các căn tùy ý thấy, nghe. Nhưng việc ấy không đúng.

9. Nhược kiến văn các dị
Thọ giả diệc các dị
Kiến thời diệc ưng văn
Như thị tác thần đa.

(Nếu thấy nghe khác nhau
Sự cảm thọ cũng khác
Khi thấy cũng nên nghe
Như vậy nhiều thần ngã).

Nếu cái thấy, cái nghe, cái cảm thọ mỗi mỗi khác nhau. Hoặc khi thấy, cũng có thể nghe. Vì sao vậy? Vì, ngoài cái thấy có cái nghe. Như vậy, trong cái mũi, cái lưỡi, cái thân, thần ngã phải nhất thời hành động. Nếu như vậy, trong một người mà có nhiều thần ngã, vì hết thấy các căn, trong nhất thời nhận thức trần cảnh. Mà thật sự thì không phải vậy. Thế cho nên, cái thấy, cái nghe, cái cảm thọ không thể có tác dụng cùng một lúc.

Lại nữa,

10. Nhãn nhĩ đẳng chư căn
Khô lạc đẳng chư pháp
Sở tòng sanh chư đại
Bỉ đại diệt vô thân.

(Mắt, tai và các căn
Khô, vui và các pháp
Đều từ bốn đại sanh
Nơi bốn đại không thân (ngã)

Nếu người nói, ngoài mắt, tai...các căn, khô, vui...các pháp, riêng có bốn trụ. Việc này đã phủ định. Nay đối với mắt, tai...các căn, là nhân từ bốn đại sanh khởi, mà trong bốn cũng không có bốn trụ.

HỎI: Nếu mắt, tai...các căn, khô, vui...các pháp, không có bốn trụ. Điều đó có thể được. Nhưng mắt, tai...các căn, khô, vui...các pháp, phải có chứ?

ĐÁP: 11. Nhược nhãn nhĩ đẳng căn
Khô lạc đẳng chư pháp
Vô hữu bốn chủ giả
Nhãn đẳng diệt ung vô.

(Nếu mắt, tai... các căn
Khô, vui là các pháp
Không có ông bốn chủ
Thời mắt, tai...cũng không)

Nếu mắt tai, khô, vui...các pháp, không có bốn trụ. Vậy thì, người nào có mắt, tai...các căn ấy, vì duyên gì mà có. Cho nên, mắt tai...các căn, khô, vui...các pháp, cũng không có bốn trụ.

Lại nữa,

12. Nhãn đẳng vô bốn trụ
Kim hậu diệt phục vô
Dĩ tam thế vô cố
Vô hữu vô phân biệt

(Mắt tai... không bốn trụ
Nay, mai sau cũng không
Cả ba đời đều không
Không, nên không phân biệt)

Tư duy tìm cầu bốn trụ trong các căn mắt tai...trước không có, nay và mai sau cũng không có, hoặc ba đời cũng không có. Tức là vô sanh tịch diệt. Chớ nên vấn nạn rằng, nếu không có bốn trụ (thần ngã), thì làm sao có mắt, tai... các căn?

Hỏi, đáp như vậy là chấm dứt hý luận. Hý luận chấm dứt, thì các pháp đều không.

Hết Phẩm 9

PHẦN 10

QUÁN VỀ SỰ ĐỐT CHÁY NGƯỜI BỊ ĐỐT CHÁY (16 bài kệ)

HỎI: Phải có cảm thọ và người cảm thọ. Như “nhiên” và “khả nhiên”. “Nhiên” là đốt cháy, là người cảm thọ; “khả nhiên” là bị đốt cháy, là cảm thọ, tức chỉ năm uẩn.

ĐÁP: Việc ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì đốt cháy (nhiên) và bị đốt cháy (khả nhiên), đều không thành. Đốt cháy và bị đốt cháy, hoặc do pháp một thành, hoặc do pháp khác (dị) thành. Cả hai pháp một và khác đều không thành.

HỎI: Hãy tạm gác lại pháp một và pháp khác (dị). Nếu nói không có đốt cháy và bị đốt cháy, nay hỏi tại sao lại dùng tướng một và tướng khác để triệt phá? Như chuyện sừng thỏ, lông rùa, không thật có, thời không thể triệt phá.

Thế gian mắt hiện thấy việc thật có, mà sau có thể suy nghĩ. Như phải có vàng rồi sau mới có thể đốt, dũa mài. Nếu không có đốt cháy, và bị đốt cháy, thời không thể lấy tướng một và tướng khác để suy nghĩ.

Nếu ông chấp nhận có pháp một hay pháp khác, thì nên biết có đốt cháy và bị đốt cháy. Nếu chấp nhận có thời đã có.

ĐÁP: Tùy thuận ngôn thuyết thế tục pháp, mà nói thì không có lỗi gì. Đốt cháy và bị đốt cháy, hoặc nói một hoặc nói khác, thì không gọi là chấp nhận. Nếu ngoài ngôn thuyết thế tục pháp mà nói thì không có chỗ luận bàn. Nếu không nói đốt cháy và bị đốt cháy, thì làm sao có khả năng để triệt phá. Nếu không nói năng gì, thì ý nghĩa không sáng.

Như có luận giả muốn phá, triệt phá có, triệt phá không. Không vì xung có, xung không, nơi miệng mà chấp nhận có, không. Vì thế, tùy thuận ngôn thuyết thế gian mà nói, thì không có lỗi.

Nếu miệng có nói ra, liền có chấp thọ. Vậy ông nói phá, là tự phá ư? Đốt cháy và bị đốt cháy cũng như vậy. Tuy có nói năng ngôn thuyết, nhưng lại cũng không có chấp thọ.

Bởi vậy, từ pháp một, pháp khác mà suy nghĩ đến đốt cháy và bị đốt cháy. Cả hai đều không thành. Vì sao vậy?

1. Nhược nhiên thị khả nhiên
 Tác, tác giả tác nhất
 Nhược nhiên dị khả nhiên
 Ly khả nhiên hữu nhiên

(Nếu đốt cháy, là bị đốt cháy
 Tác nghiệp và tác giả, là một
 Nếu đốt cháy, khác bị đốt cháy
 Ngoài bị đốt cháy, có đốt cháy)

Đốt cháy là lửa, bị đốt cháy là củi? Tác giả là người, tác là nghiệp, là pháp. Nếu đốt cháy và bị đốt cháy là một, thời tác nghiệp và tác giả cũng phải là một. Nếu tác nghiệp tác giả là một, thời thợ gốm và cái bình là một. Tác giả là thợ gốm, tác nghiệp là cái bình. Thợ gốm không phải là cái bình. Cái bình không phải là thợ gốm. Vì sao là một? Do tác nghiệp và tác giả không phải một. Cho nên đốt cháy và bị đốt cháy, cũng không phải là một.

Nếu bảo là một không được, thời phải là khác. Khác cũng không đúng. Vì sao vậy? Nếu đốt cháy và bị đốt cháy khác nhau, thời có thể ngoài bị đốt cháy, riêng có đốt cháy. Phân biệt đây là bị đốt cháy, đây là đốt cháy; không có nơi nào, lia ngoài bị đốt cháy mà có đốt cháy.

Thực tế thì không như vậy, cho nên đốt cháy và bị đốt cháy khác nhau, là không thể được.

Lại nữa,

2. Như thị thường ưng nhiên
 Bất nhân khả nhiên sanh
 Tác vô nhiên hỏa công
 Diệt danh vô tác hỏa

(Như vậy luôn đốt cháy
 Không đợi bị đốt cháy
 Không công người đốt cháy
 Lửa cũng không tác dụng)

Nếu đốt cháy và bị đốt cháy khác nhau, thời đốt cháy không đợi bị đốt cháy mà thường đốt cháy. Nếu thường đốt cháy thời nó luôn an trụ trong tự thể nó, không đợi phải có nhân duyên, công người cũng không cần. Công người là chỉ hỗ trợ cho lửa cháy, nên công người phải hiện hữu. Vì thế nên biết, lửa chẳng khác với bị đốt cháy.

Lại nữa, nếu đốt cháy khác với bị đốt cháy, thì đốt cháy không có tác dụng. Ngoài bị đốt cháy, thời lửa đốt cháy cái gì? Nếu như vậy thì lửa không có tác dụng. Lửa không có tác dụng là việc không thể có được.

HỎI: Vì sao lửa không từ nhân duyên sanh? Mà công người cũng không?

ĐÁP: 3. Nhiên bất đãi khả nhiên
Tắc bất tùng duyên sanh
Hỏa nhược thường nhiên giả
Nhân công tắc ung không.

(Đốt cháy không đợi bị đốt cháy
Thời không từ nhân duyên sanh khởi
Nếu lửa là thường xuyên đốt cháy
Thời công người tất phải cũng không)

Đốt cháy và bị đốt cháy nếu khác nhau, thời không đợi bị đốt cháy mới có đốt cháy. Nếu không đợi bị đốt cháy mới có đốt cháy, thời là pháp không có tướng nhân duyên. Thế nên không từ nhân duyên sanh.

Lại nữa, nếu đốt cháy khác với bị đốt cháy thời có thể là thường đốt cháy. Nếu thường đốt cháy, thời có thể, ngoài bị đốt cháy, riêng thấy có sự đốt cháy, mà cũng không cần đến người nhen lửa. Vì sao vậy?

4. Nhược nhữ vị nhiên thời
Danh vi khả nhiên giả
Nhĩ thời đản hữu tân
Hà vật nhiên khả nhiên.

(Nếu bảo khi đốt cháy
Gọi là bị đốt cháy
Bấy giờ chỉ có củi
Vật gì đốt, bị đốt (cháy)

Nếu cho rằng, trước có củi, khi cháy thời gọi là bị đốt cháy. Chuyện đó không đúng. Nếu ngoài đốt cháy, riêng có bị đốt cháy vì lý do gì nói, khi đốt cháy, gọi đó là bị đốt cháy?

Lại nữa,

5. Nhược dị tắc bất chí
Bất chí tắc bất thiêu

Bất thiêu tắc bất diệt
 Bất diệt tắc thường trụ.

(Nếu khác, không đi đến
 Không đi đến, không cháy
 Không cháy thời bất diệt
 Bất diệt là thường trụ)

Nếu đốt cháy khác với bị đốt cháy, là sự đốt cháy (lửa) không tiến đến với vật bị đốt cháy (củi). Vì sao vậy? Vì không cần đợi nhau để thành. Nếu đốt cháy không cần đợi nhau thành tựu, thời nó an trụ trong tự thể của nó, cần gì phải dùng đến bị đốt cháy. Thế nên, không cần đến sự đi đến với vật bị đốt cháy.

Nếu không đi tới với, thì không thể đốt cháy vật bị đốt cháy. Vì sao vậy? Vì không thể có chuyện không đi tới với vật bị đốt cháy mà có thể đốt cháy. Nếu không đốt cháy thì không, thời không có diệt tắt, mà vẫn thường trụ trong tự tướng
 Việc ấy không đúng.

HỎI:

6. Nhiên dự khả nhiên dị
 Nhi năng chí khả nhiên
 Như thử chí bỉ nhân
 Bỉ nhân chí thử nhân

(Đốt cháy bị đốt cháy khác nhau
 Có thể đến với, bị đốt cháy
 Như người này đến với người kia
 Người kia đến với người này).

Đốt cháy bị đốt cháy khác nhau, mà có khả năng đi tới với bị đốt cháy.
 Như nam đến với nữ, như nữ đến với nam.

ĐÁP :

7. Nhược vị nhiên khả nhiên
 Nhị câu tương ly giả
 Như thị nhiên tác năng
 Chí ư bỉ khả nhiên

(Đốt cháy bị đốt cháy
 Cả hai, cách ly nhau)

Như vậy vật đốt cháy
Đi đến bị đốt cháy)

Nếu ngoài đốt cháy, có bị đốt cháy. Nếu ngoài bị đốt cháy đốt cháy. Cả hai pháp đều tự thành tự. Như vậy thời có thể đốt cháy đi tới với bị đốt cháy. Mà thực tế thì không đúng. Vì sao vậy? Vì ngoài đốt cháy, có bị đốt cháy; ngoài bị đốt cháy có đốt cháy, nên ông ví dụ ngoài nam có nữ, ngoài nữ có nam, là ví dụ không đúng. Ví dụ không thành, cho nên đốt cháy không đi tới với bị đốt cháy.

HỎI: Đốt cháy và bị đốt cháy do đối đãi nhau mà có. Nhân vì có bị đốt cháy mà có đốt cháy; nhân vì có đốt cháy mà có bị đốt cháy. Cả hai pháp đối đãi nhau mà thành.

ĐÁP:

8. Nhược nhân khả nhiên nhiên
Nhân nhiên hữu khả nhiên
Tiên định hữu hà pháp
Nhi hữu nhiên khả nhiên

(Nhân bị đốt cháy, có đốt cháy
Nhân đốt cháy, có bị đốt cháy
Trước tiên quyết định có pháp gì
Mà có đốt cháy bị đốt cháy)

Nếu nhân bị đốt cháy mà đốt cháy được thành. Cũng có thể nhân đốt cháy mà bị đốt cháy được thành. Trong hai pháp ấy, nếu trước quyết định có bị đốt cháy, thời nhân bị đốt cháy, mà đốt cháy được thành. Nếu trước có quyết định có đốt cháy, thời nhân đốt cháy mà bị đốt cháy được thành.

Nay nhân bị đốt cháy mà đốt cháy được thành. Vậy thời trước có bị đốt cháy, rồi sau mới có đốt cháy. Không thể đợi đốt cháy rồi mới có bị đốt cháy. Vì sao vậy? Vì bị đốt cháy có trước, đốt cháy có sau. Nếu đốt cháy không đốt cháy được cái bị đốt cháy. Vậy là bị đốt cháy không thành.

Lại, cái bị đốt cháy không ở chỗ nào khác ngoài đốt cháy. Nếu bị đốt cháy không thành thời đốt cháy cũng không thành. Nếu trước đốt cháy, sau có cái bị đốt cháy, thì đốt cháy cũng có lỗi. Thế nên, đốt cháy và bị đốt cháy cả hai đều không thành.

Lại nữa,

9. Nhược nhân khả nhiên nhiên
Tắc nhiên thành phục thành

Thị vi khả nhiên trung
Tắc vi vô hữu nhiên.

(Nhân bị đốt cháy có đốt cháy
Thời đã đốt cháy, lại đốt cháy
Vậy là trong khi bị đốt cháy
Nên mảy may không có đốt cháy)

Nếu nói nhân bị đốt cháy mà thành đốt cháy. Vậy thời đốt cháy đã thành rồi lại thành nữa. Vì sao vậy? Vì đốt cháy tự an trụ trong tự thể đốt cháy của nó.

Nếu đốt cháy không tự an trụ trong tự thể của nó mà phải do từ bị đốt cháy mà được thành, là không thể có việc này. Vì thế cho nên, có đốt cháy là do từ bị đốt cháy mà được thành. Nay thời đốt cháy đã thành rồi, lại thành nữa. Như vậy, đã có bấy nhiêu lỗi.

Lại có cái lỗi nữa là, có cái bị đốt cháy, không đốt cháy. Vì sao vậy? Vì cái bị đốt cháy ngoài đốt cháy, nó tự an trụ trong tự thể của nó. Bởi vậy cho nên nói rằng, đốt cháy và bị đốt cháy có nhau, đợi chờ nhau, là việc không thể có.

Lại nữa,

10. Nhược pháp nhân đãi thành
Thị pháp hoàn thành đãi
Kim tắc vô nhân đãi
Diệc vô sở thành pháp.

(Pháp nhân đối đãi thành
Trở thành pháp đối đãi
Nay không nhân đối đãi
Cũng không pháp được thành)

Nếu pháp nhân nơi đối đãi mà thành, pháp ấy trở thành nhân gốc đối đãi. Như vậy, nên quyết định không có hai việc ấy.

Như nhân nơi đốt cháy mà thành đốt cháy. Trở lại nhân nơi đốt cháy mà thành bị đốt cháy. Vậy nên, hai việc này đều vô định. Vô định nên không thể được. Vì sao vậy?

11. Nhược pháp hữu đãi thành
Vị thành vân hà đãi

Nhược thành dĩ hữu đãi
Thành dĩ hà dụng đãi

(Nếu pháp đối đãi thành
Chưa thành sao đối đãi
Nếu thành có đối đãi
Thành rồi đối đãi thừa)

Nếu pháp nhân nơi đối đãi mà thành, là pháp mà trước đó chưa thành. Chưa thành thì không có. Không có thì làm sao nói có là nhân nơi đối đãi. Nếu là pháp mà trước đó đã thành. Đã thành thì còn dùng nhân đối đãi làm gì? Vậy, cả hai pháp đều không có nhân đối đãi nhau.

Bởi vậy cho nên, trước ông nói, nhân đốt cháy và bị đốt cháy đối đãi nhau mà thành, thì không có việc đó.

Cho nên,

12. Nhân khả nhiên vô nhiên
Bất nhân diệt vô nhiên
Nhân nhiên vô khả nhiên
Bất nhân vô khả nhiên.

(Nhân nơi bị đốt, không đốt cháy
Không nhân nơi đốt, không đốt cháy
Nhân nơi đốt, không bị đốt cháy
Không nhân đốt, không bị đốt cháy)

Nhân vì đối đãi với bị đốt cháy mà đốt cháy không thành. Không nhân vì đối đãi với bị đốt cháy, đốt cháy cũng không thành. Bị đốt cháy cũng như vậy. Nhân nơi đốt cháy hay không nhân nơi đốt cháy, cả hai sự việc này đều không thành. Lỗi này trước đây đã nói rồi.

Lại nữa,

13. Nhiên bất dư xứ lai
Nhiên xứ diệt vô nhiên
Khả nhiên diệt như thị
Dư như khứ lai thuyết.

(Đốt cháy, không từ nơi khác đến
Chỗ đốt cũng không có đốt cháy
Bị đốt cháy cũng là như vậy
Ngoài ra như Phẩm Khứ lai nói)

Đốt cháy không từ phương khác đi đến vào trong bị đốt cháy; trong bị đốt cháy cũng không có đốt cháy. Chặt chẽ trong củi để tìm đốt cháy, không thể có được. Bị đốt cháy cũng như vậy. Không từ phương khác đi đến vào trong đốt cháy. Trong đốt cháy cũng không có bị đốt cháy. Như đốt cháy rồi, không có đốt cháy, chưa đốt cháy cũng không có đốt cháy. Như đốt cháy rồi không có đốt cháy, chưa đốt cháy cũng không có đốt cháy, đang đốt cháy cũng không đốt cháy. Ý nghĩa này, như trong Phẩm Khứ lai đã nói.

Cho nên, 14. Khả nhiên tức phi nhiên
 Ly khả nhiên vô nhiên
 Nhiên vô hữu khả nhiên
 Nhiên trung vô khả nhiên
 Khả nhiên trung vô nhiên

(Bị đốt cháy, chẳng phải đốt cháy
 Ngoài bị đốt cháy, không đốt cháy
 Đốt cháy không có, bị đốt cháy
 Trong đốt cháy, không bị đốt cháy
 Trong bị đốt cháy, không đốt cháy)

Bị đốt cháy, chẳng phải đốt cháy. Vì sao vậy? Vì như trước đây đã nói tác nghiệp và tác giả là một.

Ngoài bị đốt cháy, không có đốt cháy. Vì có lỗi là thường đốt cháy luôn.

Đốt cháy không có bị đốt cháy.

Trong đốt cháy, không có bị đốt cháy.

Trong bị đốt cháy, không có đốt cháy. Vì có lỗi khác nhau, nên cả ba đều không thành.

HỎI: Vì sao mà nói đốt cháy và bị đốt cháy?

ĐÁP: Vì nhân nơi bị đốt cháy mà có đốt cháy.

Như vậy là nhân nơi cảm thọ mà có người cảm thọ. Cảm thọ có tên gọi là năm uẩn, là pháp, còn thọ là người cảm thọ, là người. Đốt cháy và bị đốt cháy không thành. Cho nên pháp cảm thọ và người cảm thọ cũng không thành. Vì sao vậy?

15. Dĩ nhiên khả nhiên pháp
 Thuyết thọ, thọ giả pháp
 Cập dĩ thuyết bình y
 Nhất thiết đẳng chư pháp

(Do đốt cháy và bị đốt cháy
Nói cảm thọ và người cảm thọ
Và do nói cái bình, nói y
Ngoài ra, hết thầy các pháp khác)

Như bị đốt cháy chẳng phải đốt cháy. Như vậy pháp cảm thọ, chẳng phải người cảm thọ. Vì cái lỗi tác nghiệp và tác giả là một. Lại vì ngoài pháp cảm thọ, không có người cảm thọ, vì khác nhau nên không được, vì lỗi khác nhau. Nên cả ba đều không thành.

Ngoài pháp cảm thọ và người cảm thọ, tất cả các pháp như y, như cái bình v.v... đều giống nhau như trước đã nói, đều vô sanh, nên rốt ráo không.

Cho nên,

16. Nhược nhân thuyết hữu ngã
Chư pháp các dị tướng
Đương tri như thị nhân
Bất đắc Phật pháp vị.

(Nếu người nói có ngã
Các tướng pháp khác nhau
Nên biết người như vậy
Chưa nắm vị Phật pháp)

Các pháp từ xưa tới nay vốn là vô sanh, rốt ráo là tướng tĩnh lặng. Cho nên, cuối phẩm nói bài kệ như trên. Nếu người nói về tướng ngã, như chúng Độc Tử bộ, chủ trương không được nói sắc, tức là ngã, không được nói ly sắc tức là ngã. Mà ngã ở trong tạng “Bất khả thuyết” thứ năm. Còn chúng Tát-Bà-Đa-Bộ (Nhất thiết hữu bộ) thì nói, các pháp mỗi tướng là thiện, là bất thiện, là vô ký, là hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi v.v...mỗi mỗi sai khác nhau. Những hạng người như vậy, không biết được chân tướng các pháp là tịch diệt, nên dùng lời Phật dạy mà tạo tác nên nhiều điều hý luận vô bổ.

Hết Phẩm 10

PHẨM 11**QUÁN VỀ BỒN TẾ**

(8 bài kệ)

HỎI: Trong kinh “Vô Bồn Tế” nói, chúng sanh qua lại trong sanh tử, không có lúc bắt đầu. Kinh đó cũng dạy, có chúng sanh, có sanh tử. Vậy, vì nhân duyên gì mà đặt ra thuyết, thời gian bắt đầu của sanh mệnh chúng sanh và thế giới?

ĐÁP:

1. Đại thánh chi sở thuyết
Bồn tế bất khả đắc
Sanh tử vô hữu thi
Diệc phục vô hữu chung.

(Bậc Đại thánh có dạy
Lúc bắt đầu không có
Sanh tử không bắt đầu
Lúc chấm dứt cũng không)

Bậc Thánh nhân có ba hạng:

1. Hạng ngoại đạo có năm thần thông.
2. A La Hán, Bích Chi Phật.
3. Đại Bồ tát chứng thần thông.

Trong ba hạng này, Phật là bậc tối thượng. Cho nên gọi là Bậc Đại thánh. Lời đức Phật dạy, không một lời nào là không chân thật.

Đức Phật dạy, sự sanh tử, không có lúc bắt đầu. Vì sao? Vì sanh tử, lúc bắt đầu, lúc cuối đều không thể tìm thấy được. Cho nên nói vô thi, không có lúc bắt đầu. Ông nói, nếu không có lúc bắt đầu, không có lúc chung cuộc, thì có thể có thời gian chính giữa chăng? Cũng không đúng. Vì sao?

2. Nhược vô hữu thi chung
Trung đương vân hà hữu
Thị cô ư thử trung
Tiên hậu cộng diệc vô

(Không có lúc đầu, cuối
Lúc giữa làm sao có
Thế nên ở trong đây
Trước, sau, đồng thời không)

Nhân lúc giữa và lúc sau, nên mới có lúc ban đầu. Nhân lúc ban đầu và lúc ở giữa, nên mới có lúc sau cùng. Nếu không có lúc ban đầu và lúc sau cùng, làm sao có lúc giữa.

Đối với sanh tử sự, không có bắt đầu, khoảng giữa và sau cùng. Cho nên nói trước sau và đồng thời, đều không thể có được. Vì sao vậy?

3. Nhược sử tiên hữu sanh

Hậu hữu lão tử giả

Bất lão tử hữu sanh

Bất sanh hữu lão tử

(Nếu bảo trước có sanh

Sau mới có lão tử

Không lão tử có sanh

Không sanh có lão tử)

4. Nhược tiên hữu lão tử

Nhi hậu hữu sanh giả

Thị tắc vi vô nhân

Bất sanh hữu lão tử

(Nếu trước có lão tử

Rồi sau mới có sanh

Như vậy là không nhân

Không sanh có lão tử)

Chúng sanh sanh tử, nếu trước có sanh, dần dần có già, mới có chết. Vậy thời, sanh mà không có già chết. Đúng pháp là phải có sanh, mới có già chết. Có già chết mới có sanh.

Lại không có già, chết mà có sanh. Vậy cũng không đúng. Lại không nhân sanh mà có già, chết. Nếu trước có già, chết sau mới có sanh, thì già chết ấy, không có nguyên nhân, vì sanh ở lúc sau. Lại không có sanh thì làm sao có già, chết. Nếu cho rằng, sanh, già và chết trước hay sau không thể được. Còn sanh, già và chết cùng một lúc, thì cũng có lỗi. Vì sao vậy?

5. Sanh cập ư lão tử

Bất đắc nhất thời cộng

Sanh thời tắc hữu tử

Thị nhị câu vô nhân

(Khi sanh và già, chết
 Không được cùng một lúc
 Khi sanh thời có chết
 Sanh, chết đều không nhân)

Nếu sanh, già và chết cùng một lúc thì không đúng. Vì sao? Vì khi sanh tức có chết. Đúng pháp thì khi sanh thì có, khi chết thì không có. Nếu nói khi sanh thì có chết, là không đúng. Nếu nói cùng một lúc sanh, thời không có sự nhân nơi nhau (vô nhân). Như hai sừng của con trâu, cùng xuất hiện một lúc, thì không cần sự nhân nơi nhau (bất tướng nhân).

Cho nên,

6. Nhược sử sơ hậu cộng
 Thị giai bất nhiên giả
 Hà cố nhi hý luận
 Vị hữu sanh lão tử

(Nếu trước, sau, đồng thời
 Cả ba đều không đúng
 Sao cứ mãi hý luận
 Rằng có sanh, già chết)

Suy nghĩ về sanh già và chết, cả ba đều có lỗi. Nên nói sanh già và chết là vô danh, rốt ráo là không. Ông nay vì có gì mà tham lam đắm trước, hý luận cho rằng, sanh già và chết có tánh quyết định có thật.

Lại nữa,

7. Chư sở hữu nhân quả
 Tướng cập tướng pháp giả
 Thọ cập thọ giả đẳng
 Sở hữu nhất thiết pháp

(Các pháp có nhân quả
 Pháp năng tướng sở tướng
 Cảm thọ người cảm thọ
 Tất cả pháp đã có)

8. Phi đản ư sanh tử
 Bồn tế bất khả đắc
 Như thị nhất thiết pháp
 Bồn tế giai diệc vô

(Chẳng phải chỉ sanh tử
Không có lúc bắt đầu (bổn tế)
Mà các pháp cũng vậy
Không có lúc bắt đầu)

Tất cả các pháp, ở đây là chỉ hết thấy các pháp có nhân quả, có tướng năng (bão), tướng sở (sập nhà), cảm thọ, người cảm thọ v.v... đều không có lúc bắt đầu (bổn tế). Chứ không phải chỉ có các pháp sanh, già, chết là không có lúc bắt đầu. Ở đây chỉ trình bày sơ lược, để nói về sanh, già và chết, không có lúc bắt đầu.

Hết Phẩm 11

PHẨM 12**QUÁN VỀ KHỔ**

(10 bài kệ)

Có người nói:

1. Tự tác cập tha tác
Cộng tác vô nhân tác
Nhu thị thuyết chư khổ
Ư quả tác bất nhiên

(Khổ do mình, người làm
Làm chung, không nguyên nhân
Nói các khổ như vậy
Vớ quả thời không đúng.)

Có người nói rằng, khổ nào tự mình làm, hoặc nói người khác làm, hoặc mình và người khác cùng làm, hoặc làm khổ không có nguyên nhân. Nhưng đối quả đều không đúng. Đối với quả đều không đúng là vì chúng sanh do các duyên mà gây nên khổ. Chán khổ muốn tìm về tịch tịnh. Mà không biết nguyên nhân đích thực của khổ là do bốn cách nhận thức sai lầm như trên. Cho nên nói đối với quả đều không đúng. Vì sao vậy?

2. Khổ nhược tự tác giả
Tác bất tùng duyên sanh
Nhân hữu thử uẩn cố
Nhi hữu bỉ uẩn sanh

(Khổ nếu tự mình làm
Thì không có duyên sanh
Nhân vì có uẩn này
Mà có uẩn kia sanh)

Nếu khổ nào do tự mình làm, thời không do từ các nhân duyên mà sanh khởi. Tự mình làm, tức từ tự tánh mà sanh. Việc này không đúng. Vì sao? Vì, nhân vì có năm uẩn trước mà có năm uẩn sau sanh. Cho nên, nỗi khổ thân năm uẩn này, không phải từ tự tánh sanh.

HỎI: Nếu bảo rằng, thân năm uẩn khổ này làm ra thân năm uẩn khổ kia, thời đó là khổ do người khác làm?

ĐÁP: Việc đó không đúng. Vì sao vậy?

3. Nhược vị thử ngũ uẩn
Dị bi ngũ uẩn giả
Nhu thị tắc ưng ngôn
Tùng tha nhi tác khổ

(Nếu cho năm uẩn này
Khác với năm uẩn kia
Như vậy nên mới nói
Khổ do người khác làm)

Nếu thân năm uẩn này với thân năm uẩn kia khác nhau; hoặc thân năm uẩn kia, cùng với thân năm uẩn này, khác nhau, thì có thể khổ do người khác làm. Như sợi chỉ với vải khác nhau, thì có thể ngoài chỉ, có vải. Nếu ngoài chỉ không có vải, thì vải không khác với chỉ.

Như vậy, thân năm uẩn kia, khác với thân năm uẩn này; thời có thể ngoài thân năm uẩn này, có thân năm uẩn kia. Nếu ngoài thân năm uẩn này, không có thân năm uẩn kia, thời thân năm uẩn này, không khác với thân năm uẩn kia.

Bởi thế, không thể nói khổ, do người khác làm.

HỎI: Khổ tự làm ra, là người tự làm ra và tự chịu khổ.

ĐÁP:

4. Nhược nhân tự tác khổ
Ly khổ hà hữu nhân
Nhi vị ư bỉ nhân
Nhi năng tự tác khổ

(Nếu người tự làm khổ
Lìa khổ đâu có người
Mà bảo rằng người kia
Có thể tự làm khổ)

Nếu bảo, người tự làm ra khổ. Vậy lìa thân năm uẩn khổ, chỗ nào riêng có người có thể tự làm ra khổ, để có thể nói đó là người làm mà không thể nói.

Vì thế cho nên, khổ chẳng phải do người làm ra. Nếu nói, người không tự làm ra khổ, mà người khác làm ra khổ, rồi đem đến cho người này, là không đúng. Vì sao vậy?

5. Nếu khổ tha nhân tác
 Nhi dữ tha nhân giả
 Nhược đương ly ư khổ
 Hà hữu thử nhân thọ.

(Nếu khổ người khác làm
 Rồi mang đến người này
 Nếu lia thân uẩn khổ
 Người này đâu để thọ)

Nếu người khác làm khổ ra, rồi mang đến cho người này. Ngoài thân năm uẩn khổ, thời đâu có người này để thọ khổ.

Lại nữa,

6. Khổ nhược bị nhân tác
 Trì dự thử nhân giả
 Ly khổ hà hữu nhân
 Nhi năng thọ ư thử

(Khổ, nếu người khác làm
 Rồi mang đến người này
 Lia khổ sao có người
 Hà trao người nhận này)

Nếu bảo người kia làm ra khổ, trao lại cho người này. Ngoài thân năm uẩn khổ, làm sao có người kia trao khổ cho người này. Nếu có như vậy, nên nói rõ tướng trạng của nó.

Lại nữa

7. Tự tác khổ bất thành
 Vân hà bị tác khổ
 Nhược bị nhân tác khổ
 Tức diệt danh tự tác.

(Tự làm khổ không được
 Làm sao người khác làm
 Nếu người kia làm khổ
 Cũng chính tự mình làm)

Từ nhiều thứ nhân duyên tìm tự mình làm khổ, khổ không thành, mà nói người khác làm khổ cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì người này người

kia, hai bên có đối đãi nhau mới thành. Nếu người kia làm khổ thì đối với người này cũng chính là tự mình làm khổ.

Tự làm khổ thì như trước đã phá bỏ. Ông nay nhận thấy tự làm khổ không thành, thì người khác làm khổ cũng không thành.

Lại nữa,

8. Khổ bất danh tự tác
Pháp bất tự tác pháp
Bỉ vô hữu tự thể
Hà hữu bỉ tác khổ

(Khổ, không thể tự làm
Pháp, không tự làm pháp
Người kia không tự thể
Người kia đâu, làm khổ)

Tự làm khổ, không đúng. Vì sao? Vì lưỡi dao không tự cắt lưỡi dao. Như vậy, pháp (hiện tượng) không thể tự làm ra pháp. Bởi vậy, khổ không thể tự làm ra khổ. Khổ do người khác làm, cũng không đúng. Vì sao? Vì ngoài thân năm uẩn khổ, người kia không có tự tánh.

Nếu ngoài thân năm uẩn khổ, mà người kia có tự tánh, thì người kia mới tự làm ra khổ. Người kia cũng chính là thân năm uẩn khổ. Như vậy thì làm sao có thể nói thân năm uẩn khổ, tự làm ra thân năm uẩn khổ được.

HỎI: Nếu tự làm hay người khác làm đều không đúng. Thì có thể có trường hợp cùng chung làm không?

ĐÁP:

9. Nhược thử bỉ thành khổ
Ứng hữu cộng tác khổ
Thử bỉ thương vô tác
Hà hướng vô nhân tác

(Khổ do mình, người làm
Khổ ấy là chung làm
Mình, người còn không làm
Hướng nữa khổ vô nhân)

Khổ do tự mình làm, hay do người khác làm đều có lỗi. Hướng nữa là khổ không có nguyên nhân. Không có nguyên nhân mà làm ra khổ, thì lỗi nhiều hơn. Như trong Phẩm Quán về Tác nghiệp và tác giả đã giải rõ.

Lại nữa,

10. Phi chi thuyết ư khổ
Tứ chủng nghĩa bất thành
Nhất thiết ngoại vạn vật
Tứ nghĩa diệc bất thành

(Không chỉ nói về khổ
Cả bốn cách chẳng thành
Mà hết thảy muôn vật
Cả bốn cách không thành)

Trong Phật pháp tuy nói năm thọ uẩn là khổ. Có người ngoại đạo nói rằng, khổ thọ (cảm giác) là khổ. Vì thế nên nói, không chỉ nói về khổ, mà cả bốn trường hợp, khổ tự làm, khổ do người khác làm, khổ do chung làm, và khổ vô nhân làm, đều không thành, mà hết thảy vạn vật bên ngoài, như, đất, nước, núi, cây...đều cũng không thành.

Hết Phẩm 12

PHẨM 13

QUÁN VỀ HÀNH

(9 bài kệ)

HỎI:

1. Như Phật kinh sở thuyết
Hư cuống vọng thủ tướng
Chư hạnh vọng thủ cố
Thi danh vi hư cuống

(Như khế kinh Phật dạy
Chấp thủ các tướng quấy
Đắm say các hành tà
Đây chính danh hư dối)

Trong khế kinh, đức Phật dạy, hư dối là do chấp thủ các tướng hư vọng. Chân thật đệ nhất là Niết bàn. Niết bàn chẳng phải là tướng hư vọng, do chấp thủ. Phải chăng vì thế mà kinh dạy, nên biết có các hành là tướng do hư vọng chấp thủ?

ĐÁP:

2. Hư cuống vọng thủ gia
Thị trung hà sở thủ
Phật thuyết như thị sự
Dục dĩ thị không nghĩa

(Hư dối chấp thủ tướng
Trong đó chấp cái gì
Phật dạy lời như vậy
Muôn khai thị nghĩa không)

Nếu mê chấp tướng hư vọng các pháp, tức là luống dối. Vậy thì chấp thủ cái gì trong các hành (hành là sự chuyển biến). Nên biết, đức Phật dạy như vậy là muốn khai thị về nghĩa “không”.

HỎI: Làm sao biết tất cả các hành đều là không?

ĐÁP: Hết thấy tướng các hành hư vọng, cho nên không. Các hành sanh, diệt không ngừng, không có tự tánh, cho nên không. Các hành là năm uẩn, từ hành mà sanh. Cho nên năm uẩn được gọi là hành. Năm uẩn đều là hư vọng, không có định tướng. Vì sao? Vì sắc tướng con người, khi còn là một hài nhi; chẳng phải là sắc của thời bé bò lét; sắc của thời còn bò lét,

chẳng phải là sắc của thời đã biết đi; sắc của thời biết đi, chẳng phải là sắc của thời nhi đồng; sắc của thời nhi đồng chẳng phải là sắc của thời trai tráng; sắc của thời trai tráng không phải là sắc của thời già nua.

Về sắc tướng như vậy, mỗi niệm mỗi phút giây không ngừng nghỉ. Cho phân biệt, tìm kiếm định tánh không thể có được. Từ hài nhi, bò lét cho đến lúc già nua; sắc tướng như vậy, là một hay là khác, cả hai đều có lỗi. Vì sao? Vì, nếu sắc thời hài nhi, mà cũng là sắc của thời bò lét, biết đi, nhi đồng... cho đến sắc của thời già nua. Như vậy là một sắc, đều là sắc thời hài nhi, không có sắc của thời bò lét, biết đi v.v... cho đến thời già nua. Lại như nắm đất sét, thường là đất sét thì không bao giờ có thể làm thành cái bình. Vì sao? Vì sắc của đất sét thì thường, luôn luôn là định tánh.

Nếu sắc lúc hài nhi, khác với sắc lúc bò lét, thời hài nhi không làm trẻ bò lét, trẻ bò lét không làm hài nhi. Vì sao? Vì hai loại sắc khác nhau. Như vậy, sắc của nhi đồng, của thiếu nhi, của trai tráng, sắc của lúc già nua, không thể tương tục, không còn có thân thuộc, không cha, không con. Nếu như vậy, chỉ có hài nhi mới được làm cha, ngoài ra, còn hàng bò lét, cho đến già nua thì không có phần gì cả. Bởi vậy, cả hai đều có lỗi.

HỎI: Sắc tuy không có tánh nhất định, sắc hài nhi diệt rồi, tiếp tục lại sanh cho đến sắc lúc già nua, thì không có lỗi như trên ư?

ĐÁP: Sắc lúc còn hài nhi tương tục sanh, là diệt rồi tương tục sanh, hay không diệt mà tương tục sanh? Nếu sắc hài nhi diệt, thì làm sao có tương tục, vì không có nguyên nhân. Như tuy có củi bị đốt cháy nhưng lửa tắt, nên không có tương tục. Nếu sắc của hài nhi không diệt mà tương tục, thời sắc của hài nhi không diệt mà thường trụ trong bốn tướng của nó, cũng không có tương tục.

HỎI: Tôi không nói diệt, không diệt, cho nên tương tục sanh. Chỉ nói không dừng nghỉ tương tự như sanh cho nên nói tương tục sanh?

ĐÁP: Nếu như vậy, là sắc đã có tánh nhất định, mà lại sanh. Như vậy thời có thể có hàng ngàn hàng vạn loại sắc. Chỉ là việc không đúng. Như vậy cũng không tương tục.

Như vậy, khắp mọi nơi tìm cầu sắc không thấy có định tướng. Chỉ vì do ngôn thuyết của thế tục, cho nên mới có. Như tìm lõi chắc cứng trong cây chuối thì không thể có được, chỉ có lá và bẹ chuối.

Như vậy, người trí truy tìm tướng sắc uẩn, mỗi niệm niệm biến diệt, không có thật sắc nào có thể tìm thấy được. Các loại sắc hình, sắc tướng, biến chuyển không ngừng, tương tự, thứ lớp sanh, khó có thể phân biệt. Như cây đèn đốt cháy, phân biệt định sắc không thể được. Từ định sắc lại có sắc sanh ra không thể được. Vì vậy, sắc không có định tánh nên “không”. Chỉ dùng ngôn thuyết của thế tục để nói, nên “có” sắc uẩn.

Thọ cũng như vậy. Người trí quan sát tận tường về thọ, thứ lớp, tương tự, sanh diệt chuyển biến khó phân biệt để biết. Như dòng nước chảy, tương tục. Chỉ dùng trí giác cho nên nói, trong thân có ba thọ. Bởi thế nên biết, nói về thọ đồng với sắc như đã nói trên.

Tướng, là nhân nói về danh và tướng mà phát sanh. Nếu ngoài danh và tướng thời tướng không phát sanh. Cho nên đức Phật dạy, phân biệt để biết tướng của danh tự, gọi là tướng. Chẳng phải quyết định tướng đã có trước, từ các duyên sanh, không có định tánh. Không có định tánh cho nên như bóng theo hình. Nhân hình mới có bóng. Không hình thì không có bóng. Bóng không có tánh quyết định.

Nếu có định tánh, thì ngoài hình có thể có bóng. Mà sự thật thì không như vậy. Bởi vì, từ các duyên mà sanh khởi. Không có tự tánh, nên không thể được. Tướng cũng như vậy. Chỉ nhân nơi danh tướng bên ngoài, theo ngôn thuyết thế tục, cho nên “có” tướng uẩn.

Thức, là nhân nơi các trần: hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị và đụng chạm (xúc) v.v...; và các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân v.v... mà sanh khởi. Vì các căn mắt, tai v.v...sai khác nhau, nên thức cũng có phân biệt sai khác nhau. Được gọi là thức, là ở nơi sắc (trần), ở nơi mắt (căn), và ở nơi khoảng giữa mắt và sắc, không có nhất định. Chỉ khi nào thức sanh khởi rồi mới biết trần cảnh, biết người này người kia. Cái thức biết người này người kia. Cái thức biết người này, tức là cái thức biết người kia, là khác hay là hai, khó có thể phân biệt. Như nhãn thức, nhĩ thức cũng khó có thể phân biệt. Vì khó phân biệt cho nên hoặc nói nó là một, hoặc nói nó là khác. Không có quyết định phân biệt, chỉ tùy theo các duyên sanh khởi, nên tánh phân biệt của mắt v.v...là “không”, không có tự tánh. Như người có tài, ngậm một hạt ngọc, rồi lại lấy ra, đem chỉ cho người khác, thời sanh ra nghi ngờ, không biết đó là hạt ngọc vốn như cũ hay có khác. Thức cũng như vậy. Sanh rồi lại sanh. Thế thì nó vốn là thức cũ hay là cái thức khác. Vì vậy nên biết, thức không ở yên, vì nó không có tự tánh, hư vọng như huyễn hóa.

Các hành cũng như vậy. Các hành là thân, miệng, ý. Hành có hai loại, tịnh và bất tịnh. Những gì là bất tịnh? Nã, chúng sanh tham trước ...gọi là bất tịnh. Bất nã, chúng sanh nói năng chân thật, không tham lam đắm trước...gọi là tịnh. Hoặc tăng, hoặc giảm. Người tịnh hành được sanh làm người, các cõi trời Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, thọ hưởng quả báo hết thời giảm; trở lại tạo nghiệp hưởng báo nữa, gọi là tăng. Người hành bất tịnh hạnh, cũng như vậy, tại địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A tu la, thọ quả hết rồi thời giảm. Trở lại tạo nghiệp gọi là tăng. Cho nên, các hành có tăng có giảm, không đứng yên, như người có bệnh, tùy nghi chăm sóc nuôi dưỡng, thời bệnh bớt dần. Nếu không chăm sóc nuôi dưỡng thích hợp, thì bệnh tập thêm. Các hành cũng vậy, có tăng có giảm, nên không nhất định. Chỉ tùy thuận theo ngôn thuyết thể tục mà nói có các hành.

Nhân nơi thế tục đế, mà được thấy đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là do vô minh làm duyên nên mới có các hành. Từ nơi các hành mà có thức chấp trước, từ nơi thức chấp trước mới có danh sắc; từ danh sắc mà có sáu nhập, từ nơi sáu nhập mà có xúc, do xúc có thọ, do thọ có ái, do ái có thủ, do thủ có hữu, do hữu có sanh, do sanh có lão tử, ưu bi khổ não, ân ái chia lìa khổ, oán thù gặp gỡ khổ v.v...Như vậy các khổ, đều do các hành làm gốc. Đức Phật vì thế tục đế cho nên nói, nếu thấy được đệ nhất nghĩa đế, phát sinh trí tuệ chân thật, thì vô minh chấm dứt, nên các hành cũng không tụ tập. Các hành không tụ tập nên thấy được chân đế, đoạn trừ thân kiến, nghi, giới cấm thủ v.v...cũng đoạn.

Và do tư duy mà đoạn tham, nhuế, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, trạo cử, vô minh cũng đoạn. Bởi do sự đoạn trừ ấy, nên từng phần đoạn diệt. Do đó, vô minh các hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, ưu bi, khổ não, ân ái ly biệt khổ, oán tăng hội khổ v.v...đều diệt. Do các sự đoạn diệt như vậy, cho nên năm uẩn thân, rốt ráo tiêu diệt, lại không còn lại cái gì hết. Duy chỉ còn lại nghĩa “không”. Bởi vậy cho nên đức Phật muốn khai thị nghĩa không, nên nói các hành hư dối. Lại nữa, các pháp vô tánh cho nên hư dối. Hư dối cho nên “không”. Như kệ nói:

3. Chư pháp hữu dị cố
Tri giai thị vô tánh
Vô tánh pháp diệt vô
Nhất thiết pháp không cố

(Các pháp sai khác nhau
Nhưng biết đều vô tánh)

Vô tánh ấy cũng không
Vì hết thấy pháp “không”)

Các pháp không có tự tánh. Vì sao vậy? Vì các pháp tuy có sanh, nhưng không an trụ trong tự tánh, cho nên vô tánh. Như hải nhi, an trụ trong tự tánh, nên không thể làm trẻ thơ bò lét... đến người già nua. Mà hải nhi thứ lớp tương tục thì có tướng hiện ra khác nhau, có bò lét v.v...cho đến tuổi già nua. Vì thế cho nên nói, thấy các pháp có tướng khác nhau, cho nên biết không tánh.

HỎI: Nếu các pháp khác nhau, vô tánh, tức là có pháp không có tự tánh. Nói như vậy có lỗi gì?

ĐÁP : Nếu không có tự tánh, thì làm sao có pháp đó, làm sao có tướng. Vì sao? Vì không có căn bản, chỉ vì đề phá tánh, cho nên nói không tự tánh, là pháp không có tự tánh. Nếu có thời không gọi là, nhất thiết pháp “không”. Nếu nhất thiết pháp “không”, thời làm sao có pháp vô tánh?

HỎI:

4. Chư pháp nhược vô tánh
Vân hà thuyết hải nhi
Nãi chí ư lão niên
Nhi hữu chủng chủng dị

(Các pháp nếu không tánh
Vì sao nói hải nhi
Cho đến tuổi già nua
Có nhiều tướng khác nhau)

Các pháp nếu vô tướng, thời không có tướng khác nhau mà ông nói có tướng khác nhau, cho nên có các pháp tánh. Nếu không có các tự tánh, làm sao có tướng khác nhau?

ĐÁP: 5. Nhược chư pháp hữu tánh
Vân hà nhi đắc dị
Nhược chư pháp vô tánh
Vân hà nhi hữu dị

(Nếu pháp có tự tánh
Làm sao có được khác
Nếu pháp không tự tánh
Làm sao có khác nhau)

Nếu các quyết định có tự tánh, làm sao có được tánh sai khác ấy. Đã quyết định có thời không thể biến khác được. Như vàng thật, thì không biến đổi. Như tánh tối, không thể đổi thành sáng, tánh sáng không thể đổi thành tối.

Lại nữa,

6. Thị pháp tác vô dị
 Dị pháp diệt vô dị
 Như trắng bất tác lão
 Lão diệt bất tác trắng

(Chánh pháp không đổi khác
 Pháp khác không đổi khác
 Người trẻ không làm già
 Ông già không làm trẻ)

Nếu pháp có sai khác, thời phải có tướng sai khác. Tức chính pháp khác ấy làm khác, hay có pháp khác làm ra khác. Cả hai đều không đúng. Vì, nếu tự chính pháp ấy làm ra khác. Thì ông già có thể làm ông già. Nhưng thật sự thì ông già không thể làm ra ông già. Còn, nếu có pháp khác làm ra sai khác. Như vậy ông già khác trai trắng. Trai trắng có thể làm ông già. Nhưng thật sự trai trắng không thể làm ông già. Nên, cả hai đều có lỗi.

HỎI: Nếu chính pháp ấy tự đổi khác, thì bị lỗi gì? Như nay, con mắt thấy một thiếu niên, trải qua bao ngày, tháng, năm trở nên già cả?

ĐÁP:

7. Nhược thị pháp tức dị
 Dĩ ưng tức thị tô
 Ly dĩ hữu hà pháp
 Nhi năng tác ư tô

(Pháp ấy, chính pháp khác
 Sữa, cũng chính phô-ma
 Ngoài sữa còn thứ gì
 Làm thành chất phô-ma)

Nếu pháp ấy chính là pháp sai khác, như sữa cũng chính là phô-ma; lại cũng không cần nhân duyên. Việc ấy không đúng. Vì sao vậy? vì sữa và phô-ma có nhiều sai khác về tướng trạng. Sữa, không tức là phô-ma, cho nên pháp ấy không tức là pháp khác. Nếu bảo có pháp khác làm cho khác, thời cũng không đúng.

Ngoài sữa, lại có vật gì làm thành phô-ma. Suy nghĩ như vậy, là pháp ấy không tự làm khác; pháp khác cũng không khác. Cho nên không nên có thiên chấp.

HỎI: Phá, là phá pháp đồng, pháp khác, còn có cái “không”. Cái không còn lại, tức là pháp.

ĐÁP:

8. Nhược hữu bất không pháp
Tắc ưng hữu không pháp
Thật vô bất không pháp
Hà đắc hữu không pháp

(Nếu có pháp chẳng không
Thời phải có pháp không
Thật không, pháp chẳng không
Sao được có pháp không)

Nếu có pháp chẳng không, do làm nhân cho nhau nên có thể có pháp không. Nhưng từ trước đến nay, đã nêu ra nhiều nhân duyên để phá bỏ pháp chẳng không. Pháp chẳng không không có, thời không có đối đãi nhau. Không có tướng đối đãi, thời làm sao có pháp không.

HỎI: Ông nói không có pháp chẳng không, cho nên pháp không cũng không có. Nếu như vậy thời ở đây nói “không”, là chỉ nói không có tướng đối đãi, cho nên không nên chấp có. Nếu có hai cái đối nhau, mới có đợi nhau. Nếu không có hai cái đối nhau, thời không có đợi nhau. Không có đối đãi nhau nên vô tướng, vì vô tướng nên không chấp. Như vậy, tức là nói về nghĩa không?

ĐÁP:

9. Đại thánh thuyết không pháp
Vị ly chư kiến cố
Nhược phục kiến hữu không
Chư Phật sở bất hóa

(Đại thánh nói không pháp
Khiến từ bỏ kiến chấp
Trở lại chấp có, không
Hạng này Phật không độ)

Bậc Đại thánh vì muốn phá trừ 62 loại kiến chấp là vô minh, ái v.v... các phiền não, cho nên nói pháp “không”. Nếu người đối với pháp “không”,

trở lại sanh ra các kiến chấp. Người như vậy chư Phật không thể hóa độ. Thí dụ như có người lâm bệnh cần phải uống thuốc để điều trị. Nếu thuốc trở lại làm sanh bệnh, thì không thể trị lành bệnh được. Lại như, lửa từ củi mà ra, lấy nước để diệt tắt. Nếu từ nơi nước mà sanh thì dùng cái gì để diệt tắt. Cũng như, “không” là nước, có khả năng diệt tắt lửa phiền não. Có người tội nặng, tâm tham đắm sâu xa, trí tuệ ám độn, cho nên đối với nghĩa “không” mà sanh kiến chấp, hoặc cho có “không” hoặc cho không có “không”. Nhân chấp có chấp không ấy mà trở lại sanh khởi phiền não. Nếu dùng nghĩa “không” để giáo hóa cho người này, thì người ấy sẽ nói rằng, lâu nay tôi đã biết “không”. Nếu lìa ngoài “không” ra, thì không có Niết bàn đạo. Như kệ kinh dạy, ngoài nghĩa “không” ra, không có ba pháp môn giải thoát là “Không”, “Vô tướng”, “Vô tác”, mà được giải thoát thì đó chỉ là ngôn thuyết vậy.

Hết Phẩm 13

PHẨM 14

QUÁN VỀ HIỆP

(8 bài kệ)

Trên đây, trong Phẩm Quán về các căn, nói về thấy, vật bị thấy và người thấy đều không thành. Ba pháp này không phải là pháp sai khác, cho nên không hiệp. Không hiệp nghĩa này sẽ nói.

HỎI: Vì sao mắt, sắc và ngã, ba việc này không hiệp?

ĐÁP:

1. Kiến khả kiến kiến giả
Thị tam các dị phương
Nhu thị tam pháp dị
Chung vô hữu hiệp thời

(Thấy, bị thấy, người thấy
Ba pháp ở khác phương
Vậy ba pháp khác nhau
Trọn không lúc hiệp nhau)

Thấy, là căn mắt, bị thấy, sắc trần, người thấy là ngã. Ba việc này, mỗi mỗi nơi khác nhau, không có lúc nào hiệp nhau. Khác nơi là vì, mắt thì ở trong thân, sắc trần thì ở ngoài thân; ngã thì hoặc nói ở trong thân, hoặc nói ở khắp tất cả mọi nơi; cho nên không có hiệp.

Lại nữa, nếu cho rằng, có cái thấy, thì do hiệp mà thấy hay không do hiệp mà thấy. Cả hai đều không đúng. Vì sao? Vì, nếu do hiệp mà thấy, thì tùy theo chỗ nào có sắc trần thì ở đó tất có căn mắt và có ngã (nhận thức). Nói như vậy, chỉ là việc không đúng. Thế cho nên không hiệp. Còn nếu không hiệp mà thấy, thời, nhãn căn, sắc trần và ngã (sự nhận thức) mỗi mỗi ở tại mỗi nơi khác nhau, cũng có thể có thấy mà không thấy. Vì sao? Vì, như nhãn căn ở tại chỗ này không thấy cái bình ở chỗ xa. Vì thế nên, hiệp hay không hiệp cả hai đều không thấy.

HỎI: Ngã, ý, các căn và các trần, bốn việc này hiệp lại mà có sự nhận thức sanh ra, có khả năng nhận biết cái bình, cái y và muôn vật. Do vậy mà có thấy, bị thấy và người thấy?

ĐÁP: Việc này ở trong Phẩm Quán về các căn đã trình bày. Nay sẽ lại trình bày đơn giản.

Ông nói, do bốn việc hiệp lại với nhau mà sanh ra sự hiểu biết. Vậy thì cái biết ấy vì thấy cái bình, cái y v.v...rồi mới sanh ra, hay chưa thấy mà đã sanh ra. Nếu thấy rồi mới sanh ra, thì cái biết ấy vô dụng. Nếu chưa thấy mà đã sanh ra, vậy là chưa hiệp. Chưa hiệp thì làm sao cái biết sanh ra. Nếu nói bốn việc nhất thời hiệp mà cái biết được sanh ra, thì cũng không đúng. Vì nếu nhất thời sanh, thời không có sự đối đãi. Vì sao? Vì, trước đó có cái bình v.v...tiếp đến mới thấy, sau nữa, cái biết mới sanh. Nhất thời thì không có trước, sau. Cái biết không có, cho nên thấy, bị thấy và người thấy cũng không.

Như vậy, các pháp như mộng như huyễn, không có định tướng, làm sao hiệp được. Không hiệp, nên “không”.

Lại nữa,

2. Nhiễm dự ư khả nhiễm
Nhiễm giả diệc phục nhiên
Dự nhập dự phiên nào
Giai diệc phục như thị.

(Tham nhiễm bị tham nhiễm
Người tham nhiễm cũng vậy
Còn các nhập, phiên nào
Đều cũng lại như vậy)

Như vậy, thấy, bị thấy và người thấy không có hiệp. Cho nên ở đây nói về nhiễm, bị nhiễm và người nhiễm, cũng phải có không hiệp. Như nói thấy, bị thấy và người thấy ba pháp. Thời nói về nghe, bị nghe và người nghe; về ngửi, về nếm, về xúc chạm, cũng như vậy.

Như nói về nhiễm, bị nhiễm và người nhiễm, thời nói về pháp giận, bị giận và người giận; còn các pháp phiên nào ngu si v.v... cũng đều như vậy.

Lại nữa,

3. Dị pháp đương hữu hiệp
Kiến đẳng vô hữu dị
Dị tướng bất thanh có
Kiến đẳng vân hà hiệp.

(Pháp khác nhau có hiệp
Thấy, bị thấy... không khác
Tướng khác đã không thành
Thấy, bị thấy... sao hiệp)

Phàm sự vật đều do khác nhau cho nên mới có hiệp. Mà thấy, bị thấy, người thấy có tướng khác nhau nên không thể được. Cho nên không có hiệp.

Lại nữa,

4. Phi đản kiến đẳng pháp
Dị tướng bất khả đắc
Sở hữu nhất thiết pháp
Giai diệc vô dị tướng.

(Không chỉ thấy, bị thấy, người thấy
Tướng khác nhau đều không thể có
Mà có bao nhiêu pháp hết thấy
Bấy nhiêu pháp không tướng khác nhau)

Chẳng phải chỉ pháp thấy, bị thấy và người thấy v.v...ba việc khác tướng không thể được. Hết thấy các pháp đều không có tướng khác nhau.

HỎI: Vì sao không có tướng khác nhau?

ĐÁP:

6. Dị nhân dị hữu dị
Dị ly dị vô dị
Nhược pháp tùng nhân xuất
Thị pháp bất dị nhân

(Khác, nhân cái khác mà có khác
Cái khác, lia khác không có khác
Pháp nào, từ pháp khác mà ra
Thì không khác, pháp từ đó ra)

Ông cho rằng cái khác là nhân nơi pháp khác mà gọi là khác. Lia pháp khác, không gọi là khác. Vì sao? Vì, nêu pháp từ nơi các duyên mà sanh, thời pháp ấy không khác với pháp sở nhân, từ đó nó được sanh. Sở nhân hoại thì quả cũng hoại. Như nhân nơi cột kèo, đòn tay v.v...mà có nhà. Nhà không khác với kèo, cột, đòn tay v.v... Cột kèo v.v... hư hoại thì nhà cũng hư hoại vậy.

HỎI: Nếu pháp có quyết định khác, thì có lỗi gì?

ĐÁP:

6. Nhược ly tùng dị dị
Ứng dư dị hữu dị

Ly tòng dị vô dị
Thị cố vô hữu dị.

(Lìa pháp khác, có khác
Ngoài pháp khác, có khác
Ngoài khác, không có khác
Vậy nên không có khác)

Nếu lìa cái khác mà tự nó có khác. Thời có thể là lìa ngoài cái khác mà có pháp khác. Nhưng thực tế thời không từ nơi cái khác, thì không có pháp khác. Bởi thế cho nên không có cái khác khác. Như lìa năm ngón tay khác mà có nắm tay khác. Nắm tay khác ấy, có thể đối với cái bình v.v...các vật khác mà có khác. Nhưng hiện nay, ngoài năm ngón tay khác, nắm tay khác không thể có được. Cho nên nắm tay khác đối với bình, áo v.v...không có pháp khác.

HỎI: Trong khế kinh nói, tướng khác nhau không từ các duyên sanh. Phân biệt tướng chung nên có tướng khác. Nhân có tướng khác, nên có pháp khác?

ĐÁP:

7. Dị trung vô dị tướng
Bất dị trung diệt vô
Vô hữu dị tướng cố
Tắc vô thử bỉ dị

(Trong khác không có khác
Trong không khác cũng không
Vì không có tướng khác
Nên không này, kia khác)

Ông nói vì phân biệt tướng chung nên mới có tướng khác. Nhân vì có tướng khác, nên mới có pháp khác. Như vậy, tướng khác từ các duyên sanh. Như vậy là nói pháp các duyên sanh, pháp khác ấy lìa pháp khác, không thể được.

Tướng khác, nhân nơi pháp mà có, không thể riêng thành được. Hiện nay, trong pháp khác không có tướng khác. Vì sao? Vì trước đã có pháp khác rồi, thì dùng tướng khác làm gì?

Trong pháp không khác, cũng không có tướng khác. Vì sao? Vì, nếu tướng khác ở tại ngay trong pháp không khác, thời không gọi là pháp không khác. Nếu hai chỗ đều không, tức là không có tướng khác. Không có tướng

khác, nên pháp này, pháp kia cũng không có.

Lại nữa, pháp khác không có, cho nên cũng không hiệp.

8. Thị pháp bất tự hiệp
Dị pháp diệc bất hiệp
Hiệp giả cập hiệp thời
Hiệp pháp diệc giai vô.

(Pháp ấy không tự hiệp
Pháp khác không tự hiệp
Người và thời gian hiệp
Pháp hiệp cũng đều không)

Pháp tự thể nó không hiệp, vì nhất thể. Như một ngón tay, không tự hiệp. Pháp khác cũng không hiệp, vì khác nhau. Việc đã khác nhau đã thành rồi, không cần phải hiệp.

Cứ như vậy mà suy nghĩ, pháp hiệp không thể được. Cho nên nói, người hiệp, thời gian hiệp, pháp hiệp đều không thể được.

Hết Phẩm 14
(HẾT CUỐN 2)

PHẨM 15**QUÁN VỀ CÓ, KHÔNG**

(11 bài kệ)

HỎI: Các pháp đều có tự tánh riêng, có lực, có dụng. Như cái bình có tự tánh của cái bình, vải có tự tánh của vải. Các tự tánh ấy do các duyên hiệp lại mà có ra. Vì sao? Vì, từ nơi các duyên hiệp lại, thì pháp xuất hiện?

ĐÁP:

1. Chúng duyên trung hữu tánh
Thị sự tác bất nhiên
Tánh từng chúng duyên xuất
Tức danh vi tác pháp.

(Các pháp có tự tánh
Như vậy là không đúng
Tự tánh từ duyên sanh
Tức là pháp tạo tác)

Nếu các pháp có tự tánh, thì không thể từ các duyên sanh ra. Vì sao? Nếu từ các duyên sanh ra, tức là pháp tạo tác, không có định tánh.

HỎI: Nếu các pháp tự tánh từ các duyên tạo tác mà có, thì bị lỗi gì?

ĐÁP:

2. Tánh nhược thị tác giả
Vân hà hữu thứ nghĩa
Tánh danh vi vô tác
Bất đãi dị pháp thành

(Tự tánh nếu tạo tác
Thì sao có nghĩa này
Tự tánh là vô tác
Không đợi pháp khác thành)

Như vàng lẫn lộn với đồng thì chẳng phải là vàng thật. Như vậy, nếu có tự tánh thì không cần các duyên. Nếu từ nơi các duyên mà xuất hiện, thì nên biết không phải chân tánh. Lại nữa, nếu tự tánh là quyết định có, thì không đợi các duyên khác mà xuất hiện. Chẳng phải như dài, ngắn, này, kia không có định tánh, nên đợi cái khác mới có được.

HỎI: Các pháp nếu không có tự tánh, thì có thể có tha tánh?

ĐÁP: 3. Pháp nhược vô tự tánh
Vân hà hữu tha tánh
Tự tánh ư tha tánh
Diệc danh vi tha tánh.

(Pháp nếu không tự tánh
Làm sao có tha tánh
Tự tánh đối tha tánh
Cũng gọi là tha tánh)

Tự tánh các pháp đều do các duyên tạo tác thành, cũng nhân nơi sự đối đãi nhau mà được thành. Cho nên cũng không có tự tánh. Nếu như vậy thời tha tánh đối với tha tánh, cũng là tự tánh, cũng là từ nơi các duyên sanh, đối đãi nhau mà thành, nên cũng không có tự tánh. Làm sao nói các pháp từ tha tánh sanh được. Vì tha tánh cũng là tự tánh vậy.

HỎI: Nếu lia tự tánh, tha tánh mà có các pháp thì có lỗi gì?

ĐÁP:

4. Ly tự tánh tha tánh
Hà đắc cánh hữu pháp
Nhược hữu tự tha tánh
Chư pháp tắc đắc thành

(Ngoài tự tánh tha tánh
Làm sao có các pháp
Nếu có tự tha tánh
Các pháp tất được thành)

Ông nói ngoài tự tánh tha tánh, có các pháp. Việc ấy không đúng. Vì nếu lia tự tánh tha tánh, thời không có các pháp. Vì sao? Vì có tự tánh tha tánh thời các pháp được thành. Như cái bình, thể của bình là tự tánh, đối với có là tha tánh.

HỎI: Nếu lấy tự tánh tha tánh để phá pháp hữu. Vậy, nay có thể có pháp không?

ĐÁP:

5. Hữu, nhược bất thành giả
Vô, vân hà khả thành
Nhân hữu, hữu pháp cố
Hữu hoại, danh vi vô

(Có tự, tha tánh còn không thành
 Pháp không tự, tha làm sao thành
 Nhân có thật pháp, có pháp có
 Pháp có diệt, là pháp không có)

Nếu ông đã chấp nhận pháp có chẳng thành, thì cũng nên chấp nhận pháp không cũng không thành. Vì sao? Vì pháp có hoại diệt, gọi là pháp không có. Cái không có ấy, nhân nơi hoại diệt mà có.

Lại nữa,

6. Nhược nhân kiến hữu vô
 Kiến tự tánh tha tánh
 Như thị tắc bất kiến
 Phật pháp chân thật nghĩa

(Nếu người thấy có không
 Thấy tự tánh tha tánh
 Như vậy không thấy được
 Nghĩa chân thật Phật pháp)

Nếu người chấp chặt vào các pháp, tất quyết đi tìm một sự thấy biết. Hoặc phá tự tánh, thời lại thấy tha tánh; nếu phá được tha tánh, thời lại thấy có; nếu phá được thấy có, thời thấy không; nếu phá không thời mê hoặc hoảng loạn.

Nếu người có căn cơ nhạy bén lanh lợi, tâm chấp đắm nhẹ nhàng mềm mỏng, thì sẽ biết diệt trừ được các kiến chấp, tâm trí được an ổn; lại không khởi bốn loại hý luận nhảm nhí. Đó là người thấy được nghĩa chân thật của Phật pháp, như kệ nói trên. (Bốn loại hý luận: Có, không; cũng có, cũng không; chẳng có, chẳng không).

Lại nữa,

7. Phật năng diệt hữu vô
 Như Hóa-Già-Chiên-Diên
 Kinh trung chi sở thuyết
 Ly hữu diệt ly vô

(Phật phá chấp có, không
 Như, Hóa-Già-Chiên-Diên
 Trong kinh này Phật dạy
 Là chấp có, chấp không)

Trong kinh Sách-Đà-Ca-Chiên-Diên, đức Phật đã dạy về nghĩa của chánh kiến là lia chấp có chấp không. Nếu trong các pháp mà quyết định thật có một thiếu phần nào, thì có lẽ đức Phật đã không phá chấp chấp không. Bởi vì, nếu chỉ phá có, thì người ta sẽ chấp không. Đức Phật thông đạt thấu suốt thật tướng các pháp, nên nói cả hai có và không đều không. Bởi thế cho nên, ông nên xả bỏ kiến chấp có, không.

Lại nữa,

8. Nhược pháp thật hữu tánh
Hậu tác bất ưng dị
Tánh nhược hữu dị tướng
Thị sự chung bất nhiên

(Nếu pháp có tự tánh
Về sau không thể khác
Tự tánh có tướng khác
Việc đó trọn không đúng)

Nếu các pháp quyết định có tự tánh. Về sau không thể biến khác. Vì sao? Vì nếu đã quyết định pháp có tự tánh, thì không thể có tướng khác nhau. Như trên đây đã nói về dụ vàng thật. Nay hiện thấy các pháp có tướng khác nhau. Cho nên biết, các pháp không có tướng nhất định.

Lại nữa,

9. Nhược pháp thật hữu tánh
Vân hà nhi khả dị
Nhược pháp thật vô tánh
Vân hà nhi khả dị.

(Nếu pháp có tự tánh
Làm sao mà biến khác
Nếu pháp không tự tánh
Làm sao mà biến khác)

Nếu pháp quyết định có tự tánh, làm sao có thể biến khác. Nếu pháp không có tự tánh, thì không có tự thể, thì làm sao có thể biến khác.

Lại nữa,

10. Định hữu tác trước thường
Định vô tác trước đoạn
Thị cố hữu trí giả
Bất ưng trước hữu vô

(Quyết định có (có tự tánh), chấp thường
 Quyết định không (không tự tánh), chấp đoạn
 Cho nên, là bậc trí
 Không nên chấp có, không)

Nếu pháp quyết định có tướng có, tức hoàn toàn không có tướng không. Như vậy là chấp thường. Vì sao? Vì, như nói về ba đời, thì trong đời vị lai có pháp tướng, pháp ấy chuyển đến hiện tại, rồi chuyển về đời quá khứ mà không xả bỏ bản tướng (tướng cũ). Vậy là “thường”.

Lại nói rằng, trong nhân, trước đã sẵn có quả. Vậy thời, cũng là “thường”. Nếu nói quyết định có “pháp không”, vậy là pháp không ấy, trước đã có mà nay không. Vậy là đoạn diệt, không có nhân tương tục.

Như vậy là cái thấy có, cái thấy không, cả hai cái thấy ấy đều xa lìa với Phật pháp.

HỎI: Vì có sao mà nhân nơi pháp có sanh ra “thường kiến”, nhân nơi pháp không sanh ra “đoạn kiến”?

ĐÁP:

11. Nhược pháp hữu định tánh
 Phi vô tác hữu thường
 Tiên hữu nhi kim vô
 Thị tác vi đoạn diệt.

(Nếu pháp có định tánh
 Chẳng không là chấp thường
 Trước có mà nay không
 Vậy thời là chấp đoạn)

Nếu pháp quyết định có tự tánh, thời là tướng có chẳng phải là tướng không, hoàn toàn không thể là không. Nếu không thời chẳng phải có, tức là pháp không. Lỗi này trước đây đã nói, như vậy thời rơi vào thường kiến. Nếu pháp mà trước đã có, do bại hoại mà trở thành không, thời gọi là đoạn diệt. Vì sao? Vì có thì không thể là không.

Ông nói có và không mỗi đều có tướng nhất định. Nếu có chấp đoạn kiến, thường kiến, thời không có tội, phước... là phá hoại pháp thế gian, cho nên phải xả bỏ.

Hết Phẩm 15

PHẨM 16

QUÁN VỀ TRÓI VÀ MỞ

(10 bài kệ)

HỎI: Vấn đề sanh tử, không phải tất cả đều không có nguồn gốc căn bản, trong đó chúng sanh (người) qua lại, hoặc các hành (pháp) qua lại. Nay ông vì nhân duyên gì mà nói, chúng sanh và các hành đều không, không có qua lại?

ĐÁP:

1. Chư hành vãng lai giả
Thường bất ưng vãng lai
Vô thường diệt bất ưng
Chúng sanh diệt phục nhiên

(Nếu các hành qua lại
Thường, không thể qua lại
Vô thường, cũng không thể
Chúng sanh, lại cũng vậy)

Các hành qua lại trong sáu đường sanh tử, là tướng thường mà qua lại, hay tướng vô thường mà qua lại. Cả hai đều không đúng. Nếu là tướng thường mà qua lại, thời không có tương tục sanh tử, vì là tướng quyết định, vì nó đã an trụ trong tự tánh nó. Nếu là tướng vô thường mà qua lại, thời cũng không có tương tục qua lại sanh tử, vì không quyết định, vì không có tự tánh. Nên nói chúng sanh qua lại, thì cũng có các lỗi như vậy.

Lại nữa,

2. Nhược chúng sanh vãng lai
Âm giới chư nhập trung
Ngũ chủng cầu tận vô
Thùy hữu vãng lai giả

(Nếu chúng sanh qua lại
Tìm trong giới, uẩn, nhập
Trong năm uẩn cũng không
Vậy ai người qua lại)

Vấn đề sanh tử và năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập, tức là một nghĩa. Nếu chúng sanh đối với trong uẩn, giới, nhập này mà qua lại, thì như trong Phẩm Đốt và bị đốt cháy, có năm cách để tìm kiếm tướng ra trong năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều không thể có. Thì nay, ai trong

uần, mười tám giới, mười hai nhập mà có qua lại?
Lại nữa,

3. Nhược tùng thân chí thân
Vãng lai tức vô thân
Nhược kỳ vô hữu thân
Tắc vô hữu vãng lai.

(Nếu từ thân đến thân
Qua lại là không thân
Nếu đã không có thân
Thời không có qua lại)

Nếu chúng sanh qua lại là có thân qua lại hay không có thân qua lại, cả hai trường hợp đều không đúng. Vì sao? Vì nếu có thân qua lại từ một thân đến một thân, thời người qua lại ấy không có thân. Lại, nếu trước đã có thân rồi thời không thể lại từ một thân đến một thân. Nếu trước không có thân tức là không có. Nếu không có, làm sao có sanh tử qua lại?

HỎI: Khế kinh dạy, có Niết bàn diệt hết thảy khổ nạn. Vậy diệt ở đây là các hành diệt hay chúng sanh diệt?

ĐÁP: Cả hai đều không đúng. Vì sao vậy?

4. Chư hành nhược diệt giả
Thị sự chung bất nhiên
Chúng sanh nhược diệt giả
Thị sự diệt bất nhiên

(Các hành nếu đã diệt
Việc đó là không đúng
Chúng sanh nếu đã diệt
Việc ấy cũng không đúng)

Ông nói, hoặc các hành diệt, hoặc chúng sanh diệt, là các việc mà trước đây đã trả lời rồi. Các hành không có tự tánh. Các chúng sanh cũng đã truy tìm nhiều cách về sanh tử, qua lại cũng không thể có được. Cho nên các hành không diệt, chúng sanh cũng không diệt.

HỎI: Như vậy là không có trói, không có mở, căn bản cũng không thể có được?

ĐÁP:

5. Chư hành sanh diệt tướng
Bất triền diệc bất giải
Chúng sanh như tiên thuyết
Bất triền diệc bất giải

(Tướng sanh diệt các hành
Không trói cũng không mở
Chúng sanh như trước nói
Không buộc cũng không mở)

Ông nói, các hành và chúng sanh, có trói có mở, là việc không đúng, vì các hành mỗi niệm niệm sanh diệt, không thể có trói, mở. Còn chúng sanh thì đã nói trước đây, trong năm uẩn truy tìm không thể có được. Làm sao có trói có mở?

Lại nữa,

6. Nhược thân danh vi triền
Hữu thân tắc bất triền
Vô thân diệc bất triền
Ư hà nhi hữu triền.

(Nếu thân gọi là trói
Có thân thời không trói
Không thân cũng không trói
Vậy chỗ nào có trói)

Nếu gọi thân năm uẩn là trói, nhưng chúng sanh trước đã có năm uẩn thời không thể trói. Vì sao? Vì, một người có hai thân, nên không có thân cũng không thể trói. Vì sao? Vì không có thân thời không có năm uẩn, không năm uẩn là “không”, làm sao có thể trói? Như vậy, có thân, không thân, đều không trói buộc.

Lại nữa,

7. Nhược khả triền tiên triền
Tắc ưng triền khả triền
Nhi tiên thật vô triền
Dư như khứ lai đáp

(Trước bị trói đã có năng trói
Thời có thể trói cái bị trói
Nhưng trước, thật không có năng trói
Ngoài ra, như trước đã giải rõ)

Nếu cho rằng, trước cái bị trói đã có trói, thì có thể trói cái bị trói. Nhưng thực tế thì, ngoài cái bị trói, trước không có trói. Cho nên không thể nói, chúng sanh có trói. Hoặc nói, chúng sanh là bị trói, năm uẩn là trói buộc; hoặc nói các phiền não trong năm uẩn là trói, còn ngoài năm uẩn là bị trói. Việc đó không đúng. Vì sao? Vì, nếu ngoài năm uẩn, trước có chúng sanh, thì có thể dùng năm uẩn để trói chúng sanh. Mà thật sự thì ngoài năm uẩn, không riêng có chúng sanh. Nếu ngoài năm uẩn mà riêng có phiền não, thì có thể dùng phiền não trói năm uẩn. Nhưng thật tế thì ngoài năm uẩn, không riêng có phiền não. Lại nữa, như trong Phẩm Khứ lai đã nói, đã đi, không đi, chưa đi, đang đi, không đi. Như vậy, chưa trói, không trói, đã trói, không trói, đang trói không trói.

Lại nữa, cũng không có mở. Vì sao?

8. Triền giả vô hữu giải
 Vô triền diệc vô giải
 Triền thời hữu giải giả
 Triền giải tắc nhất thời

(Bị trói, không có mở
 Không trói cũng không mở
 Trói thời phải có mở
 Trói mở cùng một lúc)

Trói thì không có mở. Vì sao? Vì đã trói rồi. Không trói cũng không mở. Vì sao? Vì không trói. Nếu bảo rằng, khi đang trói có mở, thì trói và mở cùng một lúc. Việc này không đúng. Lại, trói và mở trái nhau.

HỎI: Có người tu đạo,hiện nhập Niết bàn và giải thoát. Sao nói không?

ĐÁP:

9. Nhược bất thọ chư pháp
 Ngã đương đắc Niết bàn
 Nhược nhân như thị giả
 Hoàn vị thọ sở triền

(“Không chấp thọ các pháp
 Ta sẽ chứng Niết bàn”
 Người nào nghĩ như vậy
 Trở lại bị trói buộc)

Nếu người nào nghĩ rằng, ta xa lìa các cảm thọ để được vào Niết bàn, thì người ấy bị lãnh thọ trói buộc.

Lại nữa,

10. Bất ly ư sanh tử
Nhi biệt hữu Niết bàn
Thật tướng nghĩa như thị
Vân hà hữu phân biệt.

(Không ngoài nghĩa sanh tử
Mà riêng có Niết bàn
Nghĩa thật tướng như vậy
Vì sao có phân biệt)

Trong thật tướng đệ nhất nghĩa của các pháp, không hề nói, lìa ngoài sanh tử mà riêng có Niết bàn. Như kế kinh dạy, Niết bàn tức là sanh tử; sanh tử là Niết bàn.

Như vậy, trong thật tướng các pháp, làm sao nói đó là sanh tử, đó là Niết bàn.

Hết Phẩm 16

PHẨM 17**QUÁN VỀ NGHIỆP**

(33 bài kệ)

HỎI: Ông tuy đã dùng nhiều lý lẽ để nhằm phá các pháp, nhưng nghiệp lực thì nhất định phải có. Vì nghiệp, có khả năng làm cho chúng sanh tất cả, phải thọ quả báo. Như khế kinh dạy, tất cả chúng sanh đều tùy theo nghiệp mà sanh. Làm ác thì đọa vào địa ngục, tu phước thì được sanh Thiên. Người hành đạo thì đắc Niết bàn. Vì thế, tất cả các pháp không thể là không, nghĩa là nhất định có nghiệp.

1. Nhân năng hàng phục tâm

Lợi ích ư chúng sanh
Thị danh vi từ thiện
Nhị thể quả báo chúng

(Người hàng phục được tâm
Làm lợi ích chúng sanh
Gọi là người từ thiện
Gieo quả báo hai đời)

Con người có ba thứ độc hại phát sanh làm phiền não người khác. Người hành thiện, trước hết phải diệt ác. Cho nên nói, hàng phục tâm, làm lợi ích người khác. Lợi ích người khác thì có các hạnh như bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v... không nào hại chúng sanh, gọi là lợi ích người khác; cũng được gọi là từ thiện phước đức. Từ thiện còn được gọi là gieo trồng hạt giống an vui cho đời này và đời sau.

Lại nữa,

2. Đại thánh thuyết nhị nghiệp

Tư dự tùng tư sanh
Thị nghiệp biệt tướng trung
Chủng chủng phân biệt thuyết

(Đại thánh nói hai nghiệp
Tư và từ Tư sanh
Trong biệt tướng của nghiệp
Phân biệt nói nhiều loại)

Bậc Đại thánh nói nghiệp có hai loại, một là Tư nghiệp, và hai là nghiệp từ Tư sanh. Hai thứ nghiệp này như trong luận A-Tỳ-đàm đã nói rộng.

3. Phạt sở thuyết tư giả
Sở vị ý nghiệp thị
Sở tùng tư sanh giả
Tức thị thân khẩu nghiệp

(Phật đã dạy tư nghiệp (tư duy)
Tư nghiệp là ý nghiệp
Nghiệp từ Tư nghiệp sanh
Tức chỉ thân, khẩu nghiệp)

Tư ở đây là chỉ tâm số pháp. Trong các tâm số (có chỗ gọi tâm sở) pháp. Có khả năng phát khởi tạo tác, gọi là nghiệp. Nhân nơi tư tâm số ấy mà khởi sanh các nghiệp ở ngoài thân gọi là thân nghiệp và khẩu nghiệp.

Tuy là cũng từ nơi các tâm và tâm số khác mà có tạo tác, nhưng chỉ tư tâm số là sự tạo tác căn bản. Cho nên gọi tư là nghiệp. Tư nghiệp ấy, nay sẽ nói về tướng.

4. Thân nghiệp cập khẩu nghiệp
Tác dự vô tác nghiệp
Nhu thị tứ sự trung
Diệc thiện diệc bất thiện

(Thân nghiệp và khẩu nghiệp
Tác và vô tác nghiệp
Nhu vậy trong bốn nghiệp
Có thiện và bất thiện)

5. Tùng dụng sanh phước đức
Tội sanh diệc như thị
Cập tư vi thất pháp
Năng liễu chư nghiệp tướng.

(Tác dụng sanh phước đức
Tội sanh cũng như vậy
Và tư nghiệp là bảy pháp
Khả năng hiểu tướng nghiệp)

Khẩu nghiệp, có bốn thứ về khẩu nghiệp, thân nghiệp có ba thứ về thân nghiệp, như vậy là bảy thứ nghiệp. Bảy nghiệp này sai khác nhau, có hai thứ là tác nghiệp và vô tác nghiệp. Khi đang hành động, gọi là tác nghiệp. Khi đã hành động rồi, thì chúng vẫn tùy theo đó mà phát sanh, gọi là vô tác nghiệp. Hai nghiệp tác và vô tác lại có thiện và bất thiện.

Bất thiện, gọi là không dùng ác, thiện gọi là dùng ác. Lại có từ tác dụng mà sanh phước đức. Như thí chủ bố thí và người thọ dụng bố thí. Nếu người thọ dụng, thời thí chủ có hai thứ phước đức, một là từ bố thí mà sanh và hai là từ người thọ dụng mà sanh. Thí dụ như, người dùng mũi tên bắn vào người khác. Nếu mũi tên giết chết người, thời người bắn mắc hai trọng tội, một là tội từ bắn mà sanh, hai là tội từ giết chết người mà sanh. Nếu bắn mà không giết chết người. Người bắn chỉ có tội bắn, không có tội giết chết. Cho nên trong kệ nói “tội phước tùy dụng sanh”.

Như vậy gọi là sáu thứ nghiệp. Nghiệp thứ bảy gọi là tư. Bảy thứ nghiệp ấy gọi là phân biệt tướng trạng của nghiệp. Do các thứ nghiệp này mà có quả báo đời này và đời sau. Cho nên quyết định có nghiệp, có quả báo, các pháp không thể không.

ĐÁP:

6. Nghiệp trú chí thọ báo
Thị nghiệp tức vi thường
Nhược diệt tức vô nghiệp
Vân hà sanh quả báo

(Nghiệp còn đến thọ báo
Nghiệp ấy tức là thường
Nếu diệt là vô nghiệp
Làm sao sanh quả báo)

Nghiệp còn cho đến khi thọ quả báo. Tức nghiệp ấy là thường. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì nghiệp là tướng sanh diệt. Trong một niệm còn không trụ được thay, huống nữa cho đến khi thọ quả báo.

Nếu bảo nghiệp diệt. Diệt là không. Làm sao có khả năng sanh quả báo?

HỎI:

7. Như nha đẳng tương tục
Giai từng chủng tử sanh
Tùng thị nhi sanh quả
Ly chủng vô tương tục

(Như mầm hạt tương tục
Đều từ hạt giống sanh
Rồi từ đây sanh quả
Ngoài hạt không tương tục)

8. Tùng chủng hữu tương tục
Tùng tương tục hữu quả
Tiên chủng hậu hữu quả
Bất đoạn diệc bất thường.

(Từ hạt giống tương tục
Từ tương tục có quả
Trước hạt giống sau quả
Không đoạn cũng không thường)

9. Như thị tùng sơ tâm
Tâm pháp tương tục sanh
Tùng thị nhi hữu quả
Ly tâm vô tương tục

(Như vậy từ sơ tâm
Tâm, tâm số tương tục
Từ đây mà có quả
Lìa tâm không tương tục)

10. Tùng tâm hữu tương tục
Tùng tương tục hữu quả
Tiên nghiệp hậu hữu quả
Bất đoạn diệc bất thường.

(Từ tâm có tương tục
Từ tương tục có quả
Trước nghiệp sau có quả
Không đoạn cũng không thường)

Như từ hạt lúa mới có mầm, từ mầm mới có nhánh lá v.v...tương tục. Từ đây tiếp nối nhau mà có quả sanh. Ngoài hạt giống không có tương tục sanh. Như vậy từ hạt lúa mà có tương tục, từ tương tục mà có quả. Trước có hạt giống, sau mới có quả. Cho nên không đoạn cũng không thường. Như ví dụ về hạt lúa; nghiệp quả cũng vậy.

Tâm ban đầu khởi sanh, cho đến quả báo. Trước nghiệp sau quả, cho nên không đoạn cũng không thường. Nếu lia nghiệp mà có quả báo, thời có đoạn thường.

Đây là nhân duyên, nghiệp thiện và quả báo; được trình bày:

11. Năng thành phước đức giả
Thị thập bạch nghiệp đạo
Nhị thể ngũ dục lạc
Tức thị bạch nghiệp báo

(Người thành đạt phước đức
Là người tu mười thiện
Hai đời vui năm dục
Đó là bạch nghiệp báo)

Bạch là lành, là sạch. Nhân duyên thành tựu phước đức là từ mười bạch nghiệp đạo (tức thập thiện nghiệp đạo) mà sanh. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không hai lưỡi, không nói ác, không nói vô ích, không ghen ghét, không sân hận, không tà kiến. Đó là các thiện từ nơi thân, miệng và ý mà sanh các quả báo; đời nay có danh, có lợi lộc; đời sau được sanh về các nơi sang quý như cõi trời, cõi người, được bố thí, cung kính v.v...Có rất nhiều phước đức, nay chỉ tóm thâu trong mười thiện đạo.

ĐÁP:

12. Nhược như nhữ phân biệt
Kỳ quá tác thậm đa
Thị cố nhữ sở thuyết
Ư nghĩa tác bất nhiên.

(Nếu như ông phân biệt
Thời sai lầm rất nhiều
Thế những điều ông nói
Không đúng với thật nghĩa)

Nếu vì nghiệp, quả báo tương tục, lấy hạt lúa để làm ví dụ, thời lỗi lầm rất nhiều. Chỉ vì trong đây không nói rộng rãi. Ông ví dụ hạt lúa, ví dụ ấy không đúng. Vì sao? Vì hạt lúa có tiếp xúc, có hình tướng, có thể thấy, có tương tục. Tôi suy nghĩ việc ấy, còn chưa thể chấp nhận được lời nói ấy, huống nữa là tâm và nghiệp, không thể tiếp xúc, vô hình, không thể thấy, sanh diệt không ngừng mà lại muốn nó tương tục là việc không đúng.

TRUNG LUẬN 130

Lại nữa, từ hạt lúa mà có mầm lúa v.v...là tương tục. Sự tương tục ấy là hạt lúa ấy diệt rồi mới tương tục hay không diệt mà tương tục.

Nếu hạt lúa ấy diệt rồi mà tương tục, là không có nguyên nhân. Nếu hạt lúa ấy không diệt mà tương tục, thế là từ hạt lúa thường sanh ra lúa. Nếu như vậy thì một hạt lúa mà sanh ra tất cả lúa trong thế gian này. Việc này không đúng. Cho nên nói nghiệp, quả báo có tương tục, thì không đúng.

HỎI: 13. Kim đương phục cánh thuyết
Thuận nghiệp quả báo nghĩa
Chư Phật, Bích Chi Phật
Hiền thánh sở xưng thán.

(Nay lại nói thêm rằng
Nghiệp, quả báo thuận nghĩa
Được Phật, Bích Chi Phật
Và Hiền thánh xưng tụng)

14. Bất thất pháp như khoán
Nghiệp như phụ tài vật
Thử tánh tắc vô ký
Phân biệt hữu tứ chủng.

(Pháp không mất như tờ hợp đồng
Nghiệp như nợ tài sản thế gian
Tánh của pháp thuộc về vô ký
Phân biệt có bốn thứ khác nhau)

15. Kiến đế sở bất đoạn
Đản tư duy sở đoạn
Dĩ thị bất thất pháp
Chư nghiệp hữu quả báo

(Nghiệp vô ký thấy đế không đoạn
Chỉ tư duy lý đế mới trừ
Do cái pháp không mất còn đó
Nên vô ký nghiệp còn thọ báo)

16. Nhược kiến đế sở đoạn
Nhi nghiệp chí tương tự

Tắc đảc phá nghiệp đảng
 Như thị chi quá lỗi

(Nếu thấy đé đọa đượ
 Nghiệp đản báo tương tợ
 Vậy thời phá các nghiệp
 Như vậy các lỗi lầm)

17. Nhất thiết chư hành nghiệp
 Tương tợ bất tương tợ
 Nhất giới sơ thọ thân
 Nhĩ thời báo đợc thân

(Hết thảy các hành nghiệp
 Giống nhau không giống nhau
 Dầu thọ thân cõi nào
 Chỉ quả báo theo thân)

18. Như thị nhị chủng nghiệp
 Hiện thế thọ quả báo
 Hoặ ngôn thọ báo dĩ
 Nhi nghiệp do cố tại.

(Như vậy hai loại nghiệp
 Hiện tại thọ quả báo
 Hoặ nói thọ báo rồi
 Mà nghiệp vẫn tồn tại)

19. Nhược đợ quả dĩ diệt
 Nhược tử dĩ nhi diệt
 Ư thị trung phân biệt
 Hữu lậu cập vô lậu

(Nếu chứng quả rồi diệt
 Hoặ chết rồi thì diệt
 Trong đó có phân biệt
 Hữu lậu và vô lậu)

Cái pháp không mất, nên biết nó như bản hợp đờng, nghiệp như nợ tài vật. Cái pháp không mất này, nó hệ thuộc nơi cõi dục, hệ thuộc nơi cõi sắc, hệ nơi cõi vô sắc, cũng không hệ thuộc. Nếu phân biệt trong thiện, bất thiện

và vô ký, thì nó chỉ là vô ký. Nghĩa của vô ký như trong A-Tỳ-đàm đã trình bày rộng.

Tính vô ký này, thấy lý Tứ đế không thể đoạn trừ được, mà phải do tư duy lý Tứ đế, từ một quả vị, đến một quả vị mới có thể đoạn được. Vì thế các nghiệp do cái pháp không mất ấy mà có quả báo sanh ra.

Nếu thấy lý Tứ đế mà đoạn được, mà nghiệp dẫn tới quả báo tương tự, thời bị lỗi là phá nghiệp. Sự kiện này trong A-Tỳ-đàm đã giải rõ.

Lại nữa, cái pháp không mất, đối với một cõi, các nghiệp giống nhau, không giống nhau, mới bắt đầu thọ thân thời quả báo, riêng một mình sanh ra nơi thân hiện tại, từ nghiệp lại sanh nghiệp. Nghiệp ấy có hai loại nặng và nhẹ. Tùy theo nghiệp nặng mà thọ quả báo. Hoặc có người nói, nghiệp thọ quả báo rồi, nghiệp vẫn còn tồn tại. Vì không phải trong mỗi niệm diệt. Hoặc vượt qua từ quả vị này qua quả vị khác rồi diệt, hoặc chết rồi mà diệt. Tu-Đà-hoàn v.v...vượt qua quả vị rồi thì diệt. Còn các hàng phàm phu và A-La-hán, chết rồi mà diệt. Ở trong đây, phân biệt có hữu lậu và vô lậu, là các vị Hiền thánh từ Tu-Đà-hoàn trở lên, hữu lậu và vô lậu cũng cần phải phân biệt?

ĐÁP: Các nghĩa trên đây, đều không ngoài các lỗi chấp đoạn, chấp thường. Cho nên cũng không nên chấp thủ.

HỎI: Vậy thì không có nghiệp, không có quả báo sao?

ĐÁP:

20. Ly không diệt bất đoạn
Ly hữu diệt bất thường
Nghiệp quả báo bất thất
Thị danh Phật sở thuyết

(Ngoài không cũng không đoạn
Ngoài có cũng chẳng thường
Nghiệp, quả báo không mất
Đó là lời Phật dạy)

Lý nghĩa được nói đến trong bộ luận này là xa lìa đối với đoạn và thường. Vì sao? Vì nghiệp, rốt ráo là không, tướng của nghiệp là vắng lặng. Tự tánh của nghiệp là xa lìa có, đâu có pháp nào để có thể đoạn, đâu có pháp nào để mất. Vì nhân duyên điền đảo nên mới có qua lại trong sanh tử. Cũng không có thường. Vì sao? Vì, nếu các từ điền đảo mà sanh khởi, thì hư

vọng không thật. Không thật nên chẳng phải thường.

Lại nữa, vì tham đắm điên đảo, không biết rõ thật tướng nên nói nghiệp không mất, và cho đó là lời đức Phật dạy.

Lại nữa,

21. Chư nghiệp bản vô sanh
 Dĩ vô định tánh cố
 Chư nghiệp diệt bất diệt
 Dĩ kỳ bất sanh cố

(Các pháp vốn không sanh
 Vì không tánh nhất định
 Các pháp cũng không diệt
 Vì nó không sanh vậy)

22. Nhược nghiệp hữu tánh giả
 Thị tắc danh vi thường
 Bất tác diệt danh nghiệp
 Thường tắc bất khả tác

(Nếu nghiệp có tự tánh
 Như vậy gọi là thường
 Không tạo tác cũng nghiệp
 Thường nên không tạo tác)

23. Nhược hữu bất tác nghiệp
 Bất tác nhi hữu tội
 Bất đoạn ư, phạm hạnh
 Nhi hữu bất tịnh quá

(Nếu có nghiệp không tạo
 Không làm mà có tội
 Không dứt bỏ phạm hạnh
 Vẫn có lỗi bất tịnh)

24. Thị tắc phá nhất thiết
 Thế gian ngữ ngôn pháp
 Tác tội cấp tác phước
 Diệt vô hữu sai biệt

(Như vậy phá hết thầy
Pháp ngôn ngữ thế gian
Tạo tội hay làm phước
Hết thầy không sai thù)

25. Nhược ngôn nghiệp quyết định
Nhi tự hữu tánh giả
Thọ ư quả báo dĩ
Nhi ưng cánh phục thọ

(Nếu nói nghiệp quyết định
Tự nó có tự tánh
Sau khi thọ quả báo
Vẫn có thể thọ lại)

26. Nhược chư thế gian nghiệp
Tùng ư phiền não sanh
Thị phiền não phi thật
Nghiệp đương hà hữu thật

(Nếu các nghiệp thế gian
Từ ở phiền não sanh
Vì phiền não không thật
Thì nghiệp sao có thật)

Trong Đệ nhất nghĩa, các nghiệp không sanh. Vì sao? Vì các nghiệp không có tự tánh. Vì lý do nhân duyên nghiệp không sanh nên không diệt. Chẳng phải do vì thường, cho nên không diệt. Nếu không như vậy thì tánh của nghiệp phải quyết định có. Nếu quyết định nghiệp có tự tánh, vậy là thường. Nếu là thường thì không tạo tác nghiệp. Vì sao? Vì pháp thường thì không thể tạo tác.

Lại nữa, nếu có nghiệp không do tạo tác. Thì người khác tạo nghiệp mà người này thọ quả báo. Lại, người khác không tu phạm hạnh mà người này có tội. Như vậy là phá pháp thế gian. Nếu trước đã có tự tánh, thì mùa Đông, không nên nghĩ đến việc trong mùa Xuân, mùa Xuân không nên nghĩ đến việc của mùa Hạ. Có bấy nhiêu lỗi.

Lại nữa, làm phước và tạo tội, không có sai khác. Nghiệp bồ thí, trì giới v.v... là làm phước; nghiệp sát sanh, trộm cắp là tạo tội. Nếu không làm mà có nghiệp, thì không có phân biệt. Lại nữa, nghiệp ấy, nếu quyết

định có tự tánh, thời mỗi khi thọ quả báo rồi, lại phải thọ lại nữa. Thế nên, ông nói, vì cái pháp không mất, nên có nghiệp báo, như vậy là có bấy nhiêu lỗi lầm.

Lại nữa, nghiệp là từ nơi các phiền não mà sanh khởi, nhưng phiền não ấy, không có tánh quyết định, mà chỉ từ sự ức tưởng, phân biệt mà có. Nếu các phiền não không có thật, thì nghiệp làm sao có thật được. Vì sao? Nhân vì phiền não không có tự tánh, cho nên nghiệp cũng không có tự tánh vậy.

HỎI: Nếu các phiền não và nghiệp không có tự tánh, không thật, nay quả báo nơi hiện thân là có, đây có phải là thật?

ĐÁP:

27. Chư phiền não cập nghiệp
Thị thuyết thân nhân duyên
Phiền não chư nghiệp không
Hà hướng ư chư thân

(Các phiền não và nghiệp
Là nhân duyên của thân
Phiền não nghiệp còn không
Hướng gì là các thân)

Các bậc Hiền thánh nói rằng, phiền não và nghiệp là nhân duyên của sắc thân, trong đó lòng khát ái là khả năng phát sanh đấng trước, nghiệp sanh ra quả báo ba bậc thượng trung hạ, tốt xấu, sang hèn v.v... Nay, các thứ phiền não và nghiệp, mỗi một thứ truy tìm không có tánh quyết định, hướng gì các thân quả báo mà lại có tánh quyết định, vì quả phải theo nhân.

HỎI: Ông tuy dùng nhiều lý do để phá nghiệp và phá quả báo. Nhưng kẻ kinh nói, có người khởi tâm tạo nghiệp, mà đã có nghiệp, có người tạo nghiệp cho nên có quả báo.

Như nói:

28. Vô minh chi sở tế
Ái kiết chi sở triền
Nhi ư bản tác giả
Bất tức diệc bất dị

(Bị vô minh che khuất
Do ái kiết buộc ràng
Nhưng tác giả nghiệp xưa
Chẳng tức là, chẳng khác)

Trong kinh Vô Thi dạy, chúng sanh vì vô minh che khuất, do ái kiết buộc ràng, từ vô thi kiếp sanh tử, qua lại chịu vô vàn khổ, vui. Nay, người lãnh thọ, đối với tác giả trước đây không phải “tức là” mà cũng chẳng phải “khác” nhau. Vì, nếu “tức là”, thì người gây tội thọ báo phải làm thân trâu, thì người không làm thân trâu, trâu không làm người.

Nếu “khác”, thì mất hết nghiệp và quả báo, thì rơi vào vô nhân, vô nhân là đoạn diệt. Bởi vậy cho nên, người thọ quả báo ngày nay, đối với người tạo nghiệp trước kia, chẳng phải “một” cũng chẳng phải “khác”.

ĐÁP:

29. Nghiệp bất tùng duyên sanh
Bất tùng phi duyên sanh
Thị cố tắc vô hữu
Năng khởi ư nghiệp giả

(Nghiệp không từ duyên sanh
Không từ phi duyên sanh
Thế nên không có gì
Có thể khởi sanh nghiệp)

30. Vô nghiệp vô tác giả
Hà hữu nghiệp sanh quả
Nhược kỳ vô hữu quả
Hà hữu thọ quả giả

(Không nghiệp không tác giả
Sao có nghiệp sanh quả
Nếu đã không có quả
Sao có người thọ quả)

Nếu không có nghiệp, không có người tạo nghiệp. Làm sao có chuyện từ nghiệp sanh ra quả báo. Nếu không có quả báo, làm sao có người thọ quả báo.

Nghiệp có ba loại thiện, ác và vô ký, trong năm uẩn giả danh là người, là tác giả. Nghiệp ấy ở nơi thiện, ác mà sanh ra, gọi là quả báo. Nếu người tạo nghiệp còn không có, huống là có nghiệp, có quả báo và người thọ quả báo.

HỎI: Ông tuy có cách để phá bỏ nghiệp, phá quả báo và phá người tạo nghiệp, nhưng hiện tại thấy chúng sanh tạo nghiệp, thọ quả báo. Việc ấy có nghĩa thế nào?

ĐÁP:

31. Như Thế Tôn thân thông
Sở tác biến hóa nhân
Như thị biến hóa nhân
Phục biến tác hóa nhân

(Như thân thông Thế Tôn
Hóa làm người biến hóa
Người biến hóa như vậy
Lại biến hóa người khác)
32. Như sở biến hóa nhân
Thị danh vi tác giả
Biến hóa nhân sở tác
Thị tác danh vi nghiệp

(Như người biến hóa đầu
Có tên là tác giả
Việc làm người biến hóa
Ấy thời gọi là nghiệp)
33. Chư phiến não cập nghiệp
Tác giả cập quả báo
Giai như huyễn như mộng
Như điểm nhược như hương

(Các phiến não và nghiệp
Tác giả và quả báo
Đều như huyễn như mộng
Như sóng năng, tiếng vang)

Như năng lực thân thông của đức Phật, tạo tác ra người biến hóa, người biến hóa này lại tạo tác ra người biến hóa khác. Những người biến hóa ra đó, không thật có, nhưng có thể thấy bằng mắt. Lại nữa, người biến hóa đó, dùng khẩu nghiệp để nói pháp, dùng thân nghiệp để bố thí v.v.. Nghiệp ấy tuy không thật mà có thể mắt thấy. Như vậy, thân sanh tử, tác giả và nghiệp, cũng có thể hiểu như vậy.

Các phiến não, gọi là ba độc hại. Phân biệt gồm có 98 sử (sai khiến), 9 kiết, 10 triền, 6 cấu v.v.. Vô lượng các phiến não và nghiệp, gọi là thân, miệng và ý nghiệp. Đời này và đời sau phân biệt có thiện, bất thiện và vô

ký nghiệp. Quả báo khổ, quả báo an vui, quả báo không khổ không vui. Có nghiệp chịu quả báo hiện tại, có nghiệp chịu quả báo sanh ra trong đời sau, có nghiệp chịu quả báo sanh ra trong đời sau nữa. Như vậy vô lượng tác giả, là người có khả năng khởi sanh các phiền não nghiệp và thọ quả báo.

Quả báo là do thân năm uẩn vô ký, từ nghiệp thiện, ác chiêu cảm mà sanh khởi. Các nghiệp như vậy, đều không, không có tự tánh, như huyễn, như mộng, như sóng nắng, tiếng vang.

Hết Phẩm 17

PHẨM 18
QUÁN VỀ PHÁP
 (12 bài kệ)

HỎI: Nếu hết thấy các pháp, rốt ráo là không, không sanh, không diệt. Làm sao để ngộ nhập?

ĐÁP: Diệt trừ được cái tâm chấp trước về ngã và ngã sở hữu, thì có trí tuệ để thấy biết được tất cả các pháp đều "không". Trí tuệ để thấy vô ngã và ngã sở, gọi là ngộ nhập.

HỎI: Làm sao biết các pháp vô ngã?

- ĐÁP:
1. Nhược ngã thị ngũ uẩn
 Ngã tức vị sanh diệt
 Nhược ngã dị ngũ uẩn
 Tác phi ngũ uẩn tướng

 (Nếu ngã là năm uẩn
 Vậy ngã là sanh diệt
 Nếu ngã khác năm uẩn
 Chẳng phải tướng năm uẩn)
 2. Nhược vô hữu ngã giả
 Hà đắc hữu ngã sở
 Diệt ngã ngã sở cố
 Danh đắc vô ngã trí

 (Nếu không có tự ngã
 Làm sao có ngã sở
 Diệt được ngã, ngã sở
 Là đạt trí vô ngã)
 3. Đắc vô ngã trí giả
 Thị tác, danh thật quán
 Đắc vô ngã trí giả
 Thi nhân vi hy hữu

 (Người được trí vô ngã
 Gọi là như thật quán
 Đạt được trí vô ngã
 Người ấy rất hiếm hoi)

4. Nội ngoại ngã, ngã sở
Tận diệt vô hữu cố
Chư thọ tức vi diệt
Thọ diệt tức thân diệt

(Trong ngã ngoài ngã sở
Diệt sạch chẳng còn có
Các chấp thọ cũng diệt
Chấp thọ diệt thân diệt)

5. Nghiệp phiền não diệt cố
Danh chi vi giải thoát
Nghiệp phiền não phi thật
Nhập không hý luận diệt

(Nghiệp phiền não diệt sạch
Đây chính là giải thoát
Nghiệp phiền não chẳng thật
Thấy "không" hý luận diệt)

6. Chư Phật hoặc thuyết ngã
Hoặc thuyết ư vô ngã
Chư pháp thật tướng trung
Vô ngã vô phi ngã

(Chư Phật nói hoặc ngã
Hoặc nói là vô ngã
Trong thật tướng các pháp
Không ngã không phi ngã)

7. Chư pháp thật tướng giả
Tâm hành ngôn ngữ đoạn
Vô sanh diệt vô diệt
Tịch diệt như Niết bàn

(Thật tướng của các pháp
Dứt nói năng, tâm duyên
Không sanh cũng không diệt
Tịch diệt như Niết bàn)

8. Nhất thiết thật phi thật
Diệc thật diệc phi thật
Phi thật phi phi thật
Thị danh chư Phật pháp

(Hết thấy thật, phi thật
Cũng thật cũng phi thật
Chẳng thật chẳng phi thật
Đây chính là Phật pháp)
9. Tự tri bất tùy tha
Tịch diệt vô hý luận
Vô dị vô phân biệt
Thị tắc danh thật tướng

(Tự biết không theo người
Tịch diệt không hý luận
Không khác không phân biệt
Đây chính danh thật tướng)
10. Nhược pháp tùng duyên sanh
Bất tức bất dị nhân
Thị cố danh thật tướng
Bất đoạn diệc bất thường

(Nếu pháp từ duyên sanh
Chẳng phải nhân, khác nhân
Thế nên gọi thật tướng
Không thường cũng không đoạn)
11. Bất nhất diệc bất dị
Bất thường diệc bất đoạn
Thị danh chư Thế Tôn
Giáo hóa cam lồ vị

(Không một cũng không khác
Không thường cũng không đoạn
Đó, pháp vị cam lồ
Các Thế Tôn giáo hóa)

12. Nhược Phật bất xuất thế
Phật pháp dĩ diệt tận
Chư Bích Chi Phật trí
Tùng ư viễn ly sanh

(Nếu Phật không xuất thế
Khi Phật pháp diệt tận
Trí các Bích Chi Phật
Từ vô não loạn hiện)

Có người nói rằng thần (ngã) có hai loại. Hoặc năm uẩn tức là ngã. Hoặc ngoài năm uẩn có ngã. Nếu năm uẩn là ngã, thời ngã ấy là tướng sanh diệt, như trong kệ nói. Nếu ngã tức là năm uẩn, thời ngã là tướng sanh diệt. Vì sao? Vì sanh rồi hoại diệt. Vì là tướng sanh diệt năm uẩn là vô thường, như năm uẩn đã vô thường. Hai pháp sanh và diệt cũng vô thường. Vì sao? Vì sanh diệt cũng sanh rồi hoại diệt, nên vô thường. Nếu ngã chính là năm uẩn, thời vì năm uẩn vô thường, nên ngã cũng vô thường sanh diệt tướng. Nhưng tất cả chỉ là những việc không đúng vậy.

Nếu lìa ngoài năm uẩn mà có ngã thời ngã không có tướng năm uẩn, Như ở kệ đã nói: "Nếu ngã khác với năm uẩn, thời ngã chẳng phải là tướng năm uẩn".

Nếu ngoài năm uẩn, lại không có pháp. Nếu ngoài năm uẩn mà có pháp, là do tướng gì, pháp gì mà có? Nếu nói rằng ngã như hư không, ngoài năm uẩn mà có, thời cũng không đúng. Vì sao? Vì trong Phẩm Quán sáu chủng giới trước đây đã phá tướng hư không, không có pháp gì gọi là hư không.

Nếu cho rằng do có lòng tin cho nên mới có ngã. Như vậy là không đúng. Vì sao? Vì, tin có bốn thứ:

1. Việc hiện trước mắt, có thể tin.
2. Do so sánh mà biết có thể tin. Như thấy khói nên biết có lửa.
3. Do thí dụ mà có thể tin. Như, quốc gia không có sỏi đá như vàng.
4. Lời dạy của các Thánh hiền đáng tin. Như nói có địa ngục, có châu Uất Đôn Việt (Bắc Cu Lô châu).

Tuy không có người thấy, nhưng tin vào lời của các Thánh nhân, cho nên biết có. Còn ngã ở đây, không nằm trong các cách tin đó. Việc thấy trước mắt, không có, so sánh mà biết cũng không có. Vì sao? Vì so sánh mà biết, thì trước có thấy sau mới so sánh mà biết. Chẳng hạn như trước thấy

có lửa, có khói, sau chỉ thấy khói là biết có lửa. Nghĩa của ngã thì không phải vậy. Đã có ai trước thấy ngã và năm uẩn hòa hợp, rồi sau thấy năm uẩn mà biết có ngã đâu!

Nếu cho rằng, có ba thứ so sánh để biết:

1. Cái biết giống như nguyên gốc.
2. Cái thấy biết đã kinh qua, nhưng hơi hương còn lưu dư.
3. Cái thấy biết bao gồm trường hợp 1 và 2 (cộng kiến), có nghĩa là, cái thấy biết bao gồm cái thấy nguyên gốc và cái thấy biết nhờ hơi hương lưu dư. Như khi nấu cơm, chỉ lấy ra vài hạt để thử độ chín, biết đã chín, so sánh đó để biết số còn lại cũng chín.

Cùng thấy (cộng kiến) như mắt thấy người từ nơi này đi đến chỗ khác và cũng thấy người kia đi. Giống như mặt trời mọc cũng vậy, từ từ phương Đông đi ra và đến phương Tây. Tuy không thấy mặt trời đi, nhưng vì người có tướng đi, nên biết mặt trời cũng đi.

Như vậy, khổ, vui, thương, ghét, giác tri... cũng phải có chỗ tựa nương. Như thấy, các thần dân, tất biết phải có nương tựa vào nhà vua.

Việc đó không phải như vậy. Vì sao? Vì theo ông nói, cùng nhau tin rằng: Trước thấy người hợp với pháp đi mà đến được nơi khác. Nên sau thấy mặt trời từ phương Đông đi đến phương Tây, cho nên biết mặt trời có đi. Như vậy, không thể có chuyện, trước thấy năm uẩn hợp với ngã rồi sau nhân thấy năm uẩn biết có ngã. Như vậy, trong cách cùng nhau so sánh để biết, cũng không có ngã; trong lời Thánh nhân dạy, cũng không có ngã. Vì sao? Vì lời Thánh nhân dạy, đều do mắt thấy trước, sau mới nói ra.

Lại nữa, vì lời các Thánh nhân dạy các việc khác đáng tin, nên biết khi Thánh nhân dạy về địa ngục v.v... cũng có thể đáng tin, mà về ngã thì không như vậy. Không thể có chuyện trước thấy ngã rồi sau nói ngã.

Bởi thế cho nên, đi tìm niềm tin về ngã, qua bốn trường hợp nêu trên, là không thể được. Tìm ngã không thể được vì ngã không có, làm sao mà tìm và tìm đâu ra! Vậy nên, lìa ngoài năm uẩn ra không riêng có ngã!

Lại nữa, Trong Phẩm Phá sáu căn nói: “Thấy, người thấy, bị thấy đều bị phá bỏ, nên ngã cũng bị phá bỏ”.

Lại nữa, mắt thấy pháp thô, còn không thể được, huống hồ tâm tư, hư vọng, ức niệm, biệt phân mà thấy có ngã! Bởi thế nên không có ngã. Nhân vì có ngã, mới có ngã sở. Nếu không có ngã thì không có ngã sở. Tu tập

tám Chánh đạo pháp, diệt trừ nhân duyên ngã và ngã sở, quyết định chứng đắc trí tuệ vô ngã, ngã sở.

Lại nữa, không có ngã và ngã sở, đối với đệ nhất nghĩa pháp cũng không thể có được. Người không có ngã, ngã sở, có khả năng thấy chân thật tướng các pháp. Hàng phàm phu vì bị ngã và ngã sở làm chướng ngại tuệ nhân nên không có khả năng thấy được chân thật. Các bậc Thánh nhân không có ngã, ngã sở, nên các phiền não lậu hoặc cũng tiêu diệt. Các phiền não tiêu diệt, nên có khả năng thấy được chân thật tướng các pháp. Bên trong bên ngoài, ngã và ngã sở tiêu diệt nên sự chấp thọ cũng tiêu diệt. Các pháp chấp thọ tiêu diệt nên vô tướng tối hậu thân cũng đều tiêu diệt. Đây gọi là Vô dư Niết bàn.

HỎI: Thế nào là Hữu dư Niết bàn?

ĐÁP: Các phiền não và nghiệp dứt trừ, gọi là tâm được giải thoát. Các phiền não và nghiệp ấy đều từ vọng tưởng phân biệt mà sanh, chúng không thật có, vì vọng tưởng, phân biệt đều từ kiến chấp, hý luận mà sanh khởi. Khi thấy rõ thật tướng các pháp rốt ráo là không, thì mọi phân biệt hý luận đều diệt. Đó là nghĩa Hữu dư Niết bàn.

Thật tướng các pháp là như vậy, cho nên chư Phật dùng Nhất thiết trí, quán chiếu khắp mọi căn cơ chúng sanh mà nói, cũng nói có ngã, cũng nói không ngã. Đối với những hạng chúng sanh căn cơ chưa thuần thực, chưa được dự phần Niết bàn, không biết sợ tội lỗi. Đối với hạng chúng sanh này, thì đức Phật nói vô ngã.

Lại nữa, có những chúng sanh hiểu đạo, biết các pháp là không, chỉ giả danh là ngã. Đối với những hạng người này, đức Phật nói có ngã cũng không lỗi.

Lại nữa, đối với những người biết thực tập bố thí, trì giới, tu tạo phước đức, biết chán ghét sanh tử khổ não, nhưng lại sợ Niết bàn tịch diệt vĩnh viễn. Nên đức Phật vì hạng người này mà nói vô ngã, các pháp chỉ do nhân duyên hòa hợp, khi sanh thời không sanh, khi diệt thời không diệt. Vì vậy mà đức Phật nói vô ngã, chỉ dựa vào giả danh mà nói có ngã.

Lại nữa, đối với những người có hiểu đạo, biết là vô ngã, mà không rơi vào đoạn diệt, đức Phật nói vô ngã cũng không có lỗi. Cho nên trong kệ nói: "Các đức Phật nói hữu ngã cũng nói vô ngã". Nếu trong nghĩa chân thật, không nói ngã phi ngã.

HỎI: Nếu vô ngã là thật, nếu chỉ vì thế gian mà nói có ngã, thì có lỗi gì?

ĐÁP: Nhân vì để phá ngã mà có vô ngã. Thật sự thì ngã vốn dĩ đã quyết không có, thì làm gì có vô ngã.

Nếu quyết định có vô ngã, thì bị rơi vào đoạn diệt, mà tâm tham đắm. Như trong kinh Bát Nhã dạy: "Bồ tát không tu hành hạnh hữu ngã, cũng không tu hành hạnh vô ngã".

HỎI: Nếu không nói ngã chẳng phải ngã, không chẳng phải không, thì Phật pháp nói cái gì?

ĐÁP: Đức Phật dạy, thật tướng các pháp, trong thật tướng ấy, không có chỗ cho nói năng, dứt sạch các tâm hành. Tâm hành là do vin vào thực tướng mà phát sanh. Vì do nghiệp lực, quả báo đời trước mà có. Tâm ấy không như thật thấy các pháp, cho nên nói tâm hành dứt.

HỎI: Nếu tâm phàm phu hư dối, không thấy thật tướng các pháp, còn tâm Thánh nhân chân thật, thấy thật tướng các pháp. Vì có gì mà nói tất cả các tâm hành diệt?

ĐÁP: Thật tướng các pháp là Niết bàn. Niết bàn gọi là diệt. Vì diệt để hướng đến Niết bàn. Cho nên gọi là diệt.

Nếu tâm Thánh nhân là thật, thì đâu cần gì ba giải thoát môn là "Không", "Vô tướng", "Vô tác". Cho nên, trong thiên định, vì có gì mà tôn vinh Diệt tận Định là bậc đệ nhất. Rồi cùng cũng lại quy về Vô dư Niết bàn. Cho nên, biết rằng, tất cả các tâm hành đều hư dối, vì hư dối nên diệt. Thật tướng các pháp, vượt ngoài các tâm số pháp, không sanh, không diệt, là tịch diệt tướng như Niết bàn vậy.

HỎI: Trong khế kinh dạy, các pháp xưa nay vốn dĩ là tịch diệt, tức là Niết bàn. Vì sao lại nói như Niết bàn?

ĐÁP: Người chấp đắm các pháp, phân biệt pháp ra làm hai loại là pháp thế gian và pháp Niết bàn. Trong luận này nói, tất cả các pháp đều tánh không, tịch diệt. Vì người chấp đắm không hiểu, nên phải lấy Niết bàn làm ví dụ. Như ông nói Niết bàn là tướng không, tướng tịch diệt không hý luận, thì hết thấy các pháp thế gian cũng như vậy.

HỎI: Nếu đức Phật không nói, ngã chẳng phải ngã, các tâm hành dứt, nói năng đều dứt, thì làm sao khiến cho người thấy được thật tướng các pháp?

ĐÁP: Chư Phật có vô lượng lực phương tiện, biết các pháp không có tướng quyết định. Nhưng vì phương diện độ sanh, nên hoặc nói hết thấy là

thật, hoặc nói hết thấy là không thật, hoặc nói hết thấy là thật không thật, hoặc nói hết thấy là chẳng phải thật chẳng phải không thật.

Hết thấy là thật, để truy tìm thật tánh các pháp, đều hội nhập đệ nhất nghĩa, nhất tướng bình đẳng gọi là vô tướng. Như các dòng nước, màu sắc, mùi vị khác nhau, chảy vào đại dương đều đồng một màu sắc một vị.

Hết thấy không thật, là hết thấy các pháp, khi chưa hội nhập vào thật tướng, đem ra quán chiếu phân biệt mỗi pháp đều không có thật, chỉ do các duyên hòa hợp mà có.

Hết thấy thật, không thật là vì chúng sanh có ba hạng, hạng trên, hạng giữa và hạng dưới: Hạng trên, thấy các pháp tướng chẳng phải thật, chẳng phải không thật. Hạng giữa, thấy các pháp tướng là hết thấy là thật, hết thấy là không thật Hạng dưới, vì trí lực cạn nên thấy các pháp tướng, hết thấy là một ít thật, một ít là không thật.

Xem Niết bàn là pháp vô vi, không hoại diệt, nên thật. Xem sanh tử là pháp hữu vi, hư nguy cho nên không thật.

Hết thấy chẳng phải thật, chẳng phải không thật, là vì để phá phá không thật, cho nên nói chẳng phải thật, chẳng phải không thật.

HỎI: Ở những nơi khác, đức Phật dạy xa lìa chẳng phải có chẳng phải không. Trong đây vì sao nói "chẳng phải có chẳng phải không", có phải là lời đức Phật dạy?

ĐÁP: Ở những nơi khác, vì để phá bốn lớp tham đắm (Hiện sắc tham, Hình sắc tham, Diệu sắc tham, Cung phụng sắc tham) nên đức Phật dạy như vậy. Còn ở trong luận này, đối với bốn trường hợp ấy không cần luận bàn vô ích (hý luận), hãy nghe đức Phật dạy là đạt đạo ngay. Cho nên nói chẳng phải thật chẳng phải không thật.

HỎI: Biết đức Phật vì nhân duyên mà nói bốn câu ấy. Lại nữa, vì người thấy được thật tánh các pháp, lấy tướng gì để thấy biết? Và lại thật tướng là thế nào?

ĐÁP: Nếu có thể không theo lời người khác nói. Không theo lời người khác nói, có nghĩa là, nếu gặp ngoại đạo, tuy họ có hiện năng lực thần thông mà nói rằng, nói như vậy là đạo lý, nói như vậy là không phải đạo lý. Tự tin vào tâm mình mà không nghe theo lời ngoại đạo. Cho đến khi thấy nó biến hiện thân, tuy không biết nó chẳng phải là Phật. Nhưng do thấy được thật tướng các pháp, nên tâm không xao động.

Trong luận này, không có pháp để mà thủ hoặc xả, gọi là tướng tịch diệt. Cho nên không có vấn đề hý luận và bị hý luận.

Hý luận có 2: - 1 là Ái luận. 2 là Kiến luận.

Trong đây không có hai hý luận này. Hai hý luận này không có, cho nên không có ức tướng phân biệt. Không phân biệt tướng khác, đó là thật tướng.

HỎI: Nếu hết thấy các pháp đều không, có thể không rơi vào đoạn diệt chăng? Lại nữa, nếu không sanh, chẳng diệt thời có rơi vào thường kiến chăng?

ĐÁP: Không phải như vậy. Trước đây đã nói thật tướng không hý luận, tâm tướng tĩnh lặng, bất dứt nói phô. Nay người tham đắm chấp tướng, đối với thật tướng các pháp còn có lỗi chấp đoạn chấp thường. Những người thấy được thật tướng các pháp, thì nói từ các duyên sanh khởi. Các pháp ấy không do chính nhân ấy, mà cũng không do nhân khác. Bởi thế cho nên không đoạn, cũng không thường. Nếu quả khác nhân thời là đoạn, nếu không khác nhân, thời là thường.

HỎI: Nếu hiểu như vậy thì có những lợi ích gì?

ĐÁP: Nếu người hành đạo, có khả năng thông hiểu thấu đạt nghĩa ý như vậy, thời đối với tất cả các pháp, không một, không khác, không đoạn, không thường. Nếu có khả năng như vậy, sẽ diệt được các phiền não hý luận; được Niết bàn thường lạc.

Bởi vậy cho nên nói các đức Phật dùng vị cam lồ hóa độ chúng sanh. Như thế gian nói, nếu ai được uống nước cam lồ của chư Thiên, thời không bị lão, bệnh, chết, không có các tai ương, suy trầm khổ não. Thật tướng các pháp là chân cam lồ vậy.

Chư Phật dạy, thật tướng có ba bậc, nếu hiểu được thật tướng các pháp mà diệt trừ được phiền não, là Thanh văn pháp. Nếu được sanh tâm đại bi, phát vô thượng tuệ, là pháp Đại thừa. Nếu đức Phật không ra đời, gặp thời không có Phật pháp, hàng Bích Chi Phật do xa lìa chỗ náo nhiệt mà được sanh trí tuệ. Hoặc chư Phật độ sanh đã viên mãn, mà đi vào cõi Niết bàn Vô dư, những pháp còn để lại cũng tận diệt. Đời trước nếu có người hiểu đạo, do có nhân duyên quán chiếu ít nhiều mà nhằm chán, muốn lánh xa cảnh ồn náo, một mình lánh vào núi rừng, lìa xa cảnh ồn náo mà đắc đạo. Đó, gọi là Bích Chi Phật.

Hết Phẩm 18

PHẨM 19
QUÁN VỀ THỜI
(6 bài kệ)

HỎI: Phải có thời gian, bởi do có nhân đối đãi nhau mà thành. Nhân có thời quá khứ mà có thời vị lai, thời hiện tại. Nhân có thời hiện tại mà có thời quá khứ, thời vị lai. Nhân có thời vị lai mà có thời quá khứ, thời hiện tại. Các pháp ở trên đây có trên, có giữa, có dưới, có một, có khác... Phải chăng phải có nhân đối đãi với nhau mà có ư?

ĐÁP:

1. Nhược nhân quá khứ thời
Hữu vị lai hiện tại
Vị lai cập hiện tại
Ứng tại quá khứ thời

(Nếu nhân thời quá khứ
Có vị lai, hiện tại
Vị lai và hiện tại
Phải ở thời quá khứ)

Nếu nhân thời quá khứ, có thời vị lai và hiện tại, thì trong thời quá khứ phải có thời vị lai và hiện tại. Vì sao? Vì, tùy theo chỗ của nhân mà có pháp hiện hành. Thì ở chỗ ấy phải có pháp ấy. Như nhân nơi đèn mà có ánh sáng. Tùy chỗ có đèn nên có ánh sáng. Như vậy, nhân thời quá khứ, thành ra mới có thời vị lai và hiện tại. Thì trong thời quá khứ phải có thời vị lai và hiện tại.

Nếu trong thời quá khứ có thời vị lai và hiện tại. Như vậy, cả ba thời cũng đều gọi là thời quá khứ. Vì sao? Vì thời vị lai và hiện tại có tại trong thời quá khứ.

Nếu tất cả các thời đều có thời quá khứ, như vậy là không có thời vị lai, hiện tại, vì đều là thời quá khứ. Vì sao? Vì thời quá khứ nhân nơi thời vị lai, hiện tại mà có thời quá khứ. Như, nhân nơi thời quá khứ mà có thời vị lai, hiện tại. Như vậy, thì cũng nên nhân nơi thời vị lai, hiện tại mà có thời quá khứ. Nay không có thời vị lai, hiện tại, thì cũng nên không có thời quá khứ.

Thế nên như trước đó đã nói, nhân nơi thời quá khứ mà có thời vị lai, hiện tại. Nói như vậy là không đúng. Nếu bảo rằng, trong thời quá khứ, không có thời vị lai, hiện tại, mà lại nói, nhân nơi thời quá khứ mà có thời vị lai, hiện tại. Việc đó không đúng. Vì sao?

- ĐÁP: 2. Nhược quá khứ thời trung
 Vô vị lai hiện tại
 Vị lai hiện tại thời
 Vân hà nhân quá khứ

 (Nếu trong thời quá khứ
 Không vị lai, hiện tại
 Thời vị lai hiện tại
 Làm sao nhân quá khứ)

Nếu thời vị lai, thời hiện tại, không có trong thời quá khứ, làm sao nói nhân nơi thời quá khứ mà thành có thời vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì, nếu ba thời đều có tướng trạng khác nhau, thì không thể nhân nơi sự đối đãi nhau đó mà có được. Như cái bình, cái áo v.v... mỗi vật đều có tướng riêng biệt nhau mà thành. Chứ không phải do sự đối đãi nhau mà có được. Nay, không thể nhân nơi thời quá khứ, thì thời vị lai, thời hiện tại không thể thành được; không nhân nơi thời hiện tại, thì thời quá khứ, thời vị lai không thể thành được. Không nhân nơi thời vị lai, thì thời quá khứ, thời hiện tại không thể thành được. Trước đây, ông đã nói, trong thời quá khứ, tuy không có thời vị lai, thời hiện tại, mà nói nhân nơi thời quá khứ mà có thời vị lai, thời hiện tại. Việc đó không đúng.

HỎI: Nếu không nhân nơi thời quá khứ, để có thời vị lai, thời hiện tại, thì có lỗi gì?

- ĐÁP: 3. Bất nhân quá khứ thời
 Tắc vô vị lai thời
 Diệc vô hiện tại thời
 Thị cố vô nhị thời

 (Không nhân nơi quá khứ
 Tất không thời vị lai
 Cũng không thời hiện tại
 Thế nên không hai thời)

Không nhân nơi thời quá khứ, ắt không có thời vị lai và hiện tại. Vì sao? Vì, nếu không nhân nơi thời quá khứ mà có thời hiện tại. Vậy thì, từ chỗ nào mà có thời vị lai? Thế nên không nhân nơi thời quá khứ, thì không có thời vị lai và hiện tại. Như vậy là do sự đối đãi mà có, thật sự thì không có thời nào.

4. Dĩ như thị nghĩa cố
Tắc tri dư nhị thời
Thượng trung hạ nhất dị
Thị đẳng pháp giai vô

(Do nghĩa lý như vậy
Mà biết hai thời khác (vị lai, hiện tại)
Trên, giữa, dưới, một, khác
Các pháp thấy đều không)

Từ nghĩa lý như vậy, mà biết hai thời kia, vị lai và hiện tại cũng đều không có. Và, các pháp trên, giữa, dưới, một và khác, hết thấy các pháp cũng đều không. Như, nhân nơi trên mà có giữa và dưới, một và khác, các pháp đều không. Cũng như nhân nơi trên mà có giữa, dưới...Lìa ngoài trên thì không có giữa, dưới...Nếu lìa trên mà có giữa, dưới thì không phải đối đãi nhau. Nhân nơi một, nên có khác, nhân nơi khác cho nên có một. Nếu một mà thật có, thì không phải nhân nơi khác mà có. Nếu khác mà thật có thì không phải nhân nơi một mà có. Như vậy v.v... Các pháp cũng nên như vậy mà phá.

HỎI: Như vì năm, tháng, ngày, giờ...sai biệt, nên biết có thời phải không?

ĐÁP:

5. Thời trú bất khả đắc
Thời khứ diệt khả đắc
Thời nhược bất khả đắc
Vân hà thuyết thời tướng

(Thời đứng lại không được
Thời đi qua không được
Thời nếu không thể có
Làm sao nói tướng thời)

6. Nhân vật cố hữu thời
Ly vật hà hữu thời
Vật thượng vô sở hữu
Hà hướng đương hữu thời

(Nhân nơi vật có thời
Lìa vật (thể) sao có thời
Vật thể còn không có
Hướng nữa là có thời)

Thời, nếu không đứng yên một chỗ, thì không thể có thời. Thời đứng yên cũng không thể có. Như vậy, nếu thời không có, thì làm sao nói tướng của thời. Nếu không có tướng thời, là không có thời. Nhân nơi vật thể sanh ra cho nên gọi là thời. Nếu là vật (thể), không có thời. Từ trước đến nay, đã sử dụng khá nhiều nhân duyên để phá các vật (thể). Mà vật thể không có, thì làm sao có thời.

Hết Phẩm 19

PHẨM 20

QUÁN VỀ NHÂN QUẢ

(24 bài kệ)

HỎI: Do các nhân duyên hòa hợp mà hiện có quả phát sanh. Vậy nên biết rằng, quả là từ các nhân duyên hòa hợp mà có, phải không?

ĐÁP:

1. Nhược chúng duyên hòa hợp

Nhi hữu quả sanh giả

Hòa hợp trung dĩ hữu

Hà tu hòa hợp sanh

(Nếu do duyên hòa hợp

Mà có quả sanh ra

Trong hòa hợp sẵn quả

Đâu cần đến hòa hợp)

Nếu bảo rằng, do các duyên hòa hợp mà có quả sanh ra, thì quả ấy đã có trong hòa hợp rồi, mà lại từ hòa hợp sanh ra là không đúng. Vì sao? Vì, quả đã có tự thể quyết định trước, thì không thể từ hòa hợp sanh.

HỎI: Trong các duyên hòa hợp, tuy không có quả, mà quả lại từ các duyên sanh, thì có lỗi gì?

ĐÁP:

2. Nhược chúng duyên hòa hợp

Thị trung vô quả giả

Vân hà tưng chúng duyên

Hòa hợp nhi quả sanh

(Nếu các duyên hòa hợp

Trong đó không có quả

Làm sao từ các duyên

Hòa hợp mà sanh quả)

Nếu theo các duyên hòa hợp, thì có quả sanh. Thì trong hòa hợp không có quả, mà nói từ hòa hợp sanh, là không đúng. Vì sao? Vì, nếu vật (thể) không có tự tánh, là vật thể, trọn không sanh.

Lại nữa,

3. Nhược chúng duyên hòa hợp

Thị trung hữu quả giả

Hòa hợp trung ưng hữu
 Nhi thật bất khả đắc

(Nếu trong duyên hòa hợp
 Mà trong đó có quả
 Trong hòa hợp có quả
 Nhưng thật, không như vậy)

Nếu từ trong các duyên đã có quả. Quả ấy nếu là sắc thì mắt có thể thấy. Nếu là chẳng phải sắc, thì ý có thể biết. Mà thật sự thì trong hòa hợp quả không thể có được. Bởi thế nói trong hòa hợp có quả. Việc ấy không đúng.

Lại nữa,

4. Nhược chúng duyên hòa hợp
 Thị trung vô quả giả
 Thị tác chúng nhân duyên
 Dự phi nhân duyên đồng

(Nếu các duyên hòa hợp
 Trong đó không có quả
 Như vậy các nhân duyên
 Cùng phi nhân duyên đồng)

Nếu trong các duyên hòa hợp mà không có quả. Như vậy là các nhân duyên đồng với phi nhân duyên. Như sữa làm nhân duyên cho váng sữa (phô-ma). Nếu trong sữa váng sữa, trong nước cũng không có váng sữa. Nếu trong sữa không có váng sữa, thì cũng như nước và sữa đồng nhau, không nên nói váng sữa từ sữa mà ra. Cho nên nói trong các duyên hòa hợp không có quả là không đúng.

HỎI: Nhân làm nhân cho quả đã xong, thì diệt. Nhưng có nhân thì quả mới sanh. Cho nên không mắc lỗi ấy.

ĐÁP:

5. Nhược nhân dự quả nhân
 Tác nhân dĩ nhi diệt
 Thị nhân hữu nhị thể
 Nhất dự nhất tác diệt

(Nhân, làm nhân cho quả
 Làm nhân xong thì diệt)

Nhân ấy có hai thể
Nhân cho quả và diệt)

Nếu nhân cùng với quả làm nhân, xong rồi thì diệt. Như vậy là nhân ấy có hai tự thể: 1 là làm nhân cho quả, 2 là làm nhân xong thì diệt. Việc ấy không đúng, vì một pháp mà có hai tự thể. Cho nên nói nhân cùng với quả làm nhân rồi thì diệt. Việc ấy không đúng.

HỎI: Nếu bảo rằng, nhân không cùng với quả làm nhân rồi mà diệt, nhưng cũng có quả sanh ra, thì có lỗi gì?

ĐÁP: 6. Nhược nhân bất dự quả
Tác nhân dĩ nhi diệt
Nhân diệt nhi quả sanh
Thị quả tác vô nhân

(Nếu nhân không cùng quả
Làm nhân rồi thì diệt
Nhân diệt mà quả sanh
Quả ấy là không nhân)

Nếu nhân không cùng quả làm nhân xong rồi thì diệt. Vậy là nhân diệt rồi thì có quả sanh, thời quả ấy vô nhân. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì, hiện mắt thấy tất cả các quả, không có quả nào không nhân mà sanh. Cho nên ông nói, nhân không cùng quả làm nhân, xong rồi thì diệt, cũng có quả sanh ra. Việc đó không đúng.

HỎI: Do các duyên hòa hợp mà có quả sanh, thì có lỗi gì?

ĐÁP: 7. Nhược chúng duyên hợp thời
Nhi hữu quả sanh giả
Sanh giả cập khả sanh
Tắc vi nhất thời sanh

(Nếu khi các duyên hợp
Mà có quả sanh ra
Sanh và cái được sanh
Cùng có trong một lúc)

Nếu khi các duyên hòa hợp, có quả được sanh ra. Như vậy, sanh (chủ thể) và được sanh (quả), cùng có trong một lúc. Việc ấy không đúng. Vì

sao? Vì, như cha và con không thể sanh ra trong cùng một lúc. Vì thế ông nói, khi các duyên hòa hợp thì có quả sanh ra. Việc ấy không đúng.

HỎI: Nếu trước có quả sanh ra, rồi sau các duyên mới hợp. Thì có những lỗi gì?

ĐÁP: 8. Nhược tiên hữu quả sanh
Nhi hậu chúng duyên hợp
Thử tức ly nhân duyên
Danh vi vô nhân quả

(Nếu trước có quả sanh
Mà sau các duyên hợp
Thế là lia nhân duyên
Gọi là vô nhân quả)

Nếu các duyên chưa hợp mà trước đó có quả sanh ra. Việc đó là không đúng, vì quả tách rời nhân duyên, nên gọi là vô nhân quả. Thế nên ông nói khi các duyên chưa hợp, trước đã có quả sanh. Việc đó là không đúng.

HỎI: Nhân biến diệt làm quả, thì có những lỗi gì?

ĐÁP: 9. Nhược nhân biến vi quả
Nhân tức chí u quả
Thị tắc tiền sanh nhân
Sanh dĩ nhi phục sanh

(Nếu nhân biến làm quả
Tức nhân đi đến quả
Vậy là trước sanh nhân
Sanh rồi lại tái sanh)

Nhân có hai loại, 1 là tiền sanh nhân, 2 là cộng sanh nhân. Nếu nhân diệt biến làm quả, là tiền sanh nhân, có thể trở lại sanh nữa. Nhưng việc này không đúng. Vì sao? Vì, vật đã sanh, không thể sanh trở lại nữa. Nếu cho rằng, chính là nhân ấy biến làm quả, thì cũng không đúng. Vì sao? Vì, nếu chính nhân là quả, thì không thể gọi là biến, nếu biến thì không gọi là chính nhân.

HỎI: Nhân không thể tận diệt, chỉ diệt trên danh tự, mà tự thể của nhân biến làm quả. Như nắm đất sét, biến thành cái bình. Chỉ mất tên gọi đất sét, mà sanh tên gọi cái bình. Có phải thế?

ĐÁP: Nắm đất sét diệt trước, rồi mới có sanh ra tên gọi cái bình, chứ không phải là biến. Lại nữa, tự thể đất sét, không chỉ sanh ra cái bình, mà bồn chậu... cũng từ trong đất sét mà ra cả. Nếu đất sét chỉ có danh thì không thể biến làm bình. Gọi là biến, như sữa biến thành pho-mát (lạc). Bởi thế, ông bảo tên gọi của nhân, tuy diệt mà biến làm quả. Việc ấy không đúng.

HỎI: Nhân tuy diệt mất, mà có khả năng sanh quả, cho nên có quả. Thì không có lỗi ấy?

ĐÁP: 10. Vân hà nhân diệt thất
Nhị năng sanh ư quả
Hựu nhược nhân tại quả
Vân hà nhân sanh quả

(Làm sao nhân diệt mất
Mà có thể sanh quả
Lại nếu nhân trong quả
Làm sao nhân sanh quả)

Nếu nhân diệt mất rồi, làm sao có thể sanh quả? Nếu nhân không diệt mà vẫn hợp với quả, thì làm sao có thể sanh trở lại nữa?

HỎI: Biến khắp trong nhân có quả, do đó mà có quả sanh chăng?

ĐÁP: 11. Nhược nhân biến hữu quả
Cánh sanh hà đẳng quả
Nhân kiến bất kiến quả
Thị nhị câu bất sanh

(Nếu nhân biến khắp quả
Lại còn sanh quả gì
(Trong) Nhân, thấy, không thấy quả
Cả hai, không sanh quả)

Là nhân, nếu không thấy có quả, còn không thể sanh quả, huống nữa trong nhân thấy có quả. Nếu là trong nhân tự mình không thấy có quả, thì không thể sanh quả. Vì sao? Vì, nếu trong nhân thấy không có quả, thì quả không tùy theo nhân. Lại, trong nhân, trước chưa có quả, làm sao sanh quả. Nếu trong nhân, trước thấy có quả, thì không thể sanh quả trở lại được, vì đã có quả rồi.

Lại nữa,

12. Nhược ngôn quá khứ nhân
 Nhi ư quá khứ quả
 Vị lai hiện tại quả
 Thị tắc chung bất hợp

(Nếu nói nhân quá khứ
 Nhân ấy không phù hợp
 Hoàn toàn quả quá khứ
 Quả hiện tại, tương lai)

13. Nhược ngôn vị lai nhân
 Nhi ư vị lai quả
 Hiện tại quá khứ quả
 Thị tắc chung bất hợp

(Nếu nói nhân vị lai
 Nhân ấy không phù hợp
 Hoàn toàn quả vị lai
 Quả hiện tại, quá khứ)

14. Nhược ngôn hiện tại nhân
 Nhi ư hiện tại quả
 Vị lai quá khứ quả
 Thị tắc chung bất hợp

(Nếu nói nhân hiện tại
 Nhân ấy không phù hợp
 Hoàn toàn quả hiện tại
 Quả vị lai, quá khứ)

Quả quá khứ không cùng hợp với nhân quá khứ, vị lai và hiện tại. Quả vị lai, không cùng hợp với nhân vị lai, hiện tại và quá khứ. Quả hiện tại không cùng hợp với nhân hiện tại, vị lai và quá khứ. Như vậy, cả ba loại quả hoàn toàn không cùng hợp với nhân quá khứ, vị lai và hiện tại.

Lại nữa,

15. Nhược bất hòa hợp giả
 Nhân hà năng sanh quả
 Nhược hữu hòa hợp giả
 Nhân hà năng sanh quả

(Nếu nhân quả không hợp
Nhân làm sao sanh quả
Nếu nhân quả hòa hợp
Nhân làm sao sanh quả)

Nếu nhân quả không hòa hợp thì không có quả. Nếu không có quả, thì làm sao nhân sanh quả. Nếu bảo rằng nhân quả hòa hợp thì nhân có thể sanh quả. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì nếu quả có trong nhân, thì trong nhân đã có quả rồi, vì sao mà sanh quả lại.

16. Nhược nhân không vô quả
Nhân hà năng sanh quả
Nhược nhân bất không quả
Nhân hà năng sanh quả

(Nếu nhân trống không quả
Nhân làm sao sanh quả
Nhân chẳng trống không quả
Nhân làm sao sanh quả)

Nếu trong nhân không có quả, vì nhân không có quả nên nhân ấy trống không, thì làm sao nhân ấy sanh quả. Như người không mang thai, thì làm sao sanh con. Nếu nhân trước đó đã có quả, đã có quả thì không nên sanh lại nữa.

Lại nữa, nay nói về quả:

17. Quả bất không bất sanh
Quả bất không bất diệt
Dĩ quả bất không cố
Bất sanh diệt bất diệt

(Quả chẳng trống không, không sanh
Quả chẳng trống không, không diệt
Vì quả chẳng trống không
Nên quả bất sanh và bất diệt)

18. Quả không cố bất sanh
Quả không cố bất diệt
Dĩ quả thị không cố
Bất sanh diệt bất diệt

(Quả trồng không nên bắt sanh
 Quả trồng không nên bắt diệt
 Vì quả trồng không như vậy
 Nên bắt sanh cũng bắt diệt)

Quả, nếu không trồng không thì không thể sanh, không thể diệt. Vì sao? Vì quả trong nhân, quyết định đã sẵn có trước rồi, thì không cần phải sanh trở lại. Sanh không có nên không có diệt. Cho nên quả, chẳng trồng không, nên không sanh, không diệt. Nếu bảo quả trồng không, nên có sanh diệt thì cũng không đúng. Vì sao? Vì quả nếu trồng không, trồng không tức là không có, thì vì sao gọi là có sanh diệt. Cho nên nói, quả trồng không, nên không sanh, không diệt.

Lại nữa, nay đem một và khác để phá nhân quả.

19. Nhân quả thị nhất giả
 Thị sự chung bất nhiên
 Nhân quả nhược dị giả
 Thị sự diệc bất nhiên

(Nhân quả nếu là "một"
 Việc đó không thể đúng
 Nhân quả nếu là "khác"
 Việc đó cũng không đúng)

20. Nhược nhân quả thị nhất
 Sanh cập sở sanh nhất
 Nhược nhân quả thị dị
 Nhân tắc đồng phi nhân

(Nếu nhân quả là "một"
 Sanh, được sanh là "một"
 Nếu nhân quả "khác nhau"
 Thời nhân, như phi nhân)

21. Nhược quả định hữu tánh
 Nhân vi hà sở sanh
 Nhược quả định vô tánh
 Nhân vi hà sở sanh

(Quả, quyết định có tánh
Nhân làm sao sanh được
Quả, quyết định không tánh
Nhân làm sao sanh được)

22. Nhân bất sanh quả giả
Tắc vô hữu nhân tướng
Nhược vô hữu nhân tướng
Thùy năng hữu thị quả

(Nhân không thể sanh quả
Vì nhân không có tướng
Nếu nhân không có tướng
Thì cái gì sanh quả)

23. Nhược tùng chúng nhân duyên
Nhi hữu hòa hợp sanh
Hòa hợp tự bất sanh
Vân hà năng sanh quả

(Nếu từ các nhân duyên
Mà có pháp hòa hợp
Hòa hợp không tự sanh
Làm sao sanh quả được)

24. Thị cố quả bất trùng
Duyên hợp bất hợp sanh
Nhược vô hữu quả giả
Hà xứ hữu hợp pháp

(Cho nên quả không từ
Duyên hợp, không hợp sanh
Nếu không có quả thời
Ở đâu có pháp hợp)

Pháp hòa hợp từ các duyên sanh, mà không thể sanh tự thể nó. Tự thể nó không có, cho nên nói, làm sao có thể sanh quả. Cho nên quả không từ duyên hòa hợp mà sanh, cũng không từ không hòa hợp mà sanh. Nếu không có quả thì chỗ nào có pháp hòa hợp.

(Hết Phẩm 20)

PHẨM 21**QUÁN VỀ THÀNH HOẠI**

(20 bài kệ)

HỎI: Tất cả mọi việc ở thế gian, đều là tướng bại hoại. Phải chăng vì vậy mà có tướng hoại?

ĐÁP:

1. Ly thành cập cộng thành
Thị trung vô hữu hoại
Ly hoại cập cộng hoại
Thị trung diệt vô thành

(Lìa thành, cùng với thành
Trong đó không có hoại
Lìa hoại, cùng với hoại
Trong đó cũng không thành)

Hoặc có thành hoặc không có thành, đều không có hoại. Hoặc có hoại hoặc không có hoại, đều không có thành. Vì sao?

2. Nhược ly ư thành giả
Vân hà nhi hữu hoại
Như ly sanh hữu tử
Thị sự tác bất nhiên

(Nếu lìa ngoài thành ra
Làm sao mà có hoại
Như lìa sanh có tử
Việc ấy không thể đúng)

3. Thành hoại cộng hữu giả
Vân hà hữu thành hoại
Như thế gian sanh tử
Nhất thời cộng bất nhiên

(Nếu thành hoại cùng có
Làm sao có thành hoại
Như thế gian sống chết
Nhất thời có không đúng)

4. Nhược ly ư hoại giả
Vân hà đương hữu thành
Vô thường vị tăng hữu
Bất tại chư pháp thời

(Nếu lìa ngoài hoại ra
Làm sao có thành được
Vô thường chưa lúc nào
Vắng mặt trong các pháp)

Nếu lìa thành và hoại là không thể được. Vì sao? Vì, nếu lìa thành mà có hoại, là hoại không nhân nơi thành mà có. Hoại ấy không có nhân vậy. Vả lại, không thể không có pháp thành mà có thể hoại. Bởi vì, thành là do các duyên hòa hợp, hoại là các duyên tan rã. Nếu lìa thành mà có hoại, vậy thì, không có thành thì cái gì hoại. Cũng như không có cái bình thì không được nói cái bình hoại. Cho nên lìa thành thì không có hoại.

Nếu bảo rằng, cùng với thành có hoại, thời cũng không đúng. Vì sao? Vì, các pháp thành hay hoại, trước đó chúng đã có các tự thể riêng biệt. Rồi sau đó, mới có hợp lại. Các tự thể riêng biệt hợp lại, nhưng không rời, không khác nhau. Nếu hợp mà rời, mà khác nhau, thì pháp hoại ấy không có nhân vậy. Cho nên đi cùng với thành cũng không có hoại.

Nếu lìa hoại, hay đi cùng với hoại mà không có thành, thì thành ấy là thường. Thường là tướng bất hoại. Mà thực tế thì không thấy có pháp thường nào có tướng bất hoại. Thế nên lìa hoại không có tướng thành.

Nếu bảo rằng, chung cùng với hoại có thành, thì cũng không đúng. Tướng thành và tướng hoại chông trái nhau. Làm sao có mặt trong cùng một lúc được. Như người có tóc, không có tóc, không thể trong cùng một lúc mà vừa có tóc vừa không có tóc được. Thành và hoại cũng như vậy. Thế nên, cùng lúc hoại có thành, là chuyện không đúng. Vì sao? Vì, nếu bảo rằng, người phân biệt các pháp có nói rằng, trong thành có hoại. Chuyện đó không đúng. Vì sao? Vì nếu trong thành luôn có hoại, thì cũng không nên có pháp trụ, mà thực tế đã có pháp trụ. Bởi thế nên, nếu lìa hoại hay đứng chung với hoại thì cũng không thể có thành.

Lại nữa, 5. Thành hoại cộng vô thành
Ly diệt vô hữu thành
Thị nhị câu bất khả
Vân hà đương hữu thành

(Thành chung hoại, không thành
 Không chung, không có thành
 Hai cách đều không được
 Làm sao mà có thành)

Nếu thành và hoại đứng chung với nhau, không có thành. Thành và hoại lia nhau, cũng không có thành. Nếu chung nhau thành thời hai pháp hoại và thành trái chống nhau, làm sao có mặt cùng một lúc. Nếu lia nhau thì không có nhân, cả hai trường hợp đều bất thành, làm sao mà có thành được. Nếu có thời nên nói.

HỎI: Hiện có pháp đang ở tướng tận diệt. Tướng tận diệt ấy, cũng nói là tận, cũng nói là bất tận. Như vậy thời cũng nên có tướng thành hoại?

ĐÁP:

6. Tận tắc vô hữu thành
 Bất tận diệt vô thành
 Tận tắc vô hữu hoại
 Bất tận diệt bất hoại

(Pháp diệt tận không thành
 Không diệt tận không có thành
 Pháp diệt tận không có hoại
 Không diệt tận không có hoại)

Các pháp ngày đêm, mỗi niệm niệm diệt tận sạch hết quá khứ. Như dòng nước chảy trôi qua, không đứng yên, gọi là tận. Việc ấy không thể ngăn, không nói. Như ngựa đồng hoang, không có tánh quyết định. Như vậy diệt tận không có tánh quyết định. Thế thì làm sao có thể phân biệt mà nói có thành.

Thế nên nói, tận cũng không có thành. Thành không có, cho nên cũng không nên nói có hoại. Vậy nên, nói tận cũng không có hoại. Lại mỗi niệm sanh diệt, nối nhau không gián đoạn. Cho nên gọi là bất tận. Như vậy quyết định pháp thường trú bất đoạn. Làm sao có thể phân biệt được, mà nói, pháp ấy nay thành. Cho nên nói, vô tận cũng không có thành. Thành không có, cho nên không có hoại. Vì vậy nên nói, không tận cũng không có hoại.

Vì vậy, việc tìm cầu sự thật như vậy không có thể được, nên không có thành, không có hoại.

HỎI: Thôi, hãy gác lại sự thành hoại, không nói nữa, chỉ cần biết có pháp, là có những lỗi gì?

ĐÁP:

7. Nhược ly ư thành hoại
Thị diệt vô hữu pháp
Nhược đương ly ư pháp
Diệt vô hữu thành hoại

(Nếu lia thành và hoại
Thời cũng không có pháp
Nếu lia ngoài các pháp
Thời cũng không thành hoại)

Lia thành và hoại là không có pháp. Nếu pháp mà không có thành không có pháp, thì pháp ấy phải, hoặc là không có, hoặc là thường hằng. Nhưng ở thế gian thì không có pháp thường hằng. Nay, ông nói, lia ngoài thành và hoại là có pháp. Chuyện đó là không đúng.

HỎI: Nếu lia ngoài pháp mà chỉ có thành và hoại, là mắc phải những lỗi gì?

ĐÁP: Lia ngoài pháp mà có thành, hoại. Là cũng không đúng. Vì sao? Vì, nếu lia pháp, thì cái gì thành, cái gì hoại? Cho nên, lia pháp có thành, có hoại thì cũng không đúng.

Lại nữa,

8. Nhược pháp tánh không giả
Thùy đương hữu thành hoại
Nhược tánh bất không giả
Diệt vô hữu thành hoại

(Nếu các pháp tánh không
Thì cái gì thành hoại
Nếu pháp tánh chẳng không
Cũng không có thành hoại)

Nếu các pháp thể tánh không, nếu không thì làm sao có thành và hoại. Nếu các pháp thể tánh chẳng không. Chẳng không là quyết định có. Vậy thì cũng không nên có thành và hoại.

Lại nữa,

9. Thành hoại nhược nhất giả
Thị sự tác bất nhiên
Thành hoại nhược dị giả
Thị sự diệc bất nhiên

(Thành hoại nếu là "một"
Việc ấy là không đúng
Thành hoại nếu có "khác"
Việc ấy cũng không đúng)

Suy tìm sự thành và hoại "nhất thể" (nhất), thời không thể được. Vì sao? Vì, chúng khác tướng, và mỗi mỗi đều riêng biệt. Lại nữa, suy tìm sự thành hoại là "khác nhau" (dị), thời cũng không thể được. Vì sao? Vì chúng riêng biệt, là vì chúng không có nguyên nhân vậy.

Lại nữa,

10. Nhược vị dĩ nhãn kiến
Nhi hữu sanh diệt giả
Tắc vi thị si vọng
Nhi kiến hữu sanh diệt

(Nếu bảo vì mắt thấy
Mà có sanh diệt vậy
Đó là thấy si vọng
Mà thấy có sanh diệt)

Nếu bảo rằng do mắt hiện thấy mà có sanh diệt. Vậy, tại sao phải dùng ngôn thuyết để phá chuyện không đúng. Vì sao? Vì mắt thấy có sanh diệt là do ngu muội điên đảo. Nếu thấy các pháp mà thể tánh là không, không quyết định, như huyền hóa, như mộng寐. Chỉ vì hàng phàm phu, do đời trước, vì nhân duyên điên đảo mà được có con mắt này. Đời này lại do nhân duyên ức tưởng, nên nói con mắt thấy sanh diệt. Thực tế theo đệ nhất nghĩa đế thì không có sanh diệt. Vấn đề này đã được trình bày rộng rãi trong Phẩm Phá tướng.

Lại nữa,

11. Tùng pháp bất sanh pháp
Diệc bất sanh phi pháp
Tùng phi pháp bất sanh
Pháp cập ư phi pháp

(Từ pháp không sanh pháp
Cũng chẳng sanh phi pháp
Từ phi pháp chẳng sanh
Pháp cũng như phi pháp)

“Từ pháp, không sanh ra pháp”, là: hoặc, từ pháp trước đã diệt mất, đến pháp sau sanh ra. Cả hai đều không đúng. Từ pháp sanh ra pháp hoặc pháp sẽ đến, hoặc pháp đã diệt mất là pháp không có nhân. Không có nhân là rơi vào chấp đoạn, chấp thường.

Nếu nói pháp đã đến từ pháp sanh pháp, là pháp đến rồi mà gọi là sanh, thì đó là chấp thường hằng. Lại, pháp ấy sanh rồi, lại sanh nữa, cũng gọi là sanh không có nguyên nhân mà sanh. Việc ấy không đúng.

Nếu nói pháp đã diệt mất từ pháp sanh pháp, là mất nguyên nhân, sanh ấy không có nhân. Thế nên, từ pháp trước diệt mất, cũng không sanh pháp.

“Từ pháp không sanh phi pháp”. Có nghĩa, “phi pháp” là pháp không có gì hết. Còn ”pháp” là pháp có. Thế thì, tại sao pháp từ có tướng, sanh ra pháp vô tướng. Thế nên, từ pháp không sanh ra phi pháp. Phi pháp là pháp không có gì hết, thì tại sao lại sanh có. Nếu từ không sanh có, thế là không có nguyên nhân. Không có nguyên nhân là một lỗi lớn. Thế là, không từ phi pháp sanh ra pháp.

“Không từ phi pháp sanh ra phi pháp”. Phi pháp là pháp không có gì hết. Làm sao từ cái không có gì hết, mà lại sanh ra cái không có gì hết. Như lông rùa, sừng thỏ, không thể sanh ra lông rùa, sừng thỏ. Thế nên không từ phi pháp sanh ra phi pháp.

HỎI: Pháp và phi pháp là nhiều chủng loại sai khác, cho nên không sanh. Chỉ có pháp có thể sanh pháp chẳng?

ĐÁP:

12. Pháp bất tùng tự sanh
Diệc bất tùng tha sanh
Bất tùng tự tha sanh
Vân hà nhi hữu sanh

(Pháp không từ tự sanh
Cũng không từ tha sanh
Không từ tự tha sanh
Làm sao lại có sanh)

Khi pháp chưa sanh thì không có. Như vậy, là pháp tự nó không sanh. Vậy nên pháp không từ tự sanh. Nếu pháp chưa sanh, thì cũng không có tha. Không có tha nên không thể nói từ tha sanh.

Lại nữa, pháp chưa sanh thì không có tự. Vậy pháp không tự cũng không tha, cộng chung tự tha cũng không sanh. Nên cả ba trường hợp, cũng không sanh. Như vậy làm sao nói từ nơi pháp có pháp sanh.

Lại nữa,

13. Nhược hữu sở thọ pháp
Tức đọa u đoạn thường
Đương tri sở thọ pháp
Vi thường vi vô thường

(Nếu pháp bị phân biệt
Tức rơi vào đoạn thường
Nên biết pháp phân biệt
Là chấp thường, không thường)

Người chấp thọ pháp, là người phân biệt thiện, bất thiện, thường, vô thường... Chắc hẳn người ấy đã rơi vào kiến chấp, hoặc thường kiến, hoặc đoạn kiến. Vì sao? Vì pháp bị chấp thọ (phân biệt) có hai trường hợp: hoặc thường, hoặc vô thường. Cả hai trường hợp đều không đúng. Vì sao? Vì, nếu thường là rơi vào bên thường, nếu vô thường tức rơi vào bên đoạn.

HỎI:

14. Sở hữu thọ pháp giả
Bất đọa u đoạn thường
Nhân quả tương tục cố
Bất đoạn diệt bất thường

(Có người phân biệt pháp
Mà không rơi đoạn thường
Nhân quả nối tiếp nhau
Không đoạn cũng không thường)

Có người tuy có tín thọ, phân biệt nói các pháp mà không rơi vào đoạn thường. Như khê kinh dạy: "Năm uẩn vô thường, khổ không vô ngã" mà không rơi vào đoạn diệt. Tuy nói "Tội phước vô lượng kiếp số không mất" mà không rơi vào thường còn. Vì sao? Vì, pháp nhân quả là thường sanh diệt nối tiếp, qua lại không dứt. Vì sanh diệt, vô thường tiếp nối, cho nên không đoạn.

ĐÁP:

15. Nhược nhân quả sanh diệt
Tương tục nhi bất đoạn
Diệt cánh bất sanh cố
Nhân tức vi đoạn diệt

(Nếu nhân quả sanh diệt
Nói tiếp không đoạn diệt
Pháp diệt không sanh lại
Thời nhân bị đoạn diệt)

Nếu cho rằng, các pháp nhân quả nối tiếp, nên không thường, không đoạn. Các pháp diệt rồi không sanh lại. Vậy là nhân bị đoạn diệt. Nếu nhân đoạn diệt, thời làm sao có tiếp nối, vì diệt rồi không sanh trở lại.

Lại nữa,

16. Pháp trụ ư tự tánh
Bất ưng hữu hữu vô
Niết bàn diệt tương tục
Tắc đọa ư đoạn diệt

(Pháp trụ trong tự tánh
Không có tướng có, không
Niết bàn dứt sanh tử
Là rơi vào đoạn diệt)

Các pháp quyết định ở trong tướng có (tự tánh) của nó. Bấy giờ không có tướng không. Cũng như cái bình quyết định ở trong tướng có của cái bình. Bấy giờ không mất tướng hoại diệt. Tùy theo khi có tướng bình, mà không mất tướng hoại. Khi không có bình cũng không mất tướng hoại. Vì sao? Vì, nếu không có bình, thì cũng không có tướng hoại.

Vì nghĩa này, cho nên tướng hoại diệt không thành tựu. Vì lìa ngoài tướng diệt, cũng không có tướng sanh. Vì sao? Vì, tướng sanh diệt nhân đối đãi nhau mà có. Lại có các lỗi chấp thường, chấp đoạn v.v... Cho nên đối trước một pháp mà có cả tướng có, tướng không.

Lại nữa, như trước đây, ông cũng đã nói, tướng nhân quả của các pháp, sanh diệt nối tiếp nhau mà thành, tuy chấp nhận các pháp, mà không rơi vào đoạn, thường. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì, ông đã nói nhân quả tương tục, cho nên có ba hữu (3 cõi: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu), diệt tướng

trương tục, gọi là Niết bàn. Nếu nói vậy thì khi thành tựu Niết bàn, là rơi vào đoạn diệt, vì đã diệt được ba tướng trương tục.

Lại nữa,

17. Nhược sơ hữu diệt giả
Tắc vô hữu hậu hữu
Sơ hữu nhược bất diệt
Diệc vô hữu hậu hữu

(Nếu sơ hữu diệt rồi
Thời không có hậu hữu
Sơ hữu nếu không diệt
Cũng không có hậu hữu)

“Sơ hữu” là sanh mệnh loài hữu tình đời nay. “Hậu hữu”, là sanh mệnh hữu tình đời tương lai. Nếu sanh mệnh đời nay diệt rồi, thứ đến có sanh mệnh đời vị lai. Vậy là sanh mệnh ấy không có nguyên nhân. Việc ấy không đúng. Thế nên, chớ nói sơ hữu diệt rồi, tiếp có hậu hữu. Nếu sơ hữu không hoại diệt, thì cũng không nên có hậu hữu. Vì sao? Vì, Nếu sơ hữu chưa hoại diệt mà có hậu hữu. Như vậy là trong cùng một thời mà có hai hữu, sơ hữu, hậu hữu. Việc ấy không đúng. Thế nên, sơ hữu không hoại diệt, thì không có hậu hữu.

HỎI: Hậu hữu không do sơ hữu diệt mà sanh, chẳng do không diệt mà sanh, hay chỉ ngay khi diệt mà sanh?

ĐÁP:

18. Nhược sơ hữu diệt thời
Nhi hậu hữu sanh giả
Diệt thời thị nhất hữu
Sanh thời thị nhất hữu

(Ngay khi sơ-hữu diệt
Mà hậu-hữu sanh ra
Khi diệt là một hữu
Khi sanh là một hữu)

Ngay khi sơ-hữu diệt, hậu-hữu sanh. Vậy tức là trong một lúc, cùng có đủ hai hữu: một hữu diệt và một hữu sanh.

HỎI: Khi diệt khi sanh, hai hữu đều có mặt trong cùng một lúc là không đúng. Mà chỉ hiện thấy, khi sơ-hữu diệt, thì có hậu-hữu sanh, là thế nào?

ĐÁP:

19. Nhược ngôn ư sanh diệt
Nhi vị nhất thời giả
Tắc ư thử ám tử
Tư ư thử ám sanh

(Nếu nói, với sanh diệt
Mà cho cùng một lúc
Thời thân uẩn này diệt
Tức thân uẩn này sanh)

Khi sanh, khi diệt là cùng một lúc, không có hai hữu, mà cho rằng, khi sơ-hữu diệt, thì hậu-hữu sanh. Vậy thì, nay nên theo thân uẩn nào chết (diệt), thì ngay nơi thân uẩn đó sanh, mà không có thân uẩn nào khác. Vì sao? Vì, người chết (diệt) tức là người sanh, vì chết và sanh hai pháp trái nhau. Không thể cùng có mặt trong cùng một lúc, một chỗ. Thế nên, trước đây ông đã nói, khi chết khi sanh một lúc, không có hai hữu. Nhưng hiện thấy sơ-hữu diệt, có hậu-hữu sanh. Nói vậy là không đúng.

Lại nữa,

20. Tam thể trung cầu hữu
Tương tục bất khả đắc
Nhược tam thể trung vô
Hà hữu hữu tương tục

(Ba đời tìm tướng có
Có tương tục không được
Ba đời không thấy có
Sao có "hữu" tương tục)

Tam "hữu" là Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Trong vô thi sanh tử, không có trí chân thật, nên thường có tam hữu (3 cõi) tương tục. Nay ở trong ba đời, chín chắn tìm cầu không thể có được. Nếu trong ba đời mà không có thì ở chỗ nào có ba hữu tương tục. Nên biết, có ba hữu tương tục đều do chỗ ngu si điên đảo mới có. Ở chốn chân thật thì không.

Hết Phẩm 21

PHẨM 22**QUÁN VỀ NHƯ LAI**

(16 bài kệ)

HỎI: Các bậc được tôn quý nhất trong thế gian, duy chỉ có đức Như Lai, Chánh Biến Tri, có hiệu là Pháp Vương, là bậc Nhất Thiết Trí, là đáng thật có?

ĐÁP: Nay chúng ta suy nghĩ lại chín chắn, nếu thật có, hãy đón nhận, không thật có, chúng ta còn đón nhận gì nữa? Vì sao? Vì, Như Lai,

1. Phi ám bất ly ám
Thử bỉ bất tương tại
Như Lai, bất hữu ám
Hà xứ hữu Như Lai

(Chẳng phải "ám", chẳng ngoài "ám"
Cũng không phải có trong nhau
Như Lai đã không có ám
Thì chỗ nào có Như Lai)

Nếu Như Lai thật có, thì năm uẩn là Như Lai, lìa ngoài năm uẩn là Như Lai, hay trong Như Lai có năm uẩn, trong năm uẩn có Như Lai. Như Lai có năm uẩn. Các việc ấy đều không đúng.

Năm uẩn chẳng phải là Như Lai. Vì sao? Vì năm uẩn có tướng sanh diệt. Nếu Như Lai là năm uẩn, thì Như Lai là tướng sanh diệt. Nếu là tướng sanh diệt thì Như Lai rơi vào các lỗi vô thường đoạn diệt. Vã lại, người chấp thọ Như Lai, và pháp chấp thọ là năm uẩn. Nếu người chấp thọ và pháp chấp thọ là một thì không đúng. Thế nên Như Lai chẳng phải là năm uẩn.

Lìa ngoài năm uẩn cũng không có Như Lai. Nếu lìa ngoài năm uẩn mà có Như Lai, thì Như Lai không nên có tướng sanh diệt. Nếu như vậy thì Như Lai mắc vào lỗi thường còn. Lại, Như Lai không thể dùng mắt, tai...các căn để thấy biết. Như vậy chỉ là những việc không đúng. Thế nên, lìa ngoài năm uẩn, cũng không có Như Lai, trong Như Lai cũng không có năm uẩn. Vì sao? Vì, nếu trong Như Lai có năm uẩn. Như trong đồ đựng có hoa quả, trong nước có cá, thì Như Lai và năm uẩn có khác. Nếu khác thì như trên đã nói, mắc vào lỗi thường còn...Thế nên trong Như Lai không có năm uẩn.

Lại, trong năm uẩn không có Như Lai. Vì sao? Vì, nếu trong năm uẩn có Như Lai, thì cũng như trên giường có người, trong đồ đựng có sữa. Như vậy, Như Lai và năm uẩn, có khác. Nên như trên đã nói, vướng mắc các lỗi.

Vì vậy, nên trong năm uẩn không có Như Lai. Như Lai cũng không có năm uẩn. Vì sao? Vì, nếu Như Lai có năm uẩn, như nói người có con. Như vậy, thời Như Lai và năm uẩn có khác nhau. Như vậy thời, mắc các lỗi như trên. Việc ấy không đúng. Thế nên Như Lai không có năm uẩn.

Như vậy, qua năm cách tìm Như Lai, không thể có được. Vậy, thế nào là Như Lai?

HỎI: Như vậy, nghĩa tìm cầu theo năm cách không thể có được. Vậy, thì năm uẩn hòa hợp là có Như Lai ư?

ĐÁP:

2. Âm hiệp hữu Như Lai
Tắc vô hữu tự tánh
Nhược vô hữu tự tánh
Vân hà nhân tha hữu

(Uẩn hợp có Như Lai
Tức không có tự tánh
Nếu không có tự tánh
Sao nương tha mà có)

Nếu do năm uẩn hòa hợp mà có Như Lai, là Như Lai không có tự tánh. Vì sao? Vì, nhân năm uẩn hòa hợp mà có.

HỎI: Như Lai không do tự tánh mà chỉ do tha tánh mà có?

ĐÁP: Nếu không có tự tánh, vì sao nhân tha tánh mà có? Vì tha tánh cũng không có tự tánh, lại không có tướng nhân quả đối đãi, nên tha không thể có được. Vì không thể có được, nên thế gọi là tha.

Lại nữa,

3. Nhược pháp nhân tha sanh
Thị tức vi phi ngã
Nhược pháp phi ngã giả
Vân hà thị Như Lai

(Nếu pháp do tha sanh
Pháp ấy chẳng phải ngã)

Nếu pháp chẳng phải ngã
Sao gọi là Như Lai)

Nếu pháp do các duyên sanh, là pháp không có ngã. Như nhân có năm ngón tay mà có bàn tay, là bàn tay không có tự thể. Như vậy do năm uẩn mà gọi là ngã, thì ngã không có tự thể.

Ngã có nhiều tên gọi. Hoặc gọi là chúng sanh, là trời người là Như Lai...Nếu Như Lai do năm uẩn mà có, thì Như Lai ấy không có tự tánh. Không có tự tánh, không có tự tánh cho nên không có ngã. Nếu không có ngã, thì sao gọi là Như Lai. Thế nên trong kệ nói:”Pháp nêu do tha sanh, tức là chẳng phải ngã”. Nếu pháp chẳng phải ngã. Làm sao gọi là Như Lai.

Lại nữa,

4. Nhược vô hữu tự tánh
Vân hà hữu tha tánh
Ly tự tánh tha tánh
Hà danh vi Như Lai

(Nếu không có tự tánh
Làm sao có tha tánh
Lìa tự tánh tha tánh
Làm sao có Như Lai)

Nếu không có tự tánh, tha tánh cũng không có. Nhân vì có tự tánh nên mới gọi tha tánh. Cái này không có cho nên cái kia cũng không có. Cho nên tự tánh tha tánh cả hai đều không có. Nếu lìa tự tánh tha tánh, thì ai là Như Lai.

Lại nữa,

5. Nhược bất nhân ngũ âm
Tiên hữu Như Lai giả
Dĩ kim thọ âm cố
Tắc thuyết vi Như Lai

(Nếu không do năm uẩn
Trước đã có Như Lai
Nay do thọ năm uẩn
Nên gọi là Như Lai)

6. Kim thật bất thọ âm
Cánh vô Như Lai pháp

Nhược dĩ bất thọ vô
Kim đương vân hà thọ

(Nay thật không thọ uẩn
Lại không pháp Như Lai
Không thọ (uẩn) không Như Lai
Vì có gì chấp thọ) (*)

(*) (Xem thêm phần chú thích kê số 6 này ở dưới)

7. Nhược kỳ vị hữu thọ
Sở thọ bất danh thọ
Vô hữu vô thọ pháp
Nhi danh vi Như Lai

(Nếu chưa chấp thọ năm uẩn
Năm uẩn không là chấp thọ
Không có pháp không chấp thọ
Mà sao gọi là Như Lai)

8. Nhược ư nhất dị trung
Như Lai bất khả đắc
Ngũ chủng cầu diệc vô
Vân hà thọ trung hữu

(Trong một thể, khác thể
Tìm Như Lai không có
Năm cách tìm cũng không
Sao có trong chấp thọ)

9. Hựu sở thọ ngũ âm
Bất tòng tự tánh hữu
Nhược vô tự tánh giả
Vân hà hữu tha tánh

(Năm uẩn bị chấp thọ
Không từ tự tánh có
Nếu không có tự tánh
Làm sao có tha tánh)

Nếu khi chưa chấp thọ năm uẩn, trước đã có Như Lai. Nay nên chấp thọ năm uẩn, để rồi được thành Như Lai. Kỳ thật, khi chưa chấp thọ năm uẩn, trước đây cũng không có Như Lai, thì làm sao, bây giờ chấp thọ năm uẩn, lại có Như Lai. Lại, không có người chấp thọ năm uẩn, thì năm uẩn không gọi là pháp chấp thọ. Không thể có pháp không chấp thọ mà gọi là Như Lai.

Lại nữa, trong nhất thể (nhất) hay khác thể (dị) mà tìm cầu Như Lai, không thể có được. Từ trong năm uẩn, theo năm cách để tìm Như Lai cũng không thể có được. Nếu như vậy thì làm sao trong năm uẩn nói có Như Lai. Lại, năm uẩn, pháp bị chấp thọ, không từ tự tánh nó mà có. Nếu bảo từ tha tánh mà có. Nếu không từ tự tánh mà có, làm sao từ tha tánh mà có được. Vì sao? Vì, không có tự tánh nên, tha tánh cũng không.

Lại nữa,

10. Dĩ như thị nghĩa cố
Thọ không thọ giả không
Vân hà đương dĩ không
Nhi thuyết không Như Lai

(Vì các nghĩa như vậy
Không pháp, không người thọ
Vì sao mà lấy không
Nói không là Như Lai)

Từ ý nghĩa mà suy nghĩ, năm uẩn bị do chấp thọ và người chấp thọ năm uẩn đều là không. Nếu người chấp thọ không, làm sao lấy năm uẩn bị chấp thọ không ấy, nói không là Như Lai.

HỎI: Ông bảo rằng, người chấp thọ và pháp chấp thọ năm uẩn đều là không, là quyết định có cái không ấy ư?

ĐÁP: Không đúng. Vì sao?

11. Không, tức bất khả thuyết
Phi không, bất khả thuyết
Cộng, bất cộng, khả thuyết
Đản dĩ giả danh thuyết

(Pháp không, thì không thể nói
Pháp phi không không thể nói)

Cộng bất cộng (*) không thể nói
Chỉ dùng giả danh để nói)

(*) 3 chữ "Cộng bất cộng" trong câu tụng này bao gồm: Không, phi không, cũng không cũng phi không, chẳng phải không, chẳng phải phi không, để phủ định các pháp không có tự tánh.

Các pháp "không" (không tự tánh) không thể nói. Các pháp bất không, không thể nói. Các không, bất không không thể nói. Các pháp chẳng phải không, chẳng phải không không cũng không thể nói. Vì sao? Vì để phá các tướng trái ngược nhau, cho nên giả danh nói.

Như vậy, quan sát, suy tư chân chánh về thật tướng các pháp, thì chớ nên dùng các vấn nạn để bắt bẻ, nạn hỏi.

Vì sao?

12. Tịch diệt tướng trung vô
Thường vô thường đẳng tứ
Tịch diệt tướng trung vô
Biên vô biên đẳng tứ

(Tướng tịch diệt không có
Thường, vô thường bốn tướng
Tướng tịch diệt không có
Biên vô biên bốn tướng)

Thật tướng các pháp là tịch diệt vi diệu. Chỉ vì trong đời quá khứ, khởi sanh bốn tà kiến: Thế gian thường; thế gian vô thường; thế gian thường vô thường; thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Trong tịch diệt, tuyệt đối không có các chấp trước đó. Vì sao? Vì, thật tướng các pháp rất ráo thanh tịnh, không thể chấp thủ. Pháp không còn không chấp thủ, huống là các pháp có tà kiến ấy. Bốn tà kiến do chấp thọ mà khởi sanh. Thật tướng các pháp không có chỗ chấp thọ. Bốn tà kiến ấy, đều cho quan điểm của là quý, quan điểm của người khác là thấp hèn. Các pháp thật tướng không có bỉ thử. Cho nên trong pháp tịch diệt không có bốn tà kiến.

Như trong đời quá khứ sanh khởi bốn tà kiến. Như trong đời vị lai, khởi sanh bốn tà kiến cũng như vậy, nào là thế gian hữu biên, thế gian vô biên; thế gian vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên.

HỎI: Nếu phá Như Lai như vậy, tức là không có Như Lai ư?

ĐÁP: 13. Tà kiến thâm hậu giả
Tắc thuyết vô Như Lai
Như Lai tịch diệt tướng
Phân biệt hữu diệc phi

(Người tà kiến sâu dày
Thời nói không Như Lai
Tướng Như Lai tịch diệt
Phân biệt nói có, sai)

Tà kiến có hai thứ: 1 là phá niềm vui thế gian, 2 là phá đạo Niết bàn. Phá vui thế gian là phá tà kiến thô lậu, như nói, không có tội phước, không có Như Lai, Hiền thánh. Khởi phát tà kiến này là xả điều thiện, làm việc ác, là phá vui thế gian. Phá đạo Niết bàn là tham trước chấp ngã, phân biệt có không, khởi thiện, diệt ác. Vì khởi thiện nên được vui thế gian. Phân biệt có không nên không được đạo Niết bàn. Cho nên, nếu nói không có Như Lai, đó là tà kiến sâu dày, thì cái vui của thế gian còn mất, hưởng chi đạo Niết bàn. Nếu nói có Như Lai, cũng là tà kiến. Vì sao? Vì, Như Lai tướng tịch diệt, mà phân biệt nhiều thứ, có, không, thường, đoạn... Cho nên trong tịch diệt mà phân biệt có Như Lai, cũng là tà kiến.

14. Như thị tánh không trung
Tur duy diệc bất khả
Như Lai diệt độ hậu
Phân biệt ư hữu vô

(Như vậy trong tánh không
Nghĩ suy cũng không thể
Như Lai sau diệt độ
Phân biệt nói có không)

Thật tướng các pháp là tánh không. Nên sau khi Như Lai diệt độ, suy nghĩ, phân biệt nói có, không. Nếu có và không, đối với Như Lai, xưa nay rốt ráo đã không, hưởng là sau diệt độ.

15. Như Lai quá hý luận
Nhi nhân sanh hý luận
Hý luận phá tuệ nhãn
Thị giai bất kiến Phật

(Như Lai vượt hý luận
Nhân sanh mãi hý luận
Hý luận phá mắt tuệ
Đều không thấy được Phật)

Hý luận là ức niệm, chấp thủ hình tướng, phân biệt bi, thử, nói Phật diệt độ, không diệt...Người hý luận. Người hý luận làm che mắt tuệ. Cho nên, không có khả năng thấy được pháp thân Như Lai. Trong Phẩm Như Lai này, tư duy tìm kiếm định tánh Như Lai, đều không thể được.

Cho nên kệ nói:

16. Như Lai sở hữu tánh
Tức thị thế gian tánh
Như Lai vô hữu tánh
Thế gian diệt vô tánh

(Tánh sở hữu Như Lai
Là tánh của thế gian
Như Lai không tự tánh
Thế gian cũng không tánh)

Trong Phẩm này, suy tư tìm kiếm thấy tánh Như Lai, tức là tánh của hết thảy thế gian.

HỎI: Những gì là định tánh của Như Lai?

ĐÁP: Như Lai không có tự tánh, như thế gian hết thảy, cũng không có tự tánh.

Hết Phẩm 22

PHẨM 23**QUÁN VỀ ĐIÊN ĐẢO**

(24 bài kệ)

HỎI:

1. Tùng ức tưởng phân biệt
Sanh ư tham sân si
Tịnh bất tịnh điên đảo
Giai tùng chúng duyên sanh

(Tùng ức tưởng phân biệt
Sanh khởi tham sân si
Tịnh bất tịnh điên đảo
Đều từ nhân duyên sanh)

Khế kinh dạy, do tịnh, bất tịnh mà ức tưởng điên đảo, phân biệt khởi sanh tham giận si mê. Thế nên biết có tham giận, si mê?

ĐÁP:

2. Nhược nhân tịnh bất tịnh
Điên đảo sanh tam độc
Tam độc tức vô tánh
Cố phiền não vô thật

(Nếu do tịnh bất tịnh
Điên đảo sanh ba độc
Ba độc là vô tánh
Nên phiền não không thật)

Nếu các phiền não do tịnh và bất tịnh điên đảo ức tưởng phân biệt mà khởi sanh, tức là các phiền não không có tự tánh. Thế nên, các phiền não là không thật. Lại nữa,

3. Ngã pháp hữu dĩ vô
Thị sự chung bất thành
Vô ngã chư phiền não
Hữu vô diệt bất thành

(Ngã pháp có hay không
Các việc ấy không thành
Không có ngã các phiền não
Có, không cũng không thành)

Ngã (chỉ phiền não) không có nhân duyên để mà thành có hoặc không. Nay đã không có ngã, thì các phiền não lấy cái gì để thành có hoặc không có? Vì sao?

4. Thùy hữu thử phiền não
Thị tức vi bất thành
Nhược ly thị nhi hữu
Phiền não tắc vô thuộc

(Vô ngã, ai chịu phiền não
Thế nên việc bất thành rồi
Nếu lìa ngã có phiền não
Phiền não ấy không sở thuộc)

Phiền não là tâm lý phụ, có khả năng làm não hại người khác. Người khác ấy là chúng sanh. Mà chúng sanh thì truy tìm khắp nơi, không đâu có. Nếu ngoài chúng sanh có phiền não. Phiền não ấy, không có chỗ sở thuộc. Nếu nói, tuy không có ngã, vì phiền não là thuộc tâm. Nói vậy không đúng. Vì sao?

5. Như thân kiến ngũ chủng
Cầu chi bất khả đắc
Phiền não ư cầu tâm
Ngũ cầu diệc bất đắc

(Như thân kiến năm loại
Tìm chúng không đâu có
Phiền não, tâm nhiễm ô
Năm cách tìm không thể)

Như thân kiến, trong năm uân, bằng năm cách tìm kiếm không có. Các loại phiền não cũng ở trong tâm nhiễm ô, bằng năm cách tìm kiếm cũng không thể được. Lại, tâm cầu bản, đối với phiền não bằng năm cách để tìm kiếm, cũng không thể được.

Lại nữa,

6. Tịnh bất tịnh điên đảo
Thị tắc vô tự tánh
Vân hà nhân thử nhị
Nhi sanh chư phiền não

(Tịnh bất tịnh điên đảo
Thấy đều không tự tánh)

Sao nhân tịnh bất tịnh
Mà sanh các phiền não)

Tịnh bất tịnh là điên đảo. Điên đảo là hư vọng. Nếu hư vọng, tức không có tự tánh. Không có tự tánh, thì không có điên đảo. Nếu không có điên đảo thì làm sao nhân nơi điên đảo mà sanh khởi các loại phiền não.

HỎI: 7. Sắc, thanh hương vị xúc
Cập pháp vi lục chủng
Nhu thị chi lục chủng
Thị, tam độc căn bản

(Sắc tiếng mùi vị xúc
Và pháp thể sáu thứ
Nhu vậy sáu thứ này
Là căn bản ba độc)

Đây là 6 nhập (6 căn tiếp xúc 6 trần). Sáu nhập này là cội nguồn của ba độc hại. Nhân nơi 6 nhập này mà sanh ra tịnh và bất tịnh điên đảo. Nhân tịnh và bất tịnh hai thứ điên đảo này, mà khởi sanh tham, sân, si.

ĐÁP:

8. Sắc thanh hương vị xúc
Cập pháp thể lục chủng
Giai không như diệm mộng
Nhu Càn Thát Bà thành

(Sắc tiếng mùi vị xúc
Và pháp thể sáu thứ
Đều không như sóng nắng
Mộng, thành Càn Thát Bà)
9. Như thị lục chủng trung
Hà hữu tịnh bất tịnh
Do như huyễn hóa nhân
Diệc như cảnh trung tượng

(Nhu vậy trong sáu thứ
Đâu có tịnh bất tịnh
Tợ như người huyễn hóa
Nhu hình tượng trong gương)

Sắc, tiếng, mùi, vị, xúc và pháp. Khi tự thể của chúng chưa cùng với tâm vương hòa hợp, thì đều là không, không có chủ thể sở hữu. Như sóng nẩy, như mộng寐, như huyễn hóa, như hình tượng trong gương, chỉ là giả dối mê hoặc tâm mà không có định tướng. Như vậy trong 6 nhập làm gì có tịnh, bất tịnh.

Lại nữa, 10. Bất nhân ư tịnh tướng
Tắc vô hữu bất tịnh
Nhân tịnh hữu bất tịnh
Thị cố vô bất tịnh

(Không do nơi tướng tịnh
Thời không có bất tịnh
Nhân tịnh có bất tịnh
Nên không có bất tịnh)

Nếu không nhân nơi tịnh, thời trước đó không có bất tịnh. Vậy thời, nhân vào đâu mà có bất tịnh? Vậy nên, không có bất tịnh.

Lại nữa,

11. Bất nhân ư bất tịnh
Tắc vô hữu bất tịnh
Nhân tịnh hữu bất tịnh
Thị cố vô bất tịnh

(Không nhân nơi bất tịnh
Thời cũng không có tịnh
Nhân bất tịnh có tịnh
Thế nên không có tịnh)

Nếu không nhân nơi bất tịnh, mà trước đó không có tịnh. Thời nhân vào đâu mà có tịnh.

Lại nữa,

12. Nhược vô hữu tịnh giả
Hà do nhi hữu tham
Nhược vô hữu bất tịnh
Hà do nhi hữu nhuế

(Nếu như không có tịnh
Do đâu mà có tham
Nếu không có bất tịnh
Do đâu mà có giận)

Vì không có cảnh tịnh và bất tịnh, không khởi tâm tham, giận.

HỎI: Khế kinh dạy về bốn tà chấp điên đảo: Thường, lạc, ngã và tịnh. Nếu trong vô thường thấy thường, gọi là điên đảo. Nếu trong vô thường thấy vô thường, đây không gọi là điên đảo. Ngoài ra, ba tà chấp điên đảo khác cũng như vậy. Có pháp điên đảo, cũng có người điên đảo. Vì sao nói đều không?

ĐÁP: 13. Ư vô thường trước thường
Thị tắc danh điên đảo
Không trung vô hữu thường
Hà xứ hữu thường đảo

(Nếu nơi vô thường chấp thường
Như thế gọi là điên đảo
Trong tánh không, không có thường
Chỗ nào điên đảo chấp thường)

Nếu nơi vô thường chấp thường, thế mới là điên đảo. Trong các pháp tánh không, không có thường. Vậy thì trong chỗ tánh không ấy, chỗ nào có chấp thường điên đảo.

Lại nữa,
14. Nhược u vô thường trung
Trước vô thường phi đảo
Không trung vô vô thường
Hà hữu phi điên đảo

(Nếu đối với pháp vô thường
Chấp vô thường chẳng điên đảo
Tánh không, không có vô thường
Ở đâu có chẳng điên đảo)

Nếu chấp trước vô thường mà cũng nói vô thường, thì không gọi là điên đảo. Trong các pháp tánh không, không có pháp vô thường. Không có pháp vô thường, thì chỗ nào có điên đảo chấp thường. Ba pháp còn lại (lạc, ngã, tịnh) cũng như vậy.

Lại nữa,
15. Khả trước, trước giả trước
Cập sở dụng trước pháp
Thị giai tịch diệt tướng
Vân hà nhi hữu trước

(Cảnh chấp trước, người chấp trước
Nghịệp chấp trước, pháp sử dụng
Đều là pháp tướng tịch diệt
Làm sao có pháp chấp trước)

Pháp bị chấp trước, gọi là vật; người chấp trước là tác giả; chấp trước là nghịệp; pháp sử dụng; gọi là việc sử dụng; đều là tánh không, tướng tịch diệt. Như trong Phẩm Như Lai, đã nói. Nên không có chấp trước.

Lại nữa,

16. Nhược vô hữu trước pháp
Ngôn tà thị điên đảo
Ngôn chánh bất điên đảo
Thùy hữu như thị sự

(Nếu không có chấp trước
Nói tà là điên đảo
Nói chánh không điên đảo
Ai có các việc này)

Chấp trước, gọi là ức tướng, phân biệt này, kia, có, không v.v...Nếu không có sự chấp trước như vậy, thì ai là tà điên đảo, ai là chánh không điên đảo.

Lại nữa,

17. Hữu đảo bất sanh đảo
Vô đảo bất sanh đảo
Đảo giả bất sanh đảo
Bất đảo diệt bất sanh

(Pháp có điên đảo, không sanh điên đảo
Pháp không điên đảo, không sanh điên đảo
Người có điên đảo, không sanh điên đảo
Người không điên đảo, không sanh điên đảo)

18. Nhược ư điên đảo thời
Diệt bất sanh điên đảo
Nhữ khả tự quán sát
Thùy sanh ư điên đảo

(Ngay đang lúc điên đảo
 Cũng không sanh điên đảo
 Ông hãy tự quan sát
 Ai sanh ra điên đảo)

Người đã điên đảo thì không còn điên đảo nữa, vì đã điên đảo rồi, người không điên đảo cũng không sanh điên đảo, vì không có điên đảo; lúc đang điên đảo, cũng không điên đảo, vì có hai lỗi. Nay ông hãy bỏ tâm kiêu mạn. Hãy khéo tự mình quan sát, ai là người điên đảo.

Lại nữa,

19. Chư điên đảo bất sanh
 Vân hà hữu thử nghĩa
 Vô hữu điên đảo cố
 Hà hữu điên đảo giả

(Các điên đảo bất sanh
 Làm sao có nghĩa này
 Các điên đảo không có
 Sao có người điên đảo)

Vì các lý do triệt phá các thứ điên đảo, nên đã rơi vào tà chấp, cho rằng, điên đảo là pháp bất sanh (thật tánh các pháp). Người kia, tham trước vào bất sanh, mà bảo rằng, bất sanh là thật tướng của điên đảo. Cho nên trong bài kệ nói rằng, làm sao mà gọi tướng bất sanh là thật tướng của điên đảo. Cho đến, pháp vô lậu còn không gọi là tướng bất sanh, huống gì điên đảo mà gọi là tướng bất sanh. Vì điên đảo không có, làm sao có người điên đảo. Nhân có điên đảo mới có người điên đảo.

Lại nữa,

20. Nhược thường lạc ngã tịnh
 Nhi thị thật hữu giả
 Thị thường ngã lạc tịnh
 Tất phi thị điên đảo

(Nếu thường lạc ngã tịnh
 Mà thật sự là có
 Thì thường ngã lạc tịnh
 Tất chẳng phải điên đảo)

Nếu thường lạc ngã tịnh, bốn pháp thật có tự tánh, thì thường, lạc, ngã tịnh chẳng phải là điên đảo. Vì sao vậy? Vì, sự thật là như vậy, làm sao

nói điên đảo. Nếu nói thường lạc ngã tịnh, là bốn sự thật không có; thời vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là bốn pháp có thật, không gọi là điên đảo, vì tương vi. Cho nên gọi là bất điên đảo là việc không đúng. Vì sao?

21. Nhược thường lạc ngã tịnh
Nhi thật vô hữu giả
Vô thường khổ bất tịnh
Thị tác diệt ưng vô

(Nếu thường lạc ngã tịnh
Mà thật là không có
Vô thường, khổ bất tịnh
Thời cũng nên không có)

Nếu thường lạc ngã tịnh thật không có. Vì không có, cho nên không có vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, bốn pháp này cũng không có. Vì sao? Vì, không có tương nhân đối đãi.

Lại nữa,

22. Như thị điên đảo diệt
Vô minh tác diệt diệt
Dĩ vô minh diệt cố
Chư hạnh đẳng diệt diệt

(Như vậy điên đảo diệt
Vô minh ắt cũng diệt
Vì vô minh đã diệt
Các pháp hành cũng diệt)

Như vậy, theo nghĩa này, diệt trừ các điên đảo, cho nên Mười hai nhân mà căn bản là vô minh cũng diệt. Vô minh diệt cho nên, ba loại hành nghiệp cho đến lão tử v.v...đều diệt.

Lại nữa,

23. Nhược phiền não tánh thật
Nhi hữu sở thuộc giả
Vân hà đương khả đoạn
Thùy năng đoạn kỳ tánh

(Nếu phiền não tánh thật
Mà có người sở thuộc

Làm sao để đoạn trừ
Ai đoạn trừ tánh ấy)

Nếu các phiền não tức là các điên đảo mà thật có tánh. Làm sao có thể dứt trừ và ai có thể dứt trừ tánh ấy. Nếu bảo rằng, các phiền não đều hư vọng, không có tự tánh mà có thể đoạn trừ, là cũng không đúng.

Vì sao?

24. Nhược phiền não hư vọng
Vô tánh vô thuộc giả
Vân hà đương khả đoạn
Thùy năng đoạn vô tánh

(Nếu phiền não hư dối
Vô tánh, không sở thuộc
Làm sao để dứt trừ
Ai dứt trừ được vô tánh)

Nếu các phiền não hư dối không có tự tánh, thì không có người sở thuộc, làm sao có đoạn trừ và ai có khả năng đoạn được pháp vô tánh.

Hết Phẩm 23

PHẨM 24

QUÁN VỀ TƯ ĐẾ

(40 bài kệ)

HỎI: Có phải triệt phá tà chấp điên đảo, thông đạt bốn Diệu đế, thành tựu bốn quả vị Sa môn?

1. Nhược nhất thiết giai không
Vô sanh diệt vô diệt
Nhu thị tắc vô hữu
Tứ Thánh đế chi pháp

(Nếu tất cả đều không
Không sanh cũng không diệt
Nhu vậy là không có
Chân pháp bốn Thánh đế)

2. Dĩ vô tứ đế cố
Kiến khổ dự đoạn tập
Chúng diệt cập tu đạo
Nhu thị sự giai không

(Vì không có bốn đế
Thấy khổ và đoạn tập
Chúng diệt và tu đạo
Mọi việc thấy đều không)

3. Dĩ thị sự vô cố
Tắc vô tứ đạo quả
Vô hữu tứ quả cố
Đắc hương giả diệt vô

(Các công hạnh không có
Bốn đạo quả cũng không
Bởi không có đạo quả
Người Thú Hương cũng không)

4. Nhược vô bát Hiền thánh
Tắc vô hữu Tăng bảo
Dĩ vô tứ đế cố
Diệt vô hữu Pháp bảo

(Nếu không có tám Hiền thánh
Thời không có Tăng bảo
Vì không có tứ đế
Cũng không có Pháp bảo)

5. Dĩ vô Pháp, Tăng bảo
Diệt vô hữu Phật bảo
N hư thị thuyết không giả
Thị tắc phá Tam bảo

(Vì không Pháp, Tăng bảo
Cũng không có Phật bảo
N hư vậy, người nói không
Là đang phá Tam bảo)

Nếu tất cả thế gian đều không, không có tánh sở hữu. Tức là không sanh, không diệt. Vì không sanh, không diệt, thời không có bốn Thánh đế. Vì sao? Vì từ Tập đế sanh Khổ đế. Tập đế là nhân, Khổ đế là quả. Diệt khổ, Tập đế gọi là Diệt đế. Công phu tu tập có khả năng đưa đến Diệt đế, gọi là Đạo đế. Đạo đế là nhân, Diệt đế là quả. Như vậy bốn đế có nhân, có quả. Nếu không sanh, không diệt thời không có bốn đế.

Bốn đế không có, thời không thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo.

Thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo không có thời không có bốn quả Sa môn.

Bốn quả Sa môn không có bốn Hướng bốn đấng quả.

Nếu không có tám bậc Hiền thánh này, thời không có Tăng bảo. Lại nữa, bốn Thánh đế không có, cho nên Pháp bảo cũng không có. Nếu không có Pháp bảo, Tăng bảo, làm sao có Phật đấng pháp gọi là Phật. Không có Pháp làm sao có Phật. Nay ông nói hết thấy các pháp đều không thời phá hoại Tam bảo.

Lại nữa,

6. Không pháp hoại nhân quả
Diệt hoại ư tội phước
Diệt phục tất hủy hoại
Nhất thiết thế tục pháp

(Nói pháp hoàn toàn không
Hoại nhân quả tội phước)

Lại cũng hủy hoại hết
Mọi pháp tắc thế gian)

Nếu tin thọ pháp không, thời phá hủy tội phước, và tội phước quả báo.
Cũng phá hoại mọi pháp tắc thế gian. Có bấy nhiêu lỗi lầm, cho nên các pháp không thể không.

ĐÁP: 7. Nhữ kim thật bất năng
Tri không không nhân duyên
Cập tri ư không nghĩa
Thị cố tự sanh nào

(Người thật sự chưa hiểu
Về tướng không, nghĩa không
Và nhân duyên nói không
Thế nên sanh ưu não)

Người nay chưa hiểu thế nào tướng không, vì nhân duyên gì mà nói không, cũng không hiểu ý nghĩa của không. Vì không thể biết như thật về không, nên sanh nghi nan.

Lại nữa,

8. Chư Phật y nhị đế
Vị chúng sanh thuyết pháp
Nhất dĩ thế tục đế
Nhị đệ nhất nghĩa đế

(Chư Phật nương hai đế
Vị chúng sanh thuyết pháp
Một, nương thế-tục-đế
Hai, đệ-nhất-nghĩa-đế)

9. Nhược nhân bất năng tri
Phân biệt ư nhị đế
Tắc ư thâm Phật pháp
Bất tri chân thật nghĩa

(Nếu người không thể biết
Không phân biệt hai đế
Với Phật pháp thâm diệu
Không biết nghĩa chân thật)

Thế tục đế là tất cả các pháp tánh không, mà thế gian điên đảo mà có các pháp hư dối. Các pháp hư dối ấy, đối với thế gian cho là thật. Còn đối các bậc Hiền thánh thì biết là tánh điên đảo. Cho nên biết hết thấy các pháp đều là không, không sanh.

Đối với các bậc Thánh nhân là Đế nhất nghĩa, gọi là thật. Chư Phật nương vào hai đế ấy và vì chúng sanh mà thuyết pháp. Nếu người không thể biết được một cách như thật để phân biệt hai đế. Thời đối với Phật pháp sâu xa mầu nhiệm, không biết được nghĩa lý chân thật. Nếu cho rằng, tất cả các pháp bất sanh là Đế nhất nghĩa đế, không cần Đế nhị Tục đế, là không đúng. Vì sao?

10. Nhược bất y tục đế
 Bất đắc đệ nhất nghĩa
 Bất đắc đệ nhất nghĩa
 Tác bất đắc Niết bàn

(Nếu không nương tục đế
 Không đạt đệ nhất nghĩa
 Không đạt đệ nhất nghĩa
 Thời không được Niết bàn)

Đệ nhất nghĩa đều nhân nơi nói năng ngôn thuyết, mà nói năng là thế tục. Cho nên, nếu không nương thế tục, thời Đệ nhất nghĩa không thể nói. Nếu không được Đệ nhất nghĩa, làm sao đến Niết bàn. Thế nên, các pháp tuy vô sanh mà có hai đế.

Lại nữa,

11. Bất năng chánh quán không
 Độn căn tắc tự hại
 Như bất thiện chú thuật
 Bất thiện tróc độc xà

(Không chánh quán pháp không
 Căn ám độn tự hại
 Người không rành chú thuật
 Không bắt được rắn độc)

Nếu người căn cơ chậm lụt, không có khả năng thông hiểu pháp không. Người ấy, đối với pháp không còn nhiều lỗi lầm yếu kém, nên sanh tà kiến. Như người bắt rắn độc, không biết chú thuật, không rành phương

pháp, nên trở lại bị rấn làm hại. Lại như người muốn sử dụng chú thuật, mà không rành điệu, nên trở lại tự làm hại mình.

Người căn cơ ám muội, quán pháp không, cũng lại như vậy.
Lại nữa,

12. Thế Tôn tri thị pháp
Thậm thâm vi diệu tướng
Phi độ căn sở cập
Thị cố bất dục thuyết

(Thế Tôn biết pháp này
Tướng thậm thâm vi diệu
Độ căn không bắt kịp
Nên Người không muốn nói)

Đức Thế Tôn biết rõ, vô sanh là pháp tướng thậm thâm vi diệu. Chẳng phải hàng căn tánh ám độ mà bắt kịp. Cho nên ngài không muốn nói.

Lại nữa,

13. Nhữ vị ngã trước không
Nhi vi ngã sanh quá
Nhữ kim sở, thuyết quá
Ư không tác vô hữu

(Ông nói tôi chấp ”không”
Nên tôi mới có lỗi
Nay ông nói lỗi ấy
Đối với ”không” không có)

Ông nói tôi chấp trước nơi ”không”, cho nên làm tôi sanh lỗi. Tôi nói tánh ”không”, ”không” cũng là ”không”, nên không có các lỗi như vậy.

Lại nữa,

14. Dĩ hữu không nghĩa cố
Nhất thiết pháp đắc thành
Nhược vô không nghĩa giả
Nhất thiết tác bất thành

(Vì do có nghĩa ”không”
Mà các pháp được thành
Nếu không có nghĩa ”không”
Tất cả pháp không thành)

Vì do có nghĩa "không" mà tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều được thành tựu. Nếu không có nghĩa "không", thì hết thảy pháp đều không thành tựu.

Lại nữa,

15. Nhữ kim tự hữu quá
Nhi dĩ hồi hướng ngã
Nhu nhân thừa mã giả
Tự vong ư sở thừa

(Ông nay tự gây tội
Mà đùn đẩy cho tôi
Khác nào người cỡi ngựa
Quên hẳn ngựa mình cỡi)

Ông nay đối với trong pháp có, có lỗi mà không tự biết. Mà lại thấy lỗi trong pháp "không". Khác nào người cỡi ngựa mà quên mất con ngựa mình đang cỡi. Vì sao?

16. Nhược nhữ kiến chư Pháp
Quyết định hữu tánh giả
Tức vi kiến chư pháp
Vô nhân diệt vô duyên

(Nếu ông thấy các pháp
Quyết định có tự tánh
Tức là thấy các pháp
Không nhân cũng không duyên)

Nếu ông thấy các pháp, quyết định có tự tánh. Nếu như vậy là thấy các pháp không nhân, cũng không duyên. Vì sao? Vì, nếu pháp quyết định có tự tánh, thì cũng nên không sanh, không diệt. Như vậy, các pháp cần gì phải dùng nhân. Nếu các pháp từ nhân duyên sanh, thì không có tự tánh. Thế nên, các pháp quyết định có tự tánh, thì không từ nhân duyên sanh. Nếu bảo các pháp trụ trong tự tánh. Vậy là không đúng. Vì sao?

17. Tức vi phá nhân quả
Tác tác giả tác pháp
Diệt phục hoại nhất thiết
Vạn vật chi sanh diệt

(Tức phá hoại nhân quả
Việc, người và pháp làm
Lại cũng phá tất cả
Sự sanh diệt vạn vật)

Các pháp quyết định có tự tánh, thời không có nhân quả v.v...các sự việc, như ở bài kệ nói.

18. Chúng nhân duyên sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Diệc vi thị giả danh
Diệc thị trung đạo nghĩa

(Pháp do các duyên sanh
Ta nói tức là không
Cũng chỉ là giả danh
Cũng là nghĩa trung đạo)

19. Vị tăng hữu nhất pháp
Bất từng nhân duyên sanh
Thị cố nhất thiết pháp
Vô bất thị không giả

(Chưa từng có một pháp
Không từ nhân duyên sanh
Thế nên hết thấy pháp
Không pháp nào chẳng không)

Các pháp từ các nhân duyên mà sanh ra. Ta nói các pháp ấy là không. Vì sao? Vì, các duyên đầy đủ, hòa hợp mà sự vật được sanh ra. Các vật ấy phải tùy thuộc vào các nhân duyên, cho nên không có tự tánh, không có tự tánh cho nên "không". "Không cũng là không". Nhưng vì muốn dẫn dắt chúng sanh, nên mượn danh tự để nói, cho nên cũng chỉ là giả danh thôi. Vượt thoát khỏi "có" và "không" hai bên, gọi là trung đạo. Vì các pháp không có tự tánh, cho nên không được nói có. Cũng vì các pháp không có không, cho nên cũng không được nói không có.

Nếu các pháp có tướng tự tánh, thì không cần đợi các duyên mà có. Nếu không đợi các duyên thời không có pháp. Cho nên các pháp, không có, cũng không phải không có.

Như trên đây ông đã nói, pháp "không" có lỗi. Nay, lỗi ấy trở lại nơi ông. Tại sao?

20. Nhược nhất thiết bất không
 Tác vô hữu sanh diệt
 Như thị tác vô hữu
 Tứ Thánh đế chi pháp

(Nếu các pháp chẳng không
 Thời không có sanh diệt
 Như vậy là không có
 Bốn diệu pháp Thánh đế)

Nếu tất cả các pháp, mỗi mỗi đều có tánh chẳng không, thời không có sanh diệt. Không sanh diệt thời cũng không có bốn pháp Thánh đế. Vì sao vậy?

21. Khổ bất tùng duyên sanh
 Vân hà đương hữu khổ
 Vô thường thị khổ nghĩa
 Định tánh vô vô thường

(Nếu không từ duyên sanh
 Thì làm sao có khổ
 Vô thường là nghĩa khổ
 Định tánh không vô thường)

Nếu khổ không từ nhân duyên sanh thì không có khổ. Vì sao? Vì trong kệ kinh dạy, vô thường là nghĩa của khổ. Nếu khổ có định tánh thì làm sao có vô thường. Vì nó không bỏ được tánh cố định của nó.

Lại nữa,

22. Nhược khổ hữu định tánh
 Hà cố tùng tập sanh
 Thị cố vô hữu Tập
 Dĩ phá không cố nghĩa

(Nếu khổ có định tánh
 Vì sao từ Tập (đế) sanh
 Thế nên không Tập đế
 Vì để phá nghĩa không)

Nếu khổ có tánh nhất định, thời không nên sanh trở lại, vì trước đó vốn đã có rồi. Nếu vậy là không có Tập đế, vì để phá cái chấp, cho rằng, khổ đã có định tánh trước, chứ không phải không.

Lại nữa,

23. Khổ nhược hữu định tánh
Tắc bất ưng hữu diệt
Nhữ trước định tánh cố
Tức phá u Diệt đế

(Khổ nếu có định tánh
Thời không thể có diệt
Chấp khổ có định tánh
Tức phá hoại Diệt đế)

Nếu khổ có định tánh, thời không thể tiêu diệt. Vì sao? Vì đã có định tánh thời không thể hoại diệt. Thế nên phá hoại Diệt đế.

Lại nữa,

24. Khổ nhược hữu định tánh
Tắc vô hữu tu đạo
Nhược đạo khả tu tập
Tức vô hữu định tánh

(Nếu khổ có định tánh
Thời không có tu đạo
Nếu có con đường tu
Thời khổ không định tánh)

Pháp khổ nếu có định tánh, thời không có pháp tu tập (đạo) để diệt khổ. Vì sao? Vì nếu các pháp có thật, là thường, thường thì không có sự tăng ích. Nếu đạo có thể tu tập, thì đạo ấy ắt không có định tánh.

Lại nữa,

25. Nhược vô hữu Khổ đế
Cập vô Tập Diệt đế
Sở khả diệt khổ đạo
Cánh vi hà sở chí

(Nếu không có Khổ đế
Và không Tập, Diệt đế
Con đường để diệt khổ
Rớt cuộc đưa về đâu)

Các pháp nếu trước đã có định tánh sẵn, thời không có Khổ đế, Tập đế và Diệt đế. Vậy thì nay, con đường (đạo) diệt khổ, rốt ráo đưa đến chỗ nào.

Lại nữa,

26. Nhược khổ định hữu tánh
Tiên lai sở bất kiến
Ư kim vân hà kiến
Kỳ tánh bất dị cố

(Nếu khổ có định tánh
Xưa nay không thấy đâu
Thì nay sao lại thấy
Tự tánh không thay đổi)

Nếu khi còn là phàm phu, đã không thể thấy được định tánh của khổ. Nay cũng không thể thấy. Vì sao? Vì không thể thấy được định tánh của khổ.

Lại nữa,

27. Như kiến khổ bất nhiên
Đoạn tập cập chứng diệt
Tu đạo cập tứ quả
Thị diệt gian bất nhiên

(Như thấy khổ không đúng
Đoạn tập chứng tịch diệt
Tu đạo chứng bốn quả
Tất cả đều không đúng)

Như định tánh của khổ đế, trước đã không thấy thì sau cũng không thể thấy. Như vậy cũng không nên có đoạn tập đế, chứng tịch diệt đế và tu đạo đế. Vì sao? Vì, tánh của tập đế, trước đến nay không đoạn, thì nay cũng phải không nên đoạn, vì định tánh của tập đế là cố định, không thể đoạn; tánh của diệt đế từ trước đến nay không chứng đắc, thì nay cũng không thể chứng đắc; vì tánh của diệt đế xưa nay không chứng đắc; tánh của đạo đế từ trước lại đây, không tu, thì nay cũng không thể tu, vì trước đến nay không tu vậy. Bốn công hạnh là Thấy, là Đoạn, là Chứng, là Tu, đối với bốn quả vị chứng đắc Thánh quả cũng không có. Vì sao?

28. Thị tứ đạo quả tánh
Tiên lai bất khả đắc
Chư pháp tánh nhược định
Kim vân hà khả đắc

(Thê tánh bốn đạo quả
Xưa nay không chứng đắc
Tánh các pháp cố định
Làm sao nay chứng đắc)

Nếu các pháp cố định tánh. Bốn quả vị Sa môn từ trước lại nay, chưa hề chứng đắc. Nay làm sao có thể chứng đắc. Nếu có thể chứng đắc, thì tánh ấy không cố định.

Lại nữa,

29. Nhược vô hữu tứ quả
Tắc vô đắc hướng giả
Dĩ vô bát Thánh cố
Tắc vô hữu Tăng bảo

(Nếu không bốn đạo quả
Không người đắc hướng vị
Vì không tám bậc Thánh (*)
Thời không có Tăng bảo)

Nếu không có bốn quả vị Sa môn, thời không có người chứng đắc và người hướng đến chứng đắc. Vì không có tám bậc Hiền thánh thời cũng không có Tăng bảo, mà trong khế kinh dạy, tám bậc Hiền thánh là Tăng bảo.

(*). Bát Thánh là tám bậc Hiền thánh, gồm 4 Hướng và 4 Quả của Thanh văn thừa: 1. Tu Đà Hoàn hướng. 2. Tu Đà Hoàn quả. 3. Tư Đà Hàm hướng. 4. Tư Đà Hàm quả. 5. A Na Hàm hướng. 6. A Na Hàm quả. 7. A La Hán hướng. 8. A La Hán quả).

Lại nữa,

30. Vô tứ Thánh đế cố
Diệc vô hữu Pháp bảo
Vô Pháp bảo Tăng bảo
Vân hà hữu Phật bảo

(Không có bốn Thánh đế
Cũng không có Pháp bảo
Không Pháp bảo Tăng bảo
Làm sao có Phật bảo)

Thực tập bốn Thánh đế, chứng đắc pháp Niết bàn. Nếu không có bốn đế, thời không có Pháp bảo. Nếu không có nhị bảo, là Pháp bảo, Tăng bảo, làm sao có Phật bảo được. Nay ông dùng nhân duyên như vậy, để nói các pháp có định tánh là phá hoại Tam bảo

HỎI: Ông tuy phá đổ các pháp. Nhưng cứu cánh của đạo là quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì phải có. Nhân nơi đạo ấy, được gọi là Phật?

ĐÁP:

31. Nhữ thuyết tác bất nhân
Bồ đề nhi hữu Phật
Diệc phục bất nhân Phật
Nhi hữu ư Bồ đề

(Ông nói không nhân nơi
Bồ đề mà có Phật
Cũng không nhân nơi Phật
Mà có tâm Bồ đề)

Theo ông nói các pháp có định tánh, thì không nên nhân nơi Bồ đề tâm mà có Phật, cũng không nhân nơi Phật mà có tâm Bồ đề, vì hai tánh Bồ đề và Phật là hai tánh thường còn và cố định.

Lại nữa,

32. Tuy phục cần tinh tấn
Tu hành Bồ đề đạo
Nhược tiên phi Phật tánh
Bất ưng đắc thành Phật

(Tuy siêng năng tinh tấn
Tu tập đạo Bồ đề
Trước đây không Phật tánh
Cũng không thể thành Phật)

Vì trước đây chưa có Phật tánh. Như sắt thiếc không có tánh vàng. Tuy có nung nấu, tôi luyện công phu, cũng không thể thành vàng.

Lại nữa,

33. Nhược chư pháp bất không
Vô tác tội phước giả
Bất không hà sở tác
Dĩ kỳ tánh định cố

(Nếu các pháp chẳng không
Không người tạo tội phước
Chẳng không tánh cố định
Đâu có tạo tác gì)

Nếu các pháp chẳng không, thời trọn không có người tạo tội phước. Vì sao? Vì, tánh của tội phước đã sẵn có từ trước vì cố định. Lại cũng không có tội phước và người tạo tác tội phước.

Lại nữa,

34. Nhữ u tội phước trung
Bất sanh quả báo giả
Thị tắc ly tội phước
Nhi hữu chư quả báo

(Ông cho trong tội phước
Không sanh ra quả báo
Vậy thì ngoài tội phước
Mà có quả báo ư)

Ông cho rằng trong nhân duyên tội phước không có quả báo. Vậy thì nên chẳng ngoài nhân duyên tội phước mà có quả báo ư? Vì sao? Vì quả báo không đợi phải có nhân duyên mới sanh ra.

HỎI: Lìa ngoài tội phước có thể không có thiện ác quả báo, mà chỉ do nơi tội phước mới có thiện ác quả báo mà thôi?

ĐÁP:

35. Nhược vị tùng tội phước
Nhi sanh quả báo giả
Quả tùng tội phước sanh
Vân hà ngôn bất không

(Nếu bảo từ tội phước
Mà sanh ra quả báo
Quả từ tội phước sanh
Vì sao nói chẳng không)

Nếu lìa ngoài tội phước mà không có quả báo thiện. Thì làm sao nói quả báo chẳng không (tức là có định tánh). Nếu vậy thì lìa ngoài tác giả không có tội phước. Trước đây ông nói, các pháp chẳng không, là không đúng.

Lại nữa,

36. Nhữ phá nhất thiết pháp
Chư nhân duyên không nghĩa
Tắc phá u thể tục
Chư dư sở hữu pháp

(Ông phá đồ nghĩa không
Của các pháp duyên sanh
Là phá pháp thể tục
Và các sở hữu khác)

Nếu ông phá đồ Đệ nhất nghĩa không của hết thầy pháp duyên sanh.
Thời, đó là phá hết thầy pháp thể tục. Vì sao?

37. Nhược phá u không nghĩa
Tức ưng vô sở tác
Vô tác nhi hữu tác
Bất tác danh tác giả

(Nếu phá đồ nghĩa không
Tức không làm gì cả
Không làm mà có làm
Không làm là tác giả)

Nếu phá nghĩa không, thời tất cả kết quả đều không có tạo tác, không có nguyên nhân. Lại nữa, không làm mà làm, lại, tất cả tác giả, đều là người không làm gì hết; lại, lìa ngoài tác giả, có thể có nghiệp, có quả báo và người thọ quả báo, đều là những chuyện không đúng. Cho nên, không nên phá không.

Lại nữa,

38. Nhược hữu quyết định tánh
Thế gian chủng chủng tướng
Tắc bất sanh bất diệt
Thường trụ nhi bất hoại

(Nếu quyết có định tánh
Các hình tướng thế gian
Đều không sanh không diệt
Thường trụ không hoại diệt)

Nếu các pháp có định tánh, thì các hình tướng ở thế gian như trời, người, súc sanh, vạn vật, đều có thể không sanh, không diệt, thường trụ không hoại diệt. Vì sao? Vì, đã có thật tánh thì không thể biến dị. Nhưng hiện thấy vạn vật đều có tướng biến đổi, sanh diệt, biến dịch. Cho nên các pháp không thể có định tánh.

Lại nữa,

39. Nhược vô hữu không giả
Vị đắc bất ưng đắc
Diệt vô đoạn phiền não
Diệt vô khổ tận sự

(Nếu không có nghĩa không
Đạo chưa chứng, không chứng
Phiền não không thể đoạn
Tận diệt khổ, không thành)

Nếu không có pháp tánh không, thì ở thế gian hay xuất thế gian, có bao nhiêu công hạnh tu tập mà chưa chứng đắc, đều không thể chứng đắc. Cũng không thể có chuyện đoạn trừ phiền não. Cũng không thể có chuyện diệt sạch khổ. Vì sao? Vì, đã có tánh cố định.

40. Thị cố kinh trung thuyết
Nhược kiến nhân duyên pháp
Tắc vi năng kiến Phật
Kiến Khổ Tập Diệt Đạo

(Thế nên khế kinh dạy
Ai thấy pháp duyên sanh
Có khả năng thấy Phật
Thấy Khổ Tập Diệt Đạo)

Nếu người nào thấy được hết thấy các pháp đều từ nhân duyên sanh. Người ấy có khả năng thấy Pháp thân Phật, tăng ích trí tuệ. Cũng có khả năng thấy bốn Thánh đế Khổ Tập Diệt Đạo. Thấy bốn Thánh đế, chứng đắc bốn quả, diệt các phiền não khổ đau. Bởi thế cho nên đánh phá nghĩa không. Nếu phá nghĩa không là phá pháp nhân duyên. Phá pháp nhân duyên là phá Tam bảo. Phá Tam bảo là tự mình phá mình.

Hết Phẩm 24
(HẾT CUỐN 3)

PHẨM 25**QUÁN VỀ NIẾT BÀN**

(24 bài kệ)

HỎI:

1. Nhược nhất thiết pháp không
Vô sanh vô diệt giả
Hà đoạn hà sở diệt
Nhi xưng vi Niết bàn

(Nếu các pháp đều không
Không sanh cũng không diệt
Đoạn gì, cái gì diệt
Để mà gọi Niết bàn)

Nếu các pháp đều là không, thời không có sanh cũng không có diệt, Nếu không sanh, không diệt thì đoạn cái gì và cái gì diệt, mà gọi là Niết bàn? Vậy nên, các pháp chẳng nên không. Vì các pháp chẳng nên không, nên đoạn trừ phiền não, diệt sạch năm uẩn, mà gọi là Niết bàn?

ĐÁP:

2. Nhược chư pháp bất không
Tắc vô sanh vô diệt
Hà đoạn hà sở diệt
Nhi xưng vi Niết bàn

(Các pháp chẳng phải không
Thời không sanh không diệt
Đoạn cái gì? Diệt gì?
Mà gọi là Niết bàn?)

Nếu tất cả các pháp trong thế gian đều chẳng phải không, không sanh không diệt, thì cái gì đoạn và diệt cái gì, để gọi là Niết bàn?

Cho nên, ở đây có hai môn (nhị pháp môn) là hai phạm trừ đối đãi nhau, là có thực pháp và không có thực pháp, chẳng phải đưa đến Niết bàn, mà gọi là Niết bàn như tụng nói:

3. Vô đắc diệt vô chí
Bất đoạn diệt bất thường
Bất sanh diệt bất diệt
Thị thuyết danh Niết bàn

(Không chứng đắc không nơi đến
 Không đoạn diệt cũng không thường
 Không sanh ra không hoại diệt
 Đây chính danh là Niết bàn)

“Vô đắc” không có người lập hạnh, cũng không có quả vị để chứng đắc. “Vô chí”: là không có chỗ đến. “Bất đoạn”: có nghĩa thân là năm uẩn, từ xưa đến nay vốn đã không từng có thì đoạn cái gì. Khi đắc đạo vào cảnh Niết bàn Vô dư, cũng không có cái gì đoạn cả. “Bất thường”: nếu người có phân biệt rằng, có pháp có thể chứng đắc, thì đó là người chấp thường. Còn đối với Niết bàn tịch tịnh vắng lặng, không có pháp gì để mà nắm bắt phân biệt nên không gọi là thường. Sanh và diệt cũng vậy. Tương như vậy gọi là Niết bàn.

Lại nữa, kệ kinh có dạy:”Niết bàn chẳng phải có; chẳng phải không, chẳng phải có không, chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không. Không chấp thọ tất cả các pháp, bên trong vắng lặng, gọi là Niết bàn”. Vì sao vậy?

4. Niết bàn bất danh hữu
 Hữu đắc lão tử tướng
 Chung vô hữu hữu pháp
 Ly ư lão tử tướng

(Niết bàn không gọi ”có”
 “Có” là tướng già chết
 Rốt không có pháp ”có”
 Thoát được tướng già chết)

Mắt trông thấy tất cả vạn vật đều sanh diệt, là tướng già chết. Niết bàn nếu là ”có”, thì nên phải có tướng già chết. Việc đó không đúng. Cho nên, không gọi là ”có”.

Lại nữa, không thấy lìa ngoài sanh diệt già chết, mà riêng có định pháp gọi là Niết bàn. Nếu Niết bàn là ”có” thì nên phải có các tướng sanh diệt, già, chết. Chỉ do xa lìa tướng già chết mà gọi là Niết bàn, thì:

Lại nữa,

5. Nhược Niết bàn thị hữu
 Niết bàn tức hữu vi
 Chung vô hữu nhất pháp
 Nhi thị vô vi giả

(Nếu Niết bàn là pháp có
Thì Niết bàn, pháp hữu vi
Nhu vậy không một pháp nào
Có thể gọi vô vi cả)

Niết bàn chẳng phải là có. Vì sao? Vì, tất cả vạn vật trong vũ trụ đều từ nhân duyên sanh, nên đều là pháp hữu vi. Không một pháp nào có thể gọi là vô vi cả. Tuy đối với pháp thường mà giả gọi là vô vi. Nhưng đem lý mà suy, thì pháp vô thường còn không có thay, huống là pháp thường, không thấy, không nắm bắt.

Lại nữa,

6. Nhược Niết bàn thị hữu
Vân hà danh vô thọ
Vô hữu bất tùng thọ
Nhi danh vi hữu pháp

(Nếu nói Niết bàn là pháp có (tướng)
Có gì kinh dạy, không chấp thủ (thể) là Niết bàn?
Vì không pháp nào không từ chấp thủ mà có
Nên Niết bàn chẳng phải là pháp có)

Nếu bảo Niết bàn là pháp có, thì kinh điển không nên nói, không chấp thọ là Niết bàn. Vì sao? Vì không có pháp gì không chấp thọ mà có cả. Thế nên Niết bàn chẳng phải có.

HỎI: Nếu nói có "chẳng phải là Niết bàn". Vậy thì, "không có là Niết bàn ư?"

ĐÁP:

7. Hữu thượng phi Niết bàn
Hà hướng ư vô gia
Niết bàn vô hữu hữu
Hà xứ đương hữu vô

(Có, còn chẳng phải Niết bàn
Hướng hồ không, làm sao có?
Niết bàn không có tướng có
Thời chỗ nào có tướng không)

Nếu có, chẳng phải Niết bàn. Thời không có, làm sao có Niết bàn. Vì sao? Vì, nhân nơi cái có, cho nên mới có cái không. Nếu không có cái có, làm sao có cái không? Nên không có cái có làm sao có cái không?

Như trong khế kinh dạy, trước có nay không, gọi là không. Niết bàn thì không phải như vậy. Vì sao? Vì, Niết bàn không phải là pháp trước có mà nay biến làm không. Cho nên, không có, cũng không thành Niết bàn.

Lại nữa,

8. Nhược vô thị Niết bàn
Vân hà danh bất thọ
Vị tăng hữu bất thọ
Nhi danh vi vô pháp

(Nếu pháp không có thật là Niết bàn
Sao kinh dạy, không chấp là Niết bàn
Chưa từng có pháp nào không chấp thọ
Mà có thể gọi chúng là pháp không)

Nếu bảo rằng, không có (vô) là Niết bàn. Vì có gì mà khế kinh dạy, không chấp thọ là Niết bàn? Vì sao? Vì, chưa từng có pháp nào không chấp thọ, mà có thể gọi là pháp không. Vậy nên biết rằng, Niết bàn chẳng phải không có.

HỎI: Nếu Niết bàn là chẳng phải có, chẳng phải không. Vậy thì, những gì là Niết bàn?

ĐÁP:

9. Thọ chư nhân duyên cố
Luân chuyển sanh tử trung
Bất thọ chư nhân duyên
Thị danh vi Niết bàn

(Chấp thọ các nhân duyên
Luân chuyển trong sanh tử
Không chấp thọ nhân duyên
Ấy gọi là Niết bàn)

Không như thật biết điên đảo, nên nhận nơi năm thọ uẩn mà phải qua lại trong sanh tử. Như thật biết là điên đảo, không chấp thọ năm uẩn, nhận nơi năm uẩn qua lại trong sanh tử. Năm uẩn không có tự tánh, không còn tương tục, nên gọi là Niết bàn.

Lại nữa, 10. Như Phật kinh trung thuyết
Đoạn hữu đoạn phi hữu
Thị cố tri Niết bàn
Phi hữu diệt phi vô

(Như kinh Phật có dạy
Diệt trừ có và không
Cho nên biết Niết bàn
Chẳng phải có chẳng không)

Danh tự hữu ở đây là "ba hữu" (3 cõi). Còn phi hữu, là "ba hữu" (3 cõi) đoạn sạch". Kinh Phật dạy là dạy về hai việc này: 1 là ba cõi, 2 là đoạn sạch ba cõi. Nên biết rằng, Niết bàn chẳng phải có, chẳng phải không có.

HỎI: Hoặc có hoặc không có, đều chẳng phải là Niết bàn. Nay đem hợp chung có và không có lại là Niết bàn ư?

ĐÁP:

11. Nhược vị ư hữu vô
Hợp vi Niết bàn giả
Hữu vô tức giải thoát
Thị sự tắc bất nhiên

(Nếu đem có, không có
Hợp lại làm Niết bàn
Có, không là giải thoát
Như vậy là không đúng)

Nếu cho rằng, đem có và không có hợp lại làm Niết bàn. Tức hợp có và không có là giải thoát. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì, hai việc chống trái nhau làm sao mà hợp lại thành một chỗ được.

Lại nữa,

12. Nhược vị ư hữu vô
Hiệp vi Niết bàn giả
Niết bàn phi vô thọ
Thị nhi tòng thọ sanh

(Nếu nói có không có
Hợp lại làm Niết bàn
Niết bàn không chấp thọ
Có, không chấp thọ sanh)

Nếu cho có và không có hợp lại làm Niết bàn. Thì khế kinh không nên nói, Niết bàn là không chấp thọ. Vì sao? Vì, có và không có, hai sự kiện đều từ chấp thọ mà sanh, đều làm nhân cho nhau mà có. Như vậy, hai việc không được hợp lại làm Niết bàn.

Lại nữa,

13. Hữu vô cộng hợp thành
Vân hà danh Niết bàn
Niết bàn danh vô vi
Hữu vô thị hữu vi

(Có, không có, hữu vi
Niết bàn, pháp vô vi
Làm sao hợp có không
Mà gọi là Niết bàn)

Có và không có, hợp chung lại, không thể gọi Niết bàn được. Vì Niết bàn là pháp vô vi. Còn có và không có là pháp hữu vi. Thế nên có, không có, chẳng phải là Niết bàn.

Lại nữa,

14. Hữu, vô nhị sự cộng
Vân hà thị Niết bàn
Thị nhị bất đồng xứ
Như minh ám bất câu

(Làm sao hợp có, không
Chung lại, gọi Niết bàn
Hai việc không cùng có
Sáng tối không cùng lúc)

Hợp có và không có, hai việc không thể gọi Niết bàn. Vì sao? Vì, có và không có tương vi, cùng một chỗ không được. Như bóng tối và ánh sáng, không thể có cùng một lúc. Thế nên, khi có có, thì không có không, khi có không có không có có. Làm sao hợp có và không có mà gọi là Niết bàn được.

HỎI: Nếu có và không có hợp chung lại, chẳng phải là Niết bàn. Vậy thì nay, chẳng phải có, chẳng phải không có, nên gọi là Niết bàn ư?

ĐÁP:

15. Nhược phi hữu phi vô
 Danh chi vi Niết bàn
 Thử phi hữu phi vô
 Dĩ hà vi phân biệt

(Nếu chẳng có, chẳng không
 Gọi đó là Niết bàn
 Chẳng có chẳng không này
 Lấy cái gì phân biệt)

Nếu Niết bàn chẳng phải có chẳng phải không có. Thì cái chẳng phải có, chẳng phải không có này, nhân vào đâu để phân biệt. Vậy nên nói chẳng phải có chẳng phải không có là Niết bàn, việc ấy không đúng.

Lại nữa,

16. Phân biệt phi hữu vô
 Như thị danh Niết bàn
 Nhược hữu vô thành giả
 Phi hữu phi vô thành

(Nếu phân biệt chẳng có chẳng không
 Mà đã được gọi là Niết bàn
 Có, không có, được gọi Niết bàn
 Thì chẳng phải có, không mới được)

Nếu ông phân biệt chẳng phải có, chẳng phải không có là Niết bàn. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì, nếu có và không có mà thành Niết bàn được, thì sau, chẳng phải có chẳng phải không có mới thành Niết bàn. Nhưng trái với tướng có, gọi là không, trái với tướng không gọi là có. Như vậy, có và không có ấy ở trong câu tụng thứ ba đã bị phá. Vì cả có và không có còn không có, làm sao có chẳng phải có, chẳng phải không có. Bởi thế, nên Niết bàn chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không có.

Lại nữa,

17. Như Lai diệt độ hậu
 Bất ngôn hữu dự vô
 Diệc bất ngôn hữu vô
 Phi hữu cập phi vô

(Đức Như Lai diệt độ rồi
 Không thể nói còn, không còn)

Không nói vừa còn vừa không
Chẳng phải còn chẳng phải không)

18. Như Lai hiện tại thời
Bất ngôn hữu dự vô
Diệc bất ngôn hữu vô
Phi hữu cập phi vô

(Ngay Như Lai còn tại thế
Không thể nói có hay không
Cũng không vừa có vừa không
Chẳng phải có, chẳng phải không)

Hoặc Như Lai đã diệt độ, hoặc còn tại thế, nói có Như Lai không được (chấp thọ) không có Như Lai cũng không được; cũng có Như Lai, cũng không có Như Lai cũng không được; chẳng phải có Như Lai, chẳng phải không có Như Lai cũng không được. Vì không được (không chấp thọ) nên không nên phân biệt Niết bàn có, không có v.v...như đã nói. Lìa ngoài Như Lai thì ai chứng đắc Niết bàn. Thời gian nào? Ở chỗ nào và dùng pháp gì để nói là Niết bàn?

Cho nên trong mọi thời gian, khắp các chủng loại... tìm tướng Niết bàn đều không thể có được.

Lại nữa,

19. Niết bàn dự thế gian
Vô hữu thiếu phân biệt
Thế gian dự Niết bàn
Diệc vô thiếu phân biệt

(Niết bàn và thế gian
Không mảy may phân biệt
Thế gian và Niết bàn
Cũng không mảy may khác)

Năm uẩn do nhân duyên tiếp nối mà qua lại. Cho nên gọi là thế gian. Nhưng tự tánh của năm uẩn là rỗng rảnh vắng lặng, không chịu sự chi phối của nhân duyên. Nghĩa này như đã nói trên. Vì các pháp không sanh, không diệt. Cho nên thế gian và Niết bàn không có phân biệt, Niết bàn và thế gian cũng không có phân biệt.

Lại nữa,

20. Niết bàn chi thực tế
 Cập dự thế gian tế
 Như thị nhị tế giả
 Vô hào ly sai biệt

(Tánh thực tế Niết bàn
 Và thực tế thế gian
 Hai tánh thực tế này
 Không mảy may sai khác)

Đi tìm cứu cánh đích thực của thế gian và Niết bàn, mang tánh vô sanh, bình đẳng, và không mảy may sai khác. Nên không thể tìm có được.

Lại nữa,

21. Diệt hậu hữu vô đẳng
 Hữu biên đẳng thường đẳng
 Chư kiến y Niết bàn
 Vị lai quá khứ thế

(Sau khi diệt độ, Như Lai còn có, không còn có...
 Thế gian là hữu biên, vô biên, thường, vô thường...
 Các kiến chấp này, dựa vào sau Phật diệt độ,
 đời vị lai, hay quá khứ mà sanh khởi)

Sau khi diệt độ, còn có Như Lai, không còn có Như Lai; cũng còn có Như Lai, cũng không còn có Như Lai; chẳng phải còn có Như Lai, chẳng phải không còn có Như Lai. Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên, thế gian cũng hữu biên, cũng vô biên, thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; Thế gian thường, thế gian vô thường, thế gian cũng thường cũng vô thường, thế gian chẳng phải có thường chẳng phải vô thường.

Ba loại gồm 12 kiến chấp này: Sau diệt độ, còn có Như Lai, không còn có Như Lai v.v...4 kiến chấp này, dựa vào sau Phật Niết bàn mà sanh khởi. Thế gian là hữu biên, vô biên...4 kiến chấp này, dựa vào đời vị lai mà sanh khởi. Thế gian thường, vô thường v.v...4 kiến chấp này dựa vào đời quá khứ mà sanh khởi.

Như Lai còn có, không còn có v.v...sau khi diệt độ, đều không thể có được. Niết bàn cũng vậy. Cũng như thế gian, đời trước, đời sau, hữu biên, vô biên, có thường, không thường...đều không thể có được. Niết bàn cũng vậy. Thế nên, nói thế gian, Niết bàn...đều không có khác.

Lại nữa,

22. Nhất thiết pháp không có
Hà hữu biên vô biên
Diệc biên diệc vô biên
Phi hữu phi vô biên

(Hết thấy pháp rốt ráo đều không
Làm sao có và không có biên giới
Cũng có cũng không có biên giới
Chẳng phải có chẳng không biên giới)

23. Hà giả vi nhất dị
Hà hữu thường vô thường
Diệc thường diệc vô thường
Phi thường phi vô thường

Cái gì một và khác
Đâu có thường vô thường
Cũng thường cũng vô thường
Chẳng phải thường, vô thường)

24. Chư pháp bất khả đắc
Diệt nhất thiết hý luận
Vô nhân diệc vô xứ
Phật diệc vô sở thuyết

(Các pháp hết thấy không
Diệt sạch mọi hý luận
Không người không nơi chốn
Phật cũng không nói gì)

Tất cả các pháp, thế gian và chủng loại...đều từ các duyên sanh khởi.
Tất cả rốt ráo không, cho nên không có tự tánh.

Trong các pháp như vậy, thì cái gì là hữu biên, ai là hữu biên, cái gì là vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, chẳng phải là hữu biên, chẳng phải là vô biên, cái gì là thường, vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; cái gì mà thân, tức thân ngã, cái gì mà thân khác với thân ngã.

Như vậy v.v...62 tà kiến, đối với trong nghĩa rốt ráo không, đều là không thể có được. Các ý tưởng về sở đắc đều chấm hết, mọi hý luận đều

dứt sạch. Hý luận dứt, nên thông suốt thấu đáo tính chất thật tướng các pháp và mỗi đạo đều được an ổn.

Từ Phẩm Quán Nhân duyên đến nay, phân biệt truy tìm các pháp thì, có cũng không, không cũng không, có không cũng không, chẳng phải có, chẳng phải không cũng không...Đó là thực tướng của các pháp, cũng gọi là Như, là pháp tánh, là thực tế Niết bàn. Cho nên đức Như Lai, không có lúc nào, chỗ nào mà nói định tướng Niết bàn cho bất cứ người nào. Cho nên trong tụng nói, những gì có sở đắc đều dứt, mọi hý luận đều diệt.

Hết Phẩm 25

PHẨM 26

QUÁN VỀ 12 NHÂN DUYÊN

(9 bài kệ)

HỎI: Ông luận chủ vừa nói về Đệ nhất nghĩa của đạo Đại thừa giáo. Nay tôi muốn biết pháp Thanh văn thừa, đưa vào Đệ nhất nghĩa của Đại thừa giáo?

ĐÁP:

1. Chúng sanh si sở phú
Vi hậu khởi tam hành
Dĩ khởi thị hành cố
Tùy hành đọa lục thú

(Chúng sanh bị ngu si che chắn
Nên khởi sanh ba loại nghiệp hành
Thân khẩu ý ba nghiệp đã hành
Nên theo hành nghiệp đọa sáu thú)

2. Dĩ chư hành nhân duyên
Thức thọ lục đạo thân
Dĩ hữu thức trước cố
Tăng trưởng ư danh sắc

(Vì nhân duyên các hành
Thức thị thân sáu nẻo
Bởi chấp chặt vào thức
Lớn dần thành Danh sắc)

3. Danh sắc tăng trưởng cố
Nhân nhi sanh lục nhập
Tình (căn) trần thức hòa hợp
Nhi sanh ư lục xúc

(Danh sắc càng tăng trưởng
Do đây sanh lục nhập
Căn, trần, thức hòa hợp
Mà khởi sanh sáu xúc)

4. Nhân ư lục xúc cố
Tức sanh ư tam thọ
Dĩ nhân tam thọ cố

Nhi sanh ư khát ái

(Bởi nhân sáu xúc này
Mà khởi sanh ba thọ
Lại nhân ba thọ này
Mà khởi sanh khát ái)

5. Nhân ái hữu tứ thủ
Nhân thủ cố hữu hữu
Nhược hữu thủ bất thủ
Tắc giải thoát vô hữu

(Nhân ái sanh bốn thủ
Nhân thủ mà có hữu
Người chấp thủ không thủ
Tức giải thoát khỏi hữu)

6. Tùng hữu nhi hữu sanh
Tùng sanh hữu lão tử
Tùng lão tử cố hữu
Ưu bi chư khổ não

(Từ hữu mà có sanh
Từ sanh có già chết
Từ già chết có hữu
Các khổ não buồn lo)

7. Như thị đẳng chư sự
Giai tùng sanh nhi hữu
Đản dĩ thị nhân duyên
Nhi tập đại khổ ám

(Các sự việc như vậy
Đều do sanh mà có
Chỉ vì nhân duyên ấy
Tập thành thân ám khổ)

8. Thị vị vi sanh tử
Chư hành vi căn bản
Vô minh giả sở tạo
Trí giả sở bất vi

(Như vậy gọi sanh tử
Cội nguồn là hành nghiệp
Kẻ vô minh đã tạo
Người trí thức không làm)

9. Dĩ thị sự diệt cố
Thị sự tắc bất sanh
Đản thị khổ ẩm tụ
Như thị nhi chánh diệt

(Khi việc này đã diệt
Thì việc kia không sanh
Khi năm âm tịch diệt
Thế mới chân thật diệt)

Hàng phàm phu bị vô minh che lấp. Do ba nghiệp thân, miệng, ý, làm cho thân sau khởi các hành nghiệp sáu thú. Tùy theo hành nghiệp sanh khởi có thượng trung hạ, mà thức nhập vào sáu thú. Tùy theo hành mà thọ thân. Do nhân duyên của thức chấp đằm, mà có Danh và Sắc, hòa hợp tích tụ, nên có sáu nhập. Vì nhân duyên sáu nhập nên có sáu xúc. Do nhân duyên sáu xúc mà có ba thọ. Vì nhân duyên ba thọ nên mới có khát ái. Vì nhân duyên khát ái nên có bốn thủ (*). Khi tham chấp bốn thủ, thì ba nghiệp thân, miệng, ý khởi sanh tội phước. Làm cho ba hữu của thân sau nối tiếp. Từ hữu mà có sanh, từ sanh mà có già, từ già chết mà có ưu bi khổ não và các thứ hoạn nạn. Chỉ có đại khổ ẩm thân tích tập. Bởi thế nên biết, phàm phu vô tri, là cội nguồn sanh khởi các hành sanh tử. Người trí thì không khởi nghiệp, vì đã thấy biết được như thật, nên vô minh diệt. Vô minh diệt, các hành cũng diệt. Vì nhân diệt nên quả diệt. Người có trí tu tập, quán 12 nhân duyên, sanh diệt như vậy, nên sanh diệt diệt, sanh diệt diệt...cho đến năm âm sanh già chết, ưu bi, đại khổ đều như thật rất ráo, chính thức diệt hoại.

Ý nghĩa sanh diệt của 12 nhân duyên như trong A-Tỳ-đàm Tu-da-la đã nói rõ và rộng.

* 4 Thủ:

1. Dục thủ: chấp thủ 5 dục.
2. Kiến thủ: chấp thủ ngũ kiến.
3. Giới cấm thủ:
4. Ngã ngữ thủ: Ngã mạn qua ngôn ngữ.

Hết Phẩm 26

PHẨM 27**QUÁN VỀ TÀ KIẾN**

(31 bài kệ)

HỎI: Đã nghe Đại thừa pháp, phá tà kiến. Nay muốn được nghe Thanh văn pháp, phá tà kiến như thế nào?

ĐÁP:

1. Ngã ư quá khứ thể
Vi hữu vi thị vô
Thế gian thường đẳng kiến
Giai ư quá khứ thể

(Tôi sống trong quá khứ
Nghe nói có nói không
Thế gian thường không thường
Đều nương vào quá khứ)
2. Ngã ư vị lai thể
Vi tác vi bất tác
Hữu biên đẳng chư kiến
Giai ư vị lai thể

(Tôi sống đời vị lai
Làm hay là không làm
Hữu biên và các kiến...
Đều nương vị lai khởi)

Tôi ở trong đời quá khứ, là hiện diện hay không hiện diện, vừa hiện diện vừa không hiện diện, chẳng phải hiện diện, chẳng phải không hiện diện...Đó là thường v.v...các tà kiến từ đời quá khứ mà sanh khởi. Ta ở trong đời vị lai, làm, không làm, vừa làm vừa không làm, chẳng phải làm chẳng phải không làm...Đó là các tà kiến về ta, về thế giới hữu biên vô biên...từ trong đời vị lai mà sanh khởi.

Các tà kiến như vậy v.v..., vì nhân duyên gì mà gọi là tà kiến. Việc ấy nay sẽ nói rõ.

3. Quá khứ thể hữu ngã
Thị sự bất khả đắc
Quá khứ thể trung ngã
Bất tác kim thể ngã

(Trong quá khứ có ta
Việc ấy không thể được
Vì ta trong quá khứ
Không làm ta ngày nay)

4. Nhược vị ngã tức thị
Nhu thân hứa dị tướng
Nhược đương ly ư thân
Hà xứ biệt hữu ngã

(Nếu ta là tự ngã
Mà thân tướng có khác
Nếu lìa ngoài thân tướng
Chỗ nào có tự ngã)

5. Ly hữu vô thân ngã
Thị sự vi dĩ thành
Nhược vị thân tức ngã
Nhược đô vô hữu ngã

(Lìa ngoài thân không ngã
Việc ấy đã thành rồi
Nếu thân là tự ngã
Thầy đều không có ngã)

6. Đản thân bất vi ngã
Thân tướng sanh diệt cố
Vân hà đương dĩ thọ
Nhi tác ư thọ giả

(Nhưng thân không là ngã
Bởi tướng thân sanh diệt
Thân uẩn là chấp thọ
Không là ngã chấp thọ)

7. Nhược ly thân hữu ngã
Thị sự tác bất nhiên
Vô thọ nhi hữu ngã
Nhi thật bất khả đắc

(Nếu lia thân có ngã
Việc ấy cũng không thành
Không thọ mà có ngã
Thực tế không thể được)

8. Kim ngã bất ly thọ
Diệc bất tức thị thọ
Phi vô thọ phi vô
Thử tức quyết định nghĩa

(Nay ngã không lia thọ
Cũng không tức là thọ
Chẳng không thọ, không ngã
Đây là nghĩa quyết định)

Ta có mặt ở đời quá khứ. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì trong đời trước, ta không làm ta đời nay. Vì có lỗi là chấp thường. Nếu chấp thường thì có vô lượng lỗi. Vì sao vậy? Vì do nhân tu phước cho nên được sanh làm trời, mà sau lại sanh làm người. Nếu ta đời trước tức là ta ngày nay, trời tức là người.

Lại nữa, người vì tạo nghiệp ác, nên làm Chiên Đà La, sau lại làm Bà La Môn. Nếu đời trước ta tức là ta đời nay, Chiên Đà La tức là Bà La Môn.

Thí dụ như, có Bà La Môn tên Đề Bà Đạt, người nước Xá Vệ, đến thành Vương Xá. Cũng có người tên là Đề Bà Đạt, không đến thành Vương Xá, cho nên khác đi. Nếu trước làm trời, sau làm người. Như vậy, trời tức là người, Chiên Đà La tức Bà La Môn. Nhưng việc ấy không đúng. Vì sao? Vì trời, không tức là người, Chiên Đà La không tức là Bà La Môn... Vì có các lỗi chấp thường như vậy.

Nếu bảo, ta đời trước không làm ta đời nay. Như người giặt áo, thì gọi là người giặt áo, khi cắt cỏ thì gọi là người cắt cỏ. Cũng như vậy, ta mang thân trời, gọi là trời, khi mang thân người gọi là người. Như vậy, ta trước sau không khác, mà thân thì có khác. Nói như vậy là không đúng. Vì sao? Vì, nếu trời tức là người, thì không nên nói trời làm người. Nay, nếu người giặt áo và người cắt cỏ là khác là không khác. Nếu không khác, thì người giặt áo tức là người cắt cỏ. Như vậy, đời trước, trời tức là người; Chiên Đà La tức là Bà La Môn. Nói có ta cũng có lỗi chấp thường như vậy. Nếu khác, thì người giặt áo không thể là người cắt cỏ. Như vậy, trời không thể làm

người. Vậy thì ta cũng vô thường, vô thường thời tướng vô ngã. Cho nên không được nói tức là.

HỎI: Ta tức là, chỉ nhận nơi chấp thọ, cho nên phân biệt là người, là trời. Chấp thọ là từ thân năm uẩn. Vì nhân duyên nghiệp, cho nên phân biệt là trời, là người, là Chiên Đà La, là Bà La Môn. Cho nên không có các lỗi như vậy.

ĐÁP: Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì, nếu thân làm trời, làm người, làm Chiên Đà La, làm Bà La Môn. Chẳng phải là ngã, thời lìa thân, riêng có ngã hay sao? Hiện tại, những việc tội phước, sanh tử, qua lại...đều do thân mà chẳng phải là ta.

Tội là do nhân duyên, cho nên mới đọa vào ba ác đạo. Phước là do nhân duyên nên được sanh vào ba đường thiện. Hoặc khổ, vui, giận, mừng, lo, sợ...đều là do thân, chẳng phải là ta, thì dùng ta làm gì? Như trị tội người thế tục, thì có liên can gì đến người xuất gia.

Thân năm ấm nhân duyên tương tục, cho nên tội phước không mất, nên mới có giải thoát. Nếu đều là thân mà chẳng phải là ta, thì dùng ta làm gì.

HỎI: Tội phước v.v... đều nương ở ta. Ta có sự hiểu biết. Còn thân thì không. Cho nên, biết tức là ta. Do nhân duyên khởi nghiệp, tạo nên tội, phước là tác giả. Tác giả chính là ta. Thân chỉ là vật sử dụng của ta mà cũng là nơi ở. Giống như ông chủ nhà, dùng cỏ, cây, đất, đá, vật liệu v.v...làm nên cái nhà, là vì cái thân để tùy nghi sử dụng. Nhà thì, có tốt, có xấu, ta cũng như vậy. Tùy theo nghiệp thiện, ác...mà mang thân tốt, xấu. Sáu đường sống, chết đều do ta làm. Cho nên, mang thân tội, phước đều thuộc về ta. Cũng giống như ngôi nhà, đều thuộc về ông chủ, mà không thể thuộc về người nào khác.

ĐÁP: Thí dụ ấy không đúng. Vì sao? Vì, ông chủ nhà có thân hình, có cảm xúc, có năng lực để có thể giữ được ngôi nhà. Ông nói, ta không có thân hình, không có cảm xúc, cho nên không có năng lực. Tự mình không có năng lực, cũng không sai khiến được người khác...Nếu ở thế gian, có một vật chất nào đó, không có hình, không có cảm xúc, mà có khả năng tạo tác, thì lúc đó tôi mới tin lời ông, mà biết có tác giả. Nhưng, việc đó không thể có được. Nếu ta là tác giả, thì không nên có những việc làm, đưa đến khổ đau cho chính mình. Nếu có người nghĩ như vậy, thì có thể người ta ham thích làm việc thiện ích, không bao giờ để lãng quên.

Nếu ta không làm việc khổ mà khổ vẫn cứ đến. Còn các việc khác cũng đều tự phát sanh mà chẳng phải ta làm. Nếu thấy (mắt thấy) là ta, thời mắt thấy sắc là ta. Nếu mắt thấy chẳng phải là ta, thời trái với lời nói trước, thấy là ta. Nếu thấy là ta, ta thì không được nói, nghe tiếng, nếm vị, ngửi mùi... các trần. Vì sao? Vì, mắt chỉ là thấy mà không thể nghe tiếng v.v... các trần. Thế nên ta là thấy, nói vậy không đúng.

Nếu nói, như người cắt cỏ, dùng liềm...để cắt. Ta, cũng như vậy. Dùng chân, tay, mắt, tai... để làm việc. Nói vậy là không đúng. Vì sao? Vì, lia xa liềm còn có người cắt cỏ. Còn xa thân và tâm, các căn v.v...thì không riêng có cái ta vậy. Nếu bảo, tác giả tuy chẳng phải mắt, tai v.v... làm được, cũng có tác giả. Thế thời, đứa con của Thạch nữ, cũng có thể tạo tác. Như vậy, tất cả các căn đều cũng nên vô ngã.

Nếu bảo mắt bên phải thấy vật, mà mắt bên trái biết. Như thế nên biết, riêng có người thấy, việc đó không đúng. Nay, tay bên phải làm việc, tay bên trái không hay biết, không có khả năng. Thế nên, không riêng có tác giả. Nếu riêng có tác giả thì, tay bên phải làm, tay bên trái cũng làm, cũng có khả năng làm, mà thực tế thì không có. Cho nên lại không có tác giả.

Lại nữa, người chấp thủ có ta, nói rằng, khi thấy người khác ăn trái me chua, thì trong miệng mình chảy nước miếng, rồi cho đó là tướng ta. Việc đó không đúng. Vì sao? Vì, đó là năng lực của niệm tướng, chẳng phải năng lực của cái ta. Lại cũng là năng lực của nhân duyên phá cái ta. Chẳng hạn như người đứng giữa đám đông. Khi thấy người khác ăn me chua, lấy làm hổ thẹn khi nước miếng chảy ra. Thế mà nước miếng chảy mạnh không được tự do chảy nữa. Vậy nên biết không có ta.

Lại nữa, nếu có tội lỗi điên đảo, mà đời trước làm cha, đời nay làm con. Cha con thân xác có khác, mà ta thì chỉ có một. Như từ một nhà này đến nhà khác, cha vẫn là cha, không vì vào nhà khác mà cha lại khác đi. Nếu có ta, thì cha và con là một. Như vậy thì có lỗi lớn.

Nếu bảo rằng, không có ngã trong năm ấm tương tục, cũng có lỗi ấy. Việc ấy không đúng. Vì sao? Vì, năm ấm tuy tương tục, nhưng hoặc thời hữu dụng, hoặc thời vô dụng, như nước ép từ trái nho, đối với người xuất gia giữ giới thì uống được (hữu dụng), rượu nho thì không được uống (vô dụng). Nếu biến thành rượu đắng trị bệnh, thì lại có thể được dùng. Năm uẩn tương tục cũng như vậy, hoặc hữu dụng, hoặc vô dụng. Nếu trước sau gì mà có một cái ta, thì có những lỗi như vậy. Còn năm uẩn hòa hợp, thì có cái ta giả danh, chứ không nhất định có thật. Giống như có kèo, cột...đầy

đủ thì có ngôi nhà. Ngoài kèo, cột...riêng không có nhà. Cũng vậy, năm uẩn hòa hợp cho nên có ta. Nếu ngoài năm uẩn, thật không riêng có ta. Cho nên ta chỉ có giả danh mà không có thật.

Như ông trước đây nói rằng, lìa ngoài năm uẩn chấp thọ, riêng có ta chấp thọ. Lấy chấp thọ năm uẩn để phân biệt người chấp thọ là trời, là người. Như vậy đều không đúng. Nên biết chỉ có pháp chấp thọ, không riêng có người chấp thọ. Nếu nói lìa ngoài pháp chấp thọ, riêng có ta. Nói vậy là không đúng. Nếu nói lìa ngoài pháp chấp thọ, riêng có ta thì làm sao để chỉ ra tướng ta ấy. Nếu không có tướng ta có thể chỉ, thì biết ngoài pháp chấp thọ, không có ta.

Nếu bảo, lìa ngoài thân năm uẩn không có ta, bởi chính cái thân năm uẩn ấy là ta. Nói vậy cũng không đúng. Vì sao? Vì, thân năm uẩn ấy là tướng sanh diệt. Còn ta thì không như vậy. Lại nữa, vì sao cho pháp chấp thọ, tức là người chấp thọ. Nếu nói lìa ngoài pháp chấp thọ, riêng có người chấp thọ, thì cũng không đúng. Nếu không chấp thọ năm uẩn mà có người chấp thọ. Thời cũng có thể lìa ngoài năm uẩn, riêng có người chấp thọ các căn, mắt, tai...có thể được, mà thực tế thì không được.

Thế nên, ta không lìa pháp chấp thọ mà cũng không tức là chấp thọ, cũng chẳng không chấp thọ, cũng lại chẳng phải không. Đây là định nghĩa. Vậy nên biết, nói trong đời quá khứ có ta. Việc đó không đúng. Vì sao?

9. Quá khứ ngã bất tác
Thị sự tác bất nhiên
Quá khứ thể trung ngã
Dị kim diệt bất nhiên

(Cái ta của đời quá khứ
Không làm cái ta hiện tại
Cái ta hai đời khác nhau
Nên các việc đều không đúng)

10. Nhược vị hữu dị giả
Ly bỉ ưng hữu kim
Ngã trụ quá khứ thể
Nhi kim ngã tự sanh

(Nếu cái ta hai đời khác nhau
Lìa quá khứ mới có hiện tại)

Cái ta cứ ở đời quá khứ
Cái ta hiện tại cứ tự sanh)

11. Như thị tắc đoạn diệt
Thất ư nghiệp quả báo
Bỉ tác nhi thử thọ
Hưu như thị đẳng quá

(Như vậy là đoạn diệt
Phá mất nghiệp quả báo
Người làm, người kia chịu
Tạo các lỗi như vậy)

12. Tiên vô nhi kim hữu
Thử trung diệt hữu quá
Ngã tắc thị tác pháp
Diệt vi thị vô nhân

(Cái ngã trước không nay có
Trong đó ắt cũng có lỗi
Cái ngã là pháp tạo tác
Ngã ấy cũng không nguyên nhân)

Lại nữa,

13. Như quá khứ thể trung
Hữu ngã vô ngã kiến
Nhược cộng nhược bất cộng
Thị sự giai bất nhiên

(Kiến chấp trong quá khứ
Có ta không có ta
Hoặc cũng có cũng không
Các việc ấy không đúng)

Giống như truy tìm trong đời quá khứ, về các tà chấp có ta hoặc không có ta hoặc cũng có ta, cũng không có ta, chẳng phải có, chẳng phải không có ta. Các việc ấy đều không đúng.

14. Ngã ư vị lai thể
Vi tác vi bất tác
Như thị chi kiến giả
Giai đồng quá khứ thể

(Cái ta đời vị lai
Là làm là không làm
Các kiến chấp như vậy
Hết thầy đều không đúng)

Cái ta trong đời vị lai, là do ta trong đời hiện tại làm ra hay không làm ra. Như vậy, cả bốn câu chấp trước về cái ta trong đời vị lai, đều có lỗi như trong đời quá khứ, như ở đây đã nói.

Lại nữa,

15. Nhược thiên tức thị nhân
Tắc đọa ư thường biên
Thiên tắc vi vô sanh
Thường pháp bất sanh cố

(Nếu trời tức là người
Thời rơi vào thường kiến
Nếu trời thời vô sanh
Pháp thường thì bất sanh)

Nếu trời tức là người. Vậy là thường kiến. Nếu trời không sanh vào trong loài người, thì sao gọi là người. Pháp thường thì không sanh. Cho nên nói thường cũng không đúng.

Lại nữa,

16. Nhược thiên dị ư nhân
Thị tức vi vô thường
Nhược thiên dị nhân giả
Thị tắc vô tương tục

(Nếu trời khác với người
Như vậy tức vô thường
Nếu trời khác với người
Vậy là không tương tục)

Nếu trời và người khác nhau, thế là vô thường. Vô thường thì rơi vào đoạn diệt v.v...như các lỗi trước đây đã nói. Nếu trời cùng với người khác nhau, thời không có tánh tương tục. Nếu có tương tục thì không được nói khác nhau.

Lại nữa,

17. Nhược bán thiên bán nhân
 Tác đọa ư nhị biên
 Thường cập ư vô thường
 Thị sự tác bất nhiên

(Nếu nửa trời nửa người
 Thời rơi vào nhị biên
 Là thường và vô thường
 Nói vậy là không đúng)

Nếu chúng sanh, nửa thân là trời, nửa thân là người. Nếu vậy là có thường, có vô thường. Nửa thân là trời, nửa thân là người. Nửa trời là thường, nửa người là vô thường. Chuyện đó không đúng. Vì sao? Vì, một thân mà có hai tướng, thường và vô thường.

Lại nữa,

18. Nhược thường cập vô thường
 Thị nhị câu thành giả
 Như thị tác ưng thành
 Phi thường phi vô thường

(Nếu thường và vô thường
 Cả hai đều lập thành
 Như vậy nên thành lập
 Chẳng phải thường, vô thường)

Nếu thường và vô thường, cả hai đều có thể thành, vậy sau mới thành lập, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Cùng với thường và vô thường trái nhau. Kỳ thật thường, vô thường không thành. Cho nên, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cũng không thành. Lại nữa, nay nói, sanh tử là vô thi, là cũng không đúng. Vì sao?

19. Pháp nhược định hữu lai
 Cập định hữu khứ giả
 Sanh tử tác vô thi
 Nhi thật vô thị sự

(Pháp quyết định có chỗ đến
 Và quyết định có chỗ đi
 Thời sanh tử là vô thi
 Thật sự không có việc ấy)

Nếu pháp quyết định có từ chỗ đây lại chỗ kia và có chỗ từ đây đi đến chỗ kia, thời sanh tử là vô thí. Pháp ấy dùng trí tuệ mà truy tìm, thời không thấy pháp có chỗ từ kia lại đây và có chỗ từ đây đi đến chỗ kia. Thế nên sanh tử là vô thí. Việc ấy không đúng.

Lại nữa,

20. Kim nhược vô hữu thường
Vân hà hữu vô thường
Diệc thường diệc vô thường
Phi thường phi vô thường

(Nay, nếu không có thường
Làm sao có vô thường
Cũng thường cũng vô thường
Chẳng thường, chẳng vô thường)

Nếu như vậy, dùng trí tuệ để tìm hiểu thời thấy không một pháp nào có thể là thường. Vì nhân thường mà có vô thường. Nếu cả hai thường và vô thường đều không có, làm sao có chuyện cũng thường cũng vô thường. Nếu không có thường và vô thường, làm sao có chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Nhân nơi cũng có thường, cũng vô thường. Cho nên mới có chẳng phải có thường, chẳng phải vô thường. Vì thế, nương vào đời quá khứ, khởi lên bốn tà chấp: thường, vô thường...là không đúng. Cũng như vậy, khởi sanh bốn tà chấp: hữu biên, vô biên...trong đời vị lai, cũng không đúng. Nay sẽ đề cập lý do vì sao?

21. Nhược thế gian hữu biên
Vân hà hữu hậu thế
Nhược thế gian vô biên
Vân hà hữu hậu thế

(Nếu thế gian hữu biên
Làm sao có đời sau
Nếu thế gian vô biên
Làm sao có đời sau)

Nếu thế gian là hữu biên, thì không nên có đời sau. Mà nay thấy có đời sau. Thế nên thế gian là hữu biên là không đúng. Nếu thế gian vô biên, thì cũng không nên có đời sau. Mà thực tế thấy có đời sau. Thế nên thế gian vô biên cũng không đúng.

Thứ nữa, cả hữu biên và vô biên. Cả hai cũng không đúng. Vì sao?

22. Ngũ uẩn thường tương tục
Do như đấng hỏa diệm
Dĩ thị có thế gian
Bất ưng biên vô biên

(Năm uẩn thường tương tục
Giống như ngọn đèn cháy
Vì vậy nên thế gian
Không hữu biên, vô biên)

Từ thân năm uẩn, lại sanh ra thân năm uẩn, thứ lớp tương tục. Giống như, có các duyên hòa hợp thì ngọn đèn cháy. Nếu các duyên hết, thì ngọn đèn cũng tắt. Nếu các duyên không hết, thì ngọn đèn không tắt. Duyên hết, đèn tắt. Thế nên, không nên nói, thế gian hữu biên, vô biên.

Lại nữa,

23. Nhược tiên ngũ uẩn hoại
Bất nhân thị ngũ uẩn
Cánh sanh hậu ngũ uẩn
Thế gian tắc hữu biên

(Nếu thân uẩn trước hoại
Không nhân thân uẩn ấy
Lại sanh thân uẩn sau
Thời thế gian hữu biên)

24. Nhược tiên ám bất hoại
Diệt bất nhân thị ám
Nhị sanh hậu ngũ uẩn
Thế gian tắc vô biên

(Nếu thân uẩn trước không hoại
Không nhân nơi thân uẩn ấy
Mà sanh thân năm uẩn sau
Thế thời thế gian vô biên)

Nếu thân năm uẩn trước hoại diệt, thì không nhân thân năm uẩn ấy, mà lại sanh thân năm uẩn sau. Như vậy là thế gian hữu biên.

Nếu thân năm uẩn trước hoại rồi, lại không sanh thân uẩn nào khác nữa, gọi là biên. Biên là chỉ thân năm uẩn cuối cùng (mạt hậu thân).

Nếu thân năm uẩn trước không hoại diệt, không nhân nơi thân năm uẩn ấy, mà sanh ra thân năm uẩn sau. Như thế gọi là thế gian vô biên. Như vậy là thường còn. Mà thật thì không phải vậy. Cho nên thế gian là vô biên. Việc ấy, không đúng.

Thế gian có hai loại, là quốc độ thế gian, và chúng sanh thế gian. Ở đây là nói đến chúng sanh thế gian.

Lại nữa, như trong Tứ Bách Quán nói,

25. Chân pháp cập thuyết giả
Thính giả nan đắc cố
Như thị tắc sanh tử
Phi hữu biên vô biên

(Pháp chân chánh và người nói
Cùng người nghe khó lãnh hội
Như vậy thời sanh tử sự
Chẳng phải hữu biên vô biên)

Vì không thấu đạt được nhân duyên chân pháp. Cho nên, vào ra qua lại sanh tử, không có biên giới. Hoặc thời có người được nghe nhân duyên chân pháp và đạt đạo, thì không được nói, người ấy là vô biên. Nay sẽ lại phá tà chấp, cũng hữu biên, cũng vô biên.

26. Nhược thế bán hữu biên
Thế gian bán vô biên
Thị tắc diệt hữu biên
Diệt vô biên bất nhiên

(Thế gian một nửa hữu biên
Thế gian một nửa vô biên
Như thế cũng là hữu biên
Cũng là vô biên không đúng)

Nếu thế gian một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên. Thế cũng là hữu biên, cũng là vô biên. Như vậy là một pháp mà có hai tướng thì không đúng. Vì sao?

27. Bĩ thọ ngũ âm giả
 Vân hà nhất phần phá
 Nhất phần nhi bất phá
 Thị sự tắc bất nhiên

 (Người chấp thọ năm uẩn
 Sao chỉ phá một phần
 Một phần mà không phá
 Việc ấy là không đúng)
28. Thọ diệc phục như thị
 Vân hà nhất phần phá
 Nhất phần nhi bất phá
 Thị sự diệc bất nhiên

 (Pháp chấp thọ cũng vậy
 Sao chỉ phá một phần
 Một phần mà không phá
 Việc ấy cũng không đúng)

Người chấp thọ năm uẩn vì sao phá một phần (vì là vô thường) và một phần không phá (vì là thường). Như vậy là không đúng. Vì cũng thường cũng vô thường là không đúng.

Các pháp, năm uẩn, chấp thọ, cũng như vậy. Vì sao một phần phá một phần không phá. Vì một pháp mà có hai tướng cũng có lỗi. Thế nên, thế gian cũng hữu biên, cũng vô biên, thì không đúng.

Nay lại sẽ phá kiến chấp, thế gian, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.

29. Nhược diệc hữu vô biên
 Thị nhị đắc thành giả
 Phi hữu phi vô biên
 Thị tắc diệc ung thành

 (Nếu hữu và vô biên
 Cả hai đều thành lập
 Phi hữu phi vô biên
 Cũng nên được thành lập)

Cùng với hữu biên trái nhau, nên mới có vô biên. Giống như, cùng với dài trái nhau nên mới có ngắn. Có và không trái nhau, nên mới có cũng có cũng không. Cùng với cũng có cũng không trái nhau, nên mới có chẳng phải có chẳng phải không. Nếu cũng hữu biên, cũng vô biên, quyết định thành lập được, thì cũng nên có chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên. Vì sao? Vì, nhân sự đối đãi nhau mà có vậy.

Trên đây, đã phá câu thứ ba, là thế gian cũng hữu biên, cũng vô biên rồi. Còn nay vì sao mà có chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên? Vì không có sự đối đãi vậy.

Như vậy, sự truy tìm về bốn tà kiến: Thế gian nương vào đời vị lai mà khởi, là hữu biên, vô biên v.v...đều không thể có được.

Lại nữa,

30. Nhất thiết pháp không cố
Thế gian thường đẳng kiến
Hà xứ ư hà thời
Thùy khởi thị chư kiến

(Tất cả các pháp rốt ráo không
Các tà kiến thường, vô thường
Thế gian hữu biên, vô biên...
Người khởi, thời gian, nơi chốn)

Trên đây đã dùng pháp Thanh văn phá các kiến chấp. Nay trong pháp Đại thừa nói: Các pháp từ xưa đến nay, rốt ráo là tánh không. Như vậy trong tánh không, không có người, không có pháp, thời không thể sanh ra tà kiến, chánh kiến, xứ sở, đất đai, thời gian, nơi chốn, ngày tháng và năm số. Còn cái gì mệnh danh là người, là căn thể các kiến chấp.

Nếu quyết định có các tà chấp, thường, vô thường...thì phải có người khởi sanh ra các tà kiến ấy. Nay vì phá ngã, nên không có người và sanh khởi các kiến chấp ấy, phải có nơi chốn. Sắc pháp là hiện có thể thấy, còn có thể phá được, huống là thời gian và phương hướng. Nếu có các kiến chấp, thì phải có thực chất nhất định. Nếu có thực chất nhất định thì không thể phá.

Từ trước đến nay, đã dẫn ra nhiều chủng loại nhân duyên để phá tà chấp. Cho nên biết, kiến chấp không có thể chất nhất định, thì làm sao sanh khởi được. Cho nên kệ nói: Chỗ nào, thời gian nào và ai là người khởi sanh các tà kiến.

31. Cù Đàm Đại thánh chủ
Lân mẫn thuyết thị pháp
Tất đoạn nhất thiết kiến
Ngã kim khể thủ lễ

(Đấng Đại Giáo chủ đức Cù Đàm
Thương chúng sanh nói pháp nhân duyên
Chấm dứt hết mọi thứ tà chấp
Con nay cúi đầu đánh lễ Người)

Tất cả các loại kiến chấp, tóm thâu trong 5 loại, nói ra thì có 62 kiến chấp. Vì để dứt sạch ngay các loại kiến chấp sai lầm ấy. Cho nên nói pháp nhân duyên. Đấng Giáo chủ, đức Cù Đàm, là bậc có vô lượng vô biên bất khả tư nghì trí tuệ. Cho nên con nay cúi đầu đánh lễ.

Hết Phẩm 27

(HẾT CUỐN 4, TRỌN BỘ)

《中論》

龍樹菩薩著

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

【觀因緣品第一】	234
【觀去來品第二】	235
【觀六情品第三】	237
【觀五陰品第四】	238
【觀六種品第五】	239
【觀染染者品第六】	239
【觀三相品第七】	240
【觀作作者品第八】	243
【觀本住品第九】	244
【觀燃可燃品第十】	245
【觀本際品第十一】	247
【觀苦品第十二】	247
【觀行品第十三】	248
【觀合品第十四】	249
【觀有無品第十五】	250
【觀縛解品第十六】	251
【觀業品第十七】	252
【觀法品第十八】	254
【觀時品第十九】	255
【觀因果品第二十】	256
【觀成壞品第二十一】	258
【觀如來品第二十二】	260

【觀顛倒品第二十三】	261
【觀四諦品第二十四】	263
【觀涅槃品第二十五】	267
【觀十二因緣品第二十六】	269
【觀邪見品第二十七】	270

《中論》

龍樹菩薩著

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

【觀因緣品第一】

1. 不生亦不滅, 不常亦不斷
不一亦不異, 不來亦不出
2. 能說是因緣, 善滅諸戲論
我稽首禮佛, 諸說中第一
3. 諸法不自生, 亦不從他生
不共不無因, 是故知無生
4. 如諸法自性, 不在於緣中
以無自性故, 他性亦復無
5. 因緣次第緣, 緣緣增上緣
四緣生諸法, 更無第五緣
6. 果為從緣生, 為從非緣生
是緣為有果, 是緣為無果
7. 因是法生果, 是法名為緣
若是果未生, 何不名非緣
8. 果先於緣中, 有無俱不可
先無為誰緣, 先有何用緣
9. 若果非有生, 亦復非無生
亦非有無生, 何得言有緣
10. 果若未生時, 則不應有滅
滅法何能緣, 故無次第緣

11. 如諸佛所說, 真實微妙法
於此無緣法, 云何有緣緣
12. 諸法無自性, 故無有有相
說有是事故, 是事有不然
13. 略廣因緣中, 求果不可得
因緣中若無, 云何從緣出
14. 若謂緣無果, 而從緣中出
是果何不從, 非緣中而出
15. 若果從緣生, 是緣無自性
從無自性生, 何得從緣生
16. 果不從緣生, 不從非緣生
以果無有故, 緣非緣亦無

【觀去來品第二】

1. 已去無有去, 未去亦無去
離已去未去, 去時亦無去
2. 動處則有去, 此中有去時
非已去未去, 是故去時去
3. 云何於去時, 而當有去法
若離於去法, 去時不可得
4. 若言去時去, 是人則有咎
離去有去時, 去時獨去故
5. 若去時有去, 則有二種去
一謂為去時, 二謂去時去
6. 若有二去法, 則有二去者

- 以離於去者, 去法不可得
7. 若離於去者, 去法不可得
以無去法故, 何得有去者
 8. 去者則不去, 不去者不去
離去不去者, 無第三去者
 9. 若言去者去, 云何有此義
若離於去法, 去者不可得
 10. 若去者有去, 則有二種去
一謂去者去, 二謂去法去
 11. 若謂去者去, 是人則有咎
離去有去者, 說去者有去
 12. 已去中無發, 未去中無發
去時中無發, 何處當有發
 13. 未發無去時, 亦無有已去
是二應有發, 未去何有發
 14. 無去無未去, 亦復無去時
一切無有發, 何故而分別
 15. 去者則不住, 不去者不住
離去不去者, 何有第三住
 16. 去者若當住, 云何有此義
若當離於去, 去者不可得
 17. 去未去無住, 去時亦無住
所有行止法, 皆同於去義
 18. 去法即去者, 是事則不然

去法異去者, 是事亦不然

19. 若謂於去法, 即為是去者
作者及作業, 是事則為一
20. 若謂於去法, 有異於去者
離去者有去, 離去有去者
21. 去去者是二, 若一異法成
二門俱不成, 云何當有成
22. 因去知去者, 不能用是去
先無有去法, 故無去者去
23. 因去知去者, 不能用異去
於一去者中, 不得二去故
24. 決定有去者, 不能用三去
不決定去者, 亦不用三去
25. 去法定不定, 去者不用三
是故去去者, 所去處皆無

【觀六情品第三】

1. 眼耳及鼻舌, 身意等六情
此眼等六情, 行色等六塵
2. 是眼則不能, 自見其己體
若不能自見, 云何見餘物
3. 火喻則不能, 成於眼見法
去未去去時, 已總答是事
4. 見若未見時, 則不名為見
而言見能見, 是事則不然

5. 見不能有見,非見亦不見
若已破於見,則為破見者
6. 離見不離見,見者不可得
以無見者故,何有見可見
7. 見可見無故,識等四法無
四取等諸緣,云何當得有
8. 耳鼻舌身意,聲及聞者等
當知如是義,皆同於上說

【觀五陰品第四】

1. 若離於色因,色則不可得
若當離於色,色因不可得
2. 離色因有色,是色則無因
無因而有法,是事則不然
3. 若離色有因,則是無果因
若言無果因,則無有是處
4. 若已有色者,則不用色因
若無有色者,亦不用色因
5. 無因而有色,是事終不然
是故有智者,不應分別色
6. 若果似於因,是事則不然
果若不似因,是事亦不然
7. 受陰及想陰,行陰識陰等
其餘一切法,皆同於色陰
8. 若人有問者,離空而欲答

是則不成答,俱同於彼疑

9. 若人有難問,離空說其過
是不成難問,俱同於彼疑

【觀六種品第五】

1. 空相未有時,則無虛空法
若先有虛空,即為是無相
2. 是無相之法,一切處無有
於無相法中,相則無所相
3. 有相無相中,相則無所住
離有相無相,餘處亦不住
4. 相法無有故,可相法亦無
可相法無故,相法亦復無
5. 是故今無相,亦無有可相
離相可相已,更亦無有物
6. 若使無有有,云何當有無
有無既已無,知有無者誰
7. 是故知虛空,非有亦非無
非相非可相,餘五同虛空
8. 淺智見諸法,若有若無相
是則不能見,滅見安隱法

【觀染染者品第六】

1. 若離於染法,先自有染者
因是染欲者,應生於染法
2. 若無有染者,云何當有染

若有若無染, 染者亦如是

3. 染者及染法, 俱成則不然
染者染法俱, 則無有相待
4. 染者染法一, 一法云何合
染者染法異, 異法云何合
5. 若一有合者, 離伴應有合
若異有合者, 離伴亦應合
6. 若異而有合, 染染者何事
是二相先異, 然後說合相
7. 若染及染者, 先各成異相
既已成異相, 云何而言合
8. 異相無有成, 是故汝欲合
合相竟無成, 而復說異相
9. 異相不成故, 合相則不成
於何異相中, 而欲說合相
10. 如是染染者, 非合不合成
諸法亦如是, 非合不合成

【觀三相品第七】

1. 若生是有為, 則應有三相
若生是無為, 何名有為相
2. 三相若聚散, 不能有所相
云何於一處, 一時有三相
3. 若謂生住滅, 更有有為相
是即為無窮, 無即非有為

4. 生生之所生, 生於彼本生
本生之所生, 還生於生生
5. 若謂是生生, 能生於本生
生生從本生, 何能生本生
6. 若謂是本生, 能生於生生
本生從彼生, 何能生生生
7. 若生生生時, 能生於本生
生生尚未有, 何能生本生
8. 若本生生時, 能生於生生
本生尚未有, 何能生生生
9. 如燈能自照, 亦能照於彼
生法亦如是, 自生亦生彼
10. 燈中自無闇, 住處亦無闇
破闇乃名照, 無闇則無照
11. 云何燈生時, 而能破於闇
此燈初生時, 不能及於闇
12. 燈若未及闇, 而能破闇者
燈在於此間, 則破一切闇
13. 若燈能自照, 亦能照於彼
闇亦應自闇, 亦能闇於彼
14. 此生若未生, 云何能自生
若生已自生, 生已何用生
15. 生非生已生, 亦非未生生
生時亦不生, 去來中已答

16. 若謂生時生,是事已不成
云何眾緣合,爾時而得生
17. 若法眾緣生,即是寂滅性
是故生生時,是二俱寂滅
18. 若有未生法,說言有生者
此法先已有,更復何用生
19. 若言生時生,是能有所生
何得更有生,而能生是生
20. 若謂更有生,生生則無窮
離生生有生,法皆能自生
21. 有法不應生,無亦不應生
有無亦不生,此義先已說
22. 若諸法滅時,是時不應生
法若不滅者,終無有是事
23. 不住法不住,住法亦不住
住時亦不住,無生云何住
24. 若諸法滅時,是則不應住
法若不滅者,終無有是事
25. 所有一切法,皆是老死相
終不見有法,離老死有住
26. 住不自相住,亦不異相住
如生不自生,亦不異相生
27. 法已滅不滅,未滅亦不滅
滅時亦不滅,無生何有滅

28. 法若有住者,是則不應滅
法若不住者,是亦不應滅
29. 是法於是時,不於是時滅
是法於異時,不於異時滅
30. 如一切諸法,生相不可得
以無生相故,即亦無滅相
31. 若法是有者,是即無有滅
不應於一法,而有有無相
32. 若法は無者,是即無有滅
譬如第二頭,無故不可斷
33. 法不自相滅,他相亦不滅
如自相不生,他相亦不生
34. 生住滅不成,故無有有為
有為法無故,何得有無為
35. 如幻亦如夢,如乾闥婆城
所說生住滅 其相亦如是

【觀作作者品第八】

1. 決定有作者,不作決定業
決定無作者,不作無定業
2. 決定業無作,是業無作者
定作者無作,作者亦無業
3. 若定有作者,亦定有作業
作者及作業,即墮於無因
4. 若墮於無因,則無因無果

無作無作者,無所用作法

5. 若無作等法 則無有罪福
罪福等無故,罪福報亦無
6. 若無罪福報,亦無有涅槃
諸可有所作,皆空無有果
7. 作者定不定,不能作二業
有無相違故,一處則無二
8. 有不能作無,無不能作有
若有作作者,其過如先說
9. 作者不作定,亦不作不定
及定不定業,其過如先說
10. 作者定不定,亦定亦不定
不能作於業,其過如先說
11. 因業有作者,因作者有業
成業義如是,更無有餘事
12. 如破作作者,受受者亦爾
及一切諸法,亦應如是破

【觀本住品第九】

1. 眼耳等諸根,苦樂等諸法
誰有如是事,是則名本住
2. 若無有本住,誰有眼等法
以是故當知,先已有本住
3. 若離眼等根,及苦樂等法
先有本住者,以何而可知

4. 若離眼耳等,而有本住者
亦應離本住,而有眼耳等
5. 以法知有人,以人知有法
離法何有人,離人何有法
6. 一切眼等根,實無有本住
眼耳等諸根,異相而分別
7. 若眼等諸根,無有本住者
眼等一一根,云何能知塵
8. 見者即聞者,聞者即受者
如是等諸根,則應有本住
9. 若見聞各異,受者亦各異
見時亦應聞,如是則神多
10. 眼耳等諸根,苦樂等諸法
所從生諸大,彼大亦無神
11. 若眼耳等根,苦樂等諸法
無有本住者,眼等亦應無
12. 眼等無本住,今後亦復無
以三世無故,無有無分別

【觀燃可燃品第十】

1. 若燃是可燃,作作者則一
若燃異可燃,離可燃有燃
2. 如是常應燃,不因可燃生
則無燃火功,亦名無作火
3. 燃不待可燃,則不從緣生

火若常燃者, 人功則應空

4. 若汝謂燃時, 名為可燃者
爾時但有薪, 何物燃可燃
5. 若異則不至, 不至則不燒
不燒則不滅, 不滅則常住
6. 燃與可燃異, 而能至可燃
如此至彼人, 彼人至此人
7. 若謂燃可燃, 二俱相離者
如是燃則能, 至於彼可燃
8. 若因可燃燃, 因燃有可燃
先定有何法, 而有燃可燃
9. 若因可燃燃, 則燃成復成
是為可燃中, 則為無有燃
10. 若法因待成, 是法還成待
今則無因待, 亦無所成法
11. 若法有待成, 未成云何待
若成已有待, 成已何用待
12. 因可燃無燃, 不因亦無燃
因燃無可燃, 不因無可燃
13. 燃不餘處來, 燃處亦無燃
可燃亦如是, 餘如去來說
14. 可燃即非燃, 離可燃無燃
燃無有可燃, 燃中無可燃
可燃中無燃

15. 以燃可燃法,說受受者法
及以說瓶衣,一切等諸法
16. 若人說有我,諸法各異相
當知如是人,不得佛法味

【觀本際品第十一】

1. 大聖之所說,本際不可得
生死無有始,亦復無有終
2. 若無有始終,中當云何有
是故於此中,先後共亦無
3. 若使先有生,後有老死者
不老死有生,不生有老死
4. 若先有老死,而後有生者
是則為無因,不生有老死
5. 生及於老死,不得一時共
生時則有死,是二俱無因
6. 若使初後共,是皆不然者
何故而戲論,謂有生老死
7. 諸所有因果,相及可相法
受及受者等,所有一切法
8. 非但於生死,本際不可得
如是一切法,本際皆亦無

【觀苦品第十二】

1. 自作及他作,共作無因作
如是說諸苦,於果則不然

2. 苦若自作者, 則不從緣生
 因有此陰故, 而有彼陰生
3. 若謂此五陰, 異彼五陰者
 如是則應言, 從他而作苦
4. 若人自作苦, 離苦何有人
 而謂於彼人, 而能自作苦
5. 若苦他人作, 而與此人者
 若當離於苦, 何有此人受
6. 苦若彼人作, 持與此人者
 離苦何有人, 而能授於此
7. 自作若不成, 云何彼作苦
 若彼人作苦, 即亦名自作
8. 苦不名自作, 法不自作法
 彼無有自體, 何有彼作苦
9. 若此彼苦成, 應有共作苦
 此彼尚無作, 何況無因作
10. 非但說於苦, 四種義不成
 一切外萬物, 四義亦不成

【觀行品第十三】

1. 如佛經所說, 虛誑妄取相
 諸行妄取故, 是名為虛誑
2. 虛誑妄取者, 是中何所取
 佛說如是事, 欲以示空義
3. 諸法有異故, 知皆是無性

無性法亦無,一切法空故

4. 諸法若無性,云何說嬰兒
乃至於老年,而有種種異
5. 若諸法有性,云何而得異
若諸法無性,云何而有異
6. 是法則無異,異法亦無異
如壯不作老,老亦不作壯
7. 若是法即異,乳應即是酪
離乳有何法,而能作於酪
8. 若有不空法,則應有空法
實無不空法,何得有空法
9. 大聖說空法,為離諸見故
若復見有空,諸佛所不化

【觀合品第十四】

1. 見可見見者,是三各異方
如是三法異,終無有合時
2. 染與於可染,染者亦復然
餘入餘煩惱,皆亦復如是
3. 異法當有合,見等無有異
異相不成故,見等云何合
4. 非但見等法,異相不可得
所有一切法,皆亦無異相
5. 異因異有異 異離異無異
若法從因出,是法不異因

6. 若離從異異, 應餘異有異
離從異無異, 是故無有異
7. 異中無異相, 不異中亦無
無有異相故, 則無此彼異
8. 是法不自合, 異法亦不合
合者及合時, 合法亦皆無

【觀有無品第十五】

1. 眾緣中有性, 是事則不然
性從眾緣出, 即名為作法
2. 性若是作者, 云何有此義
性名為無作, 不待異法成
3. 法若無自性, 云何有他性
自性於他性, 亦名為他性
4. 離自性他性, 何得更有法
若有自他性, 諸法則得成
5. 有若不成者, 無云何可成
因有有法故, 有壞名為無
6. 若人見有無, 見自性他性
如是則不見, 佛法真實義
7. 佛能滅有無, 於化迦旃延
經中之所說, 離有亦離無
8. 若法實有性, 後則不應異
性若有異相, 是事終不然
9. 若法實有性, 云何而可異

若法實無性,云何而可異

10. 定有則著常,定無則著斷

是故有智者,不應著有無

11. 若法有定性,非無則是常

先有而今無,是則為斷滅

【觀縛解品第十六】

1. 諸行往來者,常不應往來

無常亦不應,眾生亦復然

2. 若眾生往來,陰界諸入中

五種求盡無,誰有往來者

3. 若從身至身,往來即無身

若其無有身,則無有往來

4. 諸行若滅者,是事終不然

眾生若滅者,是事亦不然

5. 諸行生滅相,不縛亦不解

眾生如先說,不縛亦不解

6. 若身名為縛,有身則不縛

無身亦不縛,於何而有縛

7. 若可縛先縛,則應縛可縛

而先實無縛,餘如去來答

8. 縛者無有解,無縛亦無解

縛時有解者,縛解則一時

9. 若不受諸法,我當得涅槃

若人如是者,還為受所縛

10. 不離於生死, 而別有涅槃
實相義如是, 云何有分別

【觀業品第十七】

1. 人能降伏心, 利益於眾生
是名為慈善, 二世果報種
2. 大聖說二業, 思與從思生
是業別相中, 種種分別說
3. 佛所說思者, 所謂意業是
所從思生者, 即是身口業
4. 身業及口業, 作與無作業
如是四事中, 亦善亦不善
5. 從用生福德, 罪生亦如是
及思為七法, 能了諸業相
6. 業住至受報, 是業即為常
若滅即無業, 云何生果報
7. 如芽等相續, 皆從種子生
從是而生果, 離種無相續
8. 從種有相續, 從相續有果
先種後有果, 不斷亦不常
9. 如是從初心, 心法相續生
從是而有果, 離心無相續
10. 從心有相續, 從相續有果
先業後有果, 不斷亦不常
11. 能成福德者, 是十白業道

二世五欲樂，即是白業報

12. 若如汝分別，其過則甚多
是故汝所說，於義則不然
13. 今當復更說，順業果報義
諸佛辟支佛，賢聖所稱歎
14. 不失法如券，業如負財物
此性則無記，分別有四種
15. 見諦所不斷，但思惟所斷
以是不失法，諸業有果報
16. 若見諦所斷，而業至相似
則得破業等，如是之過咎
17. 一切諸行業，相似不相似
一界初受身，爾時報獨生
18. 如是二種業，現世受果報
或言受報已，而業猶故在
19. 若度果已滅，若死已而滅
於是中分別，有漏及無漏
20. 雖空亦不斷，雖有亦不常
業果報不失，是名佛所說
21. 諸業本不生，以無定性故
諸業亦不滅，以其不生故
22. 若業有性者，是即名為常
不作亦名業，常則不可作
23. 若有不作業，不作而有罪

- 不斷於梵行, 而有不淨過
24. 是則破一切, 世間語言法
作罪與作福, 亦無有差別
 25. 若言業決定, 而自有性者
受於果報已, 而應更復受
 26. 若諸世間業, 從於煩惱生
是煩惱非實, 業當何有實
 27. 諸煩惱及業, 是說身因緣
煩惱諸業空, 何況於諸身
 28. 無明之所蔽, 愛結之所縛
而於本作者, 不即亦不異
 29. 業不從緣生, 不從非緣生
是故則無有, 能起於業者
 30. 無業無作者, 何有業生果
若其無有果, 何有受果者
 31. 如世尊神通, 所作變化人
如是變化人, 復變作化人
 32. 如初變化人, 是名為作者
變化人所作, 是則名為業
 33. 諸煩惱及業, 作者及果報
皆如幻與夢, 如炎亦如響

【觀法品第十八】

1. 若我是五陰 我即為生滅
若我異五陰 則非五陰相

2. 若無有我者 何得有我所
滅我我所故 名得無我智
3. 得無我智者 是則名實觀
得無我智者 是人為希有
4. 內外我我所 盡滅無有故
諸受即為滅 受滅則身滅
5. 業煩惱滅故 名之為解脫
業煩惱非實 入空戲論滅
6. 諸佛或說我 或說於無我
諸法實相中 無我無非我
7. 諸法實相者 心行言語斷
無生亦無滅 寂滅如涅槃
8. 一切實非實 亦實亦非實
非實非非實 是名諸佛法
9. 自知不隨他 寂滅無戲論
無異無分別 是則名實相
10. 若法從緣生 不即不異因
是故名實相 不斷亦不常
11. 不一亦不異 不常亦不斷
是名諸世尊 教化甘露味
12. 若佛不出世 佛法已滅盡
諸辟支佛智 從於遠離生

【觀時品第十九】

1. 若因過去時 有未來現在
未來及現在 應在過去時
2. 若過去時中 無未來現在
未來現在時 云何因過去
3. 不因過去時 則無未來時
亦無現在時 是故無二時
4. 以如是義故 則知餘二時
上中下一異 是等法皆無
5. 時住不可得 時去亦叵得
時若不可得 云何說時相
6. 因物故有時 離物何有時
物尚無所有 何況當有時

【觀因果品第二十】

1. 若眾緣和合 而有果生者
和合中已有 何須和合生
2. 若眾緣和合 是中無果者
云何從眾緣 和合而果生
3. 若眾緣和合 是有果者
和合中應有 而實不可得
4. 若眾緣和合 是中無果者
是則眾因緣 與非因緣同
5. 若因與果因 作因已而滅
是因有二體 一與一則滅

6. 若因不與果 作因已而滅
因滅而果生 是果則無因
7. 若眾緣合時 而有果生者
生者及可生 則為一時俱
8. 若先有果生 而後眾緣合
此即離因緣 名為無因果
9. 若因變為果 因即至於果
是則前生因 生已而復生
10. 云何因滅失 而能生於果
又若因在果 云何因生果
11. 若因遍有果 更生何等果
因見不見果 是二俱不生
12. 若言過去因 而於過去果
未來現在果 是則終不合
13. 若言未來因 而於未來果
現在過去果 是則終不合
14. 若言現在因 而於現在果
未來過去果 是則終不合
15. 若不和合者 因何能生果
若有和合者 因何能生果
16. 若因空無果 因何能生果
若因不空果 因何能生果
17. 果不空不生 果不空不滅
以果不空故 不生亦不滅

18. 果空故不生 果空故不滅
以果是空故 不生亦不滅
19. 因果是一者 是事終不然
因果若異者 是事亦不然
20. 若因果是一 生及所生一
若因果是異 因則同非因
21. 若果定有性 因為何所生
若果定無性 因為何所生
22. 因不生果者 則無有因相
若無有因相 誰能有是果
23. 若從眾因緣 而有和合生
和合自不生 云何能生果
24. 是故果不從 緣合不合生
若無有果者 何處有合法

【觀成壞品第二十一】

1. 離成及共成 是中無有壞
離壞及共壞 是中亦無成
2. 若離於成者 云何而有壞
如離生有死 是事則不然
3. 成壞共有者 云何有成壞
如世間生死 一時俱不然
4. 若離於壞者 云何當有成

- 無常未曾有 不在諸法時
5. 成壞共無成 離亦無有成
是二俱不可 云何當有成
6. 盡則無有成 不盡亦無成
盡則無有壞 不盡亦無壞
7. 若離於成壞 是亦無有法
若當離於法 亦無有成壞
8. 若法性空者 誰當有成壞
若性不空者 亦無有成壞
9. 成壞若一者 是事則不然
成壞若異者 是事亦不然
10. 若謂以眼見 而有生滅者
則為是痴妄 而見有生滅
11. 從法不生法 亦不生非法
從非法不生 法及於非法
12. 法不從自生 亦不從他生
不從自他生 云何而有生
13. 若有所受法 即墮於斷常
當知所受法 為常為無常
14. 所有受法者 不墮於斷常
因果相續故 不斷亦不常
15. 若因果生滅 相續而不斷
滅更不生故 因即為斷滅
16. 法住於自性 不應有有無

涅槃滅相續 則墮於斷滅

17. 若初有滅者 則無有後有
初有若不滅 亦無有後有
18. 若初有滅時 而後有生者
滅時是一有 生時是一有
19. 若言於生滅 而謂一時者
則於此陰死 即於此陰生
20. 三世中求有 相續不可得
若三世中無 何有有相續

【觀如來品第二十二】

1. 非陰不離陰 此彼不相在
如來不有陰 何處有如來
2. 陰合有如來 則無有自性
若無有自性 云何因他有
3. 法若因他生 是即為非我
若法非我者 云何是如來
4. 若無有自性 云何有他性
離自性他性 何名為如來
5. 若不因五陰 先有如來者
以今受陰故 則說為如來
6. 今實不受陰 更無如來法
若以不受無 今當云何受
7. 若其未有受 所受不名受

- 無有無受法 而名為如來
8. 若於一異中 如來不可得
五種求亦無 云何受中有
 9. 又所受五陰 不從自性有
若無自性者 云何有他性
 10. 以如是義故 受空受者空
云何當以空 而說空如來
 11. 空則不可說 非空不可說
共不共叵說 但以假名說
 12. 寂滅相中無 常無常等四
寂滅相中無 邊無邊等四
 13. 邪見深厚者 則說無如來
如來寂滅相 分別有亦非
 14. 如是性空中 思惟亦不可
如來滅度後 分別於有無
 15. 如來過戲論 而人生戲論
戲論破慧眼 是皆不見佛
 16. 如來所有性 即是世間性
如來無有性 世間亦無性

【觀顛倒品第二十三】

1. 從憶想分別 生於貪恚痴
淨不淨顛倒 皆從眾緣生
2. 若因淨不淨 顛倒生三毒

三毒即無性 故煩惱無實

3. 我法有以無 是事終不成
無我諸煩惱 有無亦不成
4. 誰有此煩惱 是即為不成
苦離是而有 煩惱則無屬
5. 如身見五種 求之不可得
煩惱於垢心 五求亦不得
6. 淨不淨顛倒 是則無自性
云何因此二 而生諸煩惱
7. 色聲香味觸 及法為六種
如是之六種 是三毒根本
8. 色聲香味觸 及法體六種
皆空如炎夢 如乾闥婆城
9. 如是六種中 何有淨不淨
猶如幻化人 亦如鏡中像
10. 不因於淨相 則無有不淨
因淨有不淨 是故無不淨
11. 不因於不淨 則亦無有淨
因不淨有淨 是故無有淨
12. 若無有淨者 何由而有貪
若無有不淨 何由而有恚
13. 於無常著常 是則名顛倒
空中無有常 何處有常倒
14. 若於無常中 著無常非倒

空中無無常 何有非顛倒

15. 可著著者著 及所用著法
是皆寂滅相 云何而有著
16. 若無有著法 言邪是顛倒
言正不顛倒 誰有如是事
17. 有倒不生倒 無倒不生倒
倒者不生倒 不倒亦不生
18. 若於顛倒時 亦不生顛倒
汝可自觀察 誰生於顛倒
19. 諸顛倒不生 云何有此義
無有顛倒故 何有顛倒者
20. 若常我樂淨 而是實有者
是常我樂淨 則非是顛倒
21. 若常我樂淨 而實無有者
無常苦不淨 是則亦應無
22. 如是顛倒滅 無明則亦滅
以無明滅故 諸行等亦滅
23. 若煩惱性實 而有所屬者
云何當可斷 誰能斷其性
24. 若煩惱虛妄 無性無屬者
云何當可斷 誰能斷無性

【觀四諦品第二十四】

1. 若一切皆空 無生亦無滅

- 如是則無有 四聖諦之法
2. 以無四諦故 見苦與斷集
證滅及修道 如是事皆無
 3. 以是事無故 則無四道果
無有四果故 得向者亦無
 4. 若無八賢聖 則無有僧寶
以無四諦故 亦無有法寶
 5. 以無法僧寶 亦無有佛寶
如是說空者 是則破三寶
 6. 空法壞因果 亦壞於罪福
亦復悉毀壞 一切世俗法
 7. 汝今實不能 知空空因緣
及知於空義 是故自生惱
 8. 諸佛依二諦 為眾生說法
一以世俗諦 二第一義諦
 9. 若人不能知 分別於二諦
則於深佛法 不知真實義
 10. 若不依俗諦 不得第一義
不得第一義 則不得涅槃
 11. 不能正觀空 鈍根則自害
如不善咒術 不善捉毒蛇
 12. 世尊知是法 甚深微妙相
非鈍根所及 是故不欲說
 13. 汝謂我著空 而為我生過

- 汝今所說過 於空則無有
14. 以有空義故 一切法得成
若無空義者 一切則不成
 15. 汝今自有過 而以回向我
如人乘馬者 自忘於所乘
 16. 若汝見諸法 決定有性者
即為見諸法 無因亦無緣
 17. 即為破因果 作作者作法
亦復壞一切 萬物之生滅
 18. 眾因緣生法 我說即是無
亦為是假名 亦是中道義
 19. 未曾有一法 不從因緣生
是故一切法 無不是空者
 20. 若一切不空 則無有生滅
如是則無有 四聖諦之法
 21. 若不從緣生 云何當有苦
無常是苦義 定性無無常
 22. 若苦有定性 何故從集生
是故無有集 以破空義故
 23. 苦若有定性 則不應有滅
汝著定性故 即破於滅諦
 24. 苦若有定性 則無有修道
若道可修習 即無有定性
 25. 若無有苦諦 及無集滅諦

- 所可滅苦道 竟為何所至
26. 若苦定有性 先來所不見
於今云何見 其性不異故
27. 如見苦不然 斷集及證滅
修道及四果 是亦皆不然
28. 是四道果性 先來不可得
諸法性若定 今云何可得
29. 若無有四果 則無得向者
以無八聖故 則無有僧寶
30. 無四聖諦故 亦無有法寶
無法寶僧寶 云何有佛寶
31. 汝說則不因 菩提而有佛
亦復不因佛 而有於菩提
32. 雖復勤精進 修行菩提道
若先非佛性 不應得成佛
33. 若諸法不空 無作罪福者
不空何所作 以其性定故
34. 汝於罪福中 不生果報者
是則離罪福 而有諸果報
35. 若謂從罪福 而生果報者
果從罪福生 云何言不空
36. 汝破一切法 諸因緣空義
則破於世俗 諸餘所有法
37. 若破於空義 即應無所作

- 無作而有作 不作名作者
38. 若有決定性 世間種種相
則不生不滅 常住而不壞
39. 若無有空者 未得不應得
亦無斷煩惱 亦無苦盡事
40. 是故經中說 若見因緣法
則為能見佛 見苦集滅道

【觀涅槃品第二十五】

1. 若一切法空 無生無滅者
何斷何所滅 而稱為涅槃
2. 若諸法不空 則無生無滅
何斷何所滅 而稱為涅槃
3. 無得亦無至 不斷亦不常
不生亦不滅 是說名涅槃
4. 涅槃不名有 有則老死相
終無有有法 離於老死相
5. 若涅槃是有 涅槃即有為
終無有一法 而是無為者
6. 若涅槃是有 云何名無受
無有不從受 而名為有法
7. 有尚非涅槃 何況於無耶
涅槃無有有 何處當有無
8. 若無是涅槃 云何名不受

未曾有不受 而名為無法

9. 受諸因緣故 輪轉生死中

不受諸因緣 是名為涅槃

10. 如佛經中說 斷有斷非有

是故知涅槃 非有亦非無

11. 若謂於有無 合為涅槃者

有無即解脫 是事則不然

12. 若謂於有無 合為涅槃者

涅槃非無受 是二從受生

13. 有無共合成 云何名涅槃

涅槃名無為 有無是有為

14. 有無二事共 云何是涅槃

是二不同處 如明暗不俱

15. 若非有非無 名之為涅槃

此非有非無 以何而分別

16. 分別非有無 如是名涅槃

若有無成者 非有非無成

17. 如來滅度後 不言有與無

亦不言有無 非有及非無

18. 如來現在時 不言有與無

亦不言有無 非有及非無

19. 涅槃與世間 無有少分別

世間與涅槃 亦無少分別

20. 涅槃之實際 及與世間際

如是二際者 無毫釐差別

21. 滅後有無等 有邊等常等
諸見依涅槃 未來過去世
22. 一切法空故 何有邊無邊
亦邊亦無邊 非有非無邊
23. 何者為一異 何有常無常
亦常亦無常 非常非無常
24. 諸法不可得 滅一切戲論
無人亦無處 佛亦無所說

【觀十二因緣品第二十六】

1. 眾生癡所覆 為後起三行
以起是行故 隨行墮六趣
2. 以諸行因緣 識受六道身
以有識著故 增長於名色
3. 名色增長故 因而生六入
情塵識和合 而生於六觸
4. 因於六觸故 即生於三受
以因三受故 而生於渴愛
5. 因愛有四取 因取故有有
若取者不取 則解脫無有
6. 從有而有生 從生有老死
從老死故有 憂悲諸苦惱
7. 如是等諸事 皆從生而有

- 但以是因緣 而集大苦陰
8. 是謂為生死 諸行之根本
無明者所造 智者所不為
 9. 以是事滅故 是事則不生
但是苦陰聚 如是而正滅

【觀邪見品第二十七】

1. 我於過去世 為有為是無
世間常等見 皆依過去世
2. 我於未來世 為作為不作
有邊等諸見 皆依未來世
3. 過去世有我 是事不可得
過去世中我 不作今世我
4. 若謂我即是 而身有異相
若當離於身 何處別有我
5. 離有無身我 是事為已成
若謂身即我 若都無有我
6. 但身不為我 身相生滅故
云何當以受 而作於受者
7. 若離身有我 是事則不然
無受而有我 而實不可得
8. 今我不離受 亦不即是受
非無受非無 此即決定義
9. 過去我不作 是事則不然

- 過去世中我 異今亦不然
10. 若謂有異者 離彼應有今
我住過去世 而今我自生
 11. 如是則斷滅 失於業果報
彼作而此受 有如是等過
 12. 先無而今有 此中亦有過
我則是作法 亦為是無因
 13. 如過去世中 有我無我見
若共若不共 是事皆不然
 14. 我於未來世 為作為不作
如是之見者 皆同過去世
 15. 若天即是人 則墮於常邊
天則為無生 常法不生故
 16. 若天異於人 是即為無常
若天異人者 是則無相續
 17. 若半天半人 則墮於二邊
常及於無常 是事則不然
 18. 若常及無常 是二俱成者
如是則應成 非常非無常
 19. 法若定有來 及定有去者
生死則無始 而實無此事
 20. 今若無有常 云何有無常
亦常亦無常 非常非無常
 21. 若世間有邊 云何有後世

- 若世間無邊 云何有後世
22. 五陰常相續 猶如燈火炎
以是故世間 不應邊無邊
23. 若先五陰壞 不因是五陰
更生後五陰 世間則有邊
24. 若先陰不壞 亦不因是陰
而生後五陰 世間則無邊
25. 真法及說者 聽者難得故
如是則生死 非有邊無邊
26. 若世半有邊 世間半無邊
是則亦有邊 亦無邊不然
27. 彼受五陰者 云何一分破
一分而不破 是事則不然
28. 受亦復如是 云何一分破
一分而不破 是事亦不然
29. 若亦有無邊 是二得成者
非有非無邊 是則亦應成
30. 一切法空故 世間常等見
何處於何時 誰起是諸見
31. 瞿曇大聖主 憐愍說是法

悉斷一切見 我今稽首禮

HÉT